

Hướng Dẫn Sử Dụng Xe FORD **RANGER**



Go Further

Thông tin trong sổ tay này là đúng tại thời điểm phát hành. Với mục đích phát triển liên tục, chúng tôi có quyền thay đổi thông số kỹ thuật, thiết kế hoặc thiết bị tại bất cứ thời điểm nào mà không thông báo trước. Không phần nào trong ấn phẩm này được sao chép, lan truyền, lưu ở hệ thống lưu trữ hoặc dịch sang bất cứ ngôn ngữ dưới bất cứ hình thức, phương tiện nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi. Các lỗi và sai sót được loại trừ.

© Ford Motor Company 2014

Tất cả các quyền được bảo hộ.

Mã số phụ tùng: 11/2013 20140630140936

Mục Lục

Giới thiệu

Giới thiệu về sổ tay này.....	7
Thuật ngữ các biểu tượng.....	7
Khuyến nghị về các bộ phận thay thế.....	8

Khởi động nhanh

Khởi động nhanh.....	9
----------------------	---

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Ghế an toàn dành cho trẻ em.....	16
Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em.....	17
Điểm neo ISOFIX.....	20
Đệm ghế trẻ em.....	21
Khóa cửa an toàn dành cho trẻ em.....	22

Bảo vệ hành khách

Nguyên lý hoạt động.....	23
Thắt dây đai an toàn.....	25
Điều chỉnh độ cao của dây đai.....	25
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn.....	25
Sử dụng dây đai an toàn trong khi mang thai.....	26
Vô hiệu hóa túi khí phía hành khách.....	26

Chìa khoá và điều khiển từ xa

Thông tin chung trên tần số radio.....	28
Lập trình điều khiển từ xa.....	28
Thay pin điều khiển từ xa.....	29

Khóa

Khóa và mở khóa.....	30
----------------------	----

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá

Nguyên lý hoạt động.....	33
Chìa khoá mã hoá.....	33
Cài đặt chế độ chống trộm bằng chìa mã hoá.....	33

Huỷ cài đặt chế độ chống trộm.....	33
------------------------------------	----

Báo trộm

Nguyên lý hoạt động.....	34
Kích hoạt báo trộm (còi).....	35
Huỷ kích hoạt báo trộm (còi).....	35

Tay lái

Điều chỉnh tay lái.....	36
Điều khiển âm thanh.....	36
Điều khiển bằng giọng nói.....	37

Gạt mưa & rửa kính

Gạt mưa kính.....	38
Gạt mưa tự động.....	38
Phun nước rửa kính trước.....	39
Kiểm tra cao su gạt mưa.....	39
Thay cao su gạt mưa.....	39

Chiều sáng

Điều khiển đèn.....	41
Đèn tự động.....	42
Đèn sương mù phía trước.....	42
Đèn sương mù phía sau.....	43
Điều chỉnh độ cao góc chiếu đèn đầu.....	44
Đèn báo nguy hiểm.....	44
Đèn báo rẽ.....	45
Đèn bên trong xe.....	45
Thay đổi bóng đèn.....	45
Bảng thông số bóng đèn.....	52

Cửa sổ và gương chiếu hậu

Cửa sổ điều khiển bằng điện.....	53
Gương chiếu hậu bên ngoài.....	55
Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển điện.....	55
Cửa sổ trượt.....	56

Mục Lục

Cụm đồng hồ

Các đồng hồ đo.....	57
Đèn cảnh báo và chỉ báo.....	57
Cảnh báo bằng tín hiệu âm thanh và các chỉ báo.....	60

Hiện thị thông tin

Thông tin chung.....	62
Máy tính hành trình.....	62
Cài đặt cá nhân.....	65

Điều khiển điều hòa

Nguyên lý hoạt động.....	66
Cửa gió điều hoà.....	66
Điều hoà không khí điều khiển bằng tay.....	67
Điều hoà không khí tự động.....	69
Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu.....	71

Ghê

Ngồi đúng vị trí.....	73
Ghê trước.....	73
Tựa đầu.....	77
Ghê sau.....	78
Sưởi ghế.....	79

Các tính năng tiện nghi

Đồng hồ.....	80
Bộ điều chỉnh cường độ sáng bằng điều khiển tap-lò.....	80
Môi thuốc lá.....	80
Gạt tàn thuốc.....	80
Điểm cấp điện phụ.....	81
Giá để ly.....	81
Hộp để kính đeo mắt.....	82
Khoang chứa hàng.....	82
Giắc cắm ngõ vào âm thanh.....	83
Cổng USB.....	83
Hộp làm lạnh.....	84
Thảm lót sàn.....	84

Khởi động và tắt động cơ

Thông tin chung.....	85
Công tắc máy.....	85
Khóa tay lái.....	85
Khởi động động cơ xăng.....	85
Khởi động động cơ dầu.....	86
Lọc khí xả động cơ dầu.....	86
Tắt động cơ.....	87

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Các biện pháp an toàn.....	88
Chất lượng nhiên liệu - Xăng.....	88
Chất lượng nhiên liệu - Dầu.....	88
Bầu lọc khí xả.....	88
Nắp đầy chỗ châm nhiên liệu.....	89
Nạp nhiên liệu.....	91
Mức tiêu hao nhiên liệu.....	91
Thông số kỹ thuật.....	91

Hộp số

Hộp số thường.....	93
Hộp số tự động.....	93
Dẫn động bốn bánh.....	96
Khóa vi sai bằng điện.....	97

Phanh

Nguyên lý hoạt động.....	98
Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	98
Phanh tay.....	98

Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC)

Nguyên lý hoạt động.....	99
Sử dụng HDC.....	99

Điều khiển ổn định xe

Nguyên lý hoạt động.....	101
--------------------------	-----

Mục Lục

Sử dụng điều khiển ổn định.....	102
---------------------------------	-----

Hỗ trợ khởi hành khi lên dốc

Nguyên lý hoạt động.....	103
Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	103

Trợ giúp đỗ xe

Nguyên lý hoạt động.....	105
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe.....	105

Camera quan sát phía sau

Nguyên lý hoạt động.....	108
Camera phía sau.....	108

Điều khiển ga tự động

Nguyên lý hoạt động.....	110
Sử dụng điều khiển ga tự động.....	110

Trọng tải

Thông tin chung.....	113
Nắp khoang hành lý.....	113
Khung chắt hàng trên mũi.....	115
Móc cột hàng.....	116
Cửa Hậu.....	119

Kéo xe

Kéo rờ-móc.....	120
Đầu khớp nối móc kéo rờ-móc có thể tháo rời.....	123

Những gợi ý lái xe

Chạy rà.....	125
Các điểm vận hành chung.....	125
Các biện pháp phòng ngừa khi thời tiết lạnh.....	125
Hiệu suất động cơ bị giảm.....	125
Lái xe qua khu vực ngập nước.....	125

Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp

Bộ dụng cụ cấp cứu.....	127
Tam giác phản quang cảnh báo nguy hiểm.....	127

Cầu chì

Vị trí hộp cầu chì.....	129
Bảng thông số của cầu chì.....	131
Thay cầu chì.....	138

Cứu hộ xe trên đường

Điểm kéo xe.....	139
Kéo xe với 4 bánh lăn trên đường.....	139

Bảo dưỡng

Thông tin chung.....	140
Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	140
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.5L Duratec-HE (122kW/165PS) - M14.....	142
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	144
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 3.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	146
Que thăm dầu động cơ - 2.5L Duratec-HE (122kW/165PS) - M14.....	148
Que thăm dầu động cơ - 2.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu/3.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	148
Kiểm tra dầu động cơ.....	148
Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	149
Kiểm tra dầu trợ lực lái.....	150
Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh.....	150
Xả nước trong lọc nhiên liệu.....	150
Kiểm tra mức nước rửa kính.....	151
Thông số kỹ thuật.....	151

Chăm sóc xe

Vệ sinh bên ngoài.....	155
------------------------	-----

Mục Lục

Vệ sinh bên trong.....	156
Sửa chữa lỗi sơn nhỏ.....	156

Ắc quy xe

Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe.....	157
Điểm nối ắc quy.....	158
Ký hiệu chú ý ắc quy.....	158

Bánh xe và lốp xe

Thông tin chung.....	159
Chăm sóc lốp xe.....	159
Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Sử dụng xích bọc lốp.....	159
Thay bánh xe.....	160
Thông số kỹ thuật.....	166

Nhận dạng xe

Tầm ghi thông tin xe.....	167
Số khung.....	167

Các thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật.....	168
------------------------	-----

Giới thiệu hệ thống dẫn đường

Thông tin chung.....	176
An toàn trên đường.....	176

Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường

Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường.....	178
---	-----

Tổng quan về bộ dẫn đường

Tổng quan về bộ dẫn đường.....	179
Nạp dữ liệu của hệ thống dẫn đường.....	181

Cài đặt hệ thống

Cài đặt hệ thống.....	182
-----------------------	-----

Hệ thống dẫn đường

Menu lựa chọn đường đi	185
Hiển thị đường đi.....	186

Kênh thông báo tình trạng giao thông

Nguyên lý hoạt động.....	187
Sử dụng kênh thông báo tình trạng giao thông (TMC).....	187

Cập nhật bản đồ

Cập nhật bản đồ.....	188
----------------------	-----

Giới thiệu hệ thống âm thanh

Thông tin hệ thống âm thanh quan trọng.....	189
---	-----

Tổng quan về dàn âm thanh

Tổng quan về dàn âm thanh.....	190
--------------------------------	-----

Bảo mật hệ thống âm thanh

Mã bảo mật.....	198
-----------------	-----

Hiển thị ngày và đồng hồ trên dàn âm thanh

Cài đặt giờ ở dàn âm thanh.....	199
---------------------------------	-----

Hoạt động của dàn âm thanh

Điều khiển tắt/mở.....	201
Nút điều chỉnh âm thanh.....	201
Nút bấm tần.....	201
Điều khiển rà đài.....	201
Nút nhớ bấm tần đã chọn.....	202
Điều khiển lưu tự động.....	202
Điều khiển thông tin về giao thông.....	202

Menu của dàn âm thanh

Điều khiển âm lượng tự động.....	204
Xử lý tín hiệu số (DSP).....	204

Mục Lục

Tin tức phát thanh.....	204	Các lệnh của điện thoại.....	227
Các tần số lựa chọn khác.....	204	Lệnh điều khiển điều hòa.....	232
Chế độ khu vực (REG).....	205		
Đầu đĩa CD		Kết nối	
Phát lại đĩa CD.....	206	Thông tin chung.....	235
Chọn bài hát.....	206	Nội thiết bị ngoại vi.....	236
Chạy (tua) nhanh về phía trước/phía sau.....	206	Nội thiết bị ngoại vi.....	236
Chức năng chọn bài hát ngẫu nhiên.....	206	Sử dụng thiết bị USB.....	237
Phát lại bài vừa nghe.....	206	Sử dụng iPod.....	239
Quét bài đĩa CD.....	207		
Phát lại định dạng MP3.....	207	Phụ lục	
Tùy chọn hiển thị MP3.....	209	Kiểu phê duyệt	242
Kết thúc phát lại.....	209	Kiểu phê duyệt	242
		Kiểu phê duyệt	242
		Tính tương thích điện tử.....	242
Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)			
Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN).....	210		
Chăm sóc hệ thống âm thanh			
Ăng ten.....	211		
Sửa chữa hệ thống âm thanh			
Sửa chữa hệ thống âm thanh.....	212		
Điện thoại			
Thông tin chung.....	213		
Cài đặt điện thoại.....	213		
Cài đặt Bluetooth.....	214		
Điều khiển điện thoại.....	215		
Sử dụng điện thoại.....	215		
Điều khiển bằng giọng nói			
Nguyên lý hoạt động.....	218		
Sử dụng chức năng điều khiển bằng giọng nói.....	218		
Các lệnh điều khiển dàn âm thanh.....	219		

Giới thiệu

GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY NÀY

Cảm ơn quý khách hàng đã chọn mua sản phẩm Ford. Chúng tôi khuyến nghị khách hàng tìm hiểu về chiếc xe thông qua việc tham khảo sổ tay này. Càng hiểu hơn về chiếc xe, bạn sẽ càng lái xe an toàn và có nhiều niềm vui.

CẢNH BÁO



Luôn lái xe với sự chú ý và cẩn thận cao khi sử dụng và thao tác các bộ phận điều khiển và các tính năng trên xe.

Ghi Chú: Sổ tay này miêu tả các tính năng và tùy chọn của sản phẩm một cách rộng nhất, trong một số trường hợp, một số tùy chọn chưa tồn tại. Sổ tay có thể miêu tả một số tùy chọn không được lắp trên xe bạn.

Ghi Chú: Một số hình minh họa trong tài liệu này có thể được sử dụng cho các phiên bản khác, và do đó trông khác với chi tiết trên xe bạn. Tuy nhiên thông tin thiết yếu của các minh họa là luôn đúng.

Ghi Chú: Luôn sử dụng và vận hành chiếc xe phù hợp với luật pháp và quy định nơi sở tại.

Ghi Chú: Nếu bán lại chiếc xe này, hãy giao sổ tay này cho người mua. Sổ tay này là một phần của chiếc xe.

Chiếc xe này đã nhận được xác nhận của TÜV, một tổ chức kiểm nghiệm quốc tế có uy tín, là có các đặc tính chống dị ứng cho người dùng.

Tất cả vật liệu sử dụng để sản xuất nội thất xe đáp ứng yêu cầu khắt khe của Danh mục tiêu chí TÜV TOXPROOF dùng cho nội thất xe của các tổ chức TÜV Produkt và Umwelt GmbH và được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ các phản ứng dị ứng.

Ngoài ra lọc bằng vật liệu phân hóa sẽ bảo vệ hành khách khỏi các vật chất gây dị ứng từ không khí bên ngoài.

Liên lạc với TÜV thông qua trang web www.tuv.com để biết thêm chi tiết.

THUẬT NGỮ CÁC BIỂU TƯỢNG

Các biểu tượng trong sổ tay này

CẢNH BÁO



Nếu không thực hiện theo các hướng dẫn được nêu bật bởi biểu tượng cảnh báo, có nguy cơ dẫn đến tai nạn chết người hay chấn thương nghiêm trọng cho bạn và cho những người khác.

CHÚ Ý



Nếu không thực hiện theo các hướng dẫn được nêu bật bởi biểu tượng chú ý, có thể dẫn đến nguy cơ làm hỏng chiếc xe.

Các biểu tượng trên xe



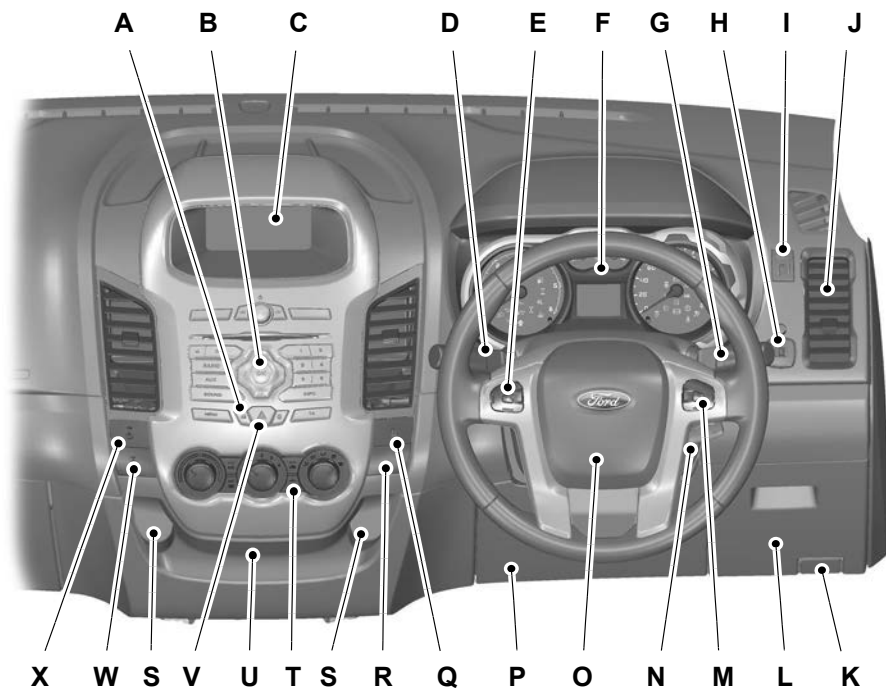
Khi thấy các biểu tượng này, cần tham khảo và thực hiện theo các hướng dẫn phù hợp trong sổ tay này trước khi chạm vào hay điều chỉnh bất kỳ chi tiết nào.

KHUYẾN NGHỊ VỀ CÁC BỘ PHẬN THAY THẾ

Phụ tùng và phụ kiện chính hiệu Ford được thiết kế riêng biệt cho xe của bạn. Trừ khi chúng tôi công bố cụ thể, chúng tôi không kiểm nghiệm phụ tùng và phụ kiện không phải của Ford và, do đó, chúng tôi sẽ không đảm bảo rằng chúng phù hợp với xe của bạn. Chúng tôi khuyến bạn nên tham khảo các đại lý Ford về phụ tùng và phụ kiện phù hợp với xe của bạn.

Khởi động nhanh

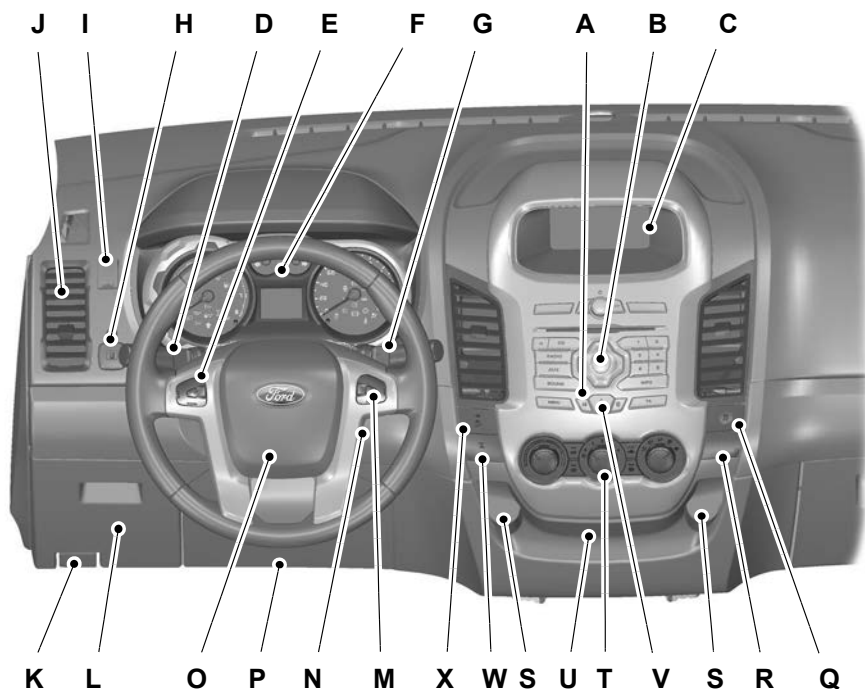
Tổng quan về bảng táp lô - Xe tay lái nghịch



E131276

Khởi động nhanh

Tổng quan về bảng táp lô - Xe tay lái thuận



E131277

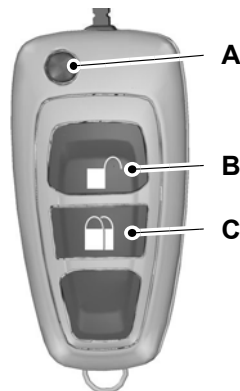
- A Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khoá** (trang 30).
- B Bộ đài. Tham khảo **Tổng quan về dàn âm thanh** (trang 190).
- C Màn hình đa chức năng.
- D Cần gạt đa chức năng: Đèn báo rẽ. Tham khảo **Đèn báo rẽ** (trang 45). Cần gạt gạt cột. Tham khảo **Điều khiển đèn** (trang 41). hoặc Cần gạt mưa. Tham khảo **Gạt mưa & rửa kính** (trang 38).
- E Điều khiển âm thanh. Tham khảo **Điều khiển âm thanh** (trang 36).

Khởi động nhanh

- F** Đồng hồ táp lô. Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 57). Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).
- G** Cần gạt đa chức năng: Đèn báo rẽ. Tham khảo **Đèn báo rẽ** (trang 45). Cần gạt pha cốt. Tham khảo **Điều khiển đèn** (trang 41). hoặc Cần gạt mưa. Tham khảo **Gạt mưa & rửa kính** (trang 38).
- H** Điều khiển gương bên trong. Tham khảo **Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển điện** (trang 55).
- I** Công tắc chỉnh đèn pha. Tham khảo **Điều chỉnh độ cao góc chiếu đèn đầu** (trang 44).
- J** Các cửa gió. Tham khảo **Cửa gió điều hoà** (trang 66).
- K** Cần mở nắp cốp. Tham khảo **Mở và đóng nắp khoang động cơ** (trang 140).
- L** Ngăn chứa đồ bên lái. Tham khảo **Khoang chứa hàng** (trang 82).
- M** Điều khiển ga tay. Tham khảo **Điều khiển ga tự động** (trang 110).
- N** Ổ khóa điện. Tham khảo **Công tắc máy** (trang 85).
- O** Còi.
- P** Túi khí đầu gối cho người lái. Tham khảo **Nguyên lý hoạt động** (trang 23).
- Q** Công tắc cân bằng điện tử (ESP). Tham khảo **Sử dụng điều khiển ổn định** (trang 102).
- R** Đèn cảnh báo hủy kích hoạt túi khí hành khách. Tham khảo **Vô hiệu hóa túi khí phía hành khách** (trang 26).
- S** Các ổ cắm điện phụ. Tham khảo **Điểm cắm điện phụ** (trang 81).
- T** Bảng điều khiển điều hoà. Tham khảo **Điều hoà không khí điều khiển bằng tay** (trang 67).
- U** Ổ cắm tín hiệu vào và USB. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Cổng USB** (trang 83).
- V** Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 44).
- W** Nút khóa vi sai bằng điện tử (ELD). Tham khảo **Dẫn động bốn bánh** (trang 96).
- X** Điều khiển xuống dốc. Tham khảo **Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC)** (trang 99).

Khóa và mở khóa

Mở khóa xe



E131278

- A** Nút gập/duỗi chìa khóa
- B** Mở khóa
- C** Khóa

Khởi động nhanh

Nhấn nút mở khóa một lần để mở khóa xe.

Nhấn nút khóa một lần để kích hoạt khóa trung tâm.

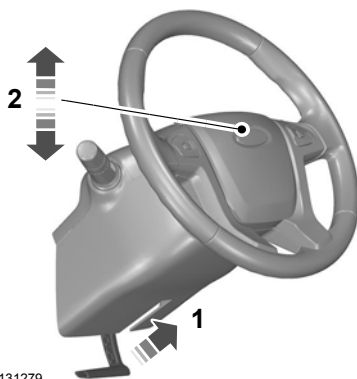
Nhấn nút khóa hai lần trong vòng ba giây để khóa kép các cửa.

Điều chỉnh vô lăng

CẢNH BÁO



Không điều chỉnh vô lăng khi xe đang chạy.



E131279

CẢNH BÁO



Chắc chắn bạn đã cài cần khóa vô lăng hoàn toàn bằng cách đưa nó về vị trí ban đầu.

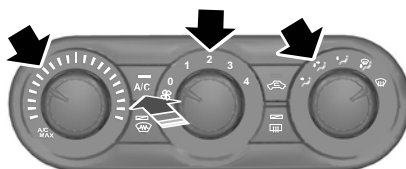


E131280

Tham khảo **Điều chỉnh tay lái** (trang 36).

Điều khiển điều hòa bằng tay

Gợi ý chế độ làm mát



E131281

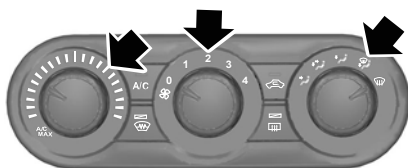
Chọn chế độ gió ngoài.

Mở cửa gió giữa và cửa gió bên.

Chỉnh hướng cửa gió giữa thổi lên trên và cửa gió bên thổi sang kính cửa.

Khởi động nhanh

Gợi ý điều chỉnh chế độ sưởi



E131282

Chọn chế độ gió ngoài.

Đóng cửa gió giữa và mở các cửa gió bên.

Chỉnh hướng cửa gió bên về phía kính cửa.

Tham khảo **Điều hoà không khí điều khiển bằng tay** (trang 67).

Điều khiển điều hoà tự động

Gợi ý điều chỉnh làm mát



E131283

Chọn chế độ gió ngoài.

Đặt nhiệt độ ở 22°C.

Mở cửa gió giữa và hai bên.

Chỉnh hướng cửa gió giữa thổi lên trên và cửa gió bên thổi sang kính cửa.

Gợi ý điều chỉnh chế độ sưởi



E131284

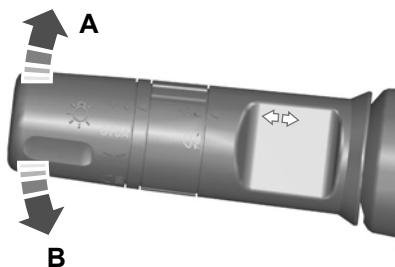
Chọn chế độ gió ngoài.

Đặt nhiệt độ ở 22°C.

Mở cửa gió giữa và các cửa gió bên.

Chỉnh hướng cửa gió giữa thổi lên trên và cửa gió bên thổi sang kính cửa.

Đèn báo rẽ



E131285

Nếu cần điều khiển được gạt lên hoặc xuống, đèn báo rẽ sẽ nhấp ba lần.

Tham khảo **Đèn báo rẽ** (trang 45).

Khởi động nhanh

Túi khí



E131289

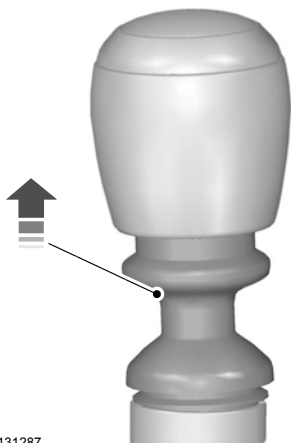
CẢNH BÁO

Để tránh nguy cơ tử vong hay chấn thương nghiêm trọng, không lắp ghế trẻ em quay mặt ra sau trên hàng ghế trước, trừ khi túi khí ở ghế đó được TẮT.

Tham khảo **Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em** (trang 17).

Hộp số sàn

Chọn số lùi - xe 6 số tiền



E131287

Phải nâng ống trượt trên tay nắm cần số khi cài số lùi ở những xe 6 số tiền.

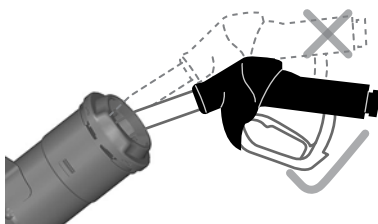
Tham khảo **Hộp số thường** (trang 93).

Đổ nhiên liệu

CẢNH BÁO



Cẩn thận khi đổ nhiên liệu để tránh làm tràn nhiên liệu ra từ đầu vòi bơm.



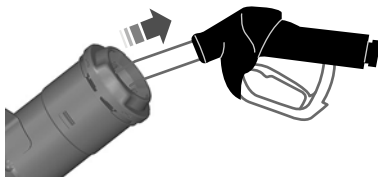
E135239

Đưa đầu vòi bơm vào hết rãnh thứ nhất và giữ ở vị trí đó trong cửa đổ nhiên liệu.

CẢNH BÁO



Chúng tôi khuyến nghị bạn chờ ít nhất 10 giây trước khi rút đầu bơm nhiên liệu ra để nhiên liệu còn dư chảy hết vào bình nhiên liệu.



E135240

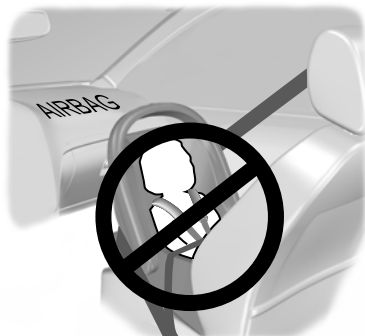
Khởi động nhanh

Nâng nhẹ vòi bơm nhiên liệu để nhắc ra.

Tham khảo **Nắp đậy chỗ châm nhiên liệu**
(trang 89).



E133140



E68916

! Giữ trẻ em có chiều cao dưới 150 cm (59 inch) trên ghế trẻ em phù hợp, được phê duyệt lắp trên hàng ghế sau.

sau.

! Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!

! Tham khảo và thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp ghế trẻ em.

! Không sửa đổi ghế trẻ em trong bất kỳ trường hợp nào.

! Không giữ trẻ em trong lòng khi xe đang chạy.

! Không để trẻ em chơi một mình trong xe.



Ghế trẻ em cần được kiểm tra lại bởi kỹ thuật viên được đào tạo sau khi xe gặp phải tai nạn.

Ghi Chú: Yêu cầu sử dụng ghế trẻ em tùy thuộc vào quy định của mỗi nước.

Chỉ sử dụng ghế trẻ em phù hợp với tiêu chuẩn ECE-R44.03 (hoặc cao hơn) đã được thử nghiệm và phê duyệt sử dụng trên xe của bạn. Có thể lựa chọn mua ghế trẻ em ở đại lý.

Sử dụng đúng loại ghế trẻ em như sau:



E68918

Giữ trẻ em có trọng lượng dưới 13 kg (29 pound) trên ghế an toàn trẻ em (Nhóm 0+) quay mặt ra phía sau được lắp trên ghế sau.

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Ghế an toàn cho trẻ em



E68920

Giữ trẻ em có trọng lượng từ 13 đến 18 kg trên ghế trẻ em (Nhóm 1) lắp trên ghế sau.

ĐIỀU CHỈNH GHẾ AN TOÀN CHO TRẺ EM

CÁC CẢNH BÁO



Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.

CÁC CẢNH BÁO



Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!



Khi sử dụng ghế trẻ em có chân đỡ, chân đỡ phải được đặt chắc chắn lên sàn xe.



Khi sử dụng ghế trẻ em cùng với đai an toàn, chắc chắn đai an toàn không bị chùng hoặc xoắn.

CHÚ Ý



Ghế trẻ em phải nằm chắc chắn trên ghế của xe. Trong một số trường hợp có thể nâng hoặc tháo tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 77).

Ghi Chú: Khi sử dụng ghế trẻ em ở ghế trước, luôn luôn điều chỉnh ghế phụ lái tới vị trí ngã ra sau hoàn toàn. Nếu đai an toàn khó cài phần bụng, điều chỉnh tựa lưng ghế lên vị trí thẳng đứng và nâng cao cửa ghế lên. Tham khảo **Ghế** (trang 73).

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Vị trí ngồi	Phân nhóm theo trọng lượng				
	0	0+	1	2	3
	Đền 10kg	Đền 13kg	9 - 18 kg	15 - 25 kg	22 - 36 kg
Ghế hành khách trước với túi khí bật	X	X	UF ¹	UF ¹	UF ¹
Ghế hành khách trước với túi khí tắt	U ¹	U ¹	U ¹	U ¹	U ¹
Ghế sau	U	U	U	U	U
Ghế đơn ở giữa buồng lái	X	X	X	X	X

X Không phù hợp với nhóm cân nặng này.

U Phù hợp với ghế trẻ em phổ thông được cho phép sử dụng cho nhóm cân nặng này.

U¹ Phù hợp với ghế trẻ em phổ thông được cho phép sử dụng cho nhóm cân nặng này. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị bạn có thể sử dụng ghế trẻ em loại đã được chính phủ phê duyệt lắp trên hàng ghế sau.

UF¹ Phù hợp cho ghế trẻ em phổ thông quay mặt về phía trước được phê duyệt sử dụng cho nhóm cân nặng này. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị bạn có thể sử dụng ghế trẻ em loại đã được chính phủ phê duyệt lắp trên hàng ghế sau.

Ghế trẻ em ISOFIX- hai buồng

Vị trí ngồi		Phân nhóm theo trọng lượng	
		0+	1
		Quay mặt ra sau	Quay mặt ra phía trước
		Đền 13kg	9 - 18 kg
Ghế trước	Phân nhóm kích cỡ	Không trang bị ISOFIX	
	Loại ghế		
Ghế sau ISOFIX	Phân nhóm kích cỡ	E, D, C*	A, B, B1, C, D*
	Loại ghế	IL**	IL, IUF***

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Vị trí ngồi		Phân nhóm theo trọng lượng	
		O+	1
		Quay mặt ra sau	Quay mặt ra phía trước
		Đến 13kg	9 - 18 kg
Ghế giữa hàng sau	Phân nhóm kích cỡ	Không trang bị ISOFIX	
	Loại ghế		

IL Phù hợp với hệ thống ghế trẻ em ISOFIX đặc biệt của **nhóm phổ thông**. Hãy tham khảo danh sách xe khuyến nghị dùng của nhà sản xuất ghế trẻ em.

IUF Phù hợp cho hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra trước ISOFIX thuộc **nhóm phổ thông** đã được phê duyệt sử dụng cho nhóm cân nặng và nhóm kích cỡ ISOFIX.

*Phân nhóm kích cỡ ISOFIX cho cả nhóm hệ thống ghế trẻ em **phổ thông** và **gần như phổ thông** được định nghĩa bởi các chữ viết hoa **A** đến **G**. Các chữ nhận dạng này được thể hiện trên ghế trẻ em ISOFIX.

**Tại thời điểm phát hành ghế an toàn trẻ em ISOFIX nhóm O+ khuyến nghị loại ghế Britax Roemer Baby Safe. Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.

***Tại thời điểm phát hành ghế trẻ em ISOFIX nhóm 1 khuyến nghị loại ghế Britax Roemer Baby Safefix PLUS. Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.



Sử dụng thiết bị chống xoay khi lắp hệ thống ISOFIX. Chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng dây buộc từ phía trên hay chân đỡ.

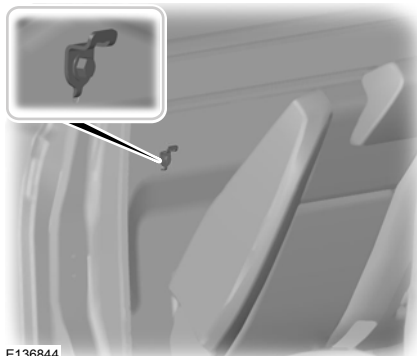
Ghi Chú: Khi bạn mua ngàm bắt ghế trẻ em ISOFIX, chắc chắn bạn phải biết được nhóm khối lượng và kích thước chính xác của ghế trẻ em ISOFIX để lắp vào vị trí ngồi dự kiến. Tham khảo **Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em** (trang 17).

Xe của bạn có các điểm bắt ISOFIX phù hợp để lắp ghế trẻ em ISOFIX tiêu chuẩn.

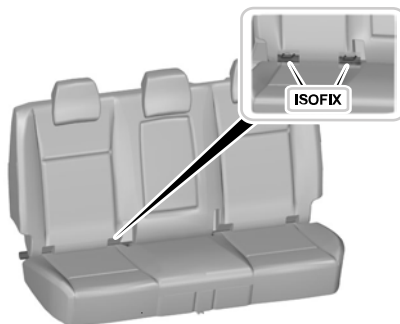
Hệ thống ISOFIX bao gồm hai đòn lắp cứng trên ghế trẻ em được lắp vào các điểm buộc trên hàng ghế 2, nơi giao nhau của đệm ghế và tựa lưng ghế. Điểm buộc dây được gắn lên tâm ôp phía sau để buộc ghế trẻ em bằng dây buộc từ phía trên



Không buộc dây buộc lên vị trí khác ngoài điểm buộc đúng



E136844



E132631

1. Tháo tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 77).
2. Đặt ghế trẻ em lên đệm ghế sau và gấp tựa lưng về phía trước. Tham khảo **Ghế sau** (trang 78).
3. Luồn dây buộc qua điểm buộc.



Đảm bảo dây buộc từ phía trên không bị chùng hay xoắn và được đặt đúng lên điểm buộc.

4. Đẩy tựa lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

CÁC CẢNH BÁO



Cần đảm bảo tựa lưng ghế chắc chắn và vào khớp hoàn toàn.



Chắc chắn rằng ghế an toàn được lắp chính xác. Có nguy cơ chân thương.

5. Đẩy ghế trẻ em ra phía sau một cách chắc chắn để khớp vào các điểm bắt ISOFIX phía dưới.
6. Thắt chặt dây buộc phù hợp với ghế trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng dây buộc đã được lắp.

CÁC CẢNH BÁO



Không bắt ghế phụ hoặc đệm ghế chỉ bằng dây đai ngang của đai an toàn.



Không bắt ghế phụ hoặc đệm ghế bằng đai an toàn chùng hoặc bị xoắn.



Không để đai an toàn dưới cánh tay hoặc phía sau lưng của trẻ.



Không dùng gối, sách hoặc khăn để kê cao cho trẻ.



Luôn cho trẻ ngồi với tư thế thẳng đứng.



Giữ chặt trẻ có trọng lượng lớn hơn 15kg nhưng có chiều cao thấp hơn 150cm trên ghế phụ hoặc đệm ghế phụ.

CHÚ Ý



Khi sử dụng ghế trẻ em ở hàng ghế sau, cần bảo đảm ghế trẻ em được đặt chắc chắn. Trong một số trường hợp có thể nâng hoặc tháo tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 77).



E70710

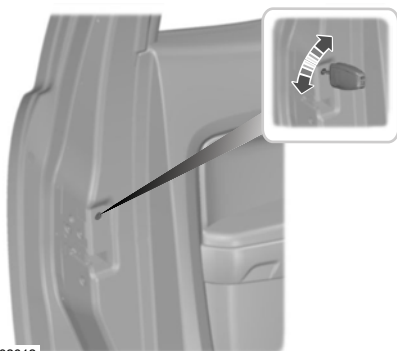
Chúng tôi khuyên nghị sử dụng ghế phụ có đệm ghế và tựa lưng. Việc nâng vị trí ngồi sẽ cho phép bạn quàng đai an toàn vào giữa vai của trẻ và quàng khít phần bụng.



E68924

Ghế an toàn dành cho trẻ em

KHÓA CỬA AN TOÀN DÀNH CHO TRẺ EM



E132612

CẢNH BÁO



Bạn không thể mở cửa từ phía trong nếu bạn đã cài khóa trẻ em.

Cửa bên trái

Vặn ngược chiều kim đồng hồ để khóa và cùng chiều kim đồng hồ để mở khóa.

Cửa bên phải

Vặn cùng chiều kim đồng hồ để khóa và ngược chiều kim đồng hồ để mở khóa.

Bảo vệ hành khách

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Túi khí

CÁC CẢNH BÁO



Không được cải biến phía trước xe theo bất kỳ cách nào. Vì điều này có thể ảnh hưởng đến việc kích hoạt túi khí.



Cảnh báo nguyên bản theo tài liệu ECE R94.01: Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!



Cài đai an toàn và giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chỉ khi bạn thắt đai an toàn đúng, thì chúng mới giữ bạn ở vị trí cho phép túi khí có tác dụng tối đa. Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 73).



Vô lăng, trụ lái, ghế, túi khí, đai an toàn cần được sửa chữa bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



Tránh để các vật cản trước túi khí. Không dùng đồ vật đặt lên hoặc phủ lên vỏ túi khí.



Không chọc vật nhọn vào khu vực lắp túi khí. Vì có thể làm hỏng hay kích hoạt túi khí một cách không mong muốn.

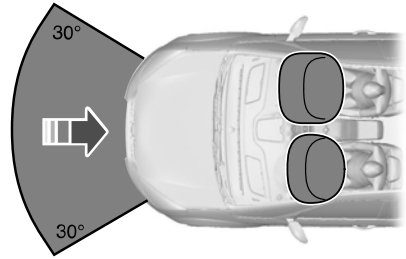


Với ghế có trang bị túi khí bên, cần sử dụng bọc ghế đúng thiết kế. Và cần được lắp bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Ghi Chú: Bạn sẽ nghe thấy tiếng nổ và nhìn thấy đám bột màu trắng vô hại bay lên. Đây là điều bình thường.

Ghi Chú: Chỉ lau vỏ túi khí bằng giẻ ướt.

Túi khí bên lái và bên phụ



E74302

Túi khí bên lái và bên phụ sẽ nổ khi có các va chạm mạnh từ phía trước hoặc trong vùng 30 độ từ hai bên. Túi khí sẽ phồng ra trong vòng vài phần nghìn giây và xẹp xuống khi tiếp xúc với con người, do đó sẽ ngăn chuyển động về phía trước của cơ thể. Khi có va chạm nhỏ từ phía trước, lật xe, va chạm từ phía sau hay bên cạnh, túi khí bên lái và bên phụ sẽ không hoạt động.

Túi khí đầu gối bên lái

CHÚ Ý



Không được tháo vỏ túi khí đầu gối bên lái.

Túi khí đầu gối bên lái sẽ nổ khi có các va chạm từ phía trước hoặc trong vùng 30 độ từ hai bên. Túi khí sẽ phồng ra trong vòng vài phần nghìn giây và xẹp xuống khi tiếp xúc với con người, do đó sẽ đệm giữa đầu gối người lái và trụ lái. Khi xe bị lật, va chạm từ phía sau hoặc từ hai bên, túi khí đầu gối sẽ không nổ.

Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Ghi Chú: Ngưỡng hoạt động của túi khí đầu gối thấp hơn so với túi khí phía trước. Khi có va chạm nhỏ, có thể chỉ có túi khí đầu gối nổ.

Bảo vệ hành khách

Túi khí bên

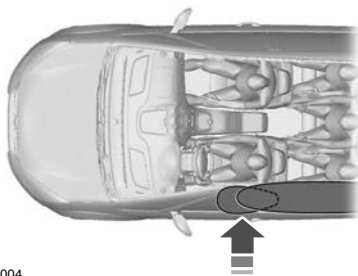


E72658

Túi khí bên được lắp bên trong tựa lưng ghế của hàng ghế trước. Một nhãn sẽ thể hiện là túi khí bên được lắp trên xe của bạn.

Túi khí bên sẽ nổ khi có va chạm mạnh từ bên cạnh. Túi khí sẽ phồng lên trong vòng vài phần nghìn giây và xếp xuống khi tiếp xúc với con người, do đó sẽ bảo vệ được phần ngực và vai. Khi có va chạm ngang nhẹ, lật xe, va chạm từ phía trước, và va chạm từ phía sau nhẹ, túi khí sẽ không nổ.

Túi khí trần xe



E75004

Túi khí trần xe được lắp phía trong các tấm ốp phía trên kính cửa trước và sau. Lô gô được đúc trên tấm ốp trụ B sẽ thể hiện là túi khí trần xe được lắp trên xe của bạn.

Túi khí trần xe sẽ nổ khi có va chạm ngang lớn. Túi khí sẽ phồng lên trong vòng vài phần nghìn giây và xếp xuống khi tiếp xúc với cơ thể người, do đó sẽ bảo vệ đầu của người ngồi. Khi có va chạm ngang nhẹ, lật xe, va chạm từ phía trước, và va chạm từ phía sau nhẹ, túi khí sẽ không nổ.

Đai an toàn

CÁC CẢNH BÁO



Cài đai an toàn và giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chỉ khi sử dụng đai an toàn đúng cách, nó mới giữ thân người ở vị trí cho phép túi khí đạt được hiệu quả tốt nhất. Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 73).



Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều hơn một người.



Sử dụng đúng khóa đai cho mỗi đai an toàn.



Không sử dụng đai an toàn bị chùng hoặc bị xoắn.



Không được mặc quần áo quá dày. Đai an toàn cần phải thắt chặt xung quanh cơ thể để đạt hiệu quả tối đa.



Quàng đai dọc của đai an toàn qua giữa vai và cài chặt đai ngang qua hông.

Bộ cuộn đai trên đai an toàn bên lái và bên phụ được trang bị bộ rút đai tự động. Bộ rút đai tự động có ngưỡng kích hoạt thấp hơn so với túi khí. Khi có va chạm nhẹ, có thể chỉ bộ rút đai tự động hoạt động.

Trạng thái sau va chạm

CẢNH BÁO



Đai an toàn thường bị kéo căng sau tai nạn, nên cần phải thay mới và kiểm tra các điểm bắt bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Bảo vệ hành khách

THẮT DÂY ĐAI AN TOÀN

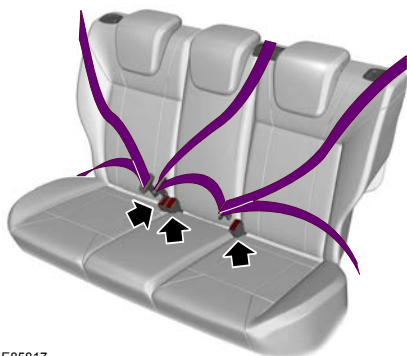
CẢNH BÁO



Cắm lưỡi khóa vào khóa đai an toàn cho đến khi bạn nghe tiếng 'tạch'. Bạn chưa cài đúng cách khi chưa nghe tiếng 'tạch'.



E74124

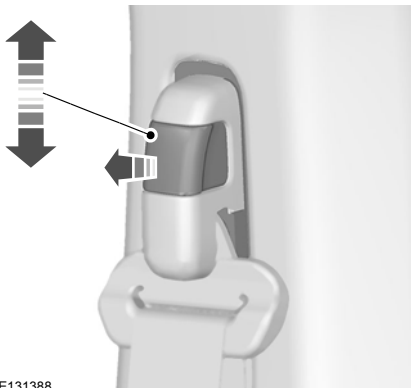


E85817

Kéo đai ra ngoài một cách chắc chắn. Nó có thể bị thắt lại nếu bạn kéo quá mạnh hay khi xe đổ trên dốc.

Nhấn nút màu đỏ trên khóa đai để mở đai. Để nó nhả ra hoàn toàn và nhẹ nhàng.

ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO CỦA DÂY ĐAI



E131388

Để nâng lên hoặc hạ xuống, kéo nút khóa trên bộ điều chỉnh và di chuyển đến vị trí mong muốn.

NHẮC NHỞ THẮT DÂY ĐAI AN TOÀN

CẢNH BÁO



Hệ thống bảo vệ người ngồi trên xe chỉ hoạt động tốt nhất khi đai an toàn được sử dụng đúng cách.



Loại 1: Khi mở khóa điện, đèn cảnh báo thắt đai an toàn sẽ sáng trong 6 giây để nhắc nhở người lái xe thắt dây an toàn.

Bảo vệ hành khách

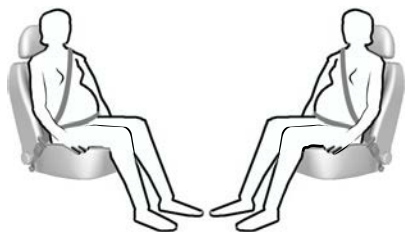
Loại 2: Đèn báo thắt đai an toàn sẽ sáng bất kỳ khi nào đai an toàn ghế lái không được cài.

Loại 3: Đèn cảnh báo nhắc nhở thắt đai an toàn bật sáng và chuông báo sẽ kêu trong trường hợp người lái xe hay người ngồi ghế trước chưa thắt đai an toàn và tốc độ xe vượt quá tốc độ tương đối thấp. Đèn cảnh báo thắt đai an toàn cũng sẽ bật sáng trong trường hợp đai an toàn của người lái xe hay người ngồi ghế trước bị tháo ra khi xe đang chạy. Chuông báo sẽ tắt sau 5 phút nhưng đèn cảnh báo nhắc nhở thắt đai an toàn sẽ tiếp tục sáng cho đến khi đai an toàn của người lái xe hay người ngồi ghế trước đã được thắt.

Tắt chế độ nhắc nhở thắt đai an toàn

Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

SỬ DỤNG DÂY ĐAI AN TOÀN TRONG KHI MANG THAI



E68587

CẢNH BÁO



Thắt đai an toàn đúng cách vì sự an toàn cho bạn và thai nhi. Phải sử dụng cả đai ngang và đai dọc.

Thắt đai ngang nhẹ nhàng qua phần hông và cách xa phía dưới phần bụng bầu. Quàng đai dọc ở giữa ngực, từ phía trên sang một bên bụng bầu.

VÔ HIỆU HÓA TÚI KHÍ PHÍA HÀNH KHÁCH

CẢNH BÁO



Cần tắt hoạt động của túi khí tại vị trí sử dụng ghế trẻ em quay mặt về phía sau.



E131289

Lắp công tắc ngắt túi khí ghế hành khách

CẢNH BÁO



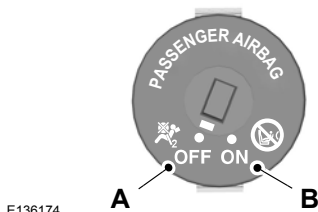
Nếu bạn cần lắp ghế trẻ em trên ghế của xe có trang bị túi khí phía trước, cần lắp công tắc ngắt túi khí. Liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Ghi Chú: Công tắc dạng chìa khóa được bố trí trên hộp chứa đồ cùng với đèn báo ngắt túi khí trên nắp lô.

Nếu đèn báo túi khí sáng hoặc nhấp trong khi xe chạy có nghĩa là xe đang có lỗi. Tháo ghế trẻ em và kiểm tra hệ thống ngay lập tức.

Bảo vệ hành khách

Ngắt hoạt động túi khí hành khách



A Ngắt hoạt động

B Hoạt động

Bật công tắc đèn vị trí **A**.



Khi bật chìa khóa, đèn cảnh báo tắt (OFF) túi khí hành khách chiếu sáng chỉ thị túi khí hành khách ở trạng thái không hoạt động. Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Chuyển sang chế độ túi khí hành khách hoạt động.

CẢNH BÁO



Cần chắc chắn túi khí hành khách ở chế độ hoạt động khi bạn **không** sử dụng ghế trẻ em trên ghế phía trước bên phụ.

Bật công tắc về vị trí **B**.



Khi bạn bật chìa khóa, đèn cảnh báo túi khí bên phụ bật sáng (ON) có nghĩa là túi khí bên phụ đang được kích hoạt. Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Chìa khoá và điều khiển từ xa

THÔNG TIN CHUNG TRÊN TẦN SỐ RADIO

CÁC CHÚ Ý



Các thiết bị truyền sóng ngắn khác (như đài phát thanh, thiết bị y tế, tai nghe không dây, điều khiển từ xa và hệ thống báo động) có thể trùng tần số với điều khiển từ xa của bạn. Nếu tần số bị nhiễu, có thể bạn không sử dụng được điều khiển từ xa. Bạn có thể khóa hoặc mở cửa bằng chìa khóa.



Kiểm tra xem xe đã được khóa chưa trước khi rời đi. Việc này sẽ bảo đảm xe đã được khóa trong trường hợp tần số điều khiển bị phá một cách ác ý.

Ghi Chú: Bạn có thể mở khóa cửa khi vô tình nhấn vào các nút trên điều khiển từ xa.

Khoảng cách tác dụng giữa điều khiển và xe của bạn phụ thuộc vào từng môi trường.

LẬP TRÌNH ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Ghi Chú: Có thể lập trình thêm các bộ điều khiển từ xa chỉ trong trường hợp xe được trang bị ít nhất một bộ điều khiển từ xa.

Có thể lập trình tối đa tám bộ điều khiển từ xa (bao gồm bộ điều khiển được trang bị cho xe. Các điều khiển từ xa phải ở nguyên trong xe trong quá trình lập trình. Thắt dây an toàn ở hàng ghế trước và đóng tất cả cửa để bảo đảm chuông báo va chạm không kêu trong quá trình lập trình.

Lập trình điều khiển từ xa mới

- Để lập trình các bộ điều khiển từ xa mới, vặn chìa khóa điện về vị trí **II** 4 lần trong vòng 6 giây.
- Vặn chìa khóa điện về vị trí **0**. Âm thanh phát ra để báo rằng hiện tại có thể lập trình các bộ điều khiển trong vòng 10 giây.

- Ấn bất kỳ nút nào trên bộ điều khiển mới. Một âm thanh sẽ phát ra để xác nhận.
- Lặp lại bước cuối cùng này cho tất cả các bộ điều khiển khác, bao gồm cả bộ điều khiển nguyên bản. Không tháo chìa khóa điện ra khỏi ổ khóa điện khi ấn nút trên bộ điều khiển này.
- Vặn chìa khóa điện về vị trí **II** hoặc đợi 10 giây mà không lặp trình một bộ điều khiển từ xa khác để kết thúc việc lập trình khóa. Chỉ các bộ điều khiển bạn vừa lập trình xong mới có thể khóa và mở xe.

Lập trình lại chức năng mở khóa

Ghi Chú: Khi bạn ấn nút mở khóa, tất cả các cửa xe hoặc chỉ có cửa gần vị trí người lái được mở khóa. Ấn lại nút mở khóa để mở khóa tất cả các cửa.

Ấn và giữ đồng thời nút mở khóa và nút khóa trên bộ điều khiển từ xa trong ít nhất 4 giây ở trạng thái tắt khóa điện. Đèn báo rẽ sẽ nháy sáng hai lần để xác nhận việc thay đổi.

Để trở về chức năng mở khóa ban đầu, lặp lại quy trình.

Lập trình thêm khóa

Ghi Chú: Có thể lập trình thêm khóa chỉ trong trường hợp bạn đã có 2 khóa được lập trình rồi.

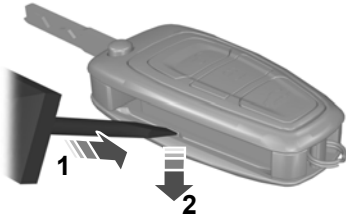
- Tra chìa khóa thứ nhất vào và mở khóa điện.
- Rút chìa khóa ra trong vòng 10 giây.
- Tra chìa khóa thứ hai vào trong vòng 10 giây và mở khóa điện.
- Rút chìa khóa ra trong vòng 10 giây.
- Tra chìa khóa thêm cần được lập trình vào trong vòng 10 giây.

Chìa khoá và điều khiển từ xa

THAY PIN ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

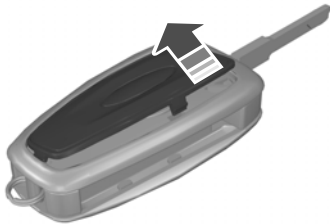


Cần loại bỏ pin cũ theo cách thân thiện với môi trường. Tìm hiểu thông tin từ cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc tái chế pin.



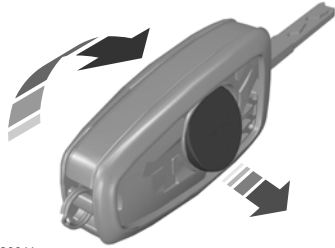
E128809

1. Đưa tua vít vào vị trí như hình minh họa và đẩy kẹp nhẹ nhàng.
2. Ấn kẹp xuống dưới để tháo nắp đậy pin.



E128810

3. Tháo nắp đậy một cách cẩn thận



E128811

4. Xoay điều khiển từ xa xuống để tháo pin.
5. Lắp pin mới (3V CR 2032) với cực + hướng lên trên.
6. Thay thế nắp đậy pin.

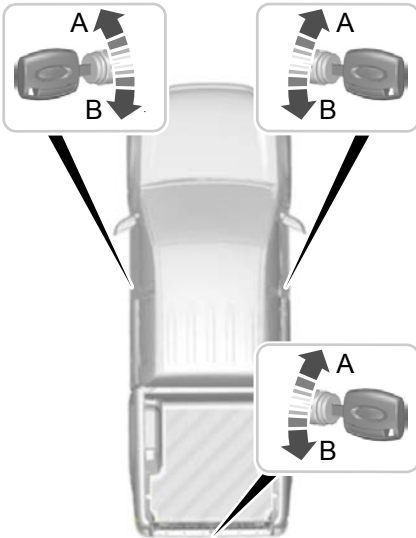
Khóa

KHÓA VÀ MỞ KHÓA

Ghi Chú: Không để chìa khóa trên xe khi ra khỏi xe.

Ghi Chú: Tất cả các cửa sẽ tự động khoá khi xe chuyển động hoặc tốc độ lớn hơn 7 Km/giờ. Chức năng này có thể được bật hoặc tắt, tham khảo **chế độ cầu hình người lái** trong phần sau của quy trình này.

Khóa và mở khóa cửa bằng chìa khóa



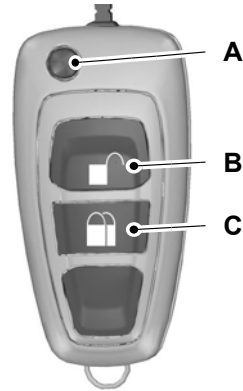
E131447

- A Mở khóa
- B Khóa

Ghi Chú: Để **thực hiện khóa kép** Xoay chìa khóa về vị trí khóa hai lần trong vòng ba giây để khóa kép các cửa.

Khóa và mở các khóa cửa bằng điều khiển từ xa

Tự động khóa lại: Các cửa sẽ tự động khóa lại nếu bạn không mở cửa trong vòng 45 giây sau khi mở khóa cửa bằng điều khiển. Các khóa cửa và chuông báo sẽ trở về trạng thái trước đó.



E131278

- A Nút bấm mở/gập chìa khóa
- B Mở khóa
- C Khóa

Ấn nút bấm **B** một lần để mở khóa.

Ấn nút bấm **C** một lần để kích hoạt khóa cửa trung tâm.

Ghi Chú: Khóa cửa trung tâm được kích hoạt chỉ khi nào tất cả các cửa ở khoang hành khách đã đóng.

Ấn nút bấm **C** hai lần trong vòng bốn giây để khóa kép các cửa.

Ghi Chú: Khóa kép được kích hoạt chỉ khi nào tất cả các cửa khoang hành khách đóng và nắp capô đóng ở trên xe có lắp chuông báo.

Khóa

CẢNH BÁO



Không bật chế độ khóa kép khi có người hoặc động vật trong xe. Bạn sẽ không mở được khóa từ phía trong nếu đã khóa kép chúng.

Ghi Chú: Nếu chìa khóa điện bật kèm theo chức năng khóa kép được kích hoạt, khóa sẽ tự động quay trở lại trạng thái khóa đơn.

Khóa kép là tính năng chống trộm ngăn người khác mở cửa từ trong xe.

Ghi Chú: Cửa lái có thể được mở khóa bằng chìa khóa. Việc mở bằng chìa khóa cần thực hiện khi điều khiển từ xa bị hỏng.

Ghi Chú: Nếu xe bị khóa liên tục trong vài tuần, điều khiển từ xa sẽ không thực hiện được. Cần mở khóa và khởi động động cơ bằng chìa khóa. Mở khóa và khởi động động cơ một lần sẽ giúp điều khiển từ xa có thể điều khiển trở lại.

Lập trình lại chức năng mở khóa

Chức năng mở khóa có thể được lập trình lại sao cho chỉ cửa lái là được mở khóa. Tham khảo **Lập trình điều khiển từ xa** (trang 28).

Xác nhận khóa và mở khóa

Ghi Chú: Khi bạn khóa cửa, đèn báo rẽ sẽ nhấp một lần.

Khi bạn khóa kép các cửa, đèn báo rẽ sẽ nhấp hai lần.

Khi bạn mở khóa cửa thì đèn báo rẽ sẽ nhấp một lần trong thời gian dài.

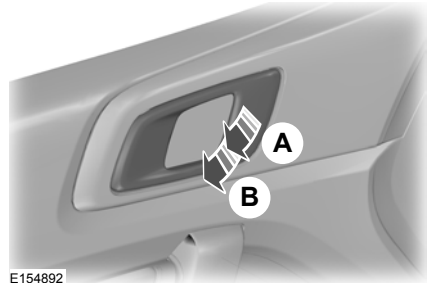
Chức năng ngăn trẻ em nghịch điều khiển từ xa

Nếu nút bấm điều khiển từ xa được bấm liên tục vài lần, chức năng khóa mở khóa sẽ khóa cứng để tránh cho mồi khóa không bị quá nhiệt.

Khóa và mở khóa cửa từ phía trong



Nhấn nút. Để biết vị trí. Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).



E154892

- A Mở khóa
- B Mở

Chế độ cầu hình người lái

Ghi Chú: Thao tác này đã được thực hiện trong vòng **30 giây**.

1. Bật khóa điện sang ON.
2. Ấn nút khóa cửa ba lần.
3. Tắt khóa điện OFF.
4. Ấn nút khóa cửa ba lần.
5. Bật khóa điện sang ON.
6. Nhấn nút khóa cửa 2 lần.

Hệ thống sẽ phát ra 2 tiếng để xác nhận chế độ lập trình cho lái xe được kích hoạt.

Khi ở trong chế độ thiết lập người lái, tuân theo các bước được nhắc tới sau đây để chuyển trạng thái tự khóa cửa theo tốc độ hoặc tự động mở khóa.

Tự động khóa cửa theo tốc độ xe

Ghi Chú: Chế độ tự động khóa cửa theo tốc độ xe được mặc định không hoạt động.

Ấn nút khóa/mở cửa trung tâm hai lần trong vòng ba giây và đợi khoảng ba giây để chuyển sang chức năng tự động khóa cửa theo tốc độ. Hệ thống sẽ phát tiếng kêu khi bật/tắt.

Tự động mở khóa

Ghi Chú: Tự động mở khóa là chế độ mặc định.

Ấn nút khóa/mở cửa trung tâm ba lần trong ba giây và đợi khoảng ba giây để chuyển sang chức năng tự động khóa cửa theo tốc độ.

Nếu chức năng mở khóa tự động được bật:

- Tất cả các cửa sẽ được mở khóa trong lúc cửa xe người lái hoặc cửa hành khách phía trước mở (những xe không có điều khiển từ xa) từ bên trong, với chìa khóa ở bên trong ổ khóa.

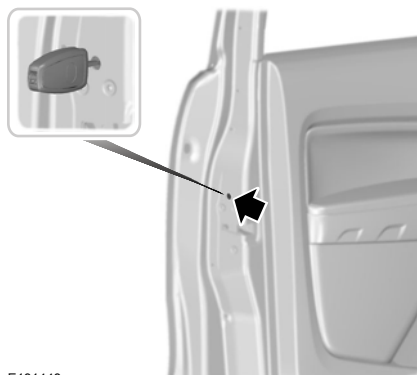
Nếu chức năng mở khóa tự động tắt:

- Chỉ có những cánh cửa tương ứng mới được mở khóa trong khi mở từ bên trong.

Ghi Chú: Mở cửa sau sẽ không bao giờ mở khóa được các cửa khác, khi mở từ bên trong.

Khóa riêng từng cửa bằng chìa khóa.

Ghi Chú: Nếu chức năng khóa trung tâm bị lỗi, các cửa có thể được khóa riêng rẽ bằng chìa khóa ở vị trí như hình minh họa.



E131448

Xe tay lái thuận

Xoay cùng chiều kim đồng hồ để khóa.

Xe tay lái nghịch

Xoay ngược chiều kim đồng hồ để khóa.

Mở khóa

Ghi Chú: Nếu khóa trẻ em đang được bật, kéo chốt phía trong chỉ làm ngắt chức năng khóa khẩn cấp mà không ngắt chức năng khóa trẻ em. Các cửa chỉ được mở bằng tay nắm bên ngoài.

Ghi Chú: Nếu các cửa được mở khóa, các cửa phải được khóa riêng rẽ bằng cách sử dụng phương pháp này cho đến khi chức năng khóa trung tâm được sửa chữa.

Mở khóa cửa lái bằng chìa khóa. Các cửa khác có thể được mở khóa riêng rẽ bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong các cửa đó.

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Bộ nhận dạng chìa khóa là hệ thống bảo vệ chống trộm để ngăn chặn người ngoài khởi động động cơ bằng chìa khóa có mã không đúng.

CHÌA KHOÁ MÃ HOÁ

Ghi Chú: Không bọc chìa khóa bằng kim loại. Vì điều này làm cho thiết bị thu không nhận biết chìa khóa của bạn.

Ghi Chú: Nếu bị mất một chìa khóa, hãy xóa mã và mã hóa lại các chìa còn lại. Liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết. Các chìa mới cần phải được mã hóa cùng với các chìa đang dùng.

Nếu bị mất một chìa khóa, bạn có thể làm thêm chìa mới tại đại lý của Ford. Cung cấp mã chìa khóa trên nhãn của chìa khóa gốc cho đại lý nếu có thể khi làm thêm chìa. Bạn có thể làm thêm chìa tại đại lý của Ford.

CÀI ĐẶT CHẾ ĐỘ CHỐNG TRỘM BẰNG CHÌA MÃ HOÁ

Hệ thống chống trộm bằng chìa khóa mã hóa sẽ tự động bật sau khi tắt chìa khóa điện.

Đèn báo trên táp lô sẽ nháy để báo hệ thống đang hoạt động.

HỦY CÀI ĐẶT CHẾ ĐỘ CHỐNG TRỘM

Hệ thống chống trộm bằng chìa khóa mã hóa sẽ tự động tắt khi bạn bật chìa khóa điện bằng chìa khóa đúng.

Đèn báo trên táp lô sẽ sáng lên khoảng 3 giây sau đó sẽ tắt. Nếu đèn báo tiếp tục sáng hoặc nháy trong khoảng 1 phút và sau đó lặp lại một cách không đều đặn có nghĩa là chìa khóa chưa được nhận dạng. Rút chìa khóa và thử lại.

Nếu bạn không khởi động được động cơ bằng chìa khóa đúng thì xe đang có lỗi. Bộ nhận dạng chìa khóa cần phải được kiểm tra ngay lập tức.

Bảo trộm

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Xe của bạn có thể có một trong các hệ thống cảnh báo sau:

- Hệ thống báo trộm vòng ngoài với các cảm biến trong xe.
- Hệ thống báo trộm vòng ngoài với các cảm biến trong xe và chuông báo có pin dự phòng.

Hệ thống báo trộm vòng ngoài ngăn chặn sự xâm nhập trái phép vào xe của bạn thông qua các cửa và nắp ca rô.

Các cảm biến trong xe



Tác động vào hệ thống báo động sẽ kích hoạt cảm biến trong xe. Tham khảo **Kích hoạt báo trộm (còi)** (trang 35).

CÁC CẢNH BÁO



Không che các cảm biến đèn trong xe.



Không bật hệ thống báo động đầy đủ nếu hành khách, thú vật hoặc vật thể di động khác đang ở trong xe của bạn.



Không để đệm ghế sau gấp lại trong ca bin kép khi cảm biến trong xe đã được kích hoạt.



Không để ngăn chứa kính mắt mở.

Ghi Chú: Để vô hiệu hóa vĩnh viễn các cảm biến chuyển động bên trong thì cần mang xe đến đại lý ủy quyền.

Ghi Chú: Hệ thống sưởi ấm bằng nhiên liệu có thể gây ra báo động sai. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống sưởi ấm bằng nhiên liệu, cần điều chỉnh luồng khí hướng xuống chân.

Còi báo trộm

Pin dự phòng cho chuông báo

Pin dự phòng cho chuông báo là một hệ thống báo trộm bổ sung sẽ phát ra âm thanh khi hệ thống báo động được bật. Khi bạn khóa xe thì hệ thống được kích hoạt. Loại còi này được trang bị pin riêng và sẽ phát ra âm thanh báo trộm ngay cả khi ắc quy tắt. Nó chỉ hoạt động khi ắc quy trên xe hay chính nó bị ngắt.

Bật chế độ báo trộm

Khi chế độ báo trộm bật, chuông báo trộm sẽ hoạt động theo các cách sau:

- Nếu ai đó mở cửa hoặc nắp ca rô mà không sử dụng chìa khóa hợp lệ hay bộ điều khiển từ xa.
- Nếu ai đó tháo màn hình đa chức năng.
- Nếu bạn bật khóa điện với chìa khóa không hợp lệ.
- Nếu các cảm biến bên trong phát hiện được chuyển động trong xe.
- Trên xe trang bị chuông báo có pin dự phòng, nếu ai đó tháo ắc quy xe hoặc chuông báo.

Nếu hệ thống báo trộm được kích hoạt, còi báo trộm sẽ kêu trong khoảng 30 giây và đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nhấp nháy trong vòng 5 phút.

Nếu bất kỳ hành động nêu trên nào được thực hiện, hệ thống báo trộm sẽ hoạt động trở lại.

Chế độ bảo vệ đầy đủ và chế độ bảo vệ một phần (Nếu được trang bị)

Chế độ bảo vệ đầy đủ

Chế độ bảo vệ đầy đủ là cài đặt chuẩn.

Báo trộm

Trong chế độ bảo vệ đầy đủ, các cảm biến bên trong bật khi bạn kích hoạt báo trộm.

Ghi Chú: Nếu có động vật hay vật thể có thể chuyển động ở trong xe thì có thể gây ra những báo động sai.

Chế độ bảo vệ một phần

Ghi Chú: Để dùng hoặc bỏ tính năng này, hãy mang xe đến đại lý ủy quyền.

Trong chế độ bảo vệ một phần, các cảm biến bên trong tắt khi bạn kích hoạt báo trộm.

Ghi Chú: Chế độ bảo vệ một phần có hiệu quả chỉ khi xe có hệ thống khóa trung tâm điều khiển từ xa.

Lựa chọn chế độ bảo vệ đầy đủ hoặc chế độ bảo vệ một phần

Khóa các cửa với chìa khóa sẽ kích hoạt chế độ bảo vệ một phần.

Để vô hiệu quá chế độ bảo vệ một phần, mở các cửa với chìa khóa hoặc điều khiển từ xa.

Để kích hoạt chế độ bảo vệ đầy đủ, khóa các cửa với điều khiển từ xa.

Ghi Chú: Bạn có thể thiết lập chế độ bảo vệ một phần chỉ cho chu kỳ khóa hiện tại. Hệ thống báo động sẽ thiết lập lại chế độ bảo vệ đầy đủ ở lần mở khóa sau và khóa lại xe sau đó với điều khiển từ xa.

KÍCH HOẠT BÁO TRỘM (CÒI)

Để bật chế độ báo động, hãy khóa xe lại. Tham khảo **Khóa** (trang 30).

HỦY KÍCH HOẠT BÁO TRỘM (CÒI)

Tắt hệ thống báo động bằng cách mở khóa cửa bằng chìa và tra chìa khóa vào ổ khóa điện bằng một chìa khóa mã hóa đúng trong vòng 12 giây, hoặc mở khóa cửa xe bằng điều khiển từ xa.

Tay lái

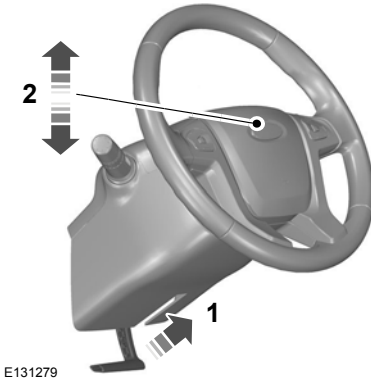
ĐIỀU CHỈNH TAY LÁI

CẢNH BÁO



Không điều chỉnh vô lăng khi xe đang chạy.

Ghi Chú: Chắc chắn bạn ngồi đúng tư thế. Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 73).

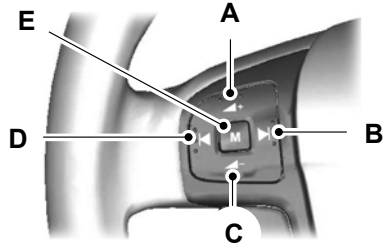


CẢNH BÁO



Chắc chắn bạn đã cài cần khóa hoàn toàn khi đưa nó về vị trí ban đầu.

ĐIỀU KHIỂN ÂM THANH



- A Tăng âm lượng
- B Tìm kiếm về phía sau
- C Giảm âm lượng
- D Tìm kiếm về phía trước
- E Chê độ

Chê độ

Nhấn và **giữ** phím kê độ để chọn nguồn âm thanh.

Nhấn phím kê độ để:

- dò radio sang đài phát đã nhớ tiếp theo.
- nhận cuộc gọi đến
- kết thúc cuộc gọi.

Dò tìm

Nhấn phím tìm kiếm để:

- dò radio đến đài phát đã lưu trước hay sau dải băng tần
- phát bài trước đó hay sau đó trên CD.

Nhấn và **giữ** phím tìm kiếm để:

Tay lái

- tăng hoặc giảm dải băng tần để dò đài.
- tìm bài hát trong CD.

ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI



E136223

A	Điều khiển bằng giọng nói
---	---------------------------



Nhấn nút để chọn hoặc không chọn chế độ điều khiển bằng giọng nói.

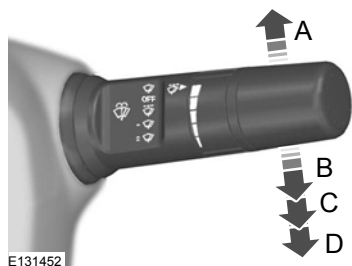
Thông tin bổ sung: Tham khảo **Điều khiển bằng giọng nói** (trang 218).

Gạt mưa & rửa kính

GẠT MƯA KÍNH

CHÚ Ý

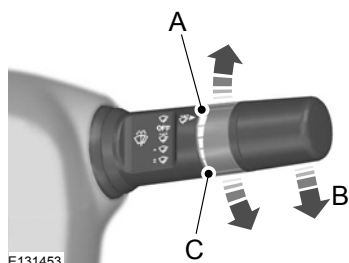
- ⚠ Vận hành chức năng này cùng với việc động cơ tắt sẽ làm hết điện acquy.



E131452

- A Gạt một lần
- B Gạt ngắt quãng hoặc gạt tự động
- C Gạt thường
- D Gạt nhanh

Gạt ngắt quãng



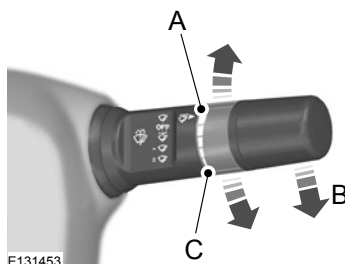
E131453

- A Gạt ngắt quãng thưa
- B Gạt ngắt quãng
- C Gạt ngắt quãng mau

GẠT MƯA TỰ ĐỘNG

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không chuyển cần gạt mưa sang chế độ tự động trong điều kiện thời tiết khô. Cảm biến mưa rất nhạy cảm và cần gạt mưa có thể hoạt động nếu bụi, sương hay ruồi bay đập vào kính chắn gió.
- ⚠ Thay thế các lưỡi gạt ngay khi chúng tạo ra các vệt nước hay vệt bẩn trên kính chắn gió. Nếu bạn không thay thế, cảm biến mưa sẽ tiếp tục phát hiện ra nước trên kính chắn gió và các cần gạt sẽ hoạt động, mặc dù phần lớn kính chắn gió là khô.
- ⚠ Làm tan băng hoàn toàn trên kính chắn gió trong điều kiện băng tuyết trước khi mở cần gạt mưa tự động.
- ⚠ Tắt chế độ gạt mưa tự động khi vào trạm rửa xe.



E131453

- A Độ nhạy cảm cao
- B Bật
- C Độ nhạy cảm thấp

Nếu bạn mở cần gạt mưa tự động thì các cần gạt sẽ không hoạt động theo chu kỳ cho đến khi phát hiện được nước trên kính chắn gió. Cảm biến mưa khi đó sẽ liên tục đo lượng nước trên kính chắn gió và điều chỉnh tốc độ của cần gạt mưa một cách tự động.

Gạt mưa & rửa kính

Điều chỉnh độ nhạy cảm của cảm biến mưa bằng nút điều khiển dạng xoay. Với độ nhạy cảm thấp, các cần gạt mưa sẽ hoạt động khi cảm biến phát hiện có nhiều nước trên kính chắn gió. Với độ nhạy cảm cao, các cần gạt sẽ hoạt động khi cảm biến phát hiện ra một lượng nước nhỏ trên kính chắn gió.

PHUN NƯỚC RỬA KÍNH TRƯỚC

CHÚ Ý

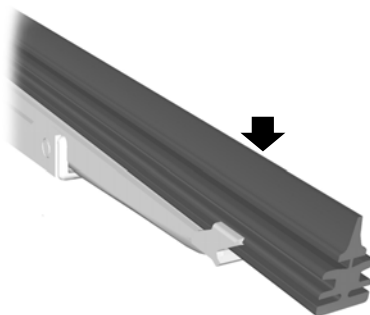
! Vận hành chức năng này cùng với việc động cơ tắt sẽ làm hết điện acquy.



CẢNH BÁO

! Không vận hành chức năng rửa kính chắn gió trong khoảng thời gian lớn hơn 10 giây hoặc khi bình chứa nước rửa kính hết nước.

KIỂM TRA CAO SU GẠT MƯA



E66644

Di chuyển đầu ngón tay lên rìa của cao su gạt mưa để kiểm tra độ ráp.

Vệ sinh phần lưới gạt mưa bằng miếng xốp mềm nhúng nước.

THAY CAO SU GẠT MƯA

Cao su gạt mưa kính chắn gió

CÁC CHÚ Ý

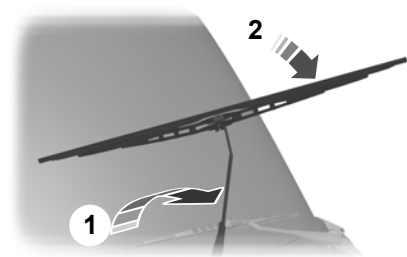
! Đặt gạt mưa tại vị trí sửa chữa để thay lưỡi gạt.

! Bạn có thể sử dụng chức năng của gạt mưa để làm sạch tuyết và băng vào mùa đông. Gạt mưa có thể trở về vị trí ban đầu ngay khi bạn bật công tắc điện, do vậy phải đảm bảo bề mặt kính chắn gió sạch sẽ không có tuyết và băng khi bật chìa khóa điện.

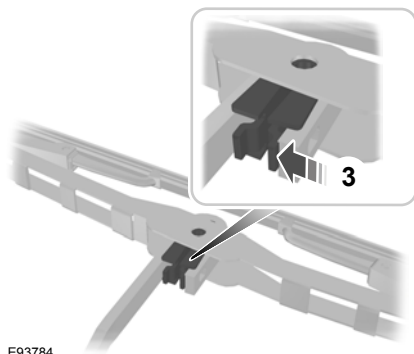
Vị trí sửa chữa

1. Bật chìa khóa điện đến vị trí **0** từ vị trí **II**.
2. Kéo cần gạt mưa ra phía trước vô lăng trong vòng 3 giây.

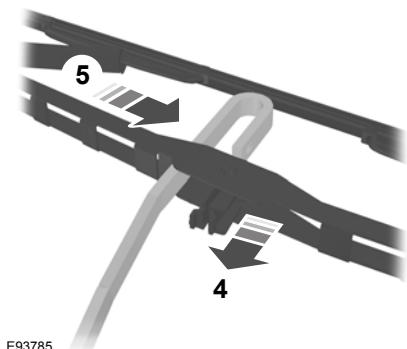
Gạt mưa & rửa kính



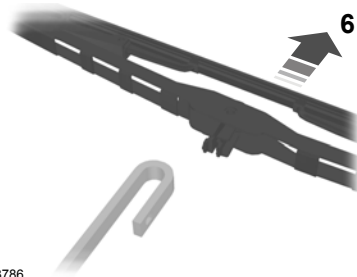
E93783



E93784



E93785



E93786

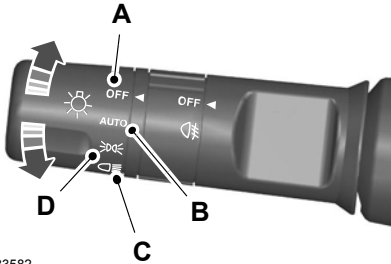
Ghi Chú: Đảm bảo cao su gạt mưa về đúng vị trí.

Lắp theo thứ tự ngược lại.

Chiếu sáng

ĐIỀU KHIỂN ĐÈN

Các vị trí điều khiển chiếu sáng



E133582

- A Tắt
- B Điều khiển chiếu sáng tự động
- C Đèn pha
- D Đèn cạnh và đèn hậu

Đèn đỗ xe

CHÚ Ý



Việc sử dụng đèn đỗ xe trong thời gian dài sẽ làm cho ắc quy hết điện.

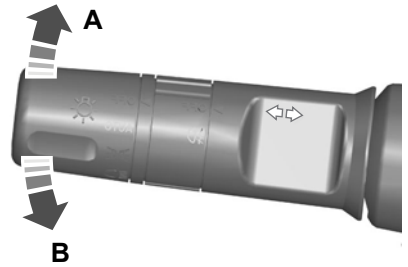
Tắt chìa khóa điện.

Cả hai bên

Chuyển điều khiển chiếu sáng đèn vị trí **D**.

Một bên

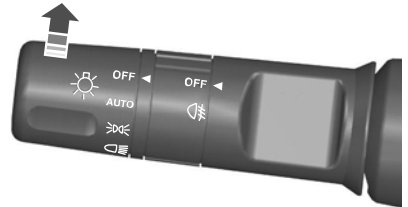
Ghi Chú: Đèn đỗ phải được bật sáng trong vòng 10 phút sau khi rút chìa khóa ra. Nếu vượt quá thời gian này, cần phải đưa chìa khóa vào ổ.



E131285

- A Xe tay lái nghịch
- B Xe tay lái thuận

Đèn pha và đèn cốt



E133583

Đẩy cần gạt về phía trước chuyển giữa đèn pha và đèn cốt.

Nháy đèn pha.

Kéo cần gạt về phía vô lăng.

Chiếu sáng an toàn vào nhà

Tắt chìa khóa điện và kéo cần gạt đèn xin nhan về phía vô lăng hoặc bật công tắc đèn tự động, vặn chìa khóa về vị trí **II** to **I** hoặc **0** để bật đèn pha.

Chiếu sáng

Bạn sẽ nghe âm thanh ngắn. Đèn pha sẽ tự động tắt sau 3 phút nếu có cửa mở, hoặc 30 giây sau khi cửa cuối cùng được đóng.

Với tất cả các cửa đều đóng, nhưng trong vòng 30 sau đó, việc mở bất kỳ cửa nào sẽ dẫn đến bộ hẹn giờ 3 phút sẽ bắt đầu lại.

Các đèn an toàn ở nhà sẽ được tắt đi bằng cách kéo cần gạt xi nhan về phía vô lăng hoặc bằng cách bật chìa khóa điện lên.

Đèn lên xuống xe

Đèn xi nhan sườn, đèn soi biển số và đèn soi khi mở cửa sẽ bật và sáng 25 giây khi xe được mở khóa bằng điều khiển từ xa. Nếu một cửa được mở, đèn sẽ tiếp tục sáng cho đến khi cửa được đóng, ổ khóa điện được bật lên hoặc bật trong 10 phút.

Đèn dừng khẩn cấp

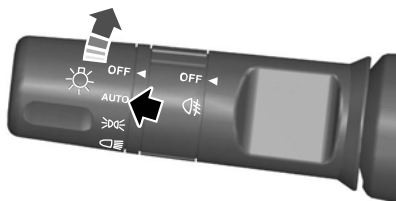
Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm hoặc đèn sương mù sẽ sáng khi đạp phanh đột ngột ở tốc độ trên 50km/h (30 dặm/h).

ĐÈN TỰ ĐỘNG

CẢNH BÁO



Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, có thể phải bật đèn pha bằng tay.



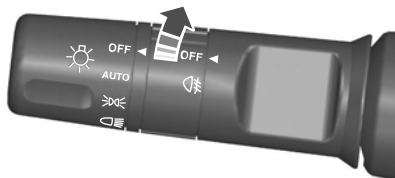
E133599

Ghi Chú: Nếu bạn bật chế độ đèn tự động, bạn chỉ có thể bật pha khi chế độ đèn tự động đã bật đèn pha.

Đèn pha sẽ sáng và tắt một cách tự động tùy thuộc vào độ sáng của môi trường.

ĐÈN SƯƠNG MÙ PHÍA TRƯỚC

Cần điều khiển đèn



E133585

CẢNH BÁO



Chỉ sử dụng đèn sương mù phía trước khi tầm nhìn bị hạn chế bởi sương mù, tuyết hoặc mưa.

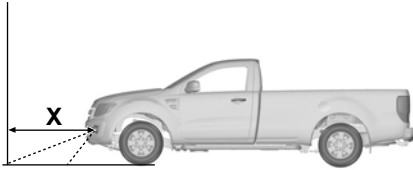
Ghi Chú: Bạn không thể bật đèn sương mù phía trước trừ khi bạn bật đèn pha.

Điều chỉnh

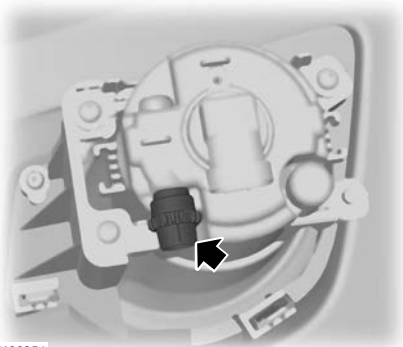
Bạn có thể điều chỉnh đèn sương mù phía trước một chút với mục đích làm cho lái xe thoải mái.

Ghi Chú: Điều chỉnh đèn sương mù phải đáp ứng các yêu cầu quy định các quốc gia.

Chiều sáng



E136853

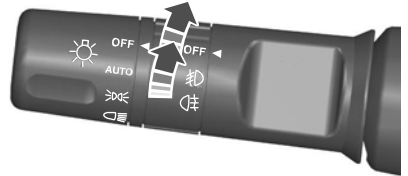


E136854

1. Vị trí xe không tải đặt ở trên mặt phẳng, mặt chuẩn.
2. Để một người ngồi vào vị trí của người lái.
3. Khởi động động cơ để nạp ắc quy.

4. Bật đèn sương mù phía trước.
5. Điều chỉnh hướng đèn sương mù sao cho đường cắt của nó không quá **X: 20 m (65.6 ft)**.

ĐÈN SƯƠNG MÙ PHÍA SAU



E136254

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ sử dụng đèn sương mù phía sau khi tầm nhìn bị hạn chế nhỏ hơn 50 m (164 feet).

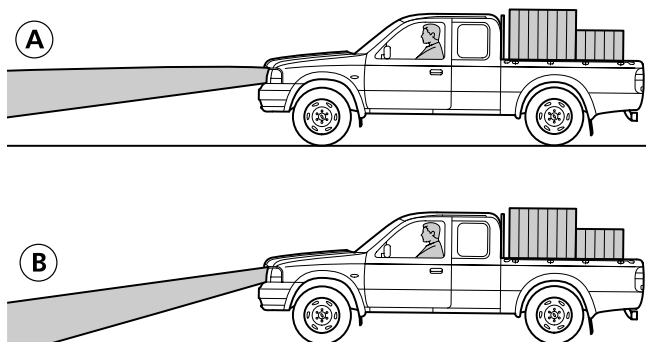


Không sử dụng đèn sương mù phía sau khi trời mưa hay có tuyết rơi và tầm nhìn lớn hơn 50m (164 feet).

Ghi Chú: *Bạn không thể bật công tắc đèn sương mù phía sau trừ khi bạn bật công tắc đèn pha và đèn sương mù phía trước.*

Chiếu sáng

ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO GÓC CHIẾU ĐÈN ĐẦU

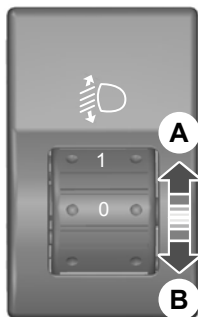


E78244

- A Không có điều chỉnh đèn pha
- B Có điều chỉnh đèn pha

Bạn có thể điều chỉnh độ cao pha cốt tùy theo tải trọng của xe.

Đặt bộ phận điều chỉnh nâng hạ đèn pha về vị trí zero khi xe không tải. Đặt khoảng cách chiếu sáng nằm giữa 35 và 100 m (114 và 328 feet) khi xe chịu một phần hay toàn tải.



E133544

- A Nâng pha cốt
- B Hạ pha cốt

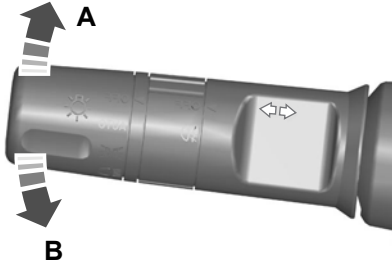
ĐÈN BÁO NGUY HIỂM



Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Chiều sáng

ĐÈN BÁO RẼ

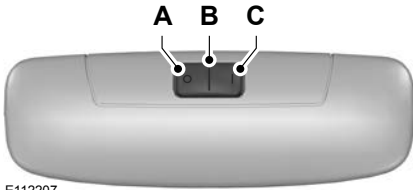


E131285

- A Phía bên phải
- B Phía bên trái

ĐÈN BÊN TRONG XE

Đèn trần xe



E112207

- A Tắt
- B Công tắc cửa
- C Bật

Nếu bạn đặt công tắc tại vị trí **B**, đèn trần sẽ bật khi bạn mở khóa hoặc mở cửa. Nếu để cửa mở trong khi tắt chìa khóa điện, đèn trần sẽ tự động tắt sau một lúc để tránh hết điện ắc quy. Để bật đèn trở lại, bật chìa khóa điện một lúc.

Đèn trần cũng sẽ sáng khi bạn tắt chìa khóa điện. Đèn sẽ tự động tắt sau một thời gian ngắn, đèn cũng sẽ tắt khi bạn khởi động hoặc khởi động lại động cơ.

Nếu bạn chuyển công tắc về vị trí **C** khi chìa khóa điện tắt, đèn trần sẽ sáng. Đèn trần sẽ tự động tắt sau một thời gian ngắn để tránh hết điện ắc quy. Để bật đèn trở lại, bật chìa khóa điện một lúc.

Đèn đọc sách



E112208

Nếu bạn tắt chìa khóa điện, đèn đọc sách sẽ tự động tắt sau một thời gian ngắn để tránh hết điện ắc quy. Để bật đèn trở lại, bật chìa khóa điện một lúc.

THAY ĐỔI BÓNG ĐÈN

CÁC CẢNH BÁO



Tắt đèn và chìa khóa điện.



Để cho bóng đèn và khoang động cơ mát trước khi tháo nó.

CHÚ Ý



Chỉ lắp bóng đèn đúng tiêu chuẩn. Tham khảo **Bảng thông số bóng đèn** (trang 52).

Ghi Chú: *Hướng dẫn sau đây chỉ ra cách tháo các bóng đèn. Lắp các bóng thay thế theo thứ tự ngược lại trừ khi được nói rõ thêm.*

Chiếu sáng

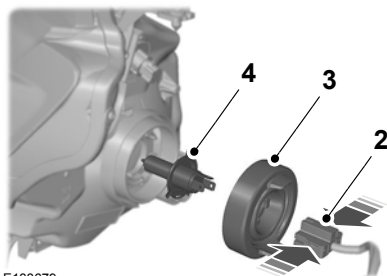
Bạn có thể nhận thấy những giọt nước nhỏ hay mờ sương trong bóng đèn theo thời gian. Điều này không ảnh hưởng đến chức năng của đèn, và sẽ hết khi đèn được bật lên và xe chuyển động.

Ghi Chú: Nếu có bất cứ nghi ngờ nào trong quy trình thay thế bóng đèn, vui lòng thay thế bóng đèn bởi đại lý ủy quyền của Ford.

Chế độ pha và cốt của đèn pha

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn.
- ⚠ Đảm bảo bóng đèn phải đặt đúng vị trí trước khi thay thế kẹp lò xo. Kiểm tra vị trí bóng đèn thông qua mặt trước của ống kính đèn pha có thể là một sự trợ giúp hữu ích để đảm bảo bóng đèn ở vị trí thẳng hàng.

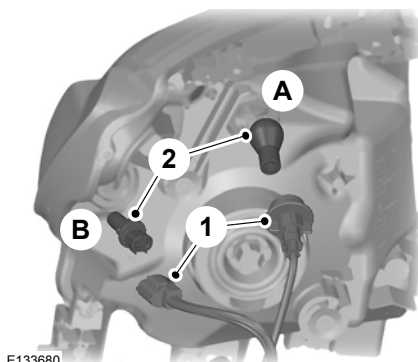


E133679

1. Mở nắp ca-bô. Tham khảo **Mở và đóng nắp khoang động cơ** (trang 140).
2. Tháo giắc điện bằng cách ấn lên lò xo nhả ở trên cả hai bên của giắc nối.
3. Tháo mũ chụp cao su.
4. Nhả kẹp lò xo giữ bóng đèn và tháo bóng đèn.
5. Đưa bóng đèn thay thế vào và giữ nó bằng cách sử dụng kẹp lò xo.

Ghi Chú: Đảm bảo rằng đệm làm kín của mũ chụp cao su làm kín phải tỳ sát vào bóng đèn và vỏ đèn pha chính xác và nó không bị biến dạng trong lúc lắp đặt.

Đèn bên cạnh và đèn báo rẽ phía trước



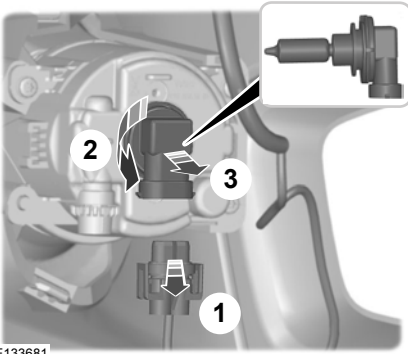
E133680

- A Đèn báo rẽ
- B Đèn cạnh

1. Tháo đuôi đèn ra khỏi cụm đèn pha.
2. Tháo bóng đèn.

Chiều sáng

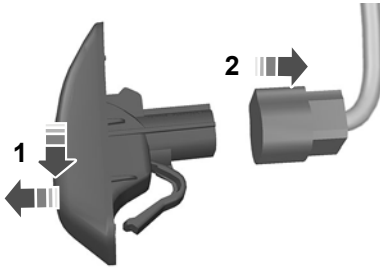
Đèn sương mù phía trước



Ghi Chú: Bạn không thể tách bóng đèn ra khỏi đui đèn.

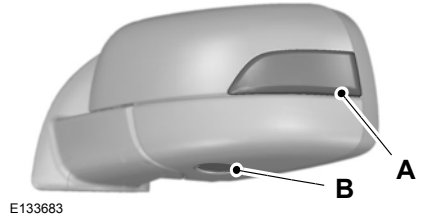
1. Tháo giắc điện.
2. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

Đèn báo rẽ sườn xe



1. Trượt thấu kính ra phía sau và tháo nó.
2. Tháo giắc điện.

Đèn trên gương chiếu hậu bên ngoài



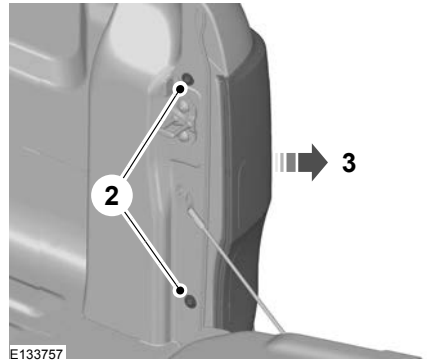
A Đèn báo rẽ sườn xe

B Đèn soi đường

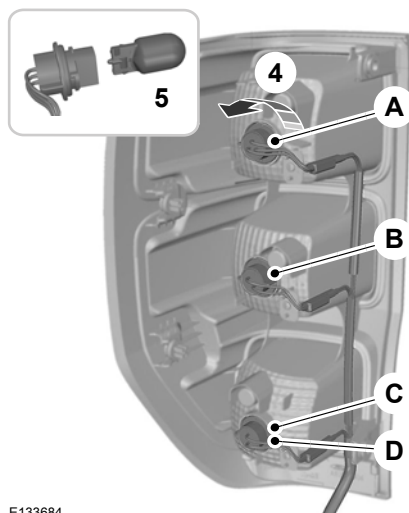
Ghi Chú: Đây không phải là hạng mục tự sửa chữa, hãy liên lạc với đại lý nếu bị hỏng.

Đèn hậu

Loại 1



Chiếu sáng

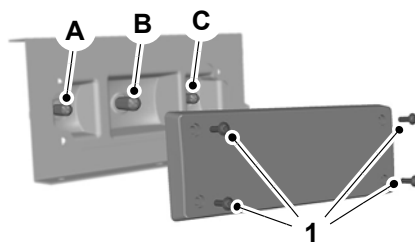


E133684

- A Đèn phanh và đèn đuôi xe
- B Đèn báo rẽ
- C Đèn lùi
- D Đèn sương mù (Bên trái đối với xe tay lái thuận)

1. Mở cửa hậu.
2. Tháo các đinh vít.
3. Tháo đèn hậu.
4. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
5. Tháo bóng đèn.

Loại 2



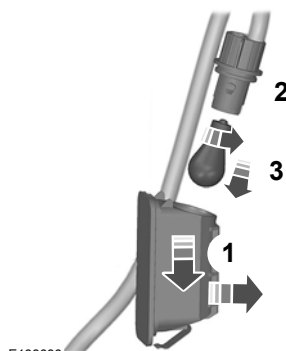
E133685

- A Đèn báo rẽ
- B Đèn phanh và đèn đuôi xe
- C Đèn lùi

1. Tháo các đinh vít.
2. Tháo mặt đèn.
3. Tháo bóng đèn.

Đèn soi biển số

Loại 1



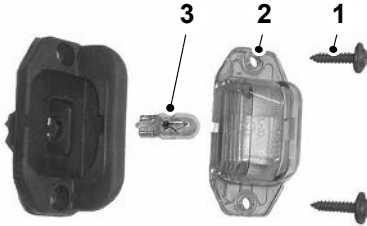
E133686

1. Trượt nó ra khỏi giắc nối và tháo nó.
2. Tháo giắc nối kèm theo bóng đèn.

Chiều sáng

3. Tháo bóng đèn.

Loại 2

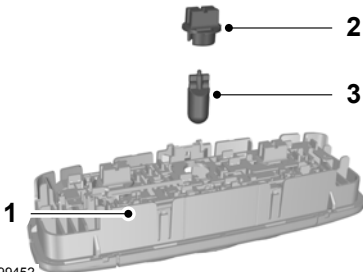


E133687

1. Tháo các đinh vít.
2. Tháo mặt đèn.
3. Tháo bóng đèn.

Đèn nội thất

Cabin đôi và cabin mở rộng

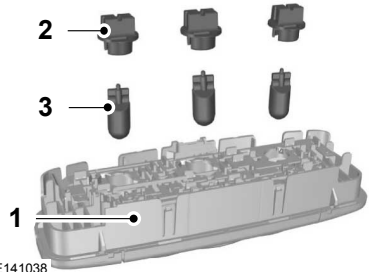


E99452

1. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn.

Đèn đọc sách trước

Không có cảm biến chuông báo

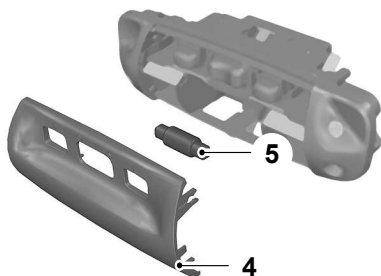
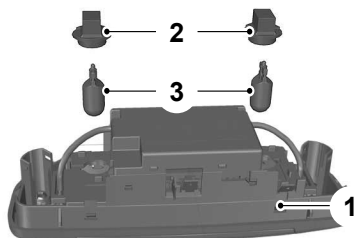


E141038

1. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn.

Chiều sáng

Có cảm biến chuông báo

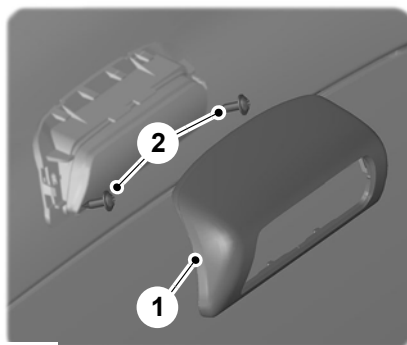


E140992

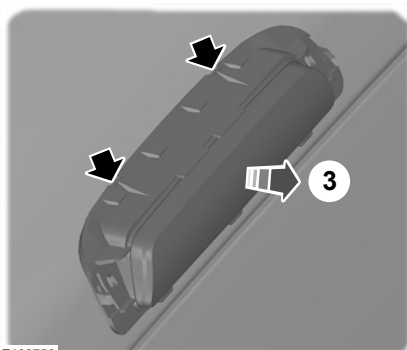
- Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
- Với đèn đọc sách, xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
- Tháo bóng đèn.
- Với đèn trung tâm, cạy chóa đèn một cách cẩn thận.
- Tháo bóng đèn.

Đèn dừng (phanh) lắp ở giữa trên cao

Loại 1



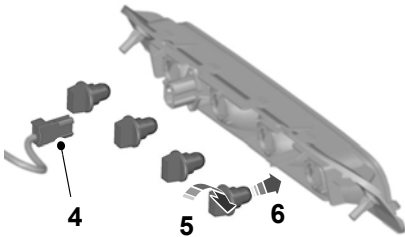
E133689



E133756

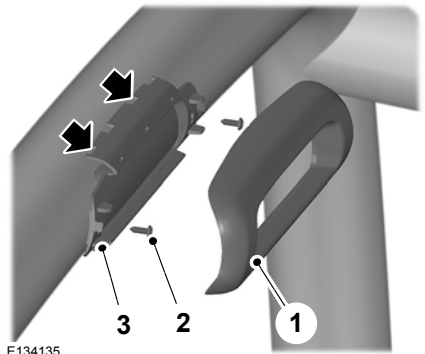
Chiều sáng

Loại 2

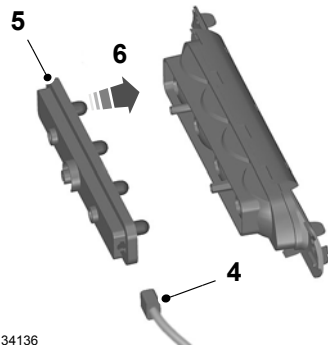


E133755

1. Tháo nắp.
2. Tháo các đinh vít.
3. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
4. Tháo giắc điện.
5. Tháo đuôi đèn bằng cách vặn nó ngược chiều kim đồng hồ 45 độ.
6. Tháo bóng đèn.



E134135



E134136

1. Tháo nắp.
2. Tháo các đinh vít.
3. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
4. Tháo giắc điện.
5. Rút đuôi đèn ra.
6. Tháo bóng đèn.

Chiếu sáng

BẢNG THÔNG SỐ BÓNG ĐÈN

Bóng đèn	Thông số kỹ thuật	Công suất (watt)
Đèn pha chính và pha cốt	H4	55/60
Đèn báo rẽ trước	P21W	21
Đèn cạnh	W5W	5
Đèn sương mù trước	H11	55
Đèn bên*	-	5
Đèn báo rẽ sau	WY21W	21
Đèn phanh và đèn hậu	W21/5W	21/5
Đèn lùi	W21W	21
Đèn sương mù phía sau	W21W	21
Đèn soi biển số	W5W	5
Đèn nội thất	W5W	5
Đèn đọc sách	W5W	5
Đèn dừng đặt ở độ cao trung tâm	W5W	5
Đèn nóc	W5W	5

* Không thể thay thế bóng đèn khi bóng đèn được tổ hợp vào một cụm chi tiết. Các bộ phận đèn bên đã được thay đổi.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

CỬA SỔ ĐIỀU KHIỂN BẰNG ĐIỆN

CẢNH BÁO



Không được đóng mở các cửa kính điện khi có vật cản.

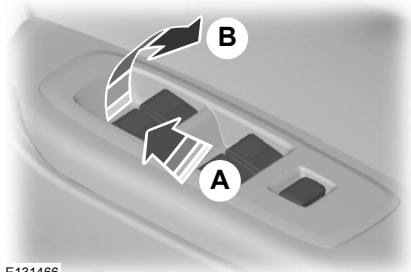
Ghi Chú: Nếu bạn sử dụng công tắc thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn, hệ thống có thể ngừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định để tránh hư hỏng do quá nhiệt.

Ghi Chú: Nếu bạn nhấn đồng thời công tắc trên một cửa nào đó và công tắc lên xuống kính của cửa đó trên cửa lái thì cửa kính sẽ ngừng dịch chuyển.

Bật chìa khóa điện để đóng mở cửa kính điện.

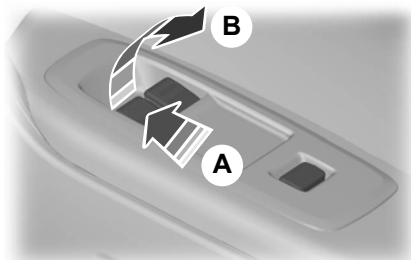
Các công tắc trên cửa lái (Ca bin kép)

Bạn có thể vận hành toàn bộ cửa kính bằng công tắc trên ộp cửa lái.



- A Mở
- B Đóng

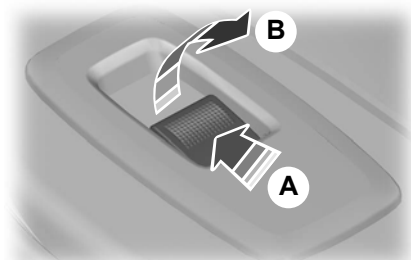
Các công tắc trên cửa lái (Ca bin đơn và ca bin dài)



E131469

- A Mở
- B Đóng

Các công tắc trên cửa hành khách trước và sau



E131467

- A Mở
- B Đóng

Mở và đóng cửa kính tự động

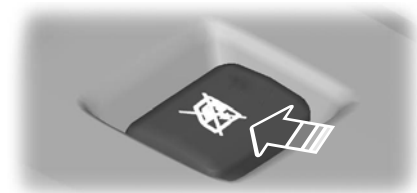
Nhấn hoặc nâng công tắc đến điểm tác dụng thứ hai và nhả ra. Nhấn hoặc nâng công tắc một lần nữa để dừng việc nâng hạ cửa kính.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

Công tắc an toàn cho các cửa kính phía sau

Ghi Chú: Bạn luôn luôn có thể điều khiển các cửa kính phía sau và cửa kính hành khách phía trước từ cửa lái nếu có chức năng đóng mở toàn bộ.

Ghi Chú: Chỉ các xe có có chức năng mở đóng toàn bộ sẽ có đèn trên công tắc này để chỉ thị công tắc này bật hay tắt.



E131468

Công tắc trên cửa lái vô hiệu hóa các công tắc trên cửa kính điện hành khách phía sau và phía trước.

Đèn trên công tắc an toàn sáng lên và đèn trên công tắc cửa kính sau tắt khi cửa kính sau bị tắt hoạt động.

Thiết lập lại bộ nhớ của cửa kính điện

CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt sẽ bị tắt cho đến khi bạn thiết lập lại bộ nhớ.

Trong trường hợp hết ắc quy hoặc sau khi ngắt kết nối ắc quy với xe, bạn phải thiết lập lại bộ nhớ riêng biệt cho từng cửa kính.

1. Mở cửa kính.
2. Nâng và giữ công tắc đèn điểm tác dụng thứ hai cho đến khi cửa kính đóng hoàn toàn.
3. Giữ công tắc ở vị trí nâng trong vài giây và nhả ra.

4. Mở cửa kính dùng điểm tác dụng thứ nhất và thử đóng nó tự động bằng cách dùng điểm tác dụng thứ 2.
5. Nếu cửa kính không đóng hoặc mở tự động khi công tắc được ấn hoặc nâng đến điểm tác dụng thứ 2, lặp lại quy trình này.

Chế độ an toàn

CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt không hoạt động trong quy trình này.

Nếu hệ thống phát hiện hư hỏng, nó sẽ chuyển sang chế độ an toàn. Cửa kính sẽ chuyển động chỉ khoảng 0,5 giây tại một thời điểm và sau đó lại dừng. Đóng cửa kính bằng cách nhấn công tắc lần nữa khi cửa kính ngừng chuyển động. Cần kiểm tra hiện tượng này ngay lập tức.

Chức năng mở và đóng toàn bộ (GO/GC) (Nếu trang bị)

Bạn vẫn có thể vận hành cửa kính khi chìa khóa điện tắt trong vòng 1 phút thông qua chức năng đóng và mở toàn bộ.

Ghi Chú: Chức năng mở toàn bộ và đóng toàn bộ sẽ mở hoặc đóng cửa kính một cách tự động chỉ với các xe được trang bị chức năng này.

Ghi Chú: Chức năng đóng toàn bộ chỉ hoạt động khi bạn thiết lập bộ nhớ chính xác cho từng cửa kính. Bộ nhớ được thiết lập mặc định, bạn sẽ phải thiết lập lại nó nhưng chỉ khi có vấn đề phát sinh.

Chức năng chống kẹt (với xe có chức năng GO/GC)

CẢNH BÁO



Đóng kính cửa không cẩn thận có thể vượt qua chức năng bảo vệ và gây ra thương tích.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

Nều gấp chướng ngại vật trong khi đóng, cửa kính sẽ tự động dừng lại và chạy theo hướng ngược lại một đoạn.

VƯỢT QUA CHỨC NĂNG CHỒNG KỆT

CHÚ Ý

⚠ Trong khi bạn đóng cửa kính (tự động đi lên) đến lần thứ 3 với chướng ngại vật chắn trên hành trình, chức năng chồng kẹt bị tắt. Cần chắc chắn không có chướng ngại vật khi đóng kính cửa.

Để vượt qua chức năng bảo vệ khi đến vị trí bị nặng, chẳng hạn như trong mùa đông, thực hiện các bước sau:

1. Đóng cửa kính hai lần đến vị trí bị nặng và cho cửa kính chạy theo hướng ngược lại.
2. Đóng cửa kính lần thứ ba đến vị trí bị nặng. Chức năng chồng kẹt bị tắt và bạn không thể đóng cửa kính một cách tự động. Cửa kính sẽ vượt qua vị trí bị nặng và bạn hoàn toàn có thể đóng cửa này bằng tay.
3. Nếu cửa kính không đóng được sau ba lần thực hiện thao tác thì cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

CẢNH BÁO

⚠ Không nên quá dựa vào khoảng cách đến vật khi nhìn qua gương lồi. Các vật trong gương lồi nhìn sẽ nhỏ hơn và xa hơn so với thực tế.

Gương gấp bằng tay

Gấp gương

Đẩy gương về phía kính cửa.

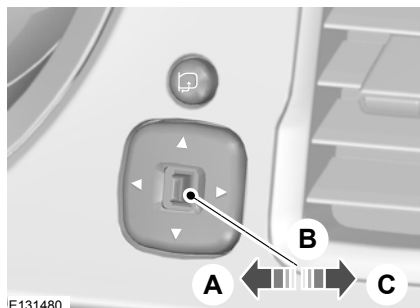
Mở gương

Chắc chắn là bạn đã mở gương để nó ăn khớp hoàn toàn vào phần đế khi đưa nó về vị trí ban đầu.

GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

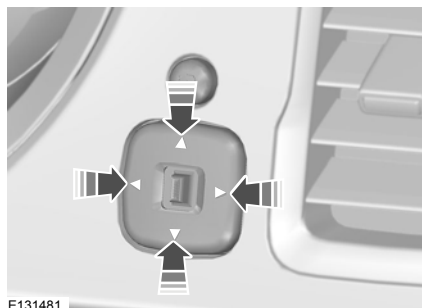
CẢNH BÁO

⚠ Không nên quá tin tưởng vào khoảng cách của vật khi nhìn qua gương lồi. Các vật nhìn qua gương lồi sẽ nhỏ hơn và xa hơn so với thực tế.



- A Gương bên trái
- B Tắt
- C Gương bên phải

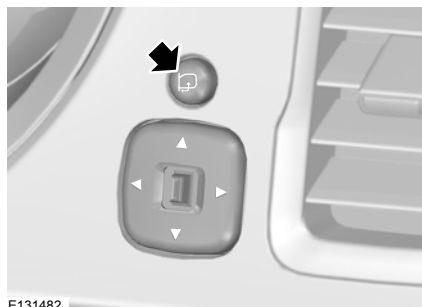
CỬA SỔ và gương chiếu hậu



E131481

Gương điện bên ngoài được gắn bộ phận sưởi có thể làm tan băng hoặc sương trên bề mặt gương. Tham khảo **Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu** (trang 71).

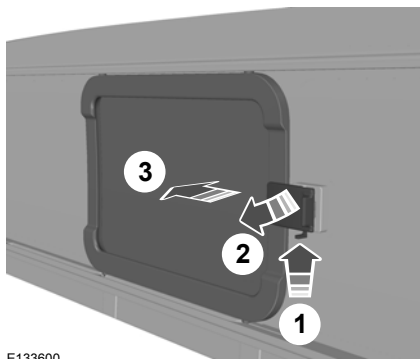
Gương gập bằng điện



E131482

Để gập và mở các gương, nhấn nhanh công tắc. Nếu công tắc này được nhấn một lần nữa trong khi gương đang di chuyển, thì chúng sẽ dừng lại và đảo chiều di chuyển.

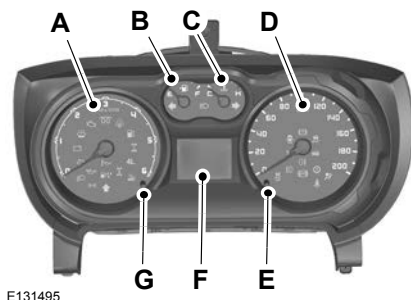
CỬA SỔ TRƯỢT



E133600

Cụm đồng hồ

CÁC ĐỒNG HỒ ĐO



- A Đồng hồ vòng tua động cơ
- B Đồng hồ nhiên liệu
- C Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát
- D Đồng hồ tốc độ xe
- E Nút chiếu sáng mờ
- F Màn hình thông tin
- G Nút bấm cài đặt lại và lựa chọn hiển thị bộ đếm hành trình

Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát

Hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ. Ở nhiệt độ làm việc bình thường, kim sẽ nằm ở phần giữa.

CHÚ Ý



Không khởi động động cơ khi nguyên nhân gây ra quá nhiệt chưa được xử lý.

Nếu kim chuyển sang vùng màu đỏ có nghĩa là động cơ bị quá nhiệt. Tắt máy, tắt chìa khóa điện và xác định nguyên nhân **ngay khi động cơ nguội**. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).

Đồng hồ nhiên liệu

Các mũi tên bên cạnh biểu tượng bơm nhiên liệu sẽ cho bạn biết vị trí nắp lọc nhiên liệu ở bên cạnh chiếc xe của bạn.

ĐÈN CẢNH BÁO VÀ CHỈ BÁO

Các đèn cảnh báo và tính hiệu sau đây sẽ bật lên một lúc khi bật khóa điện để xác nhận là hệ thống đang hoạt động tốt:

- Đèn cảnh báo ABS
- Đèn báo hệ thống chống trộm của xe
- Đèn cảnh báo hệ thống phanh
- Đèn cảnh báo nạp ắc quy
- Đèn cảnh báo túi khí
- Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp
- Đèn báo kiểm soát cân bằng (ESP)
- Đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn
- Đèn cảnh báo nhắc nhở thay dầu bôi trơn (chỉ có ở động cơ Diesel)
- Đèn cảnh báo động cơ
- Đèn báo dẫn động bốn bánh
- Đèn báo dẫn động bốn bánh (4L)
- Đèn báo khóa vi sai bằng điện (ELD)
- Đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu (chỉ có ở động cơ Diesel)
- Đèn báo mức dung dịch nước rửa kính
- DPF (Bộ lọc bụi khí xả diesel)
- Đèn cảnh báo sương mù/băng

Đèn cảnh báo ABS



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Bạn sẽ vẫn phanh được bình thường (không có ABS). Kiểm tra hệ thống cần phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Cụm đồng hồ

Đèn báo hệ thống chống trộm của xe



Đèn báo hệ thống chống trộm của xe sẽ nhấp nháy khi rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa hoặc đưa chìa khóa không đúng vào ổ khóa.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh



Đèn này sáng khi kéo phanh tay.

CẢNH BÁO



Giảm dần tốc độ và dừng xe ngay khi có thể. Cần cẩn thận khi sử dụng phanh.

Nếu đèn sáng trong khi xe chạy, kiểm tra lại xem còn kéo phanh tay hay không. Nếu phanh tay không bị kéo thì hệ thống đang có lỗi. Cần phải nhờ kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra ngay lập tức.

Đèn cảnh báo nạp ắc quy



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Tắt tất cả các thiết bị điện không cần thiết. Hãy mang xe của bạn tới đại lý ủy quyền để kiểm tra ngay lập tức.

Đèn cảnh báo túi khí



Nếu nó sáng trong lúc lái xe, điều đó chỉ ra rằng hệ thống có lỗi. Kiểm tra càng sớm càng tốt.

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp



Nếu đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp bật sáng, đổ đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.

Các mũi tên bên cạnh biểu tượng bơm nhiên liệu sẽ cho bạn biết vị trí nắp thùng nhiên liệu ở bên cạnh xe của bạn.

Đèn báo kiểm soát cân bằng (ESP)



Khi xe chạy, đèn sẽ nhấp nháy khi kích hoạt hệ thống. Sau khi bật chìa khóa điện, nếu đèn không sáng hay sáng liên tục trong khi xe chạy thì có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Khi có lỗi, hệ thống sẽ tắt. Kiểm tra hệ thống cần phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.



Nếu bạn nhấn tắt ESP, đèn cảnh báo sẽ chớp hai lần và sáng liên tục. Đèn sẽ tắt khi bạn bật hệ thống hoặc khi bạn tắt chìa khóa điện.

Đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn

CHÚ Ý



Không tiếp tục hành trình nếu đèn báo áp suất dầu bôi trơn sáng mặc dù mức dầu vẫn đủ. Cần kiểm tra hiện tượng này ngay lập tức.



Nếu đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn bật sáng, điều đó chỉ ra rằng hệ thống này đang bị lỗi. Dừng xe, và tắt động cơ và kiểm tra mức dầu bôi trơn. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).

Đèn cảnh báo nhắc nhở thay dầu bôi trơn (chỉ có ở động cơ Diesel)



Đèn cảnh báo nhắc nhở thay dầu bôi trơn chỉ ra rằng động cơ yêu cầu phải thay dầu bôi trơn do lượng muội than tích tụ quá mức trong dầu bôi trơn động cơ.

Đèn cảnh báo động cơ

Đèn báo lỗi



Cụm đồng hồ

Đèn cảnh báo hệ thống truyền động



Với tất cả các phiên bản xe

Nếu các đèn này sáng khi động cơ đang hoạt động có nghĩa là đang có lỗi. Động cơ sẽ tiếp tục hoạt động nhưng công suất sẽ giảm xuống. Nếu đèn nhấp nháy trong khi xe chạy, giảm tốc độ ngay lập tức. Nếu đèn tiếp tục nhấp, tránh tăng tốc hoặc giảm tốc nhanh. Cần phải nhờ kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra ngay lập tức.

CẢNH BÁO



Cần kiểm tra hiện tượng này ngay lập tức.

Nếu cả hai đèn đều sáng, dừng xe càng sớm càng tốt để đảm bảo an toàn (việc tiếp tục chạy xe có thể dẫn đến giảm công suất và làm động cơ tắt máy). Tắt chìa khóa và thử khởi động lại. Nếu động cơ khởi động lại được, hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn. Nếu động cơ không khởi động lại được, xe cần được kiểm tra trước khi tiếp tục hành trình.

Đèn báo dẫn động bốn bánh



Đèn báo dẫn động bốn bánh sẽ sáng khi công tắc dẫn động bốn bánh ở vị trí **4H** hoặc **4L**. Nó sẽ nhấp nháy khi vào khớp 4H hoặc 4L. Tham khảo **Dẫn động bốn bánh** (trang 96).

Đèn báo dẫn động bốn bánh thấp (4L)



Đèn báo dẫn động bốn bánh tốc độ thấp (4L) sẽ bật sáng khi công tắc ở vị trí **4L**. Nó sẽ nhấp nháy trong lúc vào khớp ở vị trí 4L. Tham khảo **Dẫn động bốn bánh** (trang 96).

Đèn cảnh báo khóa vi sai bằng điện (ELD)



Đèn cảnh báo (ELD) sẽ bật sáng khi vi sai cầu sau được khóa. Đèn sẽ nhấp nháy nếu có lỗi được phát hiện hoặc nếu yêu cầu khóa hoặc nhả chưa được hoàn thành. Tham khảo **Dẫn động bốn bánh** (trang 96).

Đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu (chỉ có ở động cơ Diesel)



Đèn báo nước trong nhiên liệu sẽ sáng nếu lượng nước trong lọc nhiên liệu vượt quá mức. Xả nước ngay lập tức. Tham khảo **Xả nước trong lọc nhiên liệu** (trang 150).

Đèn báo nước rửa kính



Nó sẽ sáng khi mực nước rửa kính thấp hơn vạch đánh dấu Min. Tham khảo **Kiểm tra mực nước rửa kính** (trang 151).

DPF (Bộ lọc bụi khí xả diesel)



Nếu nó sáng, kiểm tra hệ thống bởi một kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Đèn cảnh báo sương mù/băng



Ngay cả khi nhiệt độ tăng lên trên +4°C (39°F) thì cũng không đảm bảo được rằng thời tiết khắc nghiệt không gây ra các mối nguy hiểm cho xe trên mặt đường.



Đèn này sẽ sáng với ánh sáng màu cam khi nhiệt độ không khí bên ngoài nằm giữa khoảng 4°C và 0°C (39°F và 32°F). Nó sẽ có màu đỏ khi nhiệt độ thấp hơn 0°C (32°F).

Cụm đồng hồ

Đèn cảnh báo cửa mở



Đèn cảnh báo cửa mở sẽ bật sáng khi bạn bật chìa khóa điện và nếu bạn đóng cửa không chặt.

Đèn báo bu gi sây - Đồng với xe có động cơ diesel



Tham khảo **Khởi động động cơ dầu** (trang 86).

Đèn báo rẽ

Đèn báo rẽ bên phải



Đèn báo rẽ bên trái



Đèn báo rẽ sẽ nháy khi bạn sử dụng chức năng báo rẽ. Tốc độ nháy đèn tăng lên đột ngột báo hiệu bóng đèn bị hỏng.

Đèn báo đèn pha.



Đèn báo đèn pha sẽ bật sáng khi bạn bật đèn bên và đèn đuôi xe.

Đèn báo mở đèn chiếu xa



Đèn báo đèn chiếu xa bật sáng khi bạn bật công tắc đèn chiếu xa (pha). Đèn sẽ nháy khi bạn nháy đèn pha.

Đèn báo đèn sương mù phía trước



Đèn báo đèn sương mù phía trước sẽ bật sáng khi bạn bật công tắc đèn sương mù phía trước.

Đèn báo đèn sương mù phía sau



Đèn báo đèn sương mù phía sau sẽ bật sáng khi bạn bật công tắc đèn sương mù phía sau.

Đèn báo dây đai



Tham khảo **Nhắc nhở thắt dây đai an toàn** (trang 25).

Đèn báo chuyển số (Chỉ với số sàn)



Đèn sáng nhắc bạn chuyển lên số cao hơn để tiết kiệm nhiên liệu và giảm lượng CO2 trong khí thải.

Điều khiển ga tự động



Đèn sẽ sáng khi bạn thiết lập một tốc độ xe bằng cách sử dụng hệ thống điều khiển ga tự động.

CẢNH BÁO BẰNG TÍN HIỆU ÂM THANH VÀ CÁC CHỈ BÁO

Cảnh báo cửa mở

Chuông cảnh báo cửa mở sẽ kêu nếu tốc độ cửa xe xấp xỉ 10km/h (6,2 dặm/giờ) và bạn không đóng các cửa.

Cảnh báo đèn sáng

Chuông cảnh báo đèn sáng sẽ kêu nếu chìa khóa không ở vị trí **II** hoặc **III** và mở bất kỳ cửa nào trước khi tắt đèn.

Cảnh báo không ở số đỗ

Chuông cảnh báo không ở số đỗ sẽ kêu nếu cần số không ở vị trí đỗ và cửa lái mở.

Cảnh báo phanh tay

Chuông cảnh báo phanh tay sẽ kêu nếu phanh tay vẫn kéo và xe vượt quá tốc độ 5 km/h (3 dặm/giờ).

Cụm đồng hồ

Cảnh báo dự phòng hệ thống an toàn

Chuông cảnh báo dự phòng hệ thống an toàn sẽ kêu nếu đèn cảnh báo hệ thống an toàn bị lỗi. Năm đợt tiếng chuông gồm 5 tiếng sẽ phát ra trong mỗi 30 phút.

Cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Chuông cảnh báo mức nhiên liệu thấp sẽ kêu khi đèn cảnh báo nhiên liệu thấp được kích hoạt và / hoặc màn hình thông tin số km còn đi được là 80, 40, 20, 0 km (50, 25, 10,0 dặm).

Đèn báo rẽ

Chuông báo rẽ sẽ kêu khi bật đèn báo rẽ trái hoặc phải.

Cảnh báo đèn báo rẽ

Chuông cảnh báo đèn báo rẽ sẽ kêu nếu đèn báo rẽ trái hoặc phải tiếp tục bật và quãng đường đi được khoảng 3,2 km (1,98 dặm).

Đèn dừng một bên

Chuông báo đèn dừng một bên sẽ kêu khi đèn đỏ một bên được bật.

Vào nhà an toàn

Chuông cảnh báo vào nhà an toàn sẽ kêu khi đèn kích hoạt đèn chiếu sáng an toàn vào nhà.

Bộ nhắc thắt đai an toàn

Chuông cảnh báo đai an toàn sẽ kêu nếu đai an toàn ghế lái và/hoặc ghế hành khách được mở và tốc độ của xe vượt quá khoảng 25 km/h (15,5 dặm/giờ).

Cảnh báo chuông báo

Chuông cảnh báo sẽ kêu nếu xe được mở khóa bởi chìa khóa mà không phải là chìa điều khiển từ xa. Chuông sẽ kêu đến 12 giây cho đến khi nút mở khóa trên chìa có điều khiển được nhấn chìa khóa đúng được đưa vào ổ khóa điện và xoay đến vị trí II hoặc III. Nếu 12 giây trôi qua trước khi việc này xảy ra, chuông trên xe sẽ kêu.

Cảnh báo chìa khóa điện đang ở trong ổ khóa

Chuông cảnh báo chìa khóa điện đang ở trong ổ khóa sẽ kêu nếu chìa khóa được cắm vào ổ khóa (nhưng không xoay đến vị trí II hoặc III) và cửa lái bị mở.

Cảnh báo vượt quá tốc độ

Chuông cảnh báo vượt quá tốc độ sẽ kêu nếu tốc độ của xe vượt quá khoảng 120km/h (74,5 dặm/giờ).

Cảnh báo mức nước rửa kính

Chuông cảnh báo mức nước rửa kính sẽ kêu nếu mức nước rửa kính trong bình ở mức thấp.

Cảnh báo quên khóa

Chuông cảnh báo quên khóa sẽ kêu nếu cửa không được khóa sau khi nhấn nút khóa.

Ghi Chú: Chức năng này mặc định được tắt. Để kích hoạt, bạn cần liên lạc với đại lý của Ford.

Hiển thị thông tin

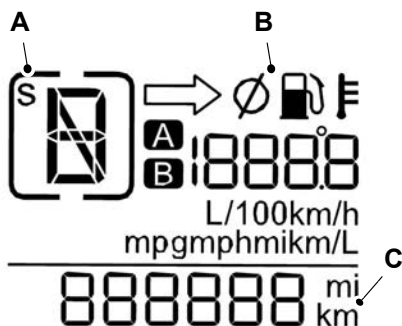
THÔNG TIN CHUNG

CẢNH BÁO



Không vận hành bộ điều khiển màn hình thông tin khi xe đang chạy.

Ghi Chú: Màn hình thông tin sẽ tiếp tục bật trong vài phút sau khi bạn tắt khóa điện.

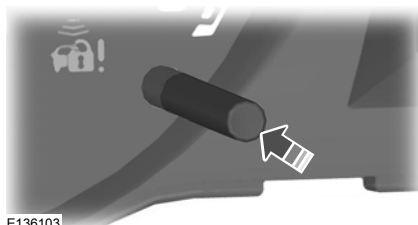


E136109

- A Màn hình hiển thị tốc độ (chỉ có hộp số tự động)
- B Màn hình máy tính hành trình
- C Màn hình hiển thị của hành trình kế

MÁY TÍNH HÀNH TRÌNH

Các bộ phận điều khiển



E136103

Vị trí: Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 57).

Nhấn nút **SET/RESET** ngắn hơn 2 giây để:

- Lựa chọn giữa các hiển thị thông tin quãng đường

Nhấn và giữ nút **SET/RESET** hơn 2 giây để:

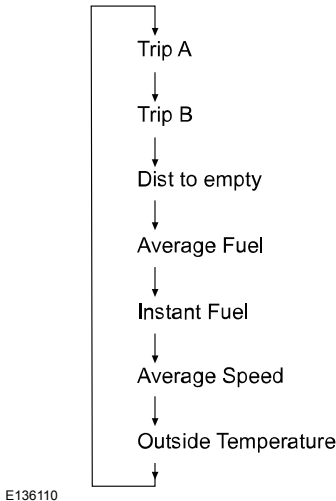
- Đặt lại đoạn đường A
- Đặt lại đoạn đường B
- Đặt lại mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình
- Đặt lại tốc độ trung bình

Bảng hiển thị thông tin quãng đường bao gồm những thông tin hiển thị sau:

Đồng hồ đo tổng quãng đường

Thể hiện tổng quãng đường xe đã đi được.

Hiển thị thông tin



E136110

Độ dài quãng đường (Trip A và B)



E138112



E138113

Hiển thị quãng đường đi được của một hành trình.

Khoảng cách còn đi được (Distance to empty)

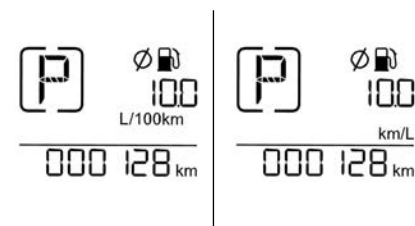


E138114

Thể hiện khoảng cách tương đối mà xe còn đi được với lượng nhiên liệu có trong bình chứa. Việc thay đổi cách lái có thể làm thay đổi giá trị này.

Hiển thị thông tin

Lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình (Average fuel consumption)



E138117



E138116

Thẻ hiển mức tiêu hao nhiên liệu hiện thời.

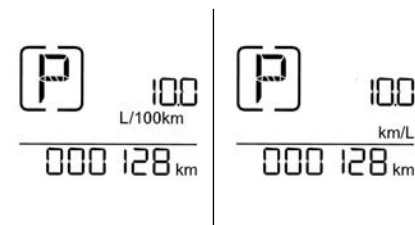
Tốc độ trung bình (Average speed)



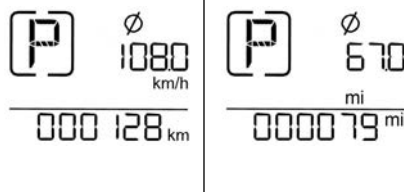
E138118

Thẻ hiển mức tiêu hao nhiên liệu kể từ lần đặt lại trước đó.

Tiêu thụ nhiên liệu tức thời (Instantaneous fuel consumption)



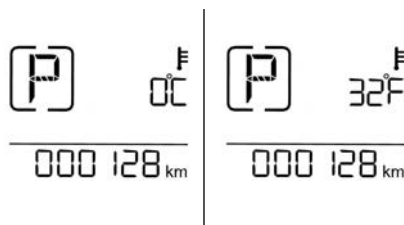
E138115



E138119

Thẻ hiển tốc độ trung bình được tính toán kể từ lần trước.

Nhiệt độ bên ngoài (Outside air temperature)



E138120

Hiển thị thông tin

Thể hiện nhiệt độ ngoài trời.

Ghi Chú: Vị trí thông tin hành trình có thể thay đổi tùy vào thông tin được hiển thị trên màn hình.

CÀI ĐẶT CÁ NHÂN

Chọn ngôn ngữ



- A Bảng chọn cài đặt ngôn ngữ được kích hoạt
- B Hiển thị tiêu đề ngôn ngữ

Lựa chọn một trong 11 ngôn ngữ được chỉ dưới đây:

- 01: Tiếng Anh - GB
- 02: Tiếng Thụy Điển - S
- 03: Tiếng Đức - D
- 04: Tiếng Hà Lan - NL
- 05: Tiếng Pháp - F
- 06: Tiếng Ý - I
- 07: Tiếng Tây Ban Nha - E
- 08: Tiếng Bồ Đào Nha - P
- 09: Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ - TR
- 10: Tiếng Nga - RUS
- 11: Tiếng Ba Lan - PL

Để nhập bằng chọn cài đặt ngôn ngữ:

1. Tắt máy, nhấn và giữ nút điều chỉnh sáng tối. Để biết vị trí: Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 57). và bật chìa khóa.
2. Màn hình sẽ hiển thị menu cài đặt ngôn ngữ kích hoạt.
3. Nhấn nút **SET/RESET** để lựa chọn các ngôn ngữ khác nhau.
4. Nhấn và giữ nút **SET/RESET** để cài đặt ngôn ngữ hiển thị hiện thời.
5. Một tiếng chuông được nghe để xác nhận sự lựa chọn.
6. Màn hình trở lại hoạt động bình thường.

Đơn vị đo

Để lựa chọn tham số hoặc hệ thống đo cho việc hiển thị nhiệt độ ngoài trời:

1. Thay đổi chế độ hiển thị tới "Outside Temperature."
2. Nhấn và giữ nút **SET/RESET** hơn hai giây và màn hình hiển thị sẽ thay đổi.

Việc chuyển giữa các hệ đơn vị đo thông qua màn hình sẽ ảnh hưởng đến các hiển thị sau:

- Nhiệt độ không khí bên ngoài.
- Nhiệt độ hiển thị ở chế độ điều hòa không khí tự động.
- Nhiệt độ được đặt trong hiển thị đa chức năng.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Không khí bên ngoài

Giữ cho việc nạp không khí phía trước kính chắn gió không bị cản (do tuyết, lá cây...) để giúp cho hệ thống điều hòa không khí hoạt động hiệu quả.

Chế độ gió trong

CHÚ Ý



Việc sử dụng chế độ gió trong quá lâu sẽ dẫn đến đọng sương kính cửa. Nếu các kính cửa bị đọng sương, thực hiện chế độ làm tan băng và tan sương kính chắn gió.

Không khí trong xe sẽ được tuần hoàn.
Không khí bên ngoài sẽ không vào trong xe.

Chức năng sưởi

Khả năng sưởi phụ thuộc nhiệt độ nước làm mát động cơ.

Điều hòa không khí

Ghi Chú: Điều hòa không khí chỉ hoạt động khi nhiệt độ cao hơn 4°C (39°F).

Ghi Chú: Nếu sử dụng điều hòa, tiêu thụ nhiên liệu sẽ tăng lên.

Không khí được dẫn đến giàn lạnh để được làm lạnh. Hơi ẩm sẽ được tách ra khỏi không khí giúp cho kính cửa hết đọng sương. Hơi nước ngưng tụ sẽ được dẫn ra ngoài xe, nên sẽ là bình thường nếu bạn thấy nước đọng thành vũng ở phía dưới xe.

Thông tin chung về điều khiển điều hòa trong xe

Đóng tất cả cửa kính.

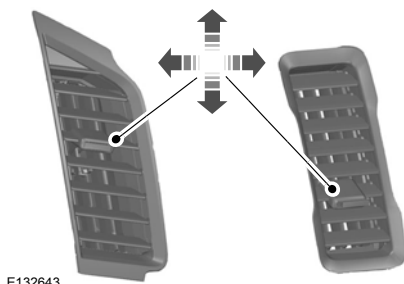
Sấy nóng bên trong xe

Chỉnh hướng gió xuống chân. Trong thời tiết lạnh hoặc ẩm, chỉnh một ít gió về phía kính chắn gió và kính cửa.

Làm lạnh bên trong xe

Chỉnh hướng gió về phía mặt bạn.

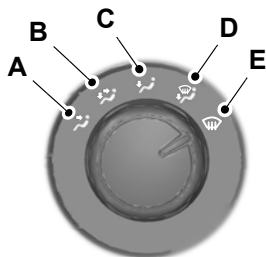
CỬA GIÓ ĐIỀU HÒA



ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ ĐIỀU KHIỂN BẰNG TAY

Điều khiển phân phối gió

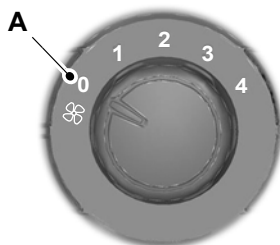


E132661

- A Gió lên mặt
- B Lên mặt và xuống chân
- C Gió xuống chân
- D Xuống chân và lên kính chắn gió
- E Kính chắn gió

Bạn có thể thiết lập điều khiển phân phối gió đến bất kỳ vị trí nào được chỉ ra. Một lượng nhỏ không khí hướng về phía kính chắn gió ở các vị trí B và C.

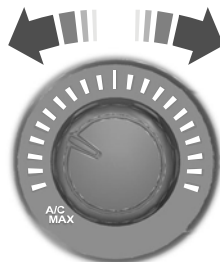
Quạt gió



E132663

A Tắt

Điều khiển nhiệt độ



E132662

Màu Xanh Lạnh

Màu đỏ Ấm

A/C Làm lạnh tối đa
MAX

Chế độ gió trong



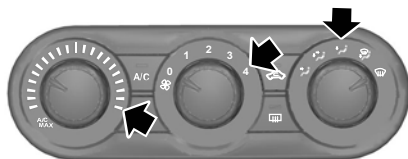
Nhấn nút bật gió trong để chuyển giữa chế độ gió ngoài và gió trong.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Thiết lập hệ thống

Ghi Chú: Điều chỉnh tất cả bộ phận điều khiển đến vị trí được chỉ ra.

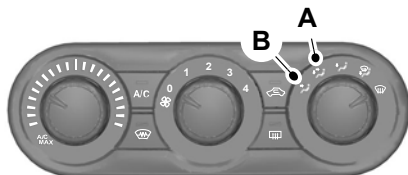
Sưởi nhanh nội thất



E132666

Chọn chế độ gió ngoài.

Thông gió



E132667

A Lên mặt và xuống chân

B Gió lên mặt

Thiết lập điều khiển phân phối gió tới vị trí **A** hoặc vị trí **B**. Điều chỉnh quạt gió và nhiệt độ đến bất kỳ vị trí nào và chọn chế độ gió ngoài. Mở các cửa gió phù hợp với yêu cầu cá nhân.

Bật và tắt điều hòa nhiệt độ



Nhấn nút **A/C** để bật và tắt điều hòa.

Làm lạnh bằng gió ngoài



E132668

Bật điều hòa và chọn chế độ gió ngoài.

Làm lạnh nhanh trong xe



E132669

Lựa chọn A/C MAX sẽ làm lạnh tối đa. Để tắt A/C MAX, bỏ chọn A/C hoặc chế độ gió trong.

Làm tan băng và sương mù trên kính chắn gió nhanh chóng



E132665

Chọn hướng gió tới kính chắn gió thì nó sẽ tự động bật điều hòa và chọn chế độ gió ngoài.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Giảm độ ẩm trong xe



E132670

Chọn luồng gió tới kính chắn gió thì nó sẽ tự động bật điều hòa và chọn chế độ gió ngoài.

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TỰ ĐỘNG

Hệ thống điều khiển nhiệt độ, lượng gió và phân phối gió một cách tự động và điều chỉnh phù hợp với điều kiện lái xe và điều kiện thời tiết. Ấn nhanh nút **AUTO** một lần để bật chế độ tự động.

Ghi Chú: Ở chế độ **AUTO**, đảm bảo nhiệt độ được đặt ở mức mong muốn (22°C (71°F) là tốt nhất).

Ghi Chú: Nếu hệ thống điều khiển khí hậu hoạt động, thông tin liên quan đến hệ thống này được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 62).

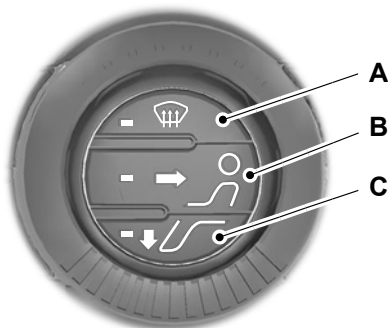
Ghi Chú: Tránh điều chỉnh các chế độ khi trong xe quá nóng hay quá lạnh. Hệ thống điều khiển khí hậu tự động sẽ điều chỉnh đến tình trạng hiện thời một cách tự động. Để hệ thống hoạt động tốt, các cửa gió ở giữa và bên cạnh cần phải mở hoàn toàn.

Ghi Chú: Cảm biến nhiệt mặt trời được bố trí trên mặt bảng táp lô. Không che cảm biến này bằng bất kỳ vật gì.

Ghi Chú: Cảm biến nhiệt độ trong xe nằm phía sau của lưới thông gió bên dưới bộ điều khiển phân phối gió. Không che lưới thông gió bằng bất kỳ vật gì.

Ghi Chú: Khi nhiệt độ bên ngoài thấp và hệ thống ở chế độ tự động, lưu lượng không khí sẽ thấp và dòng không khí sẽ hướng đến kính chắn gió và kính cửa bên khi động cơ còn nguội.

ĐIỀU KHIỂN PHÂN PHỐI GIÓ



E132685

- A Kính chắn gió
- B Gió lên mặt
- C Gió xuống chân

Để điều chỉnh phân phối gió, nhấn nút mong muốn. Có thể lựa chọn kết hợp các chế độ **A, B, C, A và C** và **B và C**.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Quạt gió



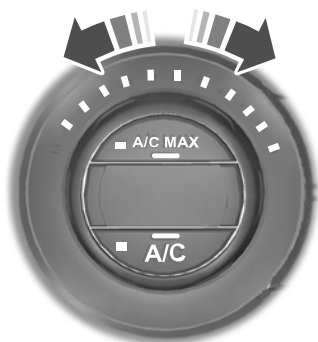
E132686

Ghi Chú: Khi quạt gió ở chế độ **AUTO**, đèn báo điều chỉnh quạt gió sẽ không sáng.

Khi tốc độ quạt được điều khiển bằng tay bằng cách thao tác nút vặn, các việc điều khiển quạt gió được hiển thị trên màn hình ở phía trên điều khiển phân phối gió.

Để quay lại chế độ tự động, ấn nhanh nút **AUTO**.

Điều khiển nhiệt độ



E132687

Bạn có thể chọn nhiệt độ nằm giữa 16°C (61°F) và 28°C (82°F) với bước 0,5°C (1°F). Ở vị trí **LO** (thấp hơn 16°C (61°F)) hệ thống sẽ chuyển sang chế độ làm mát lâu dài, ở vị trí **HI** (trên 28°C (82°F)) để chuyển sang chế độ sưởi lâu dài, và không tự điều chỉnh ổn định nhiệt độ.

Chế độ đơn

Ở chế độ đơn, việc chọn nhiệt độ giữa phía bên người lái và phía bên phụ là liên thông với nhau. Nếu bạn điều chỉnh nhiệt độ bằng nút xoay bên lái, thì nhiệt độ ở bên phụ cũng được điều chỉnh về bằng với bên lái.

Đề bật chế độ kép

Nhấn lâu nút **AUTO** hoặc chọn nhiệt độ bên phụ bằng nút xoay bên phụ. Nhiệt độ bên lái sẽ giữ không đổi. Bây giờ bạn có thể điều chỉnh nhiệt độ bên lái và bên phụ độc lập với nhau. Việc chọn nhiệt độ của mỗi bên sẽ được hiển thị trên màn hình. Bạn có thể chọn nhiệt độ khác nhau giữa hai bên lên tới 4°C (8°F).

Ghi Chú: Nếu bạn chọn nhiệt độ khác nhau giữa hai bên lớn hơn 4°C (8°F), nhiệt độ phía còn lại sẽ được điều chỉnh sao cho chênh lệch nhiệt độ ở mức 4°C (8°F).

Đề tắt chế độ kép

Ấn nút **AUTO** trong khoảng 3 giây hoặc chọn **HI** hoặc **LO** ở phía bên lái. Nhiệt độ bên phụ sẽ được điều chỉnh về bằng nhiệt độ bên lái.

Chế độ gió trong



Ấn nút gió trong để chuyển đổi giữa hai chế độ gió trong và gió ngoài.

Điều khiển điều hòa

Ghi Chú: Khi hệ thống ở chế độ tự động và nhiệt độ bên trong cũng như bên ngoài xe khá nóng, hệ thống sẽ tự động chọn chế độ gió trong để tăng khả năng làm mát. Một khi đạt được nhiệt độ mong muốn, hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ gió ngoài.

Làm lạnh nhanh trong xe

A/C MAX

Lựa chọn A/C MAX sẽ cung cấp hiệu quả làm mát tối đa cho người sử dụng. Ấn nút A/C MAX lần 2 để tắt A/C MAX.

Làm tan băng và tan sương kính chắn gió



Ấn nút tan băng **MAX** để làm tan sương nhanh kính chắn gió.

Không khí mới sẽ đi vào trong xe và hệ thống điều hòa được chọn một cách tự động. Tốc độ quạt gió, điều khiển nhiệt độ và chế độ gió ngoài sẽ hoạt động một cách tự động và không thể điều chỉnh bằng tay. Quạt gió sẽ được đặt ở tốc độ tối đa và nhiệt độ tới **HI**.

Khi bạn chọn nút tan băng MAX, sấy kính sẽ tự động bật và tắt sau một thời gian định trước.

Ấn nút tan băng **MAX** lần hai sẽ đưa hệ thống trở về trước khi cài đặt.

Để quay lại chế độ tự động, ấn nhanh nút **AUTO**.

Bật và tắt điều hòa nhiệt độ

A/C

Nhấn nút **A/C** để bật và tắt điều hòa. Đèn trên nút bấm chỉ ra tình trạng của hệ thống điều hòa A/C.

Ghi Chú: A/C chỉ hoạt động khi động cơ làm việc.

Tắt chế độ điều khiển khí hậu tự động



Ấn nút **nguồn** để bật và tắt hệ thống. Khi bị tắt, chế độ gió ngoài được chọn nhưng cũng có thể chọn chế độ gió ngoài bằng tay.

SỬ DỤNG CỬA SỔ VÀ KÍNH CHIỀU HẬU

Kính có xông

Sử dụng kính có xông để khử băng hoặc gạt sương cho kính chắn gió hoặc kính phía sau.

Ghi Chú: Cửa có xông chỉ hoạt động khi động cơ hoạt động.

Ghi Chú: Kính có xông sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian đặt trước.

Kính chắn gió có xông



Ấn nút kính chắn gió có xông để mở và đóng kính chắn gió có xông.

Kính phía sau có xông



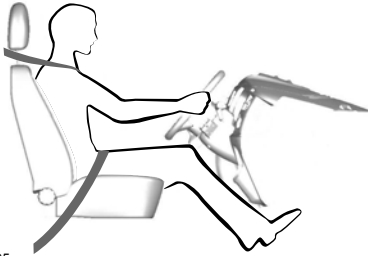
Ấn nút kính phía sau có xông để mở và đóng kính phía sau có xông.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Kính chiếu hậu ngoài có xông

Kính chiếu hậu bên ngoài có xông được lắp bộ phận gia nhiệt để khử băng hay gạt sương cho mặt gương. Chúng sẽ tự động bật khi bạn bật sấy kính sau.

NGỒI ĐÚNG VỊ TRÍ



E68595

CÁC CẢNH BÁO



Không điều chỉnh ghế khi xe đang chạy.



Chỉ khi bạn thắt đai an toàn đúng, thì chúng mới giữ bạn ở vị trí cho phép túi khí có tác dụng tối đa.

Khi bạn sử dụng đúng, ghế, tựa đầu, đai an toàn, túi khí sẽ có tác dụng bảo vệ tốt nhất nếu xảy ra va chạm. Chúng tôi khuyến nghị:

- ngồi thẳng, ngay ngắn với cột sống của bạn càng lùi về phía sau càng tốt.
- không ngả tựa lưng ghế quá 30 độ.
- điều chỉnh tựa đầu sao cho đỉnh của nó bằng với đỉnh đầu của bạn, và càng hướng về trước càng tốt.
- giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chúng tôi khuyến nghị khoảng cách tối thiểu giữa xương ngực của bạn và nắp túi khí là 250mm.
- cầm vô lăng với cánh tay hơi gấp.
- gập chân vừa phải sao cho có thể đạp các bàn đạp hết hành trình.
- cài đai dọc của đai an toàn qua giữa vai và cài chặt đai ngang qua hông.

Cần chắc chắn vị trí ngồi lái là thoải mái và bạn có thể kiểm soát hoàn toàn chiếc xe.

GHÈ TRƯỚC

CÁC CẢNH BÁO

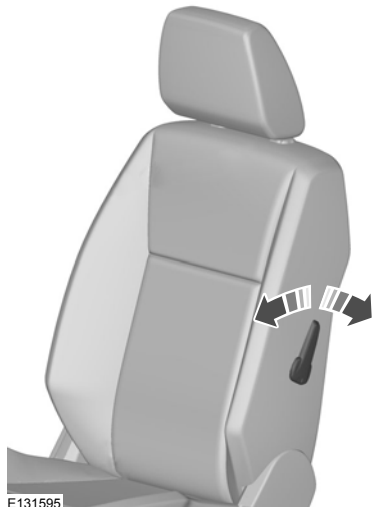


Không lắp thêm bọc ghế không được thiết kế dùng cho ghế có trang bị túi khí bên. Bọc ghế cần được lắp bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



Không điều chỉnh ghế khi xe đang chạy.

Điều chỉnh đệm đỡ lưng



E131595

Ghế

Di chuyển ghế ngồi lên phía trước và lùi lại phía sau (Ghế điều chỉnh bằng tay)



E131590

CẢNH BÁO



Lắc ghế về phía trước và phía sau khi nhả cần điều chỉnh để đảm bảo ghế được cài hoàn toàn vào hãm.

CHÚ Ý



Không di chuyển ghế ngồi phía trước quá gần bảng đồng hồ táp lô.

Điều chỉnh độ cao của ghế người lái (Ghế ngồi điều chỉnh bằng tay)



E131593

Mỗi lần kéo hay ấn lên cần điều chỉnh sẽ nâng hoặc hạ chiều cao ghế một khoảng nhỏ.

Ghế

Điều chỉnh góc của tựa lưng (Ghế ngồi điều chỉnh bằng tay)



E131592

CÁC CẢNH BÁO



Lắc tựa lưng về phía trước và phía sau khi nhả cần điều chỉnh để đảm bảo ghế được cài hoàn toàn vào hãm.



Nếu ghế hành khách phía trước đã được di chuyển về phía trước, Lắc ghế về phía trước và phía sau khi nhả cần điều chỉnh để đảm bảo ghế được cài hoàn toàn vào hãm.

Ghế ngồi phía trước - Cabin mở rộng



E136219

Ghi Chú: Trên xe có cabin mở rộng thì ghế, hành khách phía trước có thể điều chỉnh để cho hành khách phía sau tiếp cận dễ dàng.

Gập ghế tựa (Ghế dài - Cabin đơn)



E135862

Ghế

Di chuyển ghế ngồi tiến lên phía trước và lùi lại phía sau (Ghế điều chỉnh điện)



E131591

CHÚ Ý



Không di chuyển ghế ngồi phía trước quá gần với bảng đồng hồ táp lô.

Điều chỉnh độ cao ghế người lái (Ghế điều chỉnh điện)



E131594

Điều chỉnh góc của tựa lưng (Ghế điều chỉnh điện)



E131596

Độ nghiêng của ghế (Ghế điều chỉnh điện)



E131607

TỰA ĐẦU

Điều chỉnh gò tựa đầu

CÁC CẢNH BÁO



Nâng gò tựa đầu phía sau lên khi hàng ghế phía sau có khách ngồi.



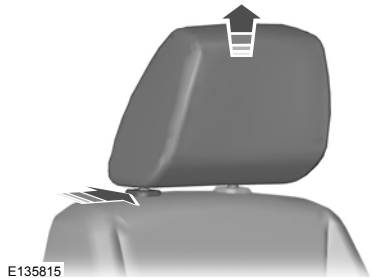
Khi trên ghế sau có sử dụng ghế trẻ em đặt hướng về phía trước, luôn cần phải tháo gò tựa đầu ra khỏi ghế đó.



Điều chỉnh gò tựa đầu sao cho đỉnh của gò tựa đầu cao bằng đỉnh đầu của bạn.

Tháo gò tựa đầu

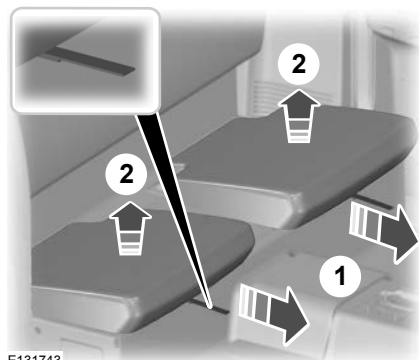
Ấn nút khóa bằng một dụng cụ thích hợp và tháo gò tựa đầu ra.



GHẾ SAU

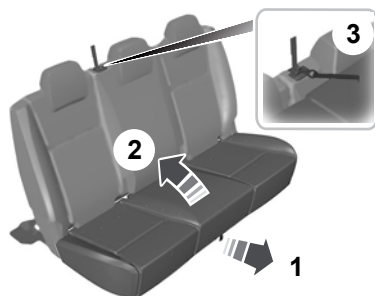
Gập đệm ghế ngồi phía sau

Cabin mở rộng



E131743

Cabin đôi



E133361

CHÚ Ý

- ⚠ Khi đệm ghế ngồi được gập xuống, dây buộc đệm phải được sắp xếp trong túi dự trữ.

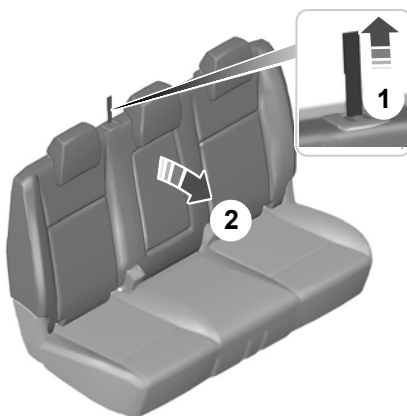
Gập tựa lưng phía sau - Cabin đôi

CẢNH BÁO

- ⚠ Khi gập tựa lưng xuống, chú ý tránh bị kẹt tay giữa tựa lưng và khung ghế.

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không sử dụng mặt phía sau của tựa lưng phía sau để làm sàn để đồ.
- ⚠ Không tháo chốt và gập tựa lưng khi miếng đệm ghế ngồi được gập lại.



E131744

Để gập tựa lưng xuống

- Kéo để nhả dây đai giữ về phía trước.
- Đẩy tựa lưng ra phía trước

Để tựa lưng trở về vị trí thẳng đứng:

- Đẩy tựa lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

CÁC CẢNH BÁO

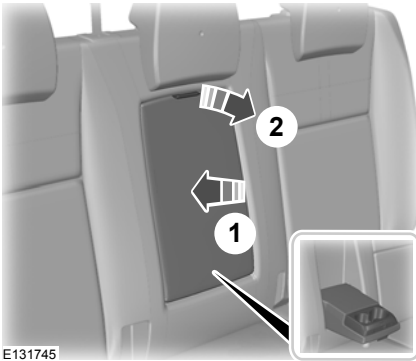
- ⚠ Khi nâng tựa lưng ghế lên, đảm bảo đai an toàn không bị che khuất hoặc bị kẹt phía sau ghế.

CÁC CẢNH BÁO



Chắc chắn rằng tựa lưng phía sau ăn khớp hoàn toàn và đảm bảo vào đúng vị trí chốt hãm

Tỳ tay của ghế ngồi phía sau



E131745

1. Đẩy tỳ tay về phía sau ghế và giữ lại.
2. Kéo nhả dây đeo.

Sưởi Ghế

CHÚ Ý



Vận hành chức năng này khi động cơ tắt sẽ làm hết điện acquy.



E131536

Bộ sưởi âm chỗ ngồi sẽ hoạt động chỉ khi chìa khóa điện bật.

Nhiệt độ tối đa đạt được sau khoảng thời gian từ năm đến sáu phút. Đó là điều chỉnh ổn định nhiệt.

Việc sấy nóng chỗ ngồi sẽ duy trì cho đến tận khi công tắc bộ sấy nóng hoặc chìa khóa điện tắt.

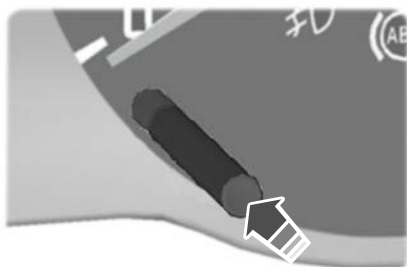
Các tính năng tiện nghi

ĐỒNG HỒ

Về hướng dẫn chi tiết cách điều chỉnh đồng hồ. Tham khảo **Cài đặt giờ ở dàn âm thanh** (trang 199).

BỘ ĐIỀU CHỈNH CƯỜNG ĐỘ SÁNG BẢNG ĐIỀU KHIỂN TAP-LÔ

Ghi Chú: Điều chỉnh công tắc sáng tối sẽ thay đổi mức độ sáng của các màn hình và công tắc trong xe.



E133586

Để biết vị trí các chi tiết: Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 57).

Ấn nút sáng tối để chỉnh sáng tối ở bước lớn hơn.

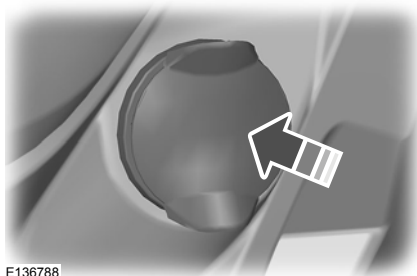
Ấn và giữ nút sáng tối để điều chỉnh mức độ sáng tối với bước nhỏ.

MỎI THUỐC LÁ

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Nếu bạn sử dụng nguồn qua ổ cắm trong khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể hết điện.
- ⚠ Không được ấn châm thuốc và giữ chặt tại đó.

Ghi Chú: Bạn có thể dùng nguồn từ ổ cắm cho các thiết bị nguồn 12V và dòng điện cực đại là 10A. Chỉ sử dụng các giắc cắm phụ kiện của Ford hoặc các giắc theo tiêu chuẩn ổ cắm SAE.



E136788

Để châm thuốc, nhấn châm thuốc vào. Nó sẽ tự động bật ra, và bạn có thể châm thuốc.

Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

GẠT TÀN THUỐC

Ghi Chú: Gạt tàn thuốc lá có thể được đặt tại bất kỳ hộc để cốc phía trước hoặc phía sau.



E136222

Các tính năng tiện nghi

ĐIỂM CẤP ĐIỆN PHỤ



E133428

CHÚ Ý

- ⚠ Nếu bạn dùng nguồn từ ổ cắm khi động cơ không chạy, ắc quy có thể hết điện.

Ghi Chú: Bạn có thể sử dụng nguồn từ ổ cắm khi khóa điện đang tắt.

Bạn có thể dùng nguồn từ ổ cắm cho các thiết bị nguồn 12V và dòng điện cực đại là 10A. Chỉ sử dụng các giắc cắm phụ kiện của Ford hoặc các giắc theo tiêu chuẩn ổ cắm SAE. Để biết vị trí của chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

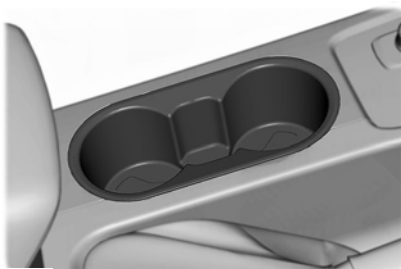
GIÁ ĐỂ LY

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠ Không đặt đồ uống nóng lên khay đựng cốc khi xe đang di chuyển.
- ⚠ Không đặt các vật bằng thủy tinh lên khay đựng cốc.

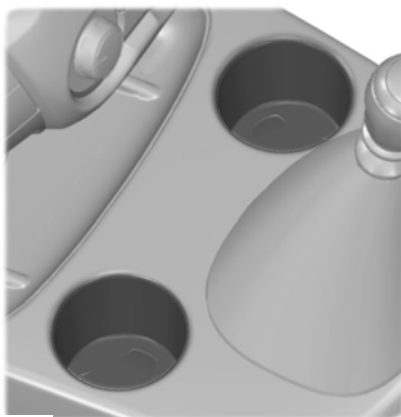
Khay đựng cốc phía trước

Loại 1



E132722

Loại 2



E132723

Các tính năng tiện nghi

Khay đựng cốc phía sau

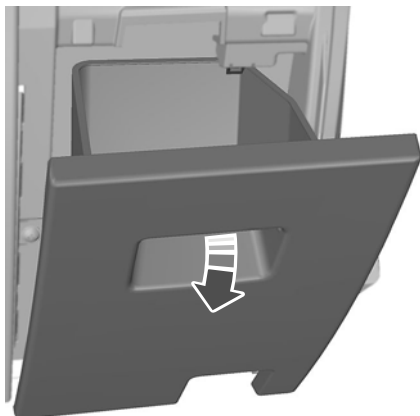
Loại 2



E132724

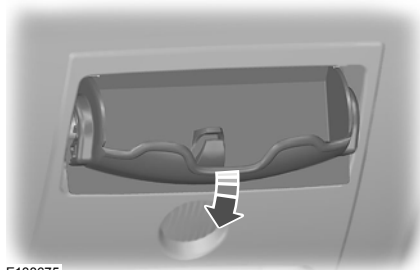
KHOANG CHỨA HÀNG

Cạnh người lái



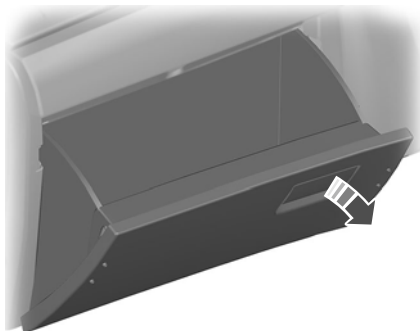
E133607

HỘP ĐỂ KÍNH ĐEO MẮT



E133675

Cạnh hành khách



E136461

Các tính năng tiện nghi

Ngăn xếp trung tâm



E167185

Ngăn chứa vật dụng trung tâm



E136462



E136463

GIẮC CẮM NGỖ VÀO ÂM THANH

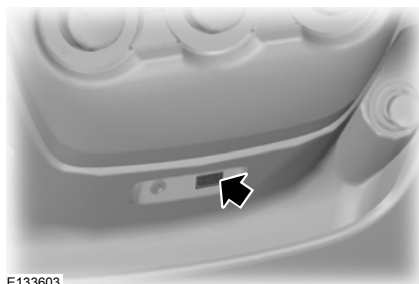


E133606

Để xem vị trí hạng mục: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Tham khảo **Giắc cắm ngỗ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210).

CỔNG USB



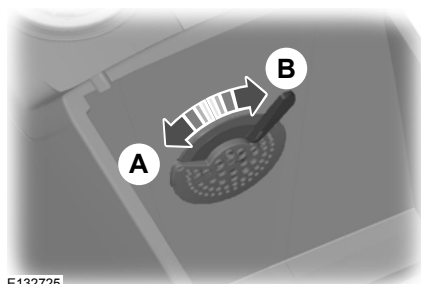
E133603

Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Tham khảo **Kết nối** (trang 235).

Các tính năng tiện nghi

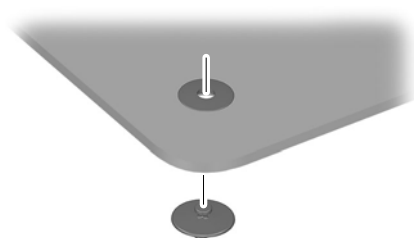
HỘP LÀM LẠNH



E132725

- A Mở
- B Đóng

Các luồng không khí lạnh bên trong hộp làm lạnh có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng cần điều khiển.



E136481

THẢM LÓT SÀN

CÁC CẢNH BÁO



Khi sử dụng các tấm trải sàn, luôn bảo đảm tấm trải sàn được cố định và đặt phù hợp sao cho không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các bàn đạp.



Không lắp thêm tấm trải sàn trên tấm trải sàn đã được lắp tại nhà máy.

Khởi động và tắt động cơ

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung về khởi động

Nếu tháo nguồn ắc quy, sau khi nối lại, xe sẽ có các đặc tính lái không bình thường trong khoảng 8km.

Điều này là do hệ thống quản lý động cơ phải tương thích lại với động cơ. Có thể bỏ qua điều này.

Khởi động động cơ bằng cách kéo hoặc đẩy

CẢNH BÁO



Để tránh hư hỏng, không được khởi động bằng cách kéo hoặc đẩy xe. Sử dụng dây điện và ắc quy nối ngoài.

Tham khảo **Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe** (trang 157).

CÔNG TẮC MÁY

CẢNH BÁO



Không vặn chìa khóa điện về vị trí **O** hoặc **I** khi xe đang chuyển động.



E72128

O Chìa khóa điện tắt.

I Hệ thống đánh lửa và tất cả các mạch điện chính đều không hoạt động.

Ghi Chú: Không để chìa khóa điện ở vị trí này quá lâu để tránh phóng điện ắc quy.

II Bật chìa khóa điện. Tất cả các mạch điện đều hoạt động. Đèn và đèn chỉ thị cảnh báo đều sáng. Đây là vị trí của chìa khóa khi lái xe. Bạn phải chọn vị trí này khi xe được kéo.

III Động cơ khởi động được kích hoạt. Thả tay khỏi chìa khóa ngay khi động cơ khởi động.

KHÓA TAY LÁI

Khi bạn rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, chức năng khóa trụ lái sẽ được kích hoạt ngay khi bạn xoay vô lăng.

Cơ cầu lái sẽ mở khóa khi chìa khóa chuyển sang vị trí **ACC**.

KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ XĂNG

Ghi Chú: Bạn chỉ có thể vận hành mô tơ để trong một thời gian ngắn, chẳng hạn trong vòng 10 giây. Số lần khởi động máy giới hạn ở khoảng dưới sáu lần. Nếu số lần khởi động quá nhiều, hệ thống có thể không cho phép bạn khởi động tiếp sau một thời gian, chẳng hạn 30 giây.

Động cơ nóng hoặc nguội

Xe sử dụng hộp số sàn

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

Ghi Chú: Nhả chân côn trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở về trạng thái khóa điện bật.

1. Đạp bàn đạp ly hợp xuống hết hành trình.
2. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

Ghi Chú: Nhả bàn đạp phanh trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở về trạng thái khóa điện bật.

Khởi động và tắt động cơ

1. Chuyển cần số về vị trí P hoặc N.
2. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
3. Khởi động động cơ.

Cho tắt cả các phiên bản xe

Nếu động cơ không khởi động được, chờ một lúc sau đó mới khởi động lại.

Nếu động cơ không khởi động sau ba lần thử, chờ 10 giây và thực hiện quy trình động cơ sạc nhiên liệu.

Nếu bạn gặp khó khăn khi khởi động động cơ ở nhiệt độ bên ngoài dưới -25°C (-13°F), đạp bàn đạp ga một nửa hành trình và thử khởi động lại.

Động cơ bị sạc nhiên liệu

Xe sử dụng hộp số sàn

1. Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình.
2. Đạp bàn đạp ga hết hành trình và giữ tại đó.
3. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

1. Chuyển cần số về vị trí P hoặc N.
2. Đạp bàn đạp ga hết hành trình và giữ tại đó.
3. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
4. Khởi động động cơ.

Cho tắt cả các phiên bản xe

Nếu động cơ không khởi động, lặp lại quy trình động cơ nóng hoặc nguội.

Số vòng tua không tải sau khi khởi động

Tốc độ vòng tua không tải ngay sau khi khởi động có thể thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ động cơ.

Số vòng tua không tải sẽ tự động nâng lên khi động cơ nguội để sấy nóng bộ trung hòa khí thải. Điều này sẽ giữ cho khí thải động cơ sẽ ở mức tối thiểu.

Tốc độ vòng tua không tải sẽ giảm xuống dần về mức thông thường khi bộ trung hòa khí thải đã được sấy nóng.

KHỞ ĐỘNG ĐỘNG CƠ DẦU

Động cơ nóng hoặc nguội

Tắt cả các phiên bản xe

Ghi Chú: Khi nhiệt độ xuống dưới -15°C , thời gian khởi động có thể lên đến 25 giây.

Ghi Chú: Tiếp tục khởi động cho đến khi động cơ khởi động.

Ghi Chú: Bạn chỉ có thể khởi động tối đa không quá 30 giây mỗi lần.



Bật chìa khóa ON và chờ cho đến khi đèn báo sấy tắt.

Xe sử dụng hộp số sàn

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

1. Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình.
2. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

1. Chọn tay số đỗ (P) hoặc số trung gian (N).
2. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
3. Khởi động động cơ.

LỌC KHÍ XẢ ĐỘNG CƠ DẦU

Bộ lọc muội khí xả (DPF) tạo thành một phần của hệ thống cắt giảm khí xả được lắp vào xe của bạn. Nó lọc các hạt diesel có hại (muội) từ khí thải.

Khởi động và tắt động cơ

Tái tạo

CẢNH BÁO



Không đổ hay dừng xe của bạn trên lá khô, cỏ khô hay các vật liệu dễ cháy khác. Quá trình tái tạo của bộ lọc muội khí xả diesel tạo ra nhiệt độ khí thải cao và khí thải sẽ tỏa ra một lượng nhiệt đáng kể trong và sau quá trình tái tạo của bộ lọc muội khí xả diesel, và sau khi bạn tắt động cơ. Điều này gây ra nguy cơ cháy.

CHÚ Ý



Cần tránh để hết sạch nhiên liệu.

Không như bộ lọc thông thường đòi hỏi việc thay thế định kỳ, bộ lọc diesel được thiết kế để tái tạo hoặc tự làm sạch để duy trì hiệu quả hoạt động. Quá trình tái tạo diễn ra một cách tự động. Tuy nhiên, một số điều kiện lái xe chỉ ra rằng bạn cần phải hỗ trợ quá trình tái tạo.

Nếu bạn chỉ lái xe trên những đoạn đường ngắn hay những chuyến đi của bạn ngừng nghỉ và khởi hành thường xuyên thì sẽ có nhiều lúc tăng và giảm tốc độ, những chuyến đi không thường xuyên với các điều kiện sau đây sẽ hỗ trợ quy trình tái tạo:

- Lái xe với tốc độ không thay đổi, tốt hơn là trên đường chính hoặc đường cao tốc, trong khoảng thời gian lên tới 20 phút.
- Tránh dừng xe lâu và luôn phải quan sát giới hạn tốc độ và điều kiện đường sá.
- Không tắt khóa điện.
- Sử dụng hộp số thấp hơn mức thông thường để duy trì tốc độ động cơ cao hơn trong suốt chuyến đi này khi thích hợp.

TẮT ĐỘNG CƠ

Xe có trang bị bộ tăng nạp

CHÚ Ý



Không bật tắt động cơ khi nó đang chạy ở tốc độ cao hoặc ngay sau khi kéo nặng. Nếu bạn làm như vậy, bộ tăng nạp sẽ tiếp tục chạy sau khi áp suất dầu máy đã về bằng 0. Điều này sẽ dẫn đến mòn ổ bi bộ tăng nạp.

Nhả bàn đạp ga. Chờ đến khi động cơ về tốc độ vòng tua không tải thì mới tắt động cơ.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN

CÁC CẢNH BÁO



Ngừng bơm thêm nhiên liệu khi vòi bơm ngừng bơm lần thứ hai. Nếu bơm thêm, nhiên liệu sẽ điền vào không gian giãn nở trong bình nhiên liệu và có thể dẫn đến tràn nhiên liệu. Nhiên liệu tràn ra có thể gây nguy hiểm cho những người đi đường khác.



Không để ngọn lửa hay nguồn nhiệt ở gần hệ thống nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu có áp suất. Nếu hệ thống nhiên liệu bị rò rỉ có thể dẫn đến nguy cơ gây chấn thương.

CHẤT LƯỢNG NHIÊN LIỆU - XĂNG

CHÚ Ý



Không sử dụng xăng pha chì hay các chất phụ gia chứa thành phần kim loại (chẳng hạn gốc mangan). Chúng có thể làm hỏng hệ thống khí thải.

Ghi Chú: Chúng tôi khuyến nghị chỉ sử dụng nhiên liệu có chất lượng cao.

Ghi Chú: Không nên sử dụng các chất phụ gia hoặc chất bảo quản động cơ không được phê duyệt bởi Ford.

Ghi Chú: Nhiên liệu tổng hợp có Ethanol đến 20% (E20) được chấp nhận cho xe này.

Sử dụng **xăng không pha chì có chỉ số octan tối thiểu 91** phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.

CHẤT LƯỢNG NHIÊN LIỆU - DẦU

CẢNH BÁO



Không trộn diesel với dầu bôi trơn, xăng hay các chất lỏng khác. Việc này có thể gây ra phản ứng hóa học.

CÁC CHÚ Ý



Không trộn thêm dầu hỏa hay xăng vào dầu diesel. Việc này có thể gây hư hỏng hệ thống nhiên liệu.



Sử dụng dầu diesel theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà nước.

Ghi Chú: Chúng tôi khuyến nghị chỉ sử dụng nhiên liệu chất lượng cao.

Ghi Chú: Không nên sử dụng các chất phụ gia hoặc chất bảo quản động cơ không được phê duyệt bởi Ford.

Ghi Chú: Nhiên liệu hỗn hợp diesel-sinh học đến 10% (B10) cho phép sử dụng cho loại xe này.

Lưu giữ xe dài hạn

Hầu hết nhiên liệu diesel có chứa diesel sinh học, nên đổ nhiên liệu bằng dầu diesel nguồn gốc hoàn toàn tự nhiên (nếu có thể) hoặc bổ sung chất chống oxy hóa trước khi lưu trữ xe quá hai tháng. Bạn có thể liên lạc với đại lý về chất chống oxy hóa phù hợp.

BẢO LỘC KHÍ XÁ

CẢNH BÁO



Không đỗ hay dừng xe trên lá khô, cỏ khô hay các vật liệu dễ cháy. Hệ thống xả tỏa nhiệt rất lớn khi hoạt động, kể cả khi bạn đã tắt động cơ. Điều này tạo ra nguy cơ cháy nổ.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Xe có bộ trung hòa khí thải

CÁC CHÚ Ý

- ❗ Cần tránh việc hết sạch nhiên liệu.
- ❗ Không khởi động động cơ trong thời gian quá dài.
- ❗ Không khởi động động cơ bằng cách kéo hoặc đẩy xe. Sử dụng cáp nối ắc quy ngoài. Tham khảo **Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe** (trang 157).
- ❗ Không tắt chìa khóa điện trong khi đang lái xe.

NẮP ĐẬY CHỖ CHÂM NHIÊN LIỆU

CÁC CẢNH BÁO

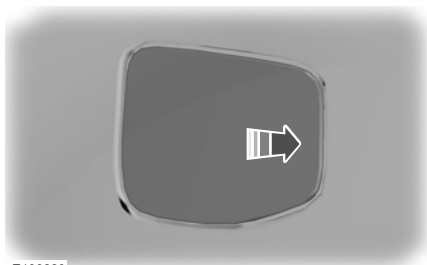
- ⚠️ Cần thận khi đổ nhiên liệu để tránh làm tràn nhiên liệu ra từ đầu bơm nhiên liệu.
- ⚠️ Không để ngọn lửa hay nguồn nhiệt ở gần hệ thống nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu có áp suất. Nếu hệ thống nhiên liệu bị rò rỉ có thể dẫn đến nguy cơ gây chấn thương.

CHÚ Ý

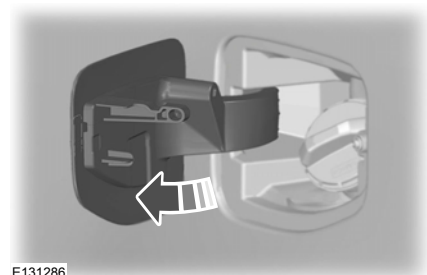
- ❗ Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe, chỉ phun vào cửa bình nhiên liệu trong chốc lát với khoảng cách ít nhất là 20cm.

Ghi Chú: Khóa trung tâm cũng được dùng để khóa và mở khóa nắp bình nhiên liệu. Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 30).

Các xe có lỗ đổ nhiên liệu dùng nắp đẩy



E136220

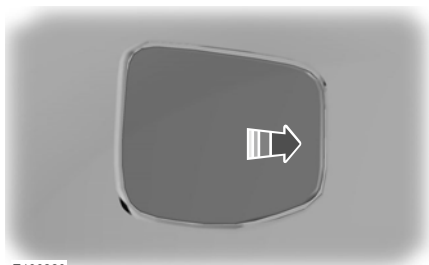


E131286

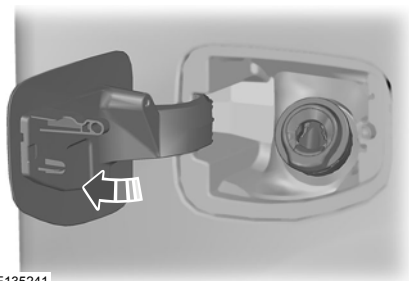
1. Nhấn cửa nắp bình nhiên liệu để mở ra.
2. Mở cửa bình nhiên liệu hết hành trình. Vận nắp bình nhiên liệu ngược chiều kim đồng hồ.
3. Khi tháo nắp bình nhiên liệu, có thể nghe thấy tiếng hút. Điều này là bình thường và có thể bỏ qua.
4. Để đóng lại, vận nắp bình nhiên liệu theo chiều kim đồng hồ cho đến khi có tiếng tách.
5. Đóng và ấn nắp bình nhiên liệu để khóa nó.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Các xe với lỗ đổ nhiên liệu không cần nắp đậy



E136220



E135241

1. Nhấn cửa nắp bình nhiên liệu để mở ra.
2. Đóng và ấn nắp bình nhiên liệu để khóa nó.

Khi bạn đưa đầu bơm nhiên liệu vào, một tâm chắn sẽ mở ra nếu đầu bơm đúng cỡ. Điều này giúp tránh được việc đổ nhiên liệu không đúng chủng loại.

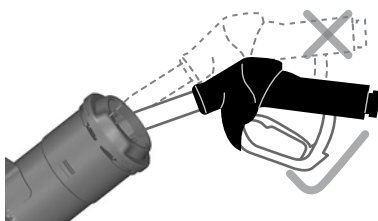
Ghi Chú: Phễu được đặt ở hộp găng tay. Sử dụng nó khi đổ nhiên liệu bằng can.

Đổ đầy

CẢNH BÁO



Ngừng đổ thêm nhiên liệu khi đầu bơm ngừng bơm nhiên liệu lần thứ hai. Nếu đổ thêm, nhiên liệu sẽ điền vào không gian giãn nở trong bình nhiên liệu và có thể dẫn đến tràn nhiên liệu. Nhiên liệu tràn ra có thể gây nguy hiểm cho những người khác lưu thông trên đường.



E135239

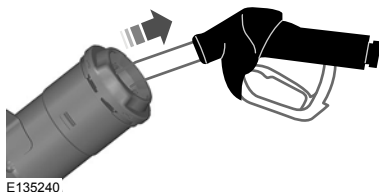
Đưa đầu bơm nhiên liệu vào hoàn toàn. Hạ thấp đầu bơm nhiên liệu để nó khóa tại cửa ống nhiên liệu. Giữ nó tại vị trí này và bắt đầu tiếp nhiên liệu bằng cách kéo cò bấm.

CẢNH BÁO



Chúng tôi khuyên nghị bạn chờ ít nhất 10 giây trước khi rút đầu bơm nhiên liệu ra để nhiên liệu còn dư chảy hết vào bình nhiên liệu.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu



Nâng nhẹ đầu bơm nhiên liệu để rút nó ra.

NẠP NHIÊN LIỆU

CHÚ Ý

⚠ Không cố khởi động động cơ khi đổ nhầm loại nhiên liệu. Việc này có thể gây hư hỏng động cơ. Cần phải nhờ kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra ngay lập tức.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Các thông số mức tiêu hao nhiên liệu

Khác nhau	Thành phố	Đường trường	Được kết hợp	Phát thải khí CO2
	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	g/km
Những xe trang bị động cơ 2.5L Duratec-HE - 2-bánh xe chủ động	13,6 (20,7)	8,2 (34,4)	10,2 (27,7)	244
Những xe trang bị động cơ 2.5L Duratec-HE - 4-bánh xe chủ động	14,1 (20,0)	8,9 (31,7)	10,8 (26,1)	259
Những xe trang bị động cơ 2.2L Duratorq-TDCi - 2-bánh xe chủ động (hộp số sàn - MT82)	9,0 (31,4)	6,8 (41,5)	7,6 (37,2)	203

MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU

Các thông số về khí CO₂ và mức tiêu thụ nhiên liệu được lấy từ các thử nghiệm theo hướng dẫn ECC số 80/1268/ECC và những văn bản sửa đổi tiếp theo và được tất cả các nhà sản xuất xe hơi thực hiện.

Chúng được dùng như một thông số so sánh giữa các xe sản xuất với các xe mẫu. Chúng không được thông số chính xác cho mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế trên chiếc xe của bạn. Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế bị chi phối bởi nhiều yếu tố, bao gồm: cách lái xe, lái xe ở tốc độ cao, dừng/ tăng tốc đột ngột, sử dụng điều hòa, các phụ kiện lắp thêm và kéo xe khác.vv.

Đại lý Ford sẽ giúp bạn có những lời khuyên để nâng cao khả năng tiết kiệm nhiên liệu cho chiếc xe của bạn.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Khác nhau	Thành phố	Đường trường	Được kết hợp	Phát thải khí CO ₂
	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	g/km
Những xe trang bị động cơ 2.2L Duratorq-TDCi - 4-bánh xe chủ động (hộp số sàn - MT82)	9,9 (28,5)	7,1 (39,8)	8,1 (34,9)	217
Những xe trang bị động cơ 2.2L Duratorq-TDCi - 2-bánh xe chủ động (hộp số tự động)	11,1 (25,4)	7,6 (37,2)	8,9 (31,7)	238
Những xe trang bị động cơ 2.2L Duratorq-TDCi - 4-bánh xe chủ động (hộp số tự động)	12,1 (23,3)	7,9 (35,7)	9,4 (30,0)	251
Những xe trang bị động cơ 3.2L Duratorq-TDCi - 2-bánh xe chủ động (hộp số sàn - MT82)	10,8 (26,1)	7,0 (40,3)	8,4 (33,6)	222
Những xe trang bị động cơ 3.2L Duratorq-TDCi - 4-bánh xe chủ động (hộp số sàn - MT82)	11,8 (23,9)	7,6 (37,1)	9,1 (31,0)	241
Những xe trang bị động cơ 3.2L Duratorq-TDCi - 2-bánh xe chủ động (hộp số tự động)	11,6 (24,3)	7,4 (38,2)	8,9 (31,7)	239
Những xe trang bị động cơ 3.2L Duratorq-TDCi - 4-bánh xe chủ động (hộp số tự động)	12 (23,5)	7,9 (35,7)	9,4 (30,0)	251

Hộp số

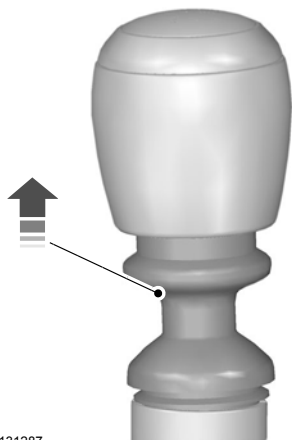
HỘP SỐ THƯỜNG

Cài số lùi

CHÚ Ý

⚠ Không cài số lùi khi xe đang di chuyển.
Việc này có thể làm hỏng hộp số.

Ghi Chú: Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình và chờ trong vòng 3 giây trước khi cài số lùi.

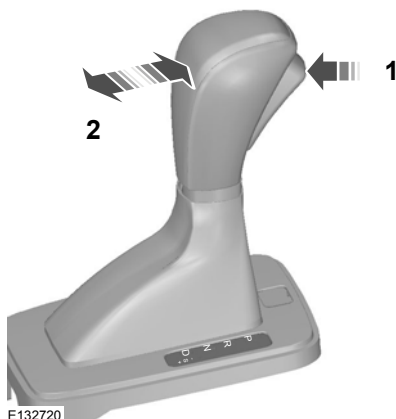


E131287

Trên một số phiên bản, phải nâng vòng trên cần số mới có thể vào số lùi.

HỘP SỐ TỰ ĐỘNG

Các vị trí cần số



E132720

- | | |
|----|---------------------------------------|
| P | Số đỗ |
| R | Số lùi |
| N | Số trung gian |
| D | Số tiến |
| S | Chế độ thể thao và chuyển số bằng tay |
| S+ | Lên số |
| S- | Về số |

CẢNH BÁO



Đạp phanh trước khi di chuyển cần số và tiếp tục giữ chân phanh cho đến khi khởi hành.

Ghi Chú: Động cơ nguội có số vòng tua không tải cao hơn. Điều này sẽ làm tăng khả năng xe bạn **trườn đi** khi bạn vào số tiến.

Nhấn nút trên tay nắm cần số để chuyển về số lùi hay số đỗ.

Hộp số

Vị trí cần số sẽ được thể hiện trên màn hình thông tin.

Số đỗ

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ chuyển về số đỗ khi xe dừng hẳn.



Kéo phanh tay và về số đỗ trước khi bạn rời xe. Đảm bảo cần số được hãm chắc chắn tại chỗ.

Ghi Chú: Để di chuyển cần số ra khỏi vị trí số đỗ, đạp phanh chân và vặn chìa khóa điện sang vị trí II.

Ghi Chú: Một âm thanh cảnh báo sẽ kêu nếu bạn mở cửa người lái và bạn không chọn số đỗ.

Ghi Chú: Bộ tiết kiệm điện ắc quy sẽ tắt âm báo sau một thời gian.

Ở vị trí này, lực kéo không được truyền đến các bánh xe chủ động và hộp số bị khóa lại. Bạn có thể khởi động động cơ khi cần số ở vị trí này.

Số lùi

CẢNH BÁO



Chỉ về số lùi khi xe dừng hẳn và động cơ ở tốc độ không tải.

Số trung gian

Ở vị trí này, lực kéo không được truyền đến các bánh xe chủ động và hộp số không bị khóa. Bạn có thể khởi động động cơ khi cần số ở vị trí này.

Số tiến

Chọn tay số tiến để hộp số tự động chuyển giữa các cấp số tiến.

Chế độ thể thao

Ghi Chú: Chọn chế độ thể thao để hộp số tự động chuyển giữa các cấp số tiến theo phong cách thể thao.

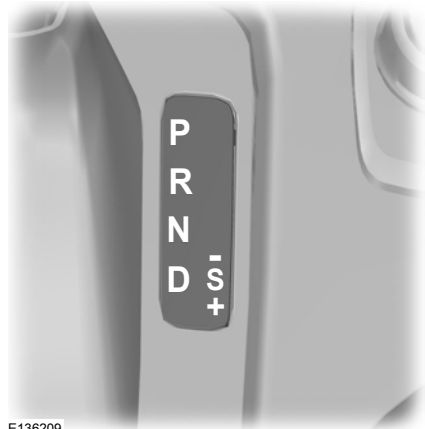
Ghi Chú: Khi tải nặng, hoặc địa hình đồi núi, khuyến nghị nên dùng chế độ thể thao. Điều này sẽ làm cho hộp số mát hơn và có thêm tác động phanh bằng động cơ.

Kích hoạt chế độ thể thao bằng cách di chuyển cần số từ vị trí số tiến về phía người lái. Nó được chỉ ra trên đồng hồ tấp lô bằng chữ 'S'. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 62).

Chế độ thể thao sẽ vẫn hoạt động cho đến khi bạn chuyển số bằng tay lên hoặc xuống.

Ghi Chú: Khi bạn chọn vị trí S, một sự thay đổi số truyền có thể xảy ra tùy thuộc vào vị trí bàn đạp ga tương quan với tốc độ thực tế của xe.

Chuyển số bằng tay



E136209

Ghi Chú: Việc chuyển số chỉ được thực hiện khi tốc độ của xe và số vòng quay động cơ tương ứng với nhau.

Hộp số

Việc chuyển số bằng tay chỉ có thể được thực hiện khi cần số ở vị trí S. Di chuyển cần số về phía trước để về số 1 và về phía sau để lên số.

CẢNH BÁO



Không giữ cần số ở một vị trí vĩnh viễn ở - hoặc +.

Khi xe đứng yên, chỉ có thể chọn được số 1 và số 2.

Chuyển số bằng tay được thực hiện tuần tự, vì vậy không thể nhảy qua số nào.

Hộp số sẽ duy trì ở số được chọn. Khi tốc độ động cơ quá thấp hoặc ở tốc độ không tải, nó sẽ chuyển về số 2. Số được chọn sẽ được hiển thị trên bảng đồng hồ táp lô. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 62).

Các chế độ số tiến

Hộp số sẽ chọn cấp số phù hợp để có công suất tối ưu dựa vào nhiệt độ môi trường, độ dốc của đường, tải trọng và cách lái xe.

Các lời khuyên khi lái xe sử dụng hộp số tự động

Khởi hành

CẢNH BÁO



Không thể khởi động động cơ bằng cách kéo hay đẩy xe sử dụng hộp số tự động. Tham khảo **Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe** (trang 157).

1. Nhả phanh tay.
2. Nhả phanh chân và nhấn bàn đạp ga.

Dừng xe

1. Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.
2. Kéo phanh tay.

Chế độ đạp chân ga sát sàn

Đạp bàn đạp ga hết hành trình với cần số ở vị trí số tiến (D) để chuyển về số cao nhất tiếp theo và đạt được hiệu suất tối ưu. Nhả dần bàn đạp ga khi bạn không cần dùng chế độ này nữa.

Nút nhả vị trí đỗ khẩn cấp



Sử dụng nút này để di chuyển cần số ra khỏi vị trí số đỗ trong trường hợp có trục trặc hệ thống điện hoặc ắc quy hết điện.

CHÚ Ý



Cẩn thận khi mở nắp.

Nâng nắp đậy ở học trung tâm bên cạnh cần số bằng dụng cụ phù hợp.

Ấn nút khóa trong khe xuống và đồng thời di chuyển cần số ra khỏi vị trí **P**.

Ghi Chú: Nếu chọn lại vị trí **P** lại được chọn, lặp lại quy trình trên.

Hộp số

DẪN ĐỘNG BỒN BÁNH

Ghi Chú: Có thể nghe thấy một âm thanh lách cách từ đường truyền lực trong quá trình chuyển đổi giữa các biên độ truyền, đây là điều bình thường.



E132692

Bộ dẫn động hai bánh, biên độ truyền cao (2H)

Sử dụng cho việc lái xe trên đường thông thường và cả đường phức tạp ở địa hình khô, bằng phẳng.

Bộ dẫn động bốn bánh, biên độ truyền cao (4H)

CẢNH BÁO



Không sử dụng bộ dẫn động bốn bánh **4H** cho việc lái xe trên đường thông thường.

Ghi Chú: Đèn báo dẫn động bốn bánh sẽ bật sáng khi cần số phụ ở vị trí 4H. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).

Dùng cho việc lái xe ở đường phức tạp.

Bộ dẫn động bốn bánh, biên độ truyền thấp (4L)

CẢNH BÁO



Không sử dụng bộ dẫn động bốn bánh **4L** cho việc lái xe trên đường thông thường.

Ghi Chú: Đèn báo dẫn động bốn bánh tốc độ thấp **4L** và dẫn động bốn bánh sẽ bật sáng khi công tắc chuyển số phụ ở vị trí **4L**. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).

Sử dụng cho những đường cực kỳ phức tạp, chẳng hạn như những đoạn dốc lên và dốc xuống.

Cũng sử dụng khi cần điều khiển xe với tốc độ thấp, chẳng hạn như khi lùi moóc hay rải đá xuống đáy sông.

Chuyển đổi giữa 2H và 4H

Ghi Chú: Khi chuyển đến **2H**, tất cả các chức năng cân bằng điện tử (ESP) được kích hoạt trở lại.

Điều này có thể được thực hiện khi xe chạy tới vận tốc 110 km/h (68 dặm/giờ), nhưng chỉ khi nhả bàn đạp ga ra. Trong khi chuyển đổi, đèn tín hiệu sẽ nhấp nháy.

Chuyển đổi giữa 2H và 4L

Ghi Chú: Khi chuyển đến **4L**, Điều khiển Lực kéo Động cơ và Điều khiển Ổn định khi Kéo Rơ móc sẽ bị ngắt. Điều khiển xuống dốc, Hỗ trợ khởi hành ngang dốc và Điều khiển lực kéo phanh vẫn đang hoạt động.

Ghi Chú: Khi chuyển đến **2H**, tất cả các chức năng cân bằng điện tử (ESP) được kích hoạt trở lại.

1. Dừng xe vào chỗ an toàn.
2. Đạp hết bàn đạp ly hợp (hộp số sàn).
3. Chuyển cần số về vị trí trung gian (**N**) (hộp số tự động).

Hộp số

4. Xoay công tắc gài cầu từ **2H** sang **4L** hoặc **4L** sang **2H**.

Trong khi chuyển đổi, đèn tín hiệu sẽ nhấp nháy. Nếu tiếp tục nhấp nháy, kiểm tra xem các điều kiện trên đã đạt được chưa.

Chuyển đổi giữa 4H và 4L

Ghi Chú: Khi chuyển đến **4L**, Điều khiển Lực kéo Động cơ và Điều khiển Ổn định khi kéo Rơ móc sẽ bị ngắt. Điều khiển xuống dốc, Hỗ trợ khởi hành ngang dốc và Điều khiển lực kéo phanh vẫn đang hoạt động.

1. Dừng xe vào chỗ an toàn.
2. Đạp hết bàn đạp ly hợp (hộp số sàn).
3. Chuyển cần số về vị trí trung gian (**N**) (hộp số tự động).
4. Vận công tắc chuyển đổi truyền động từ **4H** sang **4L** hoặc từ **4L** sang **4H**.

Trong khi chuyển đổi, đèn tín hiệu sẽ nhấp nháy. Nếu tiếp tục nhấp nháy, kiểm tra xem các điều kiện trên đã đạt được chưa.

KHÓA VI SAI BẰNG ĐIỆN

CẢNH BÁO



Xe không nên vận hành trên mọi bề mặt đường với sự tham gia của chức năng này. Làm như vậy có thể dẫn đến có tiếng ồn và mòn lốp xe nhiều. Hệ thống này được thiết kế để sử dụng trên các bề mặt đường không đồng nhất hoặc trơn trượt.

Hệ thống khóa bán trục bên trái và bên phải của cầu sau với nhau thành một trục liên kết cứng, kết quả làm tăng lực kéo bánh xe phía sau trong điều kiện nhất định.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ chỉ kích hoạt nếu tốc độ xe thấp hơn 30 km/h (20mph) và bàn đạp ga được nhả.

Nhấn nút Khóa Vi sai bằng điện (ELD) để kích hoạt hệ thống. Để biết vị trí các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Cầu sau chỉ khóa và mở khóa khi các bánh răng bên trong trùng nhau (ăn khớp) và không có mô men truyền đến vi sai. Để hỗ trợ liên kết ăn khớp, lái xe trên đường thẳng không đạp ga. Ngoài ra, lái tiền và lùi chậm trong khi đổ quay tay lái từ bên này sang bên kia để các bánh răng bên trong vi sai trùng nhau (ăn khớp).

Ghi Chú: Hệ thống có thể được dùng trong các dải hoạt động của hộp số (2H, 4H hoặc 4L).

Hệ thống sẽ:

- Tự động ngắt khi tốc độ vượt quá 40 km/h (25 mph).
- Tự động hoạt động trở lại khi tốc độ giảm xuống dưới 30 km/h (20 mph).
- Tự động ngắt khi công tắc máy OFF.

Nếu hệ thống được chọn khi lái xe trên 40 km/h (25 mph), yêu cầu này được lưu trữ và sẽ hoạt động khi tốc độ xe giảm đến 30 km/h (20 mph). Đèn cảnh báo ELD sẽ chớp cho đến khi tốc độ xe giảm và khóa vi sai hoạt động hoặc lái xe hủy chọn ELD.

Ghi Chú: Khi kích hoạt hệ thống, các chức năng của chương trình ổn định điện tử (ESP) như Điều khiển ổn định, Kiểm soát lực kéo, Điều khiển xuống dốc, Tín hiệu dừng khẩn cấp, Hỗ trợ lên dốc và Điều khiển ổn định rơ móc sẽ được tắt, đèn báo EPS tắt sẽ sáng, và đèn báo HDC sẽ tắt.

Ghi Chú: Khi ABS hoạt động, hệ thống sẽ bị ngắt.

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Phanh đĩa

Đĩa phanh ướt sẽ làm giảm hiệu quả phanh. Đạp nhanh bàn đạp phanh để loại bỏ màng nước trên đĩa phanh.

Hệ thống phanh ABS

CẢNH BÁO



Kể cả khi có trang bị hệ thống phanh ABS bạn vẫn phải lái xe rất cẩn thận và chú ý.

Hệ thống phanh ABS sẽ giúp bạn duy trì khả năng lái và ổn định hướng khi phanh gấp thông qua việc chống bó cứng bánh xe.

Ngắt hệ thống phanh

Trong trường hợp pedal tăng tốc bị kẹt hay mắc kẹt, đặt một áp lực ổn định và chắc chắn vào bàn đạp phanh sẽ làm chậm tốc độ chiếc xe và đồng thời giảm công suất động cơ.

Nếu bạn gặp tình trạng này:

1. Sử dụng hệ thống phanh và nó sẽ mang lại cho chiếc xe của bạn một chế độ dừng an toàn.
2. Tắt động cơ.
3. Chọn bãi đậu xe (chỉ đối với các xe có sử dụng bộ truyền lực tự động).
4. Kéo phanh tay.

Kiểm pedal tăng tốc để phòng tránh bất kỳ sự kẹt pedal nào. Nếu không được tìm thấy bất kỳ dấu hiệu kẹt nào và tình trạng này vẫn tiếp diễn, hãy đưa chiếc xe của bạn đến một đại lý để kiểm tra.

NHỮNG GỢI Ý KHI LÁI XE CÓ TRANG BỊ PHANH ABS

Ghi Chú: Khi hệ thống đang hoạt động, bạn đạp phanh sẽ rung động và có thể di chuyển nhiều hơn. Cần duy trì lực đạp chân phanh. Bạn có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống. Đây là điều bình thường.

Hệ thống ABS sẽ không loại bỏ được các rủi ro khi:

- bạn lái xe quá gần xe phía trước
- khi các bánh xe bị hiện tượng trượt trên đoạn đường có nước
- bạn rẽ quá nhanh
- mặt đường quá xấu.

PHANH TAY

CẢNH BÁO



Với xe sử dụng hộp số tự động, luôn để cần số ở vị trí số **P (ĐỖ)**.

- Đạp bàn đạp phanh xuống sâu.
- Kéo cần phanh tay lên vị trí cao nhất.
- Không bấm công tắc nhả khi kéo cần phanh tay lên.
- Khi xe đang đỗ trên dốc lên, chọn số 1 hoặc số **P (ĐỖ)** và quay vô lăng cho xe hướng ra xa lề đường.
- Khi xe đang đỗ trên dốc xuống, chọn số lùi hoặc số **P (ĐỖ)** và quay vô lăng cho xe hướng về phía lề đường.

Để nhả phanh tay, đạp sâu bàn đạp phanh, kéo nhẹ cần phanh tay, nhấn nút nhả và đẩy cần phanh tay xuống.

Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC)

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

HDC vận hành cùng với hệ thống điều khiển ổn định (ESP) nhằm đem đến khả năng điều khiển tốt hơn trên đường gồ ghề, đặc biệt là khi đổ dốc lớn. Sự hoạt động HDC là tự động hoàn toàn khi cài sẵn.

Trong thời gian đổ dốc trên đường gồ ghề, phanh động cơ được sử dụng để điều khiển tốc độ đổ dốc. Nếu chỉ mình phanh động cơ không đủ để điều khiển tốc độ của xe, HDC sẽ làm chậm tốc độ của xe bằng cách sử dụng hệ thống phanh.

Nếu xe sử dụng hộp số sàn, HDC sẽ chỉ sử dụng ở tay số 1 hoặc số lùi. Nếu xe lắp hộp số tự động HDC sẽ chỉ sử dụng trong số **D**, **R** hoặc chế độ Thể thao **1**. Khi trong tay số **D**, xe sẽ chọn các số thích hợp.

Trước khi vào đoạn đường gồ ghề

CẢNH BÁO



Trước khi vào đoạn đường gồ ghề tuyệt đối cần thiết những lái xe có kinh nghiệm hiểu biết toàn bộ hệ thống điều khiển của xe. Đặc biệt, chế độ Thể thao và Điều khiển đổ dốc (HDC).

SỬ DỤNG HDC

Ghi Chú: Khi khóa vi sai sau được cài, hệ thống HDC sẽ không làm việc.

Lựa chọn HDC

HDC có thể được chọn ở vận tốc dưới 60 km/h (37 dặm/giờ). Để lựa chọn HDC, nhấn và thả công tắc tắt/bật HDC. Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Ghi Chú: Khi đã chọn HDC, nó sẽ kích hoạt ở vận tốc dưới 35 km/h (22 dặm/giờ) và không kích hoạt khi trên 40 km/h (25 dặm/giờ) nhưng sẽ không tắt cho tới khi xe vượt quá tốc độ 60 km/h (37 dặm/giờ).

Ghi Chú: HDC sẽ chỉ tắt khi tắt khóa điện.



Công tắc HDC sẽ sáng liên tục để chỉ rằng HDC đang kích hoạt toàn bộ.

HDC sẽ chỉ tạm thời không kích hoạt trong các điều kiện sau đây:

- Nhiệt độ phanh cao. Nó sẽ trở lại hoạt động khi mà phanh giảm nhiệt độ.
- Đèn cảnh báo ESP đang sáng và hoạt động.
- Bộ khóa vi sai điện tử đang hoạt động.

Sự hoạt động HDC



E102680

HDC được cài, tốc độ đổ dốc có thể bị thay đổi bằng cách sử dụng các công tắc bánh lái điều khiển tốc độ chậm nhất. **SET +** tăng tốc độ và **SET -** giảm tốc độ.

Để tăng tốc, ấn và giữ công tắc **SET +** cho tới khi đạt được tốc độ mong muốn. Khi thả tay khỏi công tắc, tốc độ của xe vẫn được giữ.

Để giảm tốc độ, ấn và giữ công tắc **SET -** cho tới khi đạt tốc độ mong muốn. Khi thả tay khỏi công tắc, tốc độ của xe vẫn được giữ.

Để tăng hoặc giảm tốc độ từ từ, nhấn **SET +** hoặc **SET -** công tắc như yêu cầu. Mỗi lần nhấn công tắc sẽ tăng hoặc giảm tốc độ 0.5 km/h (0.3 dặm/giờ). Tốc độ này có thể cũng được tăng hoặc giảm bởi việc nhấn bàn đạp ga hoặc phanh.

ĐIỀU KHIỂN HỖ TRỢ XƯỚNG DỐC (HDC)

Ghi Chú: Mỗi một số có tốc độ bé nhất xác định trước.

Ghi Chú: Tốc độ đổ dốc chỉ có thể tăng trong đoạn đường đủ dốc để cung cấp thêm mô men . Bởi vậy, việc sử dụng công tắc + trên dốc nhỏ có thể không tăng được tốc độ.

Ghi Chú: Nếu đạp chân phanh, HDC sẽ mất tác dụng và phanh sẽ hoạt động như bình thường. Khi nhả chân phanh, HDC sẽ phục hồi điều khiển lại quá trình đổ dốc.

Ghi Chú: Nếu HDC bị tắt trong quá trình đổ dốc, sự hỗ trợ HDC sẽ mất dần tác dụng . Nó để tránh mất điều khiển nếu HDC bị tắt do lỗi. HDC sẽ phục hồi điều khiển khi công tắc được bật lại nếu hệ thống hỗ trợ vẫn cần thiết, nhưng tại tốc độ của xe đang di chuyển khi nhả chân phanh.

Ghi Chú: Khi HDC đang vận hành, bạn có thể nghe thấy tiếng ồn từ Mô đun điều khiển phanh của khoang động cơ. Đây là điều bình thường.

Ghi Chú: Khi HDC đang làm việc, đèn cảnh báo ESP sẽ nhấp nháy.

Khi chạy trên đường gồ ghề HDC có thể được kích hoạt trong thời gian dài, nhưng nó chỉ cung cấp hỗ trợ khi tham số tốc độ phù hợp.

Điều khiển ổn định xe

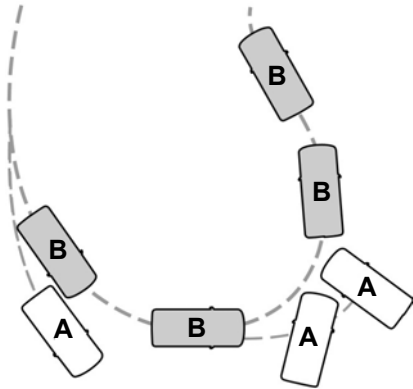
NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Chương trình cân bằng điện tử (ESP)

CẢNH BÁO



Kể cả khi được trang bị ESP, bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.



E72903

- A không trang bị ESP
- B trang bị ESP

ESP sẽ giúp cân bằng khi xe bắt đầu trượt ra khỏi đường đi. Việc này được thực hiện bởi việc phanh riêng rẽ từng bánh xe và giảm mômen quay của động cơ ở mức cần thiết.

Hệ thống cũng có chức năng kiểm tra độ bám đường cải tiến bằng cách giảm mômen quay của động cơ và phanh nếu bánh xe quay trượt khi bạn tăng tốc. Điều này giúp cải thiện khả năng chuyển bánh trên những đoạn đường trơn trượt hoặc mặt đường bị lở và cải thiện độ tiện nghi bằng cách hạn chế hiện tượng quay trượt của bánh xe ở những chỗ ngoặt chữ chi.

Đèn báo điều chỉnh cân bằng (ESP)

Đèn báo ESP sẽ nhấp sáng khi hệ thống hoạt động. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).

Hệ thống hỗ trợ phanh an toàn

CẢNH BÁO



Kể cả khi có trang bị hệ thống hỗ trợ phanh an toàn, bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.

Hệ thống hỗ trợ phanh an toàn sẽ nhận biết khi bạn phanh gấp bằng cách đo tốc độ đạp phanh của bạn. Hệ thống này cho hiệu quả phanh tối đa khi bạn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh an toàn có thể làm giảm khoảng cách phanh trong tình huống nghiêm trọng.

Hệ thống điều chỉnh cân bằng xe moóc

CÁC CẢNH BÁO



Kể cả khi có hệ thống điều chỉnh cân bằng xe moóc, bạn vẫn cần phải kéo xe cẩn thận và chú ý.



Ngắt chương trình ESP sẽ làm tắt hệ thống.

Hệ thống điều chỉnh cân bằng xe moóc là một đặc tính cải tiến của chương trình ESP, và tự động nhận biết khi xe moóc gắn kèm bắt đầu rung lắc.

Nếu tình huống này xảy ra thì hệ thống sẽ tự động phanh từng bánh xe để giữ cho xe moóc và xe được ổn định. Trong trường hợp phát hiện thấy tình trạng rung lắc thực sự nghiêm trọng, mômen quay của động cơ sẽ bị giảm đi và xe sẽ tự động chạy chậm lại.

Điều khiển ổn định xe

SỬ DỤNG ĐIỀU KHIỂN ỔN ĐỊNH

Ghi Chú: Hệ thống sẽ tự động bật bất cứ khi nào bạn mở công tắc khóa điện.

Ghi Chú: Khi không kích hoạt hệ thống với công tắc chuyển ở vị trí 2H, đèn báo ESP tắt sẽ nhấp sáng hai lần để báo rằng hệ thống đã hoàn toàn tắt và tiếp tục sáng. Ấn lại công tắc lần nữa để bật hệ thống. Để có vị trí của các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Ghi Chú: ESP sẽ tắt khi công tắc chuyển ở vị trí 4L hoặc Bộ khóa vi sai điện tử đang hoạt động.

Xe dẫn động 2 bánh

Ấn và giữ công tắc trong một giây để bỏ kích hoạt Bộ điều khiển lực kéo động cơ, Bộ điều khiển ổn định rơ moóc và Bộ điều khiển lực kéo phanh. Hỗ trợ khởi hành ngang dốc vẫn còn hoạt động.

Xe dẫn động 4 bánh

Ghi Chú: Tất cả các chức năng điều khiển ổn định (ESP) sẽ được kích hoạt lại khi vị trí 2H được chọn.

Công tắc chuyển ở vị trí 4H :

- Nhấn và giữ công tắc trong một giây để bỏ kích hoạt Điều khiển lực kéo động cơ và Điều khiển cân bằng rơ moóc. Điều khiển xuống dốc, Hỗ trợ khởi hành ngang dốc và Điều khiển lực kéo phanh vẫn đang hoạt động.

Công tắc số phụ ở vị trí 4H hoặc 4L :

- Ấn và giữ công tắc trong 5 giây để bỏ kích hoạt Bộ điều khiển lực kéo động cơ, Bộ điều khiển ổn định rơ moóc và Bộ điều khiển lực kéo phanh. Điều khiển hỗ trợ đổ dốc và Điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc vẫn hoạt động.

Công tắc số phụ ở vị trí 2H :

- Ấn và giữ công tắc trong một giây để bỏ kích hoạt Bộ điều khiển lực kéo động cơ, Bộ điều khiển lực kéo phanh và Điều khiển ổn định bao gồm Điều khiển ổn định rơ moóc. Điều khiển đổ dốc và Hỗ trợ khởi hành ngang dốc vẫn hoạt động.

Hỗ trợ khởi hành khi lên dốc

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Các hệ thống hỗ trợ khi lên dốc giúp cho xe lên dốc dễ dàng hơn mà không cần phải sử dụng phanh tay.

Khi hệ thống này hoạt động, xe sẽ đứng yên trên dốc trong một thời gian ngắn sau khi bạn nhả bàn đạp phanh. Trong khoảng thời gian này, bạn có thời gian để di chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga và xuất phát. Hệ thống sẽ tự động nhả phanh khi động cơ tạo ra đủ lực truyền động để ngăn xe đi lùi xuống dốc. Việc này rất thuận lợi cho việc xuất phát trên dốc, chẳng hạn tại chỗ đỗ xe, chỗ có đèn giao thông hoặc khi lùi xe lên dốc vào vị trí đỗ xe.

CẢNH BÁO



Hệ thống này không thay thế cho phanh tay. Khi bạn rời xe, luôn kéo phanh tay và vào số 1 hoặc số lùi.

Ghi Chú: Hệ thống hỗ trợ khi lên dốc có sẵn trong xe được trang bị chương trình ổn định điện tử (ESP).

SỬ DỤNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ KHỞI HÀNH KHI LÊN DỐC

Hệ thống được kích hoạt tự động khi xe dừng trên đoạn dốc lớn hơn 7% với xe trang bị hộp số tự động và lớn hơn 4% với xe trang bị hộp số sàn. Hệ thống hoạt động khi xe xuống dốc nếu cài số lùi và khi xe đi lên dốc nếu cài số tiến.

Kích hoạt hệ thống

CÁC CẢNH BÁO



Bạn phải ở trong xe một khi bạn đã kích hoạt hệ thống này.

CÁC CẢNH BÁO



Với xe trang bị hộp số tự động, sẽ có độ trễ ngắn lên đến hai giây sau khi cài số tiến hoặc lùi trước khi chức năng hỗ trợ khởi hành trên dốc được kích hoạt. Để tránh sự trôi xe trên đường dốc, không nên nhả bàn đạp phanh quá hai giây.



Hệ thống hoạt động trừ khi đèn cảnh báo ESP bị tắt. Trong toàn bộ thời gian, bạn có trách nhiệm điều khiển xe, giám sát hệ thống và can thiệp khi cần thiết.

Bạn chỉ cần kích hoạt hệ thống chỉ khi các điều kiện sau được đáp ứng:

- Động cơ đang hoạt động.
- Tất cả các cửa đều được đóng hoàn toàn.
- Phanh tay nhả hoàn toàn.
- Không có mã lỗi xuất hiện.
- Không nhấn bàn đạp chân ga.
- Xe đã dừng hẳn.
- **Lên dốc:** Cần số ở vị trí D cho xe trang bị hộp số tự động và bất kỳ số nào ngoài số lùi đối với xe trong bị hộp số sàn.
- **Xuống dốc:** Cần số ở vị trí R (số lùi).

Để kích hoạt hệ thống:

1. Nhấn chân phanh và chân côn (hộp số sàn) để xe dừng hoàn toàn. Đạp và giữ chân phanh và chân côn (hộp số sàn).
2. Nếu cảm biến phát hiện xe đang ở trên dốc, hệ thống sẽ được kích hoạt một cách tự động.
3. Khi nhả chân phanh, xe sẽ tiếp tục ở trên dốc mà không bị trôi đi trong một thời gian ngắn. Thời gian giữ này sẽ được kéo dài một cách tự động nếu bạn đang trong quá trình khởi hành.
4. Khởi hành như cách thông thường. Phanh sẽ được nhả một cách tự động.

Hỗ trợ khởi hành khi lên dốc

CẢNH BÁO



Nếu vòng tua của động cơ quá lớn, hoặc nếu lỗi được phát hiện khi hệ thống kích hoạt, hệ thống sẽ không làm việc và đèn cảnh báo ESP sáng

Tắt hệ thống

Để tắt hệ thống này, thực hiện một **trong các bước** sau đây:

- Kéo phanh tay.
- Mở tắt một cửa bất kỳ.
- Khởi hành lên dốc mà không nhấn lại phanh.
- Đợi từ 1 đến 2 giây sau khi nhả bàn đạp phanh.
- Nếu hệ thống hoạt động ở số tiền, cài số lùi.
- Nếu hệ thống hoạt động ở số trung gian, nhả bàn đạp côn (hộp số sàn).
- Nếu hệ thống hoạt động ở số lùi, cài số trung gian.

Trợ giúp đỗ xe

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CẢNH BÁO



Kể cả khi xe được trang bị hệ thống hỗ trợ đỗ xe thì bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.

CÁC CHÚ Ý



Xe được lắp mô-đun kéo móc không đúng chủng loại có thể không phát hiện đúng các chướng ngại vật.



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật trong điều kiện mưa to hay trong những điều kiện khác mà có thể gây ra các phản xạ ngất quãng.



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật có bề mặt hấp thụ sóng siêu âm.



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe không thể phát hiện được các chướng ngại vật di chuyển khỏi xe. Chúng chỉ được phát hiện ngay sau khi bắt đầu di chuyển trở lại về phía xe.



Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe thì chỉ được phun vào các bộ cảm biến trong chốc lát từ khoảng cách ít nhất là 20cm (8 inch).



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe truyền âm báo thông qua hệ thống âm thanh do chúng tôi lắp đặt và phê duyệt. Nếu hệ thống âm thanh không hoạt động thì hệ thống hỗ trợ đỗ xe cũng không hoạt động.

Ghi Chú: Trên xe có lắp cần kéo rơ móc, hệ thống hỗ trợ đỗ xe phía sau sẽ tự động ngừng hoạt động khi đèn xe rơ móc (hoặc bảng đèn) được nối với ổ cắm thông qua mô-đun kéo rơ móc mà chúng tôi đã phê duyệt.

Ghi Chú: Giữ cho các bộ cảm biến không bị dính bụi bẩn, băng và tuyết. Không vệ sinh các bộ cảm biến bằng các vật sắc.

Ghi Chú: Hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể phát ra âm thanh sai nếu nó bắt được tín hiệu có cùng tần số với các bộ cảm biến hoặc nếu xe được chắt tải đầy.

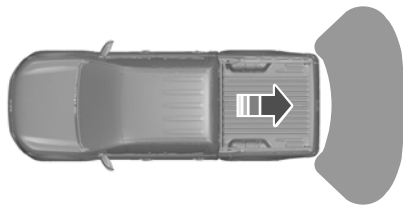
Ghi Chú: Các bộ cảm biến phía ngoài có thể phát hiện ra tường bên của gara ô tô. Nếu khoảng cách giữa bộ cảm biến phía ngoài và tường bên không đổi trong vòng ba giây thì âm báo sẽ tắt. Khi bạn tiếp tục, các bộ cảm biến phía trong sẽ phát hiện ra các vật ở phía sau.

HỆ THỐNG HỖ TRỢ ĐỖ XE

CẢNH BÁO



Kể cả khi xe được trang bị hệ thống hỗ trợ đỗ xe thì bạn vẫn cần lái xe chú ý và cẩn thận.



E134605

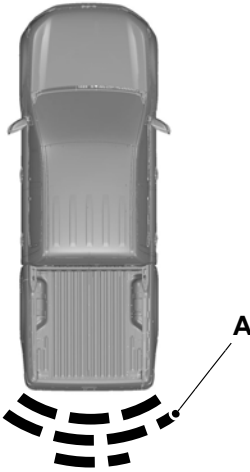
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe được tự động bật khi bạn cài số lùi trong khi khóa điện được mở.

Ghi Chú: Nó sẽ báo chuông một lần để báo hiệu rằng hệ thống hỗ trợ đỗ xe đã được bật.

Ghi Chú: Đèn tín hiệu sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị đa chức năng. Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).

Trợ giúp đỗ xe

Bạn sẽ nghe thấy một âm thanh dứt quãng ở khoảng cách khoảng 180cm (71 inch) giữa chướng ngại vật, bộ cản sau sau và khoảng 50cm (20 inch) về phía bên. Khi khoảng cách giảm xuống thì âm thanh dứt quãng sẽ phát ra nhanh hơn.

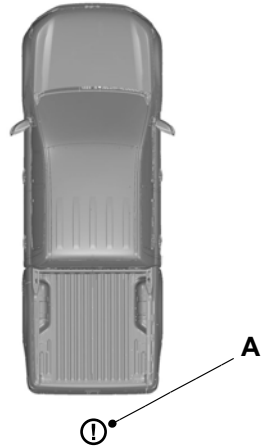


E134606

A Bộ chỉ báo khoảng cách.

Khi khoảng cách giảm xuống, bộ chỉ báo khoảng cách sẽ di chuyển về phía xe.

Một âm thanh liên tục sẽ phát ra khi khoảng cách từ bộ cản sau tới chướng ngại vật nhỏ hơn 40cm (15 inch).



E134607

A Chỉ báo hư hỏng.

Ghi Chú: Nếu xuất hiện hư hỏng thì hệ thống sẽ bị ngắt và sẽ chỉ nghe thấy một âm thanh duy nhất. Cần nhờ kỹ thuật viên có chuyên môn phù hợp kiểm tra hệ thống.

Trợ giúp đỗ xe



E134608

Biểu tượng rơ moóc báo hiệu rằng xe có gắn rơ moóc và hệ thống bị ngắt.

Camera quan sát phía sau

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Camera cho phép quan sát khi lùi.

CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn hãy lái xe cẩn trọng và chú ý.

CÁC CHÚ Ý



Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe, chỉ phun vào các camera trong thời gian ngắn với khoảng cách lớn hơn 20cm.



Không tác động áp suất tới camera.

Ghi Chú: Giữ camera sạch không bụi bẩn, băng và tuyết. Không làm sạch bằng những vật sắc, chất tẩy dầu mỡ, sáp hoặc sản phẩm hữu cơ. Chỉ sử dụng vải mềm.

Trong quá trình hoạt động, các hướng dẫn xuất hiện trên màn hình sẽ thể hiện đường xe đang đi và khoảng cách xấp xỉ tới vật phía sau.

CAMERA PHÍA SAU

CÁC CẢNH BÁO



Hoạt động của camera có thể khác nhau phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường xung quanh, xe và mặt đường.

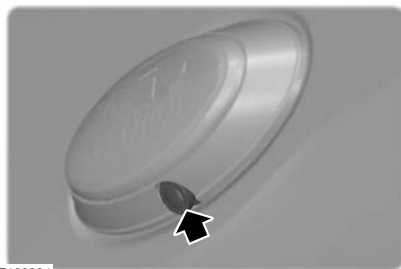


Khoảng cách chỉ ra trên màn hình có thể khác với khoảng cách thực tế.



Không đặt các vật trước camera.

Camera đặt ở cửa hậu phía bên dưới nhãn hiệu xe.



E133364

Kích hoạt camera lùi

CHÚ Ý



Camera có thể không phát hiện ra chướng ngại vật ở sát xe.

Chìa khóa điện bật, vào số lùi. Hình ảnh được hiển thị trên màn hình trên gương chiếu hậu.

Camera có thể hoạt động không chính xác trong các điều kiện sau đây:

- Khu vực tối.
- Cường độ sáng lớn.
- Nếu nhiệt độ môi trường xung quanh tăng lên và giảm đi nhanh chóng.
- Nếu camera bị ướt, ví dụ như mưa hoặc độ ẩm cao.
- Nếu tầm quan sát của camera bị cản, chẳng hạn bởi bùn.

Sử dụng màn hình

CÁC CHÚ Ý

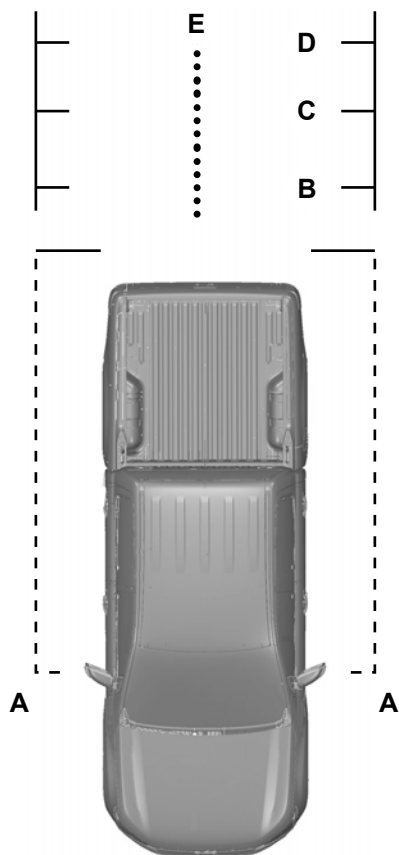


Chướng ngại vật ở phía trên camera sẽ không quan sát được. Kiểm tra khu vực phía sau xe nếu cần.



Chỉ dấu chỉ nhằm mục đích dẫn hướng chung, và được tính toán trong điều kiện tải trọng tối đa và mặt đường bằng phẳng.

Camera quan sát phía sau



E133365

- A Khoảng cách gương bên ngoài - 0,1 m (4 inches)
- B Đỏ - 0,3 m (12 inches)
- C Màu hổ phách - 1 m (39 inches)
- D Xanh lục - 2 m (79 inches)
- E Đen - Đường tâm xe

Ghi Chú: Khi lùi xe với rơ moóc phía sau, các đường trên màn hình chỉ ra hướng của xe và chứ không phải hướng của rơ moóc không.

Tắt camera quan sát sau xe

Ghi Chú: Ra khỏi số lùi. Màn hình sẽ tiếp tục bật trong một thời gian ngắn trước khi tắt.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ tự động tắt khi xe đã đạt tới tốc độ khoảng 15 km/giờ (9 dặm/giờ).

Điều khiển ga tự động

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CẢNH BÁO



Hệ thống này không làm nhẹ bớt trách nhiệm của bạn khi lái xe vẫn cần hết sức cẩn thận và chú ý.

Điều khiển ga tự động cho phép bạn điều khiển tốc độ bằng cách sử dụng các công tắc trên vô lăng. Bạn có thể sử dụng chế độ ga tự động khi bạn chạy vượt quá khoảng 30 km/h (18 dặm/giờ).

SỬ DỤNG ĐIỀU KHIỂN GA TỰ ĐỘNG

CẢNH BÁO



Không sử dụng chế độ điều khiển ga tự động trên đường đông, đường ngoằn ngoèo hay khi mặt đường trơn trượt.

Bật chế độ điều khiển ga tự động



E102679

Ghi Chú: Hệ thống sẵn sàng để bạn chọn tốc độ xe.

Chọn tốc độ



E102680

Nhấn để lưu trữ và duy trì tốc độ hiện thời. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ sáng. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).

Thay đổi tốc độ đã chọn

CÁC CẢNH BÁO



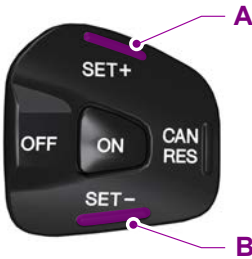
Xe có hộp số sàn: Khi bạn đi xuống dốc, vận tốc xe của bạn có thể tăng hơn vận tốc được định sẵn. Hệ thống sẽ không kích hoạt hệ thống phanh. Trả về số nhỏ hơn và nhấn nút **SET-** để hỗ trợ hệ thống duy trì tốc độ đã chọn.



Xe có hộp số tự động: Khi bạn đi xuống dốc, hộp số sẽ giảm số để cố gắng duy trì tốc độ. Lái xe có thể đạp phanh để duy trì tốc độ. Tốc độ đặt trước sẽ được ngắt nếu bạn đạp phanh.

Ghi Chú: Nếu bạn đạp bàn đạp ga để tăng tốc, tốc độ đã chọn sẽ không thay đổi. Khi bạn nhả bàn đạp ga, bạn sẽ trở lại vận tốc bạn đã thiết lập trước nếu đèn báo điều khiển chế độ ga tự động vẫn sáng.

Điều khiển ga tự động



E102681

- A Tăng tốc
- B Giảm tốc

Để tăng tốc độ, nhấn và giữ công tắc **SET +** cho tới khi đạt đến tốc độ mong muốn. Khi thả tay khỏi công tắc, tốc độ của xe vẫn được giữ.

Để giảm tốc độ, nhấn và giữ công tắc **SET -** cho tới khi đạt được tốc độ mong muốn. Khi thả tay khỏi công tắc, tốc độ của xe vẫn được giữ.

Để tăng hoặc giảm tốc độ từ từ, gõ nhẹ **SET +** hoặc **SET -** công tắc như yêu cầu. Mỗi lần ấn công tắc sẽ tăng hoặc giảm vận tốc 1 km/h (0.6 dặm/giờ). Tốc độ này có thể cũng được tăng hoặc giảm bởi việc nhấn bàn đạp ga hoặc phanh.

Hủy tốc độ đã được chọn



E102682

Đạp bàn đạp phanh hoặc nhấn công tắc **CAN RES**.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ không còn điều khiển tốc độ của xe nữa. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ tắt nhưng hệ thống tiếp tục duy trì tốc độ bạn đã chọn trước đó.

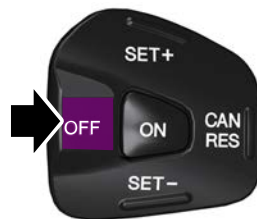
Trở về tốc độ đã chọn



E102682

Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ trở về tốc độ bạn đã chọn trước đó.

Tắt chế độ điều khiển ga tự động



E102683

Hệ thống sẽ không duy trì tốc độ bạn đã chọn trước đó. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ tắt.

Bất kỳ hành động nào sau đây cũng sẽ tắt hệ thống:

- Đạp bàn đạp phanh.
- Kéo phanh tay.

Điều khiển ga tự động

- Đạp bàn đạp ly hợp.
- Chọn tay số trung gian.

Trọng tải

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CẢNH BÁO

-  Sử dụng dây buộc đồ theo tiêu chuẩn đã được duyệt, chẳng hạn như DIN.
-  Bảo đảm rằng bạn buộc chắc chắn tất cả các đồ lỏng lẻo.
-  Đặt hành lý và các đồ khác càng thấp và càng về phía trước càng tốt trong không gian chứa hành lý hoặc chứa đồ.
-  Không chở quá tải lên cầu trước và cầu sau của xe. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 167).
-  Không chở quá tổng trọng lượng xe tối đa như được thể hiện trên tấm nhận dạng xe. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 167).

CHÚ Ý

-  Không được để cho đồ vật chạm vào kính phía sau.

NẮP KHOANG HÀNH LÝ

CÁC CẢNH BÁO

-  Không chở người hoặc động vật trên thùng xe.
-  Không sử dụng dây kéo nắp thùng xe để buộc hàng hóa.
-  Không đặt bất kỳ vật gì hoặc đứng, ngồi trên nắp thùng xe.

CÁC CẢNH BÁO



Đền các đại lý ủy quyền để thực hiện các công việc sửa chữa nắp thùng xe.

Ghi Chú: Cần phải buộc hàng hóa chở trên thùng xe.

Ghi Chú: Dùng dây kéo để đóng nắp thùng xe.

Ghi Chú: Trước khi đóng hoặc mở nắp thùng xe đảm bảo rằng nó không bị vướng bất kỳ vật cản nào. Ví dụ như tuyết hoặc băng.

Ghi Chú: Nước và bụi có thể lọt vào thùng xe khi nắp đã được đóng.

Vận hành

Nắp thùng xe có bốn vị trí khóa:

1. Đóng hoàn toàn.
2. Mở 1/3.
3. Mở 2/3.
4. Mở hoàn toàn.

Ghi Chú: Cơ cấu khóa sẽ không tự khóa khi nắp thùng xe được kéo qua các vị trí khóa.

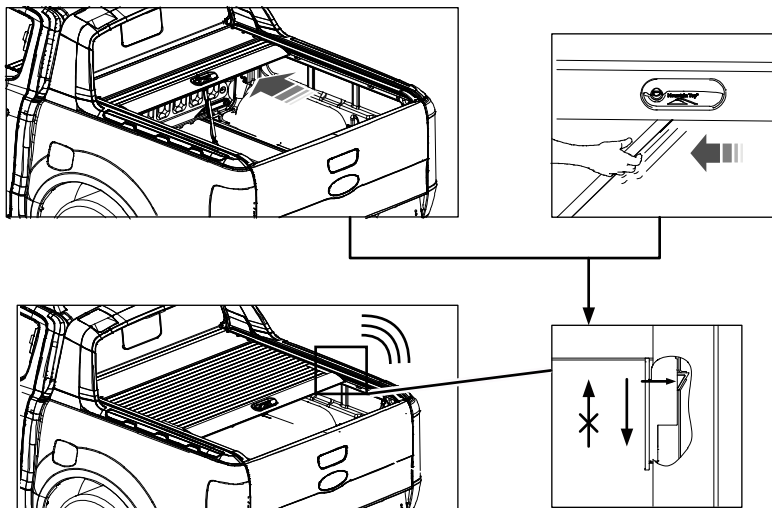
Khóa và mở khóa ở các vị trí khóa

Ghi Chú: Bạn sẽ nghe thấy tiếng tách khi nắp thùng xe đi qua mỗi vị trí khóa.

Ghi Chú: Trong khi mở, dùng dây kéo để điều khiển chuyển động của nắp thùng xe.

Kéo dây kéo sang trái để khóa nắp thùng xe ở mỗi vị trí khóa.

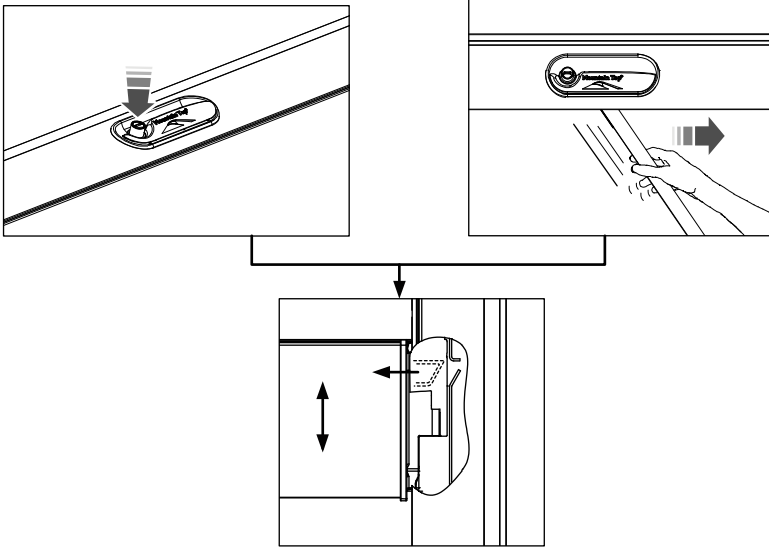
Trọng tải



E154609

Nhấn các phím khóa hoặc kéo dây kéo sang phải để mở khóa nắp thùng xe.

Trọng tải



E154610

KHUNG CHÀNH HÀNG TRÊN MUI

Giá nóc

CÁC CẢNH BÁO



Nếu bạn lắp giá nóc, tiêu thụ nhiên liệu của xe sẽ tăng lên và có thể có các đặc tính lái khác thường.



Cần đọc và thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi bạn lắp giá nóc.

CHÚ Ý



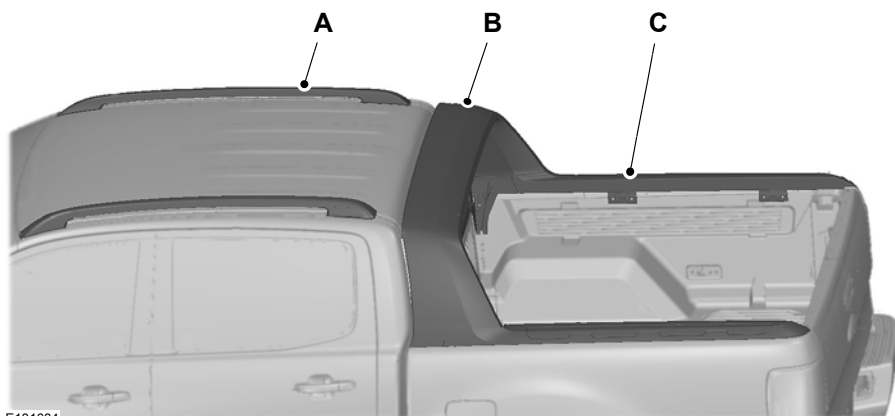
Không được vượt quá tải trọng thanh ngang giá nóc tối đa cho phép là 80 kg (176 pounds), bao gồm cả giá nóc

Kiểm tra độ an toàn của tải trọng giá nóc như sau:

- trước khi khởi hành
- sau khi lái được 50km
- chạy được 1000 km (600 dặm) kiểm tra một lần.

Ghi Chú: Để giảm tiêu thụ nhiên liệu, nên tháo các thanh ngang giá nóc ra khi không sử dụng đến.

Trọng tải



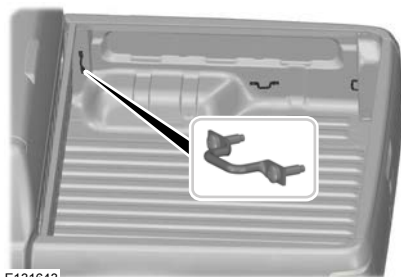
E131684

- A Thanh ngang giá nóc
- B Thanh chắn thể thao
- C Thanh ngang hình hộp

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không ngồi hoặc đứng lên trên các bộ phận **B** hoặc **C**.
- ⚠ Không sử dụng bộ phận **C** để buộc đồ.

Loại 1



E131643

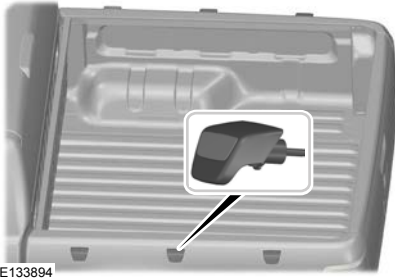
MÓC CỘT HÀNG

Các móc buộc dây

Ghi Chú: Số móc buộc dây có thể khác nhau tùy thuộc vào dòng xe của bạn.

Trọng tải

Loại 2



Loại 3

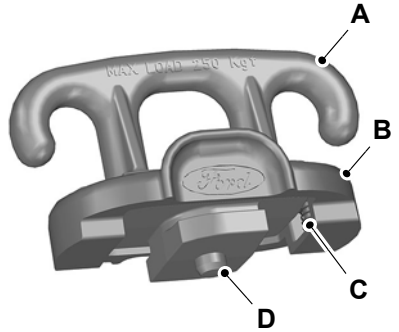
CHÚ Ý



Tải trọng tối đa cho mỗi móc buộc dây được ghi rõ trên móc, không được vượt quá tải trọng này.



Các điểm buộc



- A Cọc néo
- B Ổp khóa
- C Lò xo
- D Chốt

CÁC CẢNH BÁO



Các điểm buộc chỉ được sử dụng để buộc chặt tải trọng trong không gian chở tải. Sử dụng các điểm buộc cho bất kỳ mục đích nào khác có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc hỏng xe. Các điểm buộc không được sử dụng cho mục đích kéo.



Mỗi điểm buộc có một giá trị định mức tải trọng lớn nhất. Vượt quá giá trị lực này có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng và/hoặc hỏng xe.



Luôn luôn phải kiểm tra các điểm buộc này trước khi sử dụng. Không sử dụng các điểm buộc này trong các điều kiện sau:

- Các điểm buộc có dấu hiệu bị mòn hoặc hư hỏng.
- Các rãnh ray đỡ các điểm buộc có dấu hiệu hư hỏng, ăn mòn hoặc biến dạng.

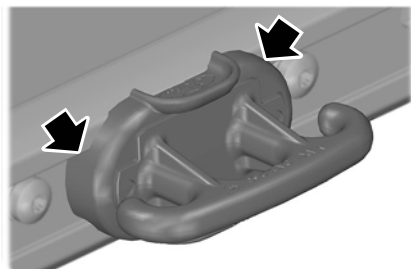
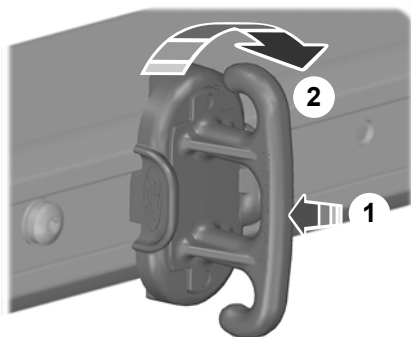
Trọng tải

- Ôp khóa điểm buộc bị hư hỏng hoặc bị vỡ hoặc không khóa vào vị trí.
- Điểm buộc không nằm đúng vị trí trên ray đỡ.

Lắp điểm buộc

CẢNH BÁO

 Đại giỡ phải được khớp hoàn toàn vào ray này để cố định điểm buộc nhằm sử dụng an toàn. Điểm buộc không được lắp chính xác ngay cả khi dòng chữ dưới ôp khóa **"Not Locked (Chưa Khóa)"** được nhìn thấy một phần.

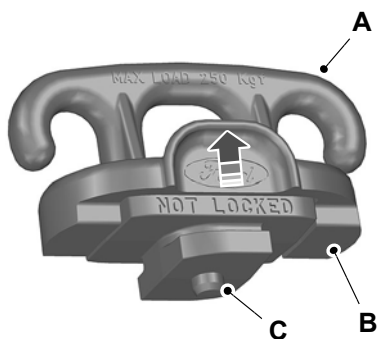


E134099

1. Lắp đầu của điểm buộc vào rãnh ray trong khi giữ cọc néo thẳng đứng.

2. Trượt dọc theo ray cho đến khi chốt trên đầu của điểm buộc khớp với lỗ theo mong muốn trên ray này.
3. Đẩy điểm buộc vào và xoay theo chiều kim đồng hồ 1/4 vòng cho đến khi cọc néo điểm buộc nằm ngang ra và ôp khóa được "cài" vào vị trí.

Tháo bỏ điểm buộc



E134100

1. Nắm chặt ôp khóa giữa ngón cái và các ngón tay khác bằng cách sử dụng bàn tay.
2. Kéo ôp khóa ra khỏi ray cho đến khi đầu của điểm buộc được gỡ hoàn toàn khỏi rãnh ray.
3. Xoay điểm buộc theo chiều ngược chiều kim đồng hồ 1/4 vòng cho tới khi nó tách ra khỏi ray.

Giá đỡ tải trọng

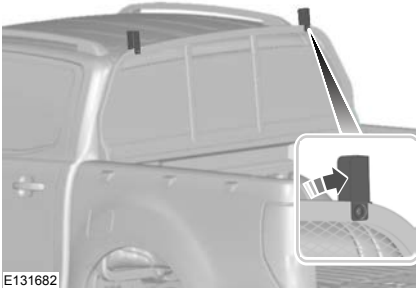
CẢNH BÁO

 Giá đỡ tải có chất tải sẽ làm thay đổi trọng tâm và khí động học của xe. Hãy cẩn thận khi vào cua, lái xe trong điều kiện gió ngang và ở tốc độ cao.

Trọng tải

CHÚ Ý

- ⚠ Không được phép vượt quá tổng trọng lượng cho phép. Tham khảo **Tâm ghi thông tin xe** (trang 167).



Ghi Chú: *Cô định hành lý hoặc hàng hóa đặt lên trên giá chất tải có các cỡ chặn giá đỡ tải trọng này.*

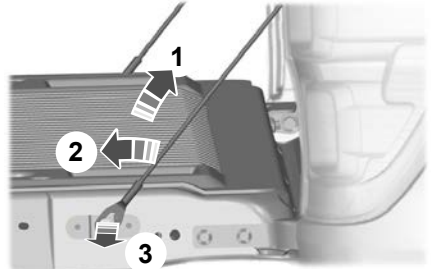
CỬA HẬU

Ghi Chú: *Cửa hậu có thể được hạ xuống để đưa vào/ra hàng hóa hơn.*

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không được vượt quá tải trọng lớn nhất của cửa hậu là 220 kg (485 pounds).
- ⚠ Không hạ thấp hoàn toàn cửa hậu nếu có lắp cần kéo hoặc bộ giảm va.
- ⚠ Phải đảm bảo kẹp chặt cửa hậu để cho nó không bị rơi xuống.

Hạ thấp cửa hậu



- 1 Nâng cửa hậu lên một chút.
- 2 Kéo dây cáp đỡ về phía sau.
- 3 Nhả dây cáp đỡ khỏi cửa hậu.
- 4 Lặp lại các bước từ 1 đến 3 để kéo dây cáp đỡ ra phía bên kia.

KÉO RƠ-MỐC

CÁC CẢNH BÁO



Tải trọng của đoàn xe không được vượt quá giá trị lớn nhất ghi trong bảng.



Các tải trọng cầu xe tối đa cho phép không được vượt quá trong quá trình kéo và vận chuyển.



Không được vượt quá tốc độ 100 km/g (62 mph) khi kéo với trọng lượng chất lên lớn hơn 3000 kg (6613 lbs).

Ghi Chú: Xe có trang bị chương trình cân bằng điện tử (ESP) có bộ điều khiển ổn định rơ-moóc. Tham khảo **Điều khiển ổn định xe** (trang 101).

Đặt các tải trọng càng thấp và chính giữa vào các trục bánh xe của rơ-moóc càng tốt. Nếu bạn đang kéo bằng một chiếc xe không tải, tải trọng trên rơ moóc nên được đặt phía mũi, trong phạm vi tải trọng phần mũi tối đa, điều này mang lại độ ổn định cao nhất.

Sự ổn định của xe kết hợp với rơ moóc phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của rơ moóc.

Tải trọng có ích tối đa của xe và của rơ moóc thể hiện các giá trị tính toán với độ dốc lên đến 12% và ở độ cao 1000 mét (3281 feet) trên mực nước biển. Ở những vùng cao, bầu khí quyển mỏng có thể làm giảm hiệu suất dẫn đến các hạn chế sau đây:

Ở những vùng có độ cao trên 1000 mét (3281 feet), tổng trọng lượng xe tối đa cho phép theo quy định phải giảm đi 10% cho mỗi 1000 mét tiếp theo (3281 feet).

Các độ dốc cao

CẢNH BÁO



Phanh quá tốc trên rơ moóc không được kiểm soát bởi hệ thống phanh chống bó cứng.

Về sồ trước khi bạn đi xuống dốc cao.

Mô đun kéo rơ moóc

Xe được lắp thanh kéo bởi nhà sản xuất cũng được trang bị thêm mô-đun điều khiển giắc điện rơ-moóc dùng cho chiếu sáng. Ngoài chức năng là giắc điện rơ-moóc, mô-đun điều khiển giắc điện rơ-moóc để bảo vệ các mạch điện thứ cấp của xe từ các hư hỏng về điện hoặc hư hỏng gây ra bởi rơ-moóc.

Đôi với các xe không có thanh kéo là trang bị cơ bản, bộ tùy chọn hệ thống điện kéo rơ-moóc chính hãng Ford được thiết kế để cho phép lắp thêm thanh kéo. Bộ tùy chọn bao gồm mô-đun điều khiển kéo rơ-moóc, giắc điện rơ-moóc, dây điện và các thiết bị kết hợp.

Một khi bộ tùy chọn được lắp đặt, xe phải được lập trình lại. Phần lập trình có thể được thực hiện tại đại lý Ford của bạn.

Ghi Chú: Đảm bảo rằng đèn chỉ thị và đèn phanh không chập chờn khi động cơ đang hoạt động trong khi sử dụng rơ moóc với đèn LED điện năng thấp.

Để khắc phục sự chập chờn và để đảm bảo hoạt động chính xác của phương tiện hỗ trợ đỗ xe phía sau, dây cáp điện cho rơ moóc nên được nối giữa rơ moóc và xe.

CHÚ Ý



Không được nối dây cáp điện cho rơ moóc vào xe khi rơ moóc không được lắp.

Ghi Chú: Dây cáp điện cho rơ moóc được cung cấp bởi đại lý ủy quyền của Ford.

Kéo xe

Thông số kỹ thuật

Khả năng kéo - Dành cho dòng Cơ sở

Phiên bản	Số tiền (D)	Hộp số	Không có phanh rơ moóc kg (lbs)	Có phanh rơ moóc kg (lbs)	Lớn nhất. Tổng tải trọng đoàn xe kg (lbs)
Động cơ xăng 2.5L	4X2	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4425 (9755)
	4x2*	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4525 (9976)
	4x4	Số sàn	750 (1654)	1100 (2425)	4125 (9094)
Động cơ diesel 2.2L 88kW	4X2	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4425 (9755)
	4x4	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4525 (9976)
Động cơ diesel 2.2L 92kW	4x2* và 4x4	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4525 (9976)
Động cơ diesel 2.2L 110kW	4x2	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4425 (9755)
	4x2* và 4x4	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4700 (10362)
Động cơ diesel 3.2L	4x2* và 4x4	Số sàn	750 (1654)	1500 (3307)	4700 (10362)

Khả năng kéo- Cho tất cả các dòng khác

Phiên bản	Số tiền (D)	Hộp số	Không có phanh rơ moóc kg (lbs)	Có phanh rơ moóc kg (lbs)	Lớn nhất. Tổng tải trọng đoàn xe kg (lbs)
Động cơ xăng 2.5L	4X2	Số sàn	750 (1654)	2200 (4850)	5125 (11299)
	4x2*	Số sàn	750 (1654)	1700 (3748)	4900 (10803)
	4x4	Số sàn	750 (1654)	1100 (2425)	4300 (9480)
Động cơ diesel 2.2L 88kW & 92kW	4X2	Số sàn	750 (1654)	2200 (4850)	5125 (11299)
	4x2* và 4x4	Số sàn	750 (1654)	1600 (3527)	4800 (10582)
Động cơ diesel 2.2L	4x2	Số sàn	750 (1654)	2500 (5512)	5425 (11960)

Kéo xe

Phiên bản	Số tiền (D)	Hộp số	Không có phanh rơ moóc kg (lbs)	Có phanh rơ moóc kg (lbs)	Lớn nhất. Tổng tải trọng đoàn xe kg (lbs)
110kW	4x2 * Tỉ số truyền 3.31	Số sàn	750 (1654)	1800 (3968)	5000 (11023)
	4x2 * và 4x4 Tỉ số truyền 3.55	Số sàn	750 (1654)	3500 (7716)	6000 (13288)
	4x2 * và 4x4	Số tự động	750 (1654)	3500 (7716)	6000 (13288)
Động cơ diesel 3.2L	4x2 * và 4x4 Tỉ số truyền 3.31	Số sàn	750 (1654)	1800 (3968)	5000 (11023)
	4x2 * và 4x4 Tỉ số truyền 3.55	Số sàn	750 (1654)	3500 (7716)	6000 (13288)
	4x2 * và 4x4	Số tự động	750 (1654)	3500 (7716)	6000 (13288)

*Với xe gầm cao

Trọng lượng mũi rơ moóc

CẢNH BÁO



Hãy chắc chắn rằng trọng lượng đặt lên moóc kéo nằm trong dải dưới đây. Điều này quan trọng vì nó đảm bảo ổn định cho xe và rơ moóc.

Số tiền (D)	Trọng lượng mũi rơ moóc nhỏ nhất	Trọng lượng mũi rơ moóc lớn nhất kg (lbs)
4x2	6% trọng lượng được kéo	165 (364)
4x2 * và 4x4		225 (496)

*Với xe gầm cao

ĐẦU KHỚP NỐI MÓC KÉO RỜ- MÓC CÓ THỂ THÁO RỜI

CÁC CẢNH BÁO



Không được bỏ tay đòn kéo chốt tách rời khỏi không kẹp chặt bên trong xe. Điều này sẽ làm tăng nguy cơ chấn thương khi xảy ra tai nạn.



Khi không sử dụng, luôn luôn chuyển tay đòn kéo chốt này gắn chặt vào ngăn hành lý.



Hãy chú ý đặc biệt khi lắp tay đòn kéo chốt này vì độ an toàn của xe và rơ moóc phụ thuộc vào thao tác này.



Không được tự ý sửa đổi đầu nối rơmoóc.

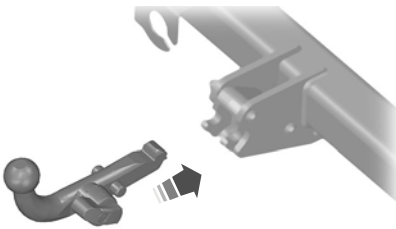


Không tháo rời hoặc tự ý sửa chữa tay đòn kéo chốt này.

Lỗ trên rơ moóc và bệ đỡ tay đòn kéo chốt được đặt bên dưới bộ cần sau. Xoay lỗ rơ moóc xuống dưới 90 độ cho đến khi nó ăn khớp vào các vị trí chính xác.

4x2

Lắp đặt tay đòn kéo chốt



E137325

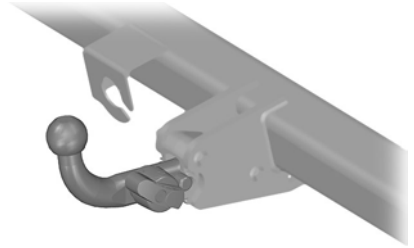
1. Lắp đặt tay đòn kéo chốt vào bệ đỡ.

CẢNH BÁO



Phải chắc chắn rằng tay đòn kéo chốt được ăn khớp hoàn toàn vào bệ đỡ.

Lái xe khi có rơ moóc



E138394

CẢNH BÁO



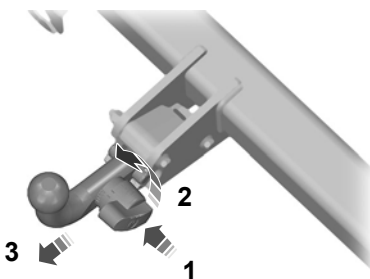
Nếu bất kỳ điều kiện sau đây không được đáp ứng, thì không được sử dụng thanh kéo và phải kiểm tra nó kỹ lưỡng bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Trước khi bắt đầu hành trình của bạn, phải kiểm tra chắc chắn rằng:

- Chốt kéo phải được khóa một cách chính xác.
- Tay đỡ kéo chốt phải được ăn khớp hoàn toàn vào bệ đỡ của nó.

Kéo xe

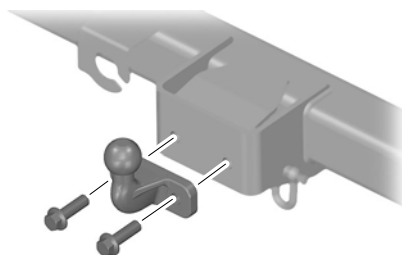
Tháo tay đòn kéo chốt



E137326

1. Đẩy cần gạt về phía tâm của chiếc xe.
2. Xoay cần gạt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ để mở khóa tay đòn kéo chốt.
3. Tháo tay đòn kéo chốt.

4x2 (xe gầm cao) và 4x4



E139242

Vặn chặt các bu-lông với lực siết 218 ± 42 Nm.

Lái xe khi không có rơ moóc

1. Tháo tay đòn kéo chốt.
2. Cài đặt chốt vào trong bộ đỡ của nó.

CÁC CẢNH BÁO



Để tránh nguy cơ gây ra thương tích, không được mở khóa tay đòn kéo chốt khi gắn rơ moóc.



Tháo tay đòn kéo chốt khi lái xe không có rơ moóc.

Bảo dưỡng

Giữ cho hệ thống luôn sạch sẽ.

Định kỳ bôi trơn cơ cấu chốt kéo bằng chất bôi trơn nhựa tự do hoặc dầu và khóa bằng than chì.

Những gợi ý lái xe

CHẠY RÀ

Lốp xe

CẢNH BÁO



Lốp mới cần phải chạy rà trong khoảng 500km. Trong thời gian này, bạn sẽ có thể có cảm giác lái không bình thường.

Phanh và ly hợp

CẢNH BÁO



Sử dụng phanh và ly hợp càng ít càng tốt nếu có thể trong 150km (100 miles) đầu tiên trên đường thành phố và 1500km (1000 miles) đầu tiên trên đường cao tốc.

Động cơ

CHÚ Ý



Tránh chạy quá nhanh trong 1500km (1000 miles) đầu tiên. Thường xuyên thay đổi tốc độ và tay số. Không để động cơ làm việc quá tải.

CÁC ĐIỂM VẬN HÀNH CHUNG

Xe sử dụng động cơ diesel

Nếu đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp bật sáng, hãy đổ nhiên liệu ngay lập tức. Nếu bạn tiếp tục lái xe mà không đổ nhiên liệu, động cơ sẽ bắt đầu chạy không đều. Điều này cho thấy rằng bạn sắp hết nhiên liệu. Hãy đổ nhiên liệu ngay lập tức.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA KHI THỜI TIẾT LẠNH

Hoạt động của một số bộ phận và hệ thống có thể bị ảnh hưởng khi nhiệt độ xuống dưới -30°C.

HIỆU SUẤT ĐỘNG CƠ BỊ GIẢM

Xe của bạn có thể được vận hành quãng rất ngắn khi động cơ quá nhiệt nhưng chưa đến mức gây hư hỏng động cơ. Động cơ sẽ tiếp tục hoạt động với công suất bị giới hạn. Khoảng cách bạn có thể đi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường, tải trọng xe, và địa hình.

Nếu kim đồng hồ chỉ tới vị trí giới hạn trên, động cơ đang quá nhiệt. Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 57).

Nếu nhiệt độ tiếp tục tăng, việc cấp nhiên liệu cho động cơ sẽ bị giảm. Điều hòa nhiệt độ (nếu có) cũng sẽ tắt và quạt làm mát động cơ sẽ hoạt động.

CHÚ Ý



Tiếp tục hoạt động sẽ làm tăng nhiệt độ động cơ, và làm cho động cơ dừng hoàn toàn.

- Hãy dừng xe của bạn ngay lập tức.
- Tắt động cơ ngay lập tức để tránh làm hư hỏng động cơ nghiêm trọng.
- Chờ đến khi động cơ nguội.
- Kiểm tra mức nước làm mát. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).
- Hãy kiểm tra xe bởi người có chuyên môn ngay lập tức.

LÁI XE QUA KHU VỰC NGẬP NƯỚC

Lái xe qua đoạn nước sâu

CẢNH BÁO



Không được phép lái xe qua những vùng nước sâu và chảy nhanh, vì xe của bạn có thể bị cuốn trôi.

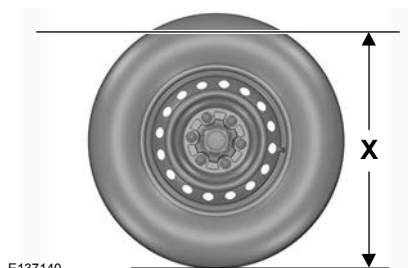
Những gợi ý lái xe

CÁC CHÚ Ý

- ❗ Chỉ lái xe qua đoạn nước sâu trong trường hợp khẩn cấp, và không phải cách vận hành bình thường.
- ❗ Động cơ có thể bị hư hỏng nếu nước đi vào bộ lọc gió.
- ❗ Luôn luôn cố gắng xác định độ sâu của đoạn nước cần vượt trước khi lái xe ngang qua.

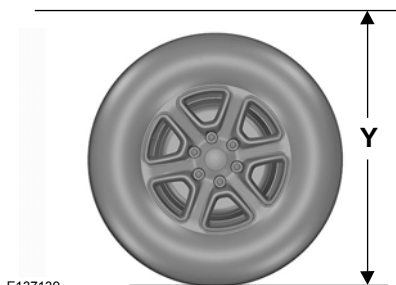
Trong trường hợp khẩn cấp, có thể điều khiển xe đi qua vùng nước có chiều sâu tối đa như được thể hiện với tốc độ lớn nhất là 7 km/g. Cần đặc biệt cẩn thận khi cho xe đi qua các đoạn nước đang chảy.

4X2



X 600 mm (23.6 inch)

4x2 (xe gầm cao) và 4x4



Y 800 mm (31.5 inch)

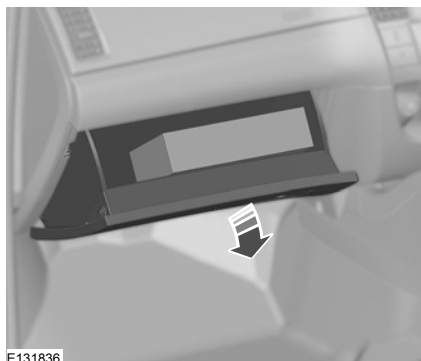
Khi lái xe qua vùng nước sâu, cài số một và dãi số thấp (nếu có), duy trì tốc độ ổn định để đầu sóng nước phía trước xe và không được dừng xe lại. Sau khi đi qua chỗ nước sâu, ngay khi có thể, thực hiện các bước sau:

- Đạp nhẹ phanh và kiểm tra chức năng phanh còn đạt yêu cầu hay không.
- Kiểm tra sự làm việc của còi.
- Kiểm tra xem các đèn còn hoạt động bình thường không.
- Kiểm tra tính năng trợ lực của hệ thống lái.

Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp

BỘ DỤNG CỤ CẤP CỨU

Ghi Chú: Bộ sơ cứu thứ nhất được bắt trong trong ngăn chứa bên phụ.



- 1 Gập lưng ghế về phía trước.

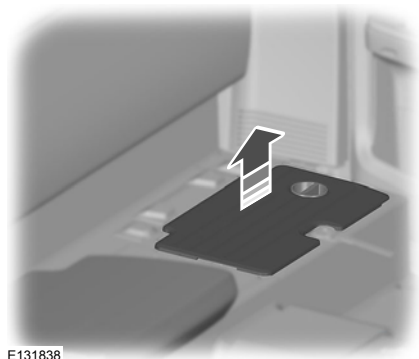
TAM GIÁC PHẢN QUANG CẢNH BẢO NGUY HIỂM

Ca bin đơn

Một dây đai giữ đằng sau ghế hành khách có thể được sử dụng để giữ cố định tam giác cảnh báo.

Ca bin kéo dài

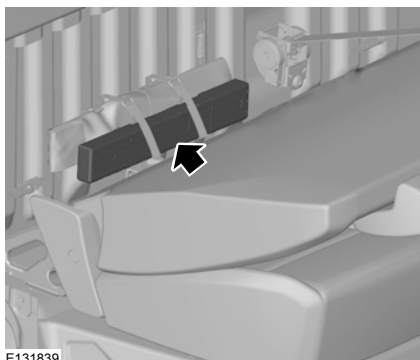
Ghi Chú: Tam giác cảnh báo có thể được giữ cố định trong thùng dụng cụ ở bên dưới các ghế sau.



- 1 Tháo đệm ghế sau
- 2 Tháo nắp bảo vệ.

Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp

Ca bin kép

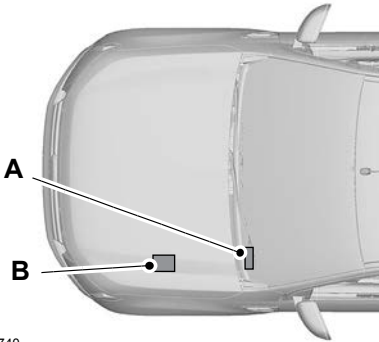


- 1 Gập lưng ghế sau về phía trước.

Cầu chì

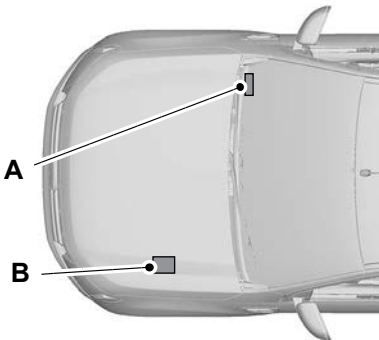
VỊ TRÍ HỘP CẦU CHÌ

Tay lái thuận



E132740

Tay lái nghịch

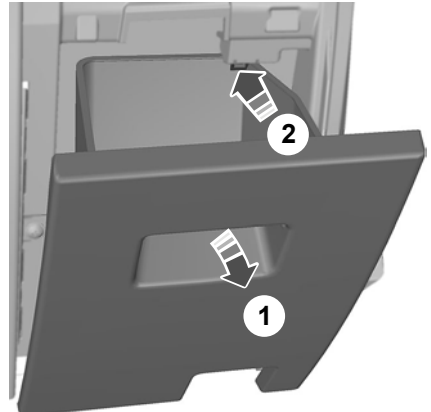


E132741

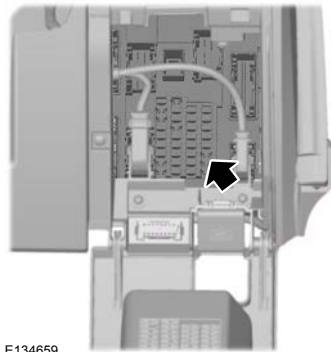
- A Hộp cầu chì trong khoang hành khách
- B Hộp cầu chì trong khoang động cơ

Hộp cầu chì trong khoang hành khách

Mở hoàn toàn nắp đậy ngăn chứa bên cạnh người lái.



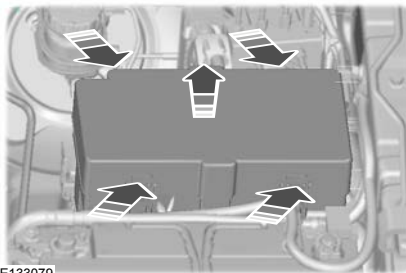
E133080



E134659

Cầu chì

Hộp cầu chì trong khoang động cơ



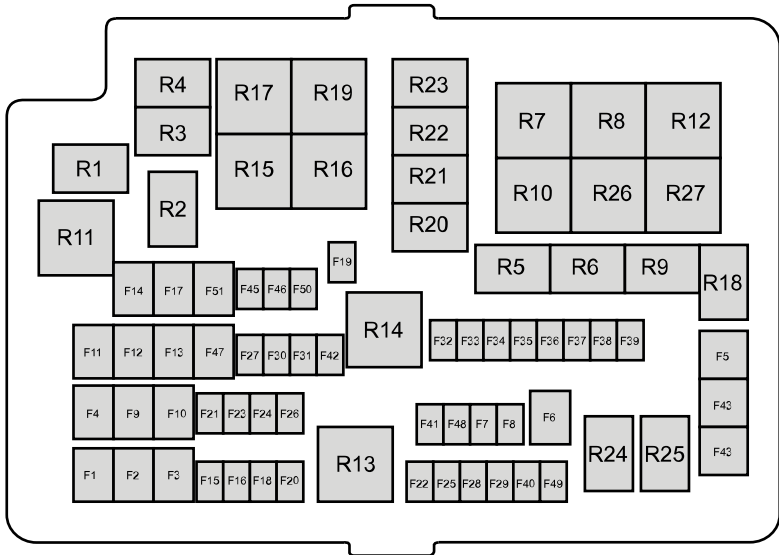
E133079

Nhả chốt hãm và tháo nắp đậy.

Cầu chì

BẢNG THÔNG SỐ CỦA CẦU CHÌ

Hộp cầu chì trong khoang động cơ



E133601

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch được bảo vệ
1	60	Nguồn cấp hộp cầu chì khoang hành khách (ắc quy)
2	60	Nguồn cấp hộp cầu chì khoang hành khách (ắc quy)
3 (Động cơ xăng)	50	Quạt làm mát động cơ
3 (Động cơ diesel)	60	Mô đun điều khiển nền sây
4	40	Mô đun ABS

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch được bảo vệ
5	30	Kính điện (trước và sau)
6	25	Mát mô tơ điều khiển 2 cầu (4WD)
7	-	Không được sử dụng
8	-	Không được sử dụng
9	20	Ghề điện
10	25	Cửa kính điện (trước)
11	30	Mô tơ quạt dàn lạnh
12	25	Nguồn mô tơ điều khiển 2 cầu (4WD)
13	20	Cuộn hút mô tơ để
14	20	Sấy kính sau
15 (Động cơ xăng)	10	Bơm nhiên liệu
15 (Động cơ diesel)	20	Nền sấy
16	10	Ly hợp điều hòa
17	25	Cửa kính điện (phía trước)
18	25	Mô tơ gạt mưa kính chắn gió
19	25	Mát mô tơ gạt mưa kính chắn gió
20	20	Ổ châm thuốc lá
21	15	Còi
22	15	Các kim phun, van nhiên liệu
23	10	Van điện từ khóa vi sai
24	20	Ổ nguồn trên bảng táp lô, hộc sàn xe
25	15	Cuộn đánh lửa, cảm biến nhiệt độ và lưu lượng khí nạp, mô đun nền sấy, Van điều khiển chân không (VCV), Van điều chỉnh chân không điện tử (EVRV)
26	7,5	Mô đun điều khiển điện tử (ECM)
27	10	Mô đun điều khiển hộp số (TCM)

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch được bảo vệ
28	10	Sây cảm biến ô xy, cảm biến ô xy đa năng, các rơ le
29	15	Mô đun điều khiển điện tử (ECM)
30	15	Cảm biến theo dõi ắc quy
31	20	Ổ cắm điện phụ (bảng điều khiển phía sau)
32	5	Công tắc áp suất điều hòa
33	10	Mô đun điều khiển hộp số (TCM)
34	5	Bộ sưởi (PTC)
35	20	Nguồn cấp hộp cầu chì khoang hành khách (Khóa điện)
36	5	Mô đun ABS
37	10	Điều chỉnh góc chiều đèn đầu
38	20	Sưởi ghế
39	10	Gương chiếu hậu điều khiển điện
40	-	Không được sử dụng
41	10	Gương chiếu hậu có sây
42	10	Còi báo động
43	30	Kính chắn gió có sây (bên phải)
44	30	Kính chắn gió có sây (bên trái)
45	25	Mô đun ABS
46	20	Ổ cắm điện phụ (sàn xe)
47	20	Mô đun kéo rơ moóc
48	-	Không được sử dụng
49	-	Không được sử dụng
50	5	Rơ le đánh lửa, các rơ le
51	30	Cửa kính chỉnh điện (phía sau)

Cầu chì

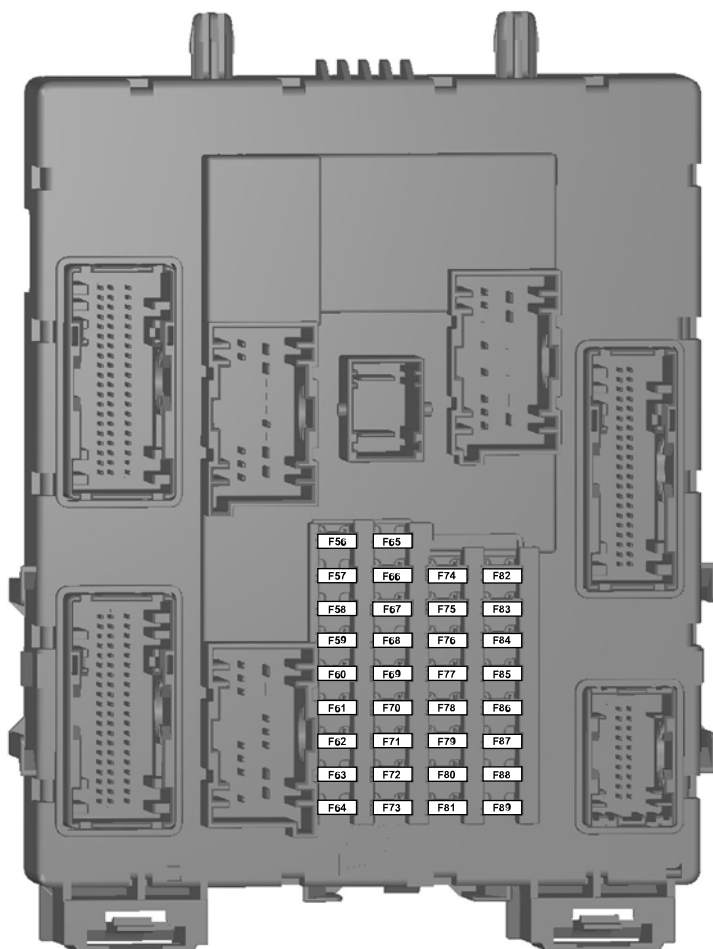
Rơ le	Các mạch điện điều khiển
R1	Khóa liên động bằng chìa khóa
R2	Gạt mưa bật/tắt
R3	Còi
R4	Ly hợp điều hòa
R5	Khóa vi sai
R6	Gạt mưa tốc độ cao/tốc độ thấp
R7	Quạt làm mát động cơ tốc độ thấp
R8	Quạt làm mát động cơ tốc độ cao
R9	Bơm nhiên liệu, nền sây
R10	Sầy kính sau
R11	Sầy kính chắn gió
R12	Không được sử dụng
R13	Bộ duy trì điện cho mô đun điều khiển điện tử (ECM)
R14	Khóa điện
R15	Mô tơ điều khiển 2 cầu (4WD) số 2 (chiều kim đồng hồ)
R16	Mô tơ điều khiển 2 cầu (4WD) số 1 (ngược chiều kim đồng hồ)
R17	Mô tơ điều khiển 2 cầu (4WD)
R18	Còi an toàn
R19	Máy để
R20	Không được sử dụng
R21	Không được sử dụng
R22	Không được sử dụng
R23	Không được sử dụng
R24	Không được sử dụng

Cầu chì

Rơ le	Các mạch điện điều khiển
R25	Không được sử dụng
R26	Quạt dàn lạnh
R27	Ghế điều khiển điện

Cầu chì

Hộp cầu chì trong khoang hành khách



E133602

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện điều khiển
56	20	Bơm nhiên liệu
57	-	Không được sử dụng
58	-	Không được sử dụng
59	5	Hệ thống chống trộm (PAT)
60	10	Đèn trong xe, công tắc cửa lái, đèn trần, đèn cửa, cần số hộp số tự động, đèn khoang để chân
61	-	Không được sử dụng
62	5	Mô đun cảm biến mưa
63	-	Không được sử dụng
64	-	Không được sử dụng
65	-	Không được sử dụng
66	20	Mở khóa cửa lái, khóa kép trung tâm
67	5	Công tắc đèn phanh
68	-	Không được sử dụng
69	5	Bảng đồng hồ táp lô, Mô đun điều khiển tích hợp (ICP), Mô đun theo dõi và ngăn chặn
70	20	Khóa trung tâm
71	5	Điều hòa không khí
72	7,5	Còi báo động
73	5	Hệ thống chẩn đoán trên xe II
74	20	Chè độ pha
75	15	Đèn sương mù phía trước
76	10	Đèn lùi, gương chiếu hậu
77	20	Bơm nước rửa kính
78	5	Ổ khóa điện
79	15	Tín hiệu âm thanh DIN, âm thanh FSAO, màn hình đa chức năng

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện điều khiển
80	20	Màn hình đa chức năng, Âm thanh chất lượng cao, Mô đun đóng van phanh (BVC)
81	5	Cảm biến chuyển động trong xe
82	20	Mát bơm nước rửa kính
83	20	Mát khóa trung tâm
84	20	Mở khóa cửa lái, mát khóa kép trung tâm
85	7,5	Đồng hồ tấp lô, mô đun hỗ trợ lùi xe, camera lùi, điều hòa nhiệt độ điều khiển tay, gương chiếu hậu, mô đun theo dõi và ngăn chặn
86	10	Hệ thống túi khí, đèn báo hủy kích hoạt túi khí bên phụ
87	5	Đồng hồ tốc độ động cơ
88	-	Không được sử dụng
89	-	Không được sử dụng

Ghi Chú: Tất cả các loại cầu chì (trừ loại có dòng điện lớn) là loại lắp bằng cách ấn xuống.

THAY CẦU CHÌ

CÁC CẢNH BÁO



Không cải biến hệ thống điện trên xe trong mọi trường hợp. Việc sửa chữa hệ thống điện và thay thế các rơ le cũng như các cầu chì có dòng lớn cần được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



Tắt chìa khóa điện cũng như toàn bộ các thiết bị điện trước khi thay cầu chì.

CHÚ Ý



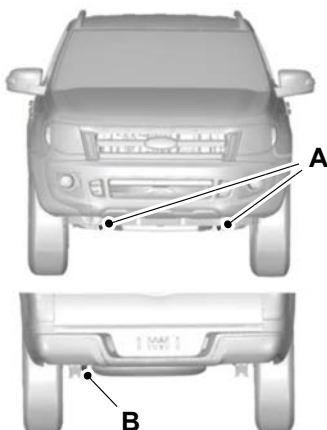
Sử dụng đúng loại cầu chì khi thay thế.

Ghi Chú: Bạn có thể xác định cầu chì bị hỏng thông qua vết đứt của sợi cầu chì.

Cứu hộ xe trên đường

ĐIỂM KÉO XE

Ghi Chú: Lỗ móc kéo thứ hai phía đằng trước là bộ phận tùy chọn.



E131731

A Lỗ móc kéo phía trước

B Lỗ móc kéo phía sau

KÉO XE VỚI 4 BÁNH LĂN TRÊN ĐƯỜNG

Tất cả các loại xe

CÁC CẢNH BÁO



Mở khóa điện khi xe đang được kéo đi. Nếu bạn không mở khóa điện thì vô lăng sẽ bị khóa, đèn báo rẽ và đèn phanh không hoạt động.



Bộ trợ lực phanh và bơm trợ lực lái sẽ không hoạt động nếu động cơ không làm việc. Đạp phanh mạnh hơn và quãng đường phanh tăng lên và đánh lái nặng hơn.

CÁC CHÚ Ý



Dây kéo quá căng có thể gây hư hỏng cho xe của bạn hoặc xe đang kéo.



1 Cầu (2WD): Chọn vị trí số N khi xe của bạn đang được kéo đi.



2 Cầu (4WD): Trong trường hợp hộp số gặp sự cố hoặc bị hỏng hóc, xe của bạn phải được cứu hộ trong trạng thái

TẮT CẢ các bánh xe nhấc lên khỏi mặt đất hoặc được vận chuyển với **TẮT CẢ** các bánh xe chạm đất trong khi xe ở chế độ 1 cầu (2WD). Trong bất kỳ trường hợp nào xe cũng không nên được kéo với **TẮT CẢ** các bánh xe chạm đất khi xe ở chế độ 2 cầu (4WD).

Khởi hành chậm và êm mà không giật mạnh xe đang được kéo.

Xe có sử dụng hộp số tự động

CÁC CHÚ Ý



Không được kéo xe trong trạng thái các bánh xe chủ động lăn trên đường. Tuy nhiên, nếu cần phải di chuyển xe ra khỏi chỗ nguy hiểm thì không được kéo xe với tốc độ lớn hơn 80km/g (50 dặm/giờ) hoặc với quãng đường dài hơn 80km (50 dặm).



Trong trường hợp hộp số bị hư hỏng, các bánh xe truyền động phải được nhấc lên khỏi mặt đất.

THÔNG TIN CHUNG

Cần bảo dưỡng xe thường xuyên để duy trì tình trạng sử dụng tốt nhất cũng như giữ được giá trị khi bán xe. Mạng lưới đại lý rộng khắp của Ford sẽ hỗ trợ bạn một cách chuyên nghiệp nhất. Chúng tôi tin rằng các kỹ thuật viên được đào tạo chuyên sâu của các đại lý có khả năng sửa chữa bảo dưỡng xe một cách tốt nhất. Họ được hỗ trợ bởi các dụng cụ chuyên dùng được thiết kế để bảo dưỡng, sửa chữa chiếc xe của bạn.

Ngoài ra trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, chúng tôi khuyên nghị bạn nên kiểm tra thêm một số điểm như sau.

CÁC CẢNH BÁO



Tắt chìa khóa điện trước khi chạm vào hay điều chỉnh bất kỳ chi tiết nào.



Không chạm vào các chi tiết của hệ thống đánh lửa sau khi bạn bật chìa khóa điện hay khi động cơ đang chạy. Hệ thống này hoạt động ở điện áp cao.



Không để tay hay quần áo gần quạt làm mát động cơ. Trong một số trường hợp, quạt có thể tiếp tục quay vài phút sau khi bạn đã tắt động cơ.

CHÚ Ý



Khi thực hiện kiểm tra bảo dưỡng, cần chắc chắn các nắp đậy được vặn chặt.

Kiểm tra hàng ngày

- Đèn bên ngoài xe.
- Đèn bên trong xe.
- Đèn và tín hiệu cảnh báo.

Kiểm tra khi châm nhiên liệu

- Mức dầu bôi trơn. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).
- Mức dầu phanh. Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 150).

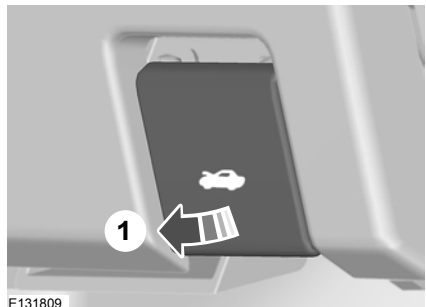
- Mức nước rửa kính. Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 151).
- Áp suất lốp (khi nguội). Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 166).
- Trạng thái lốp. Tham khảo **Chăm sóc lốp xe** (trang 159).

Kiểm tra hàng tháng

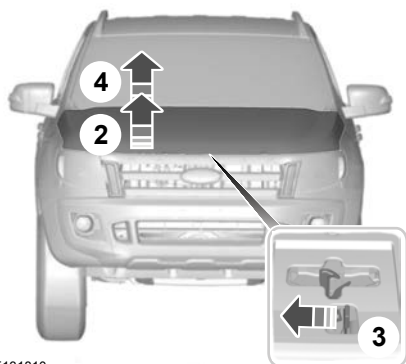
- Mức nước làm mát động cơ (khi động cơ nguội). Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).
- Kiểm tra tình trạng rò rỉ của các ống dẫn, bình chứa.
- Mức dầu trợ lực lái. Tham khảo **Kiểm tra dầu trợ lực lái** (trang 150).
- Hoạt động của điều hòa nhiệt độ.
- Hoạt động của phanh tay.
- Hoạt động của còi.
- Kiểm tra độ chặt các đai ốc bánh xe. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 166).

MỞ VÀ ĐÓNG NẮP KHOANG ĐỘNG CƠ

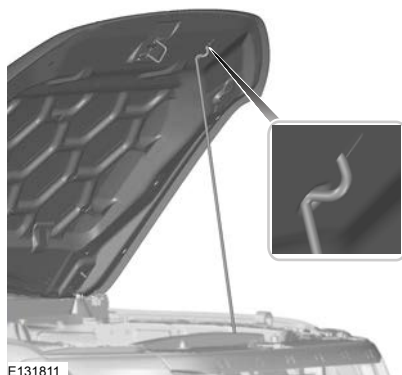
Mở nắp ca rô



1. Kéo cần ở phía dưới bảng đồng hồ tấp lô. Để biết vị trí các bộ phận: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 9).



2. Nâng nhẹ nhàng nắp ca rô lên.
3. Di chuyển chốt hãm phía trước sang bên trái của xe.
4. Mở nắp ca rô.



5. Đỡ bằng thanh chống.

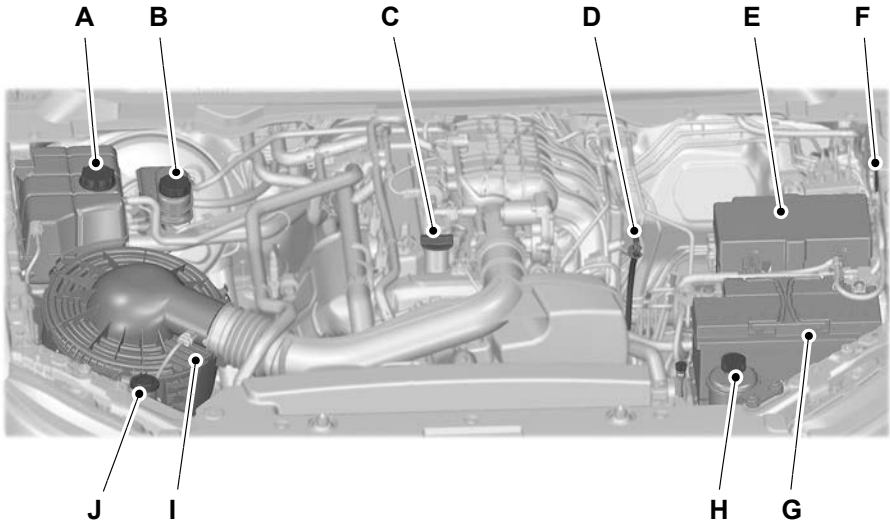
Đóng nắp ca rô

Ghi Chú: Chắc chắn rằng nắp ca rô đã được đóng đúng cách.

Hạ thấp nắp ca rô và cho nó tự rơi xuống bởi tự trọng trong 20-30cm cuối cùng.

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 2.5L DURATEC-HE (122KW/165PS) - MI4

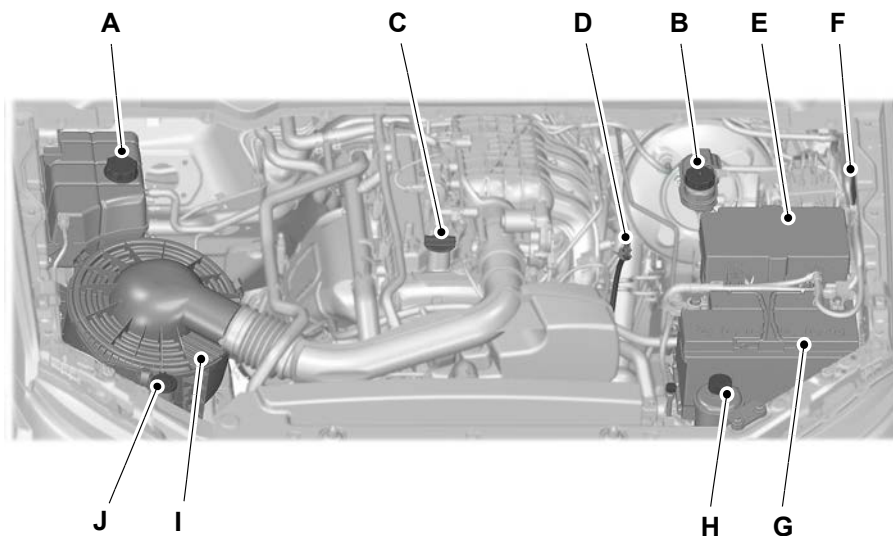
Xe tay lái nghịch



E131919

Bảo dưỡng

Xe tay lái thuận



E131920

- A Nắp bình chứa nước làm mát động cơ. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).
- B Nắp bình chứa dầu phanh và dầu ly hợp. Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 150).
- C Nắp châm dầu bôi trơn động cơ¹. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).
- D Que thăm dầu bôi trơn¹. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).
- E Hộp cầu chì động cơ. Tham khảo **Cầu chì** (trang 129).
- F Tầm ghi thông tin nhận diện xe. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 167).
- GẮc quy. Tham khảo **Ắc quy xe** (trang 157).
- H Nắp bình chứa dầu trợ lực lái. Tham khảo **Kiểm tra dầu trợ lực lái** (trang 150).

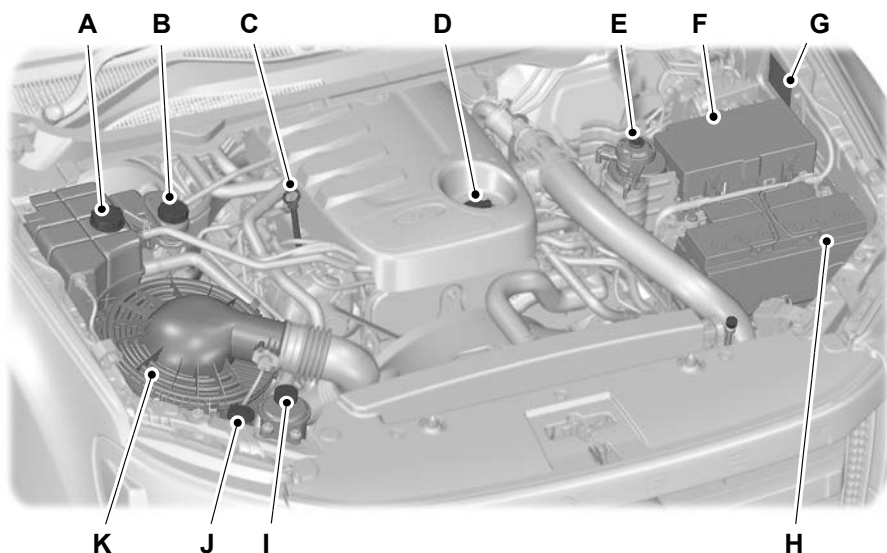
Bảo dưỡng

- I Lọc gió.
- J Nắp bình chứa nước rửa kính. Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 151).

* Các nắp bình chứa và que thăm được ký hiệu bằng màu sắc để dễ nhận biết.

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 2.2L DURATORQ-TDCI (PUMA) DẦU

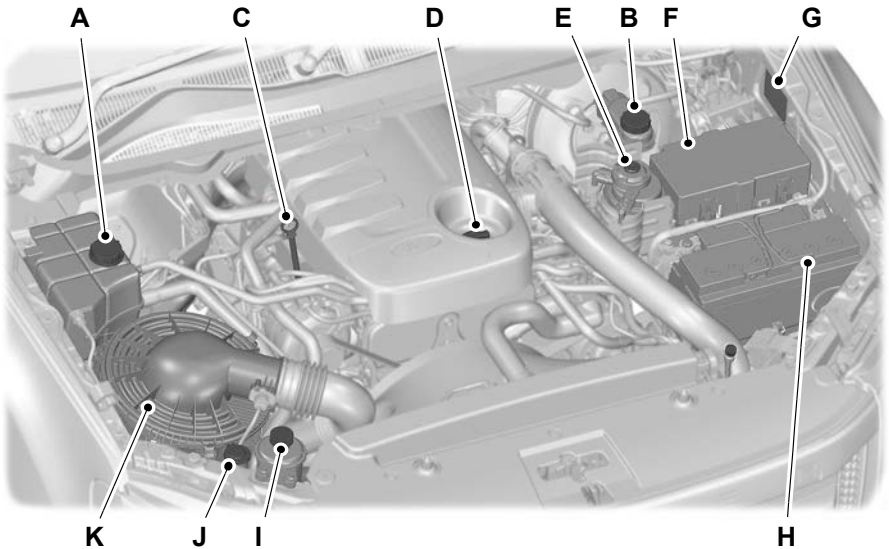
Xe tay lái nghịch



E131930

Bảo dưỡng

Xe tay lái thuận



E131931

- A Nắp bình nước làm mát động cơ. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).
- B Nắp bình dầu phanh và dầu ly hợp. Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 150).
- C Que thăm dầu bôi trơn động cơ¹. Tham khảo **Que thăm dầu động cơ** (trang 148).
- D Nắp châm dầu bôi trơn động cơ¹. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).
- E Bộ phận tách nước trên lọc nhiên liệu. Tham khảo **Xả nước trong lọc nhiên liệu** (trang 150).
- F Hộp cầu chỉ động cơ. Tham khảo **Cầu chì** (trang 129).
- G Tầm ghi thông tin nhận diện xe. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 167).
- HẮc quy. Tham khảo **Ắc quy xe** (trang 157).
- I Nắp bình chứa dầu trợ lực lái. Tham khảo **Kiểm tra dầu trợ lực lái** (trang 150).

Bảo dưỡng

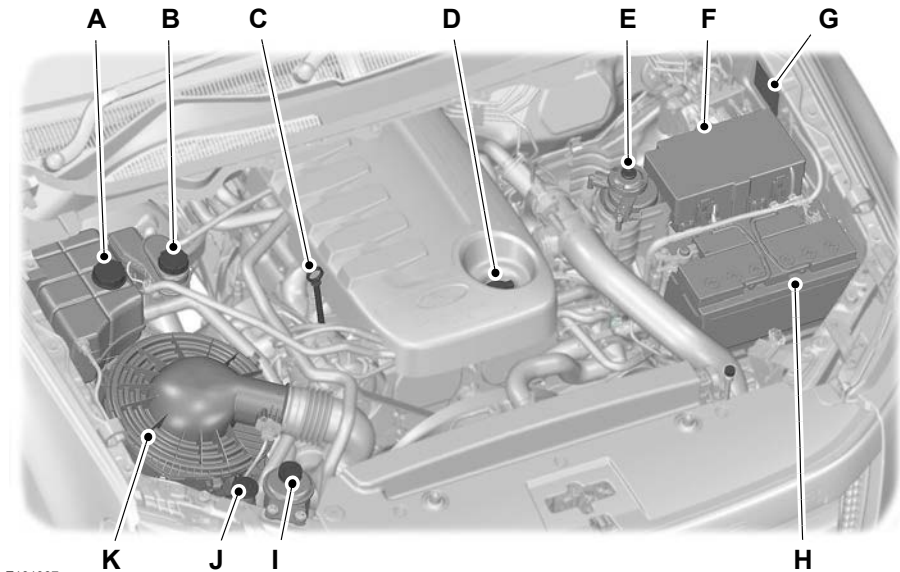
J Nắp bình chứa nước rửa kính. Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 151).

K Lọc gió.

* Các nắp bình chứa và que thăm dầu bôi trơn được ký hiệu bằng màu để dễ nhận biết.

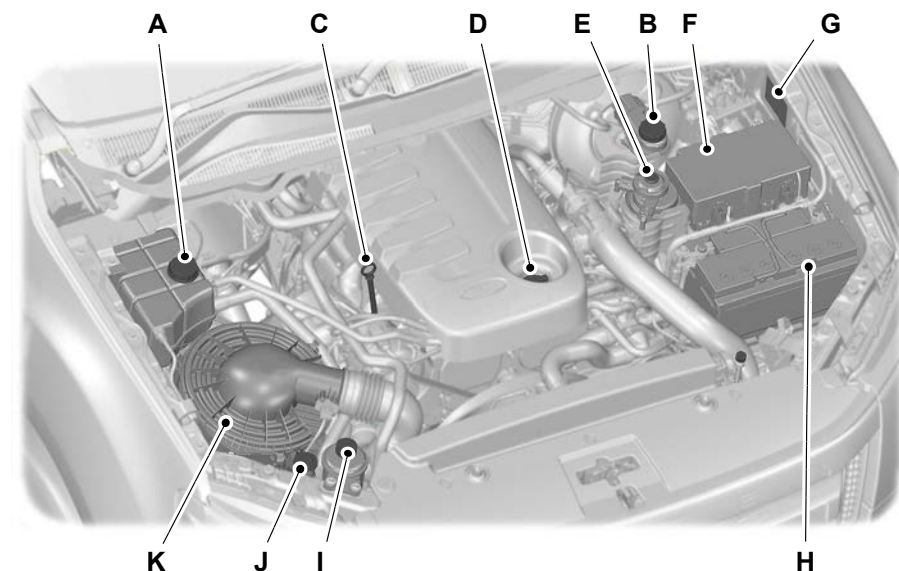
GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 3.2L DURATORQ-TDCI (PUMA) DẦU

Xe tay lái nghịch



E131967

Xe tay lái thuận



E131968

- A Nắp bình chứa nước làm mát động cơ. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 149).
- B Nắp bình chứa dầu phanh và dầu ly hợp. Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 150).
- C Que thăm dầu bôi trơn động cơ¹. Tham khảo **Que thăm dầu động cơ** (trang 148).
- D Nắp châm dầu động cơ¹. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 148).
- E Bộ phận tách nước trên lọc nhiên liệu. Tham khảo **Xả nước trong lọc nhiên liệu** (trang 150).
- F Hộp cầu chì động cơ. Tham khảo **Cầu chì** (trang 129).
- G Tấm ghi thông tin nhận diện xe. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 167).
- H Ắc quy. Tham khảo **Ắc quy xe** (trang 157).
- I Nắp bình chứa dầu trợ lực lái. Tham khảo **Kiểm tra dầu trợ lực lái** (trang 150).

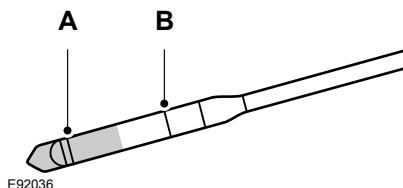
Bảo dưỡng

J Nắp bình chứa nước rửa kính. Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 151).

K Lọc gió.

* Các nắp bình chứa và que thăm dầu được ký hiệu bằng màu để dễ nhận biết.

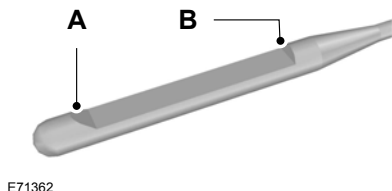
QUE THĂM DẦU ĐỘNG CƠ - 2.5L DURATEC-HE (122KW/ 165PS) - MI4



A THẤP NHẤT (MIN)

B CAO NHẤT (MAX)

QUE THĂM DẦU ĐỘNG CƠ - 2.2L DURATORQ-TDCI (PUMA) DẦU/3.2L DURATORQ-TDCI (PUMA) DẦU



A MIN

B MAX

KIỂM TRA DẦU ĐỘNG CƠ

CHÚ Ý

⚠ Không sử dụng các phụ gia dầu bôi trơn hoặc chất xử lý động cơ khác. Trong một số điều kiện chúng có thể làm hỏng động cơ.

Ghi Chú: Tiêu hao dầu bôi trơn của động cơ mới sẽ đạt mức bình thường sau khoảng 5000km (3000 miles).

Kiểm tra mức dầu bôi trơn

CHÚ Ý

⚠ Bảo đảm mức dầu nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Ghi Chú: Kiểm tra mức dầu trước khi khởi động động cơ.

Ghi Chú: Bảo đảm xe đỗ trên đường bằng phẳng.

Ghi Chú: Dầu bôi trơn giãn nở khi ở nhiệt độ cao. Mức dầu có thể cao hơn mức **MAX** vài mm.

Rút que thăm dầu ra và lau sạch bằng giấy. Cắm lại que thăm dầu vào lỗ thăm dầu và rút ra để kiểm tra mức dầu.

Nếu mức dầu nằm ở mức **MIN**, cần đổ thêm dầu ngay lập tức.

Đổ thêm dầu

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ đổ thêm dầu khi động cơ nguội. Nếu động cơ đang nóng, chờ 10 phút để động cơ nguội.



Không tháo nắp đổ dầu khi động cơ đang hoạt động.

Mở nắp đổ dầu.

CẢNH BÁO



Không đổ thêm dầu quá vạch **MAX**.

Ghi Chú: Thăm những phần tràn ra bằng miếng vải thấm hút ngay lập tức.

Chỉ đổ thêm loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 151).

Thay thế nắp bình dầu. Vặn vào cho đến khi thấy nặng tay.

KIỂM TRA NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ

Kiểm tra mức nước làm mát

CẢNH BÁO



Không để nước làm mát rơi lên da hoặc mắt. Nếu điều đó xảy ra, dùng nhiều nước xả lên khu vực bị ảnh hưởng và liên lạc với bác sĩ.

CHÚ Ý



Bảo đảm mức nước làm mát nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Ghi Chú: Nước làm mát giãn nở khi nóng. Do đó mức nước làm mát có thể cao hơn vạch **MAX**.

Nếu nước làm mát ở mức **MIN** đổ thêm ngay lập tức.

Đổ thêm nước làm mát

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ đổ thêm nước làm mát khi động cơ nguội. Nếu động cơ đang nóng, chờ 10 phút để động cơ nguội.



Không mở nắp bình nước mát khi động cơ đang hoạt động.



Không mở nắp bình nước làm mát khi động cơ đang nóng. Chờ đến khi động cơ nguội.



Nước làm mát nguyên chất dễ bắt cháy nếu bị đổ ra ống xả đang nóng.

CÁC CHÚ Ý



Trong trường hợp khẩn cấp, bạn chỉ cần đổ thêm nước vào hệ thống làm mát để tiếp tục chạy xe đến xưởng sửa chữa ô tô. Kiểm tra hệ thống cần phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.



Việc sử dụng không đúng loại nước làm mát trong thời gian dài có thể dẫn đến hư hỏng động cơ do ăn mòn, quá nhiệt hay đóng băng.

Mở nắp bình nước một cách **từ từ**. Áp suất sẽ thoát ra chậm trong khi bạn mở nắp.

CHÚ Ý



Không đổ thêm quá vạch **MAX**.

Đổ thêm nước làm mát với tỷ lệ 50/50 (nước làm mát/nước) đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 151).

KIỂM TRA DẦU TRỢ LỰC LÁI

CẢNH BÁO



Không để dầu trợ lực lái rơi lên da hoặc mắt. Nếu điều này xảy ra, hãy dùng nhiều nước rửa khu vực bị ảnh hưởng ngay lập tức và liên lạc với bác sỹ.

CHÚ Ý



Chắc chắn rằng mức dầu nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Nếu mức dầu ở vạch **MIN**, hãy đổ thêm

Đổ thêm dầu trợ lực lái

Tháo nắp đổ dầu.

CHÚ Ý



Không đổ quá vạch **MAX**.

Chỉ đổ loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 151).

KIỂM TRA DẦU LY HỢP VÀ DẦU PHANH

CÁC CẢNH BÁO



Sử dụng bất kỳ dung dịch nào khác với dầu phanh khuyến nghị có thể làm giảm hiệu suất phanh và không đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Ford.



Không làm dầu phanh rơi lên da hay mắt. Nếu điều đó xảy ra, dùng nhiều nước xả lên khu vực bị ảnh hưởng và liên lạc với bác sỹ.

CÁC CẢNH BÁO



Nếu dầu phanh ở mức **MIN** hệ thống phanh cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Ghi Chú: Giữ dầu phanh sạch và khô. Vệ sinh nhiễm bẩn, nước, các sản phẩm dầu mỡ hoặc các vật liệu khác có thể dẫn đến hư hỏng hệ thống phanh và có thể xuất lỗi.

Ghi Chú: Hệ thống phanh và ly hợp dùng chung một bình dầu.

Chỉ đổ thêm loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 151).

XẢ NƯỚC TRONG LỘC NHIÊN LIỆU

CẢNH BÁO



Không thải dầu diesel vào rác thải gia đình hoặc hệ thống nước thải công cộng. Sử dụng các cơ sở xử lý chất thải được ủy quyền tại địa phương của bạn.

Ghi Chú: Chỉ được nạp các loại nhiên liệu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của Ford. Tham khảo **Chất lượng nhiên liệu** (trang 88).

Ghi Chú: Bơm trong bình nhiên liệu sẽ tự động tắt sau khoảng 40 giây.

Bảo dưỡng



E131831

Để biết vị trí của bộ phận: Tham khảo **Giới thiệu tổng quát khoang động cơ** (trang 144). Tham khảo **Giới thiệu tổng quát khoang động cơ** (trang 146).

1. Tắt chìa khóa điện.
2. Nối và cố định một ống mềm phù hợp vào nút xả trên lọc nhiên liệu.

3. Đưa đầu còn lại của ống mềm này vào thùng chứa phù hợp.
4. Nới lỏng nút xả khoảng 1,5 vòng.
5. Bật chìa khóa điện để kích hoạt bơm trong bình nhiên liệu.
6. Tiền hành xả nước.
7. Tắt chìa khóa điện.
8. Vặn chặt nút xả và tháo ống mềm ra.
9. Khởi động động cơ và kiểm tra xem có hiện tượng rò rỉ không.

Ghi Chú: Đèn báo nước trong nhiên liệu sẽ tắt sau khoảng 2 giây trong khi động cơ đang chạy.

KIỂM TRA MỨC NƯỚC RỬA KÍNH

Đổ thêm nước rửa kính vào bình nước khi đèn báo mức nước bật sáng. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 57).

Khi tiền hành đổ thêm, sử dụng hỗn hợp chất lỏng rửa kính và nước để tránh đóng băng trong thời tiết lạnh và cải thiện khả năng làm sạch. Chúng tôi khuyên bạn chỉ nên sử dụng chất lỏng rửa kính chất lượng cao.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Chất lỏng sử dụng trên xe

Phụ tùng	Chất lỏng khuyến nghị	Thông số kỹ thuật
Dầu động cơ - Diesel (đối với thị trường có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 350 ppm)		WSS-M2C913-C WSS-M2C913-D
Dầu động cơ - Diesel (đối với thị trường có hàm lượng lưu huỳnh cao hơn 350 ppm)		WSS-M2C921-A WSS-M2C913-D
Dầu bôi trơn động cơ - Động cơ xăng		WSS M2C913-C WSS-M2C913-D WSS-M2C929-A

Bảo dưỡng

Phụ tùng	Chất lỏng khuyến nghị	Thông số kỹ thuật
		WSS M2C930-A WSS M2C946-A WSS M2C945-A
Dầu hộp số - Hộp số sàn (MT-75)		WSD-M2C200-C
Dầu hộp số - Hộp số sàn (MT-82)		WSS-M2C200-D2
Dầu hộp số - Hộp số tự động	Motorcraft MERCON® LV	WSS-M2C938-A (XT-10 QLV)
Dầu ly hợp/phanh		WSS-M6C65-A2 Super Dot4-14M
Dầu trợ lực lái	Motorcraft MERCON® LV	WSS-M2C938-A (XT-10 QLV)
Nước làm mát động cơ	Chevron / Artecó	WSS-M97B44-D (XLC-0F02)
Cầu trước		WSP-M2C197-A
Cầu sau		WSP-M2C197-A
Hộp phân phối	Motorcraft MERCON® LV	WSS-M2C938-A (XT-10 QLV)

Bảo dưỡng

Phụ tùng	Chất lỏng khuyến nghị	Thông số kỹ thuật
Ga điều hòa	R134A	WSH-M17B19-A
Dầu bôi trơn máy nén điều hòa	POLYALKYLENE GLYCOL	WSH-MIC231-B

Động cơ của bạn được thiết kế để sử dụng Dầu động cơ Ford, mang đến lợi ích tiết kiệm nhiên liệu trong khi vẫn duy trì độ bền của động cơ.

Châm thêm dầu:

Dầu bôi trơn động cơ - Động cơ diesel (đối với thị trường sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 350 ppm): Nếu bạn không thể tìm thấy loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn như bảng thông số chất lỏng cho xe, bạn phải sử dụng **SAE 5W-30** để đáp ứng tiêu chuẩn **ACEA A5/B5**.

Dầu bôi trơn động cơ - Động cơ diesel (đối với thị trường sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao hơn 350 ppm): Nếu bạn không thể tìm thấy loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn như bảng thông số chất lỏng cho xe, bạn phải sử dụng **SAE 10W-30** để đáp ứng tiêu chuẩn **API CH-4**.

Với động cơ xăng, nếu bạn không tìm được loại dầu máy đáp ứng tiêu chuẩn như bảng thông số chất lỏng cho xe, bạn phải sử dụng **SAE 5W-20** hoặc **SAE 5W-30** để đáp ứng tiêu chuẩn theo **ACEA A5/B5**, **API SM** hoặc **API SN**.

Sử dụng các loại dầu máy để châm bổ sung khác với các loại nêu trên sẽ làm cho thời gian khởi động động cơ dài hơn, làm giảm công suất, giảm tính kinh tế nhiên liệu và tăng lượng khí thải.

Các dung tích

Khác nhau	Danh mục	Dung tích tính bằng lít (gallon)
Tất cả các phiên bản xe	Dầu trợ lực lái	1,2 (0,26)
Tất cả các phiên bản xe	Hệ thống rửa kính chắn gió	5,5 (1,2)
Tất cả các phiên bản xe	Thùng nhiên liệu	80 (17,60)
Hộp số tự động (khô)	Dầu hộp số	10,5 (2,31)
Hộp số tự động (ướt)	Dầu hộp số	9 (1,97)
Hộp số sàn (MT75)	Dầu hộp số	1,7 (0,37)
Hộp số sàn (MT82)	Dầu hộp số	2,7 (0,59)
2.2L Duratorq-TDCi	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	8,6 (1,89)

Bảo dưỡng

Khác nhau	Danh mục	Dung tích tính bằng lít (gallon)
2.2L Duratorq-TDCi (MT75 và MT82)	Hệ thống làm mát	11,5 (2,53)
2.2L Duratorq-TDCi (AT)	Hệ thống làm mát	11,9 (2,62)
3.2L Duratorq-TDCi	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	9,75 (2,14)
3.2L Duratorq-TDCi (MT82)	Hệ thống làm mát	12,9 (2,84)
3.2L Duratorq-TDCi (AT)	Hệ thống làm mát	13,5 (2,97)
2.5L Duratec-HE	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	6,7 (1,47)
2.5L Duratec-HE	Hệ thống làm mát	11,0 (2,42)

Chăm sóc xe

VỆ SINH BÊN NGOÀI

CẢNH BÁO



Nếu dịch vụ rửa xe có bước phủ sáp, cần chắc chắn lau sạch lớp sáp trên kính chắn gió.

CÁC CHÚ Ý



Trước khi sử dụng thiết bị rửa xe cần kiểm tra xem nó có phù hợp cho xe bạn hay không.



Một số trạm rửa xe sử dụng nước có áp suất cao. Việc này có thể làm hỏng một số chi tiết trên xe.



Tháo an ten trước khi rửa xe tự động.



Tắt quạt sưởi để tránh làm ô nhiễm lọc không khí.

Chúng tôi khuyên nghị sử dụng nước ấm dạng bọt có chứa xà phòng chuyên dùng để rửa xe.

Vệ sinh đèn pha

CÁC CHÚ Ý



Không được cạo chóa đèn pha hay sử dụng vật ráp, dung môi chứa cồn hoặc hóa chất để vệ sinh chóa đèn.



Không lau đèn pha khi khô.

Vệ sinh kính hậu

CHÚ Ý



Không cạo mặt trong của kính hậu hay sử dụng vật nhám hoặc dung môi chứa hóa chất để lau.

Sử dụng giẻ bằng vải thô sạch hoặc miếng da để ẩm để lau phía trong kính hậu.

Vệ sinh các chi tiết mạ crôm

CHÚ Ý



Không sử dụng các vật nhám hoặc dung môi chứa hóa chất. Sử dụng nước xà phòng.

Vệ sinh các mâm bánh xe bằng hợp kim nhôm

Ghi Chú: Không dùng hóa chất tẩy rửa để làm ấm hoặc nóng mâm bánh xe hoặc nắp chụp mâm.

Ghi Chú: Các chất tẩy rửa công nghiệp mạnh (loại tẩy rửa mạnh), hoặc hóa chất tẩy rửa, kết hợp với bàn chải để loại bỏ các bụi phanh và vết bám bẩn, có thể tạo một lớp chống bám bẩn trong một khoảng thời gian.

Ghi Chú: Không sử dụng các chất tẩy rửa có gốc axit hydrofluoric hoặc có tính ăn mòn, miếng chùi rửa có chứa sợi thép, nhiên liệu hoặc chất tẩy rửa mạnh dùng trong gia đình.

Ghi Chú: Nếu bạn có ý định đổ xe của bạn trong khoảng thời gian dài sau khi dùng chất tẩy rửa để vệ sinh các mâm bánh xe, hãy lái xe của bạn vài phút trước khi làm việc này. Điều này sẽ làm giảm nguy cơ tăng sự ăn mòn các đĩa phanh, má phanh và guốc phanh.

Ghi Chú: Một số điểm rửa xe tự động có thể là nguyên nhân gây hư hỏng các mâm hợp kim nhôm và chụp mâm.

Mâm hợp kim nhôm và chụp mâm có phủ một lớp sơn hoàn thiện. Để duy trì tình trạng của chúng, chúng tôi khuyên bạn:

- Tẩy rửa chúng hằng tuần với chất tẩy rửa chuyên dụng dùng cho bánh xe và lốp xe.
- Dùng miếng bọt biển để loại bỏ các vết bám bẩn và bụi phanh.
- Rửa sạch chúng kỹ lưỡng bằng vòi nước có áp lực khi bạn hoàn tất quá trình làm sạch.

Chăm sóc xe

Chúng tôi khuyên bạn nên dùng chất tẩy rửa bánh xe của Ford. Chắc chắn rằng bạn đã đọc và làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Sử dụng sản phẩm làm sạch khác không theo khuyến nghị có thể làm hư hỏng và mất thẩm mỹ nghiêm trọng.

Bảo quản lớp sơn thân xe.

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không đánh bóng xe dưới ánh sáng mặt trời mạnh.
- ⚠ Không để chất đánh bóng rơi vào các bề mặt nhựa. Vì sẽ rất khó làm sạch.
- ⚠ Không bôi chất đánh bóng lên kính chắn gió và kính hậu. Việc này có thể làm cho cần gạt nước bị kêu hoặc không gạt sạch.

Chúng tôi khuyến nghị bôi sáp các chi tiết sơn một hoặc hai lần trong một năm.

VỆ SINH BÊN TRONG

Đai an toàn

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠ Không sử dụng các vật nhọn hay dung môi chứa hóa chất để vệ sinh.
- ⚠ Không để cơ cấu rút đai an toàn bị ẩm.

Vệ sinh đai an toàn bằng dung dịch vệ sinh nội thất hoặc miếng xốp mềm nhúng nước. Để đai an toàn tự khô, không sử dụng sấy từ bên ngoài.

Màn hình đồng hồ táp lô, màn hình LCD và màn hình radio

CẢNH BÁO



Không sử dụng các vật nhọn, dung môi chứa cồn hoặc hóa chất để vệ sinh.

Kính hậu

CÁC CHÚ Ý



Không sử dụng bất kỳ vật dụng thô ráp nào để lau phía trong kính hậu.



Không dán tem hoặc nhãn mác lên mặt trong của kính hậu.

SỬA CHỮA LỖI SƠN NHỎ

CHÚ Ý



Rửa sạch ngay lập tức các chất có vẻ vô hại khỏi bề mặt sơn (chẳng hạn phân chim, nhựa cây, xác côn trùng, vết nhựa đường, muối, bụi công nghiệp).

Bạn cần phải sửa chữa các chỗ hỏng sơn nhỏ gây ra do sỏi mặt đường hoặc các vết xước nhỏ càng sớm càng tốt. Đại lý của Ford sẽ có dịch vụ này. Tham khảo và thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

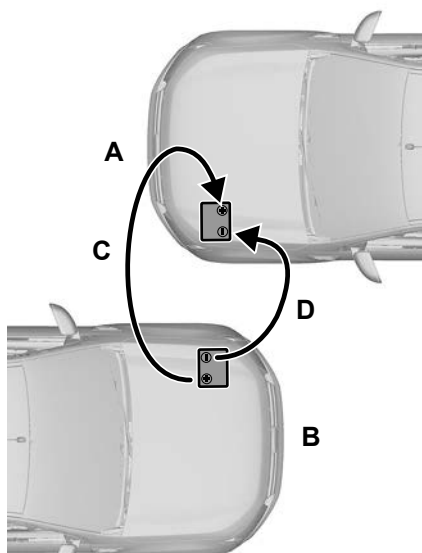
Ắc quy xe

SỬ DỤNG CÁP HỖ TRỢ KHỞI ĐỘNG XE

CÁC CHÚ Ý

- Chỉ nối với ắc quy có cùng điện áp làm việc.
- Luôn sử dụng cáp nối ngoài có đường kính phù hợp và có đầu kẹp.
- Không tháo ắc quy khỏi hệ thống điện của xe.

Hướng dẫn nối cáp hỗ trợ khởi động



E131788

- A Xe có ắc quy hết điện
- B Xe để hỗ trợ
- C Cáp nối cực dương
- D Cáp nối cực âm

- Đỗ hai xe sao cho không chạm vào nhau.
- Tắt động cơ và các thiết bị điện.
- Nối cực (+) của xe **B** với cực dương (+) của xe **A** (cáp **C**).
- Nối cực âm (-) trên xe **B** với dây nối mát trên xe **A** (cáp **D**). Tham khảo **Điểm nối ắc quy** (trang 158).

CÁC CHÚ Ý

- Không nối với cực âm (-) của ắc quy hết điện.**
- Chắc chắn rằng cáp nối không chạm vào bất kỳ vật chuyển động nào.

Khởi động động cơ

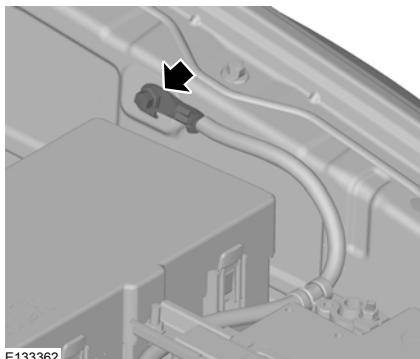
- Để động cơ của xe **B** hoạt động với tốc độ tương đối cao.
- Khởi động động cơ của xe **A**.
- Nở máy cả hai xe trong ít nhất 3 phút trước khi tháo dây cáp.

CHÚ Ý

- Không bật đèn pha khi tháo dây cáp. Điện áp dạng xung cao sẽ làm cháy bóng đèn.

Tháo cáp nối theo thứ tự ngược lại.

ĐIỂM NỐI ẮC QUY



E133362

CHÚ Ý

! Không nối với cực âm (–) của ắc quy hết điện.

KÝ HIỆU CHÚ Ý ẮC QUY

Nhãn ắc quy



Cầm hút thuốc, cầm lửa trần, cầm đánh lửa.



Cần bảo vệ mắt.



Tránh xa tầm tay của trẻ nhỏ.



Gây ăn mòn.



Lưu ý hướng dẫn vận hành.



Khí nổ.

Bánh xe và lốp xe

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CHÚ Ý

❗ Chỉ sử dụng cỡ lốp và bánh xe đã được phê duyệt. Sử dụng kích thước bánh xe hay lốp khác có thể làm hư hỏng xe cũng như vi phạm quy định về chứng loại đăng ký.

❗ Nếu thay đổi đường kính của lốp khác với loại được lắp ở nhà máy, đồng hồ tốc độ có thể báo sai. Dựa xe đến đại lý để lập trình lại hệ thống kiểm soát động cơ.

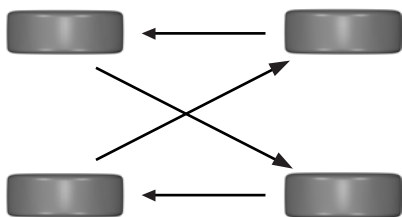
❗ Nếu có ý định thay đổi kích thước của các bánh xe khác với loại được lắp từ nhà máy, kiểm tra với đại lý về loại phù hợp.

Ghi Chú: Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên để tối ưu hóa khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

Tem thông số áp suất lốp được dán trên trụ B cửa trước bên lái.

Kiểm tra và chọn áp suất lốp ở nhiệt độ môi trường nơi bạn định chạy xe và khi lốp nguội.

CHĂM SÓC LỖP XE



E136542

Để đảm bảo lốp trước và lốp sau mòn đồng đều và sử dụng được lâu hơn, chúng tôi khuyên nghị bạn đảo lốp như hình minh họa sau mỗi 10 000km (6 000 dặm).

CHÚ Ý

❗ Không để cọ mặt bên của lốp xe khi bạn đỗ xe.

Nếu bạn phải leo lên vỉa hè cao, đi chậm vào theo hướng vuông góc với vỉa hè.

Kiểm tra lốp thường xuyên liệu có các vết cắt, vật lạ hay bị mòn không đều. Việc mòn không đều đồng nghĩa với việc cân bằng bánh xe sẽ nằm ngoài tiêu chuẩn.

Cầu có trang bị hệ thống hạn chế trượt

Cầu sau dạng này cung cấp thêm lực bám trên các bề mặt trơn trượt, đặc biệt là khi một bánh ở trên bề mặt có lực bám kém. Trong điều kiện bình thường, cầu có chức năng hạn chế trượt vì sai hoạt động giống như là cầu sau tiêu chuẩn. Cầu này có thể sinh ra tiếng ồn nhỏ hoặc rung khi quay vòng gấp ở tốc độ thấp. Đây là biểu hiện thông thường và cho thấy cầu sau đang hoạt động.

SỬ DỤNG LỖP MÙA ĐÔNG

CHÚ Ý

❗ Cần chắc chắn sử dụng đúng loại đai ốc bắt bánh xe khi lắp lốp mùa đông

Nếu lắp lốp mùa đông, cần bảo đảm áp suất lốp phù hợp. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 166).

SỬ DỤNG XÍCH BỌC LỖP

CÁC CẢNH BÁO

❗ Không vượt quá tốc độ 50 km/g (30 dặm/giờ).

❗ Không sử dụng xích bọc lốp xe khi đi trên đường không có tuyết.

Bánh xe và lốp xe

CHÚ Ý

⚠ Nếu xe có lắp nắp bánh xe thì tháo nắp bánh xe ra trước khi lắp xích bọc lốp vào.

Ghi Chú: Hệ thống phanh ABS vẫn hoạt động bình thường.

Ghi Chú: Tăng xích bọc lốp sau khi xe đi được 1 km (0,5 dặm).

Chỉ sử dụng xích bọc lốp có mắt nhỏ.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp ở bánh xe sau.

Đối với loại xe 4 bánh, bơm bánh sau đến mức áp suất tối đa cho phép. Tham khảo

Thông số kỹ thuật (trang 166).

THAY BÁNH XE

Các đai ốc khóa bánh xe

Bạn có thể mua chìa khóa để mở đai ốc khóa bánh xe và thay thế các đai ốc khóa bánh từ đại lý của bạn bằng cách sử dụng sổ tham khảo.

Kích xe

CÁC CẢNH BÁO

⚠ Chỉ sử dụng kích được trang bị trên xe để thay bánh xe trong trường hợp khẩn cấp.

⚠ Trước khi sử dụng kích, kiểm tra xem nó có bị hư hỏng hay biến dạng không và phần ren được bôi mỡ cũng như không có các vật liệu lạ.

⚠ Không đặt vật gì giữa kích và mặt đất cũng như giữa kích và xe.

Nên sử dụng kích thủy lực loại dùng trong xưởng để thay giữa lốp mùa hè và lốp mùa đông.

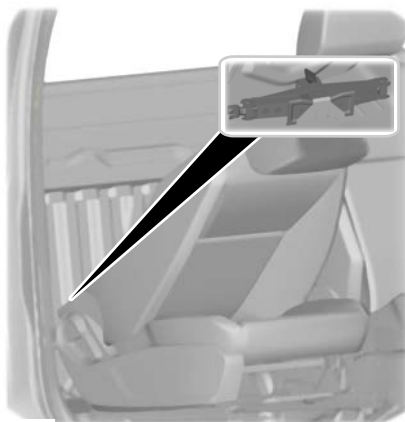
Ghi Chú: Sử dụng kích với sức nâng tối thiểu là 1 tấn và tâm nâng có đường kính tối thiểu 80 mm.

Kích, tuyết vận ốc bánh xe, và tay quay kích được đặt trong khoang hành khách.

Ca bin đơn



E135591



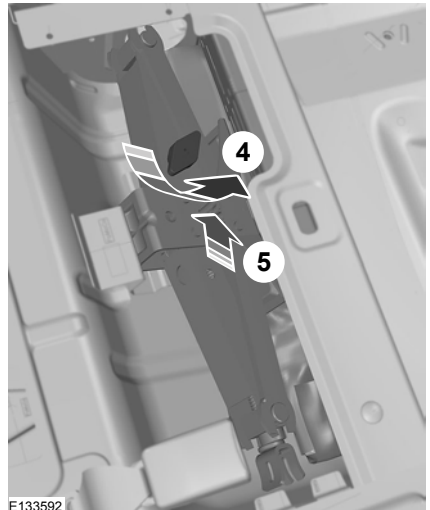
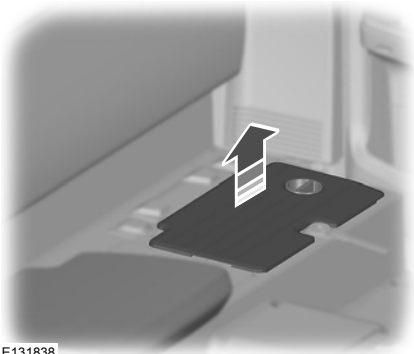
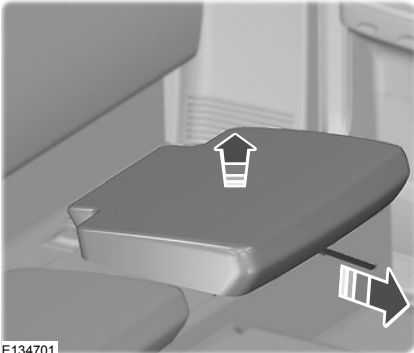
E135841

1. Gập tựa lưng ghế bên trái về phía trước.
2. Tháo dây buộc và tháo dụng cụ ra.

Bánh xe và lốp xe

3. Gập tựa lưng ghế bên phải về phía trước.
4. Nới lỏng kích, tháo bu lông và tháo kích.

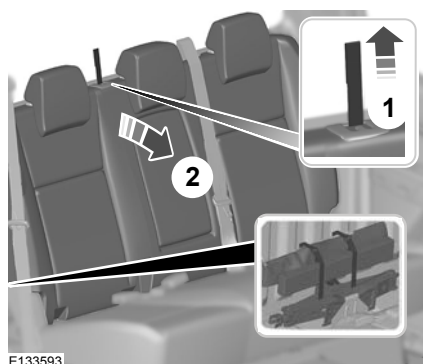
Ca bin dài



1. Kéo dây mở.
2. Tháo các ghề sau.
3. Tháo nắp đậy và nới lỏng kích.
4. Tháo bu lông.
5. Tháo kích.
6. Tháo đồ nghề.

Bánh xe và lốp xe

Ca bin đôi

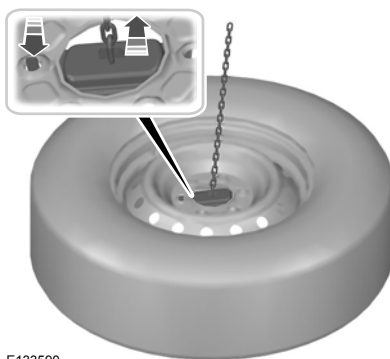
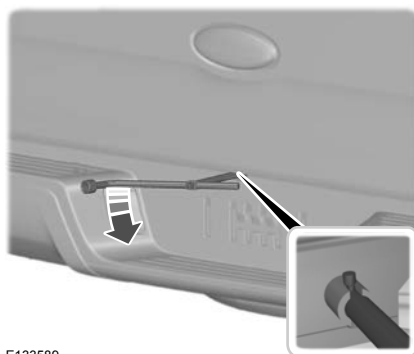
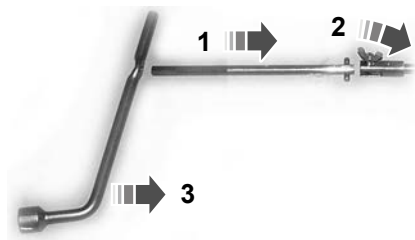


1. Nâng dây tháo.
2. Hạ thấp tựa lưng ghế.
3. Tháo dây buộc.
4. Nới lỏng kích và tháo bu lông.
5. Tháo kích.

Bánh xe dự phòng

Ghi Chú: Xe có thể có một số đặc tính lái bất thường.

Bánh xe dự phòng được đặt ở bên dưới phía sau của xe.



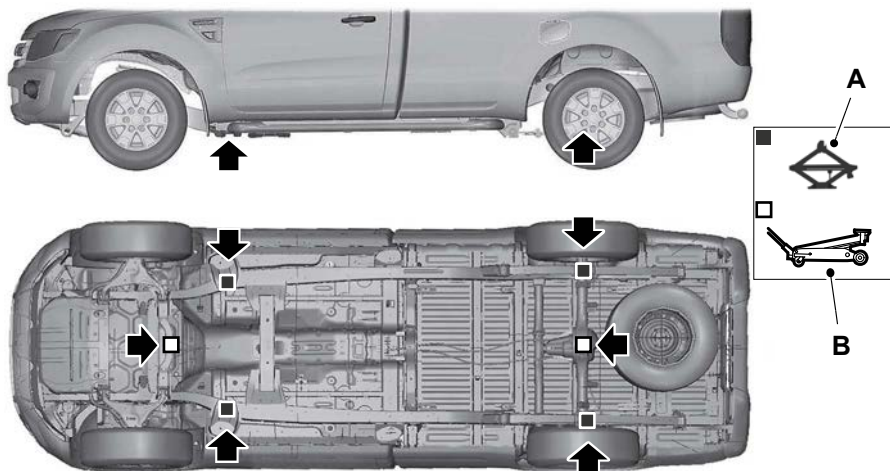
1. Lắp tay quay.
2. Đưa tay quay kích hoàn toàn vào lỗ dẫn hướng. Quay ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi bánh xe nằm trên mặt đất và dây cáp chùng xuống.
3. Đưa giá đỡ và dây cáp qua khe hở bánh xe.

Bánh xe và lốp xe

Điểm kích và nâng

CHÚ Ý

⚠ Chỉ sử dụng các điểm kích đã được chỉ rõ. Nếu kích ở các vị trí khác, có thể dẫn đến hỏng thân xe, hệ thống lái, hệ thống treo, động cơ, hệ thống phanh hoặc các ống nhiên liệu.



E133594

- A Chỉ sử dụng trong tình huống khẩn cấp
- B Bảo dưỡng

Bánh xe và lốp xe



E134692

Tháo bánh xe

CÁC CẢNH BÁO

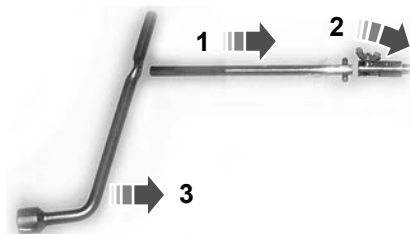
- ⚠️ Đỡ xe ở vị trí không có giao thông qua lại hay không gặp cản trở và nguy hiểm.
- ⚠️ Bật đèn nháy cảnh báo nguy hiểm.
- ⚠️ Đặt biển tam giác cảnh báo.
- ⚠️ Đỡ xe trên bề mặt phẳng, chắc chắn với các bánh xe thẳng hướng về phía trước.
- ⚠️ Tắt chìa khóa điện và kéo phanh tay.
- ⚠️ Với xe sử dụng hộp số sàn, chọn số 1 hay số lùi. Với xe sử dụng hộp số tự động, chọn số đỗ (P).
- ⚠️ Tắt cả người ngồi ra khỏi xe.
- ⚠️ Luôn luôn đảm bảo các bánh xe chéo nhau được giữ bởi vật phù hợp hoặc khối chèn bánh xe khi thay đổi một bánh xe.

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠️ Chỉ sử dụng kích trên xe để thay đổi một bánh xe. Không bao giờ được làm việc ở dưới gầm xe chỉ được đỡ bởi kích.
- ⚠️ Chắc chắn kích được đặt vuông góc với điểm kích và đế kích đặt phẳng trên mặt đất.

CHÚ Ý

- ⚠️ Không đặt mặt vành bánh xe hợp kim xuống đất vì có thể làm hỏng lớp sơn.

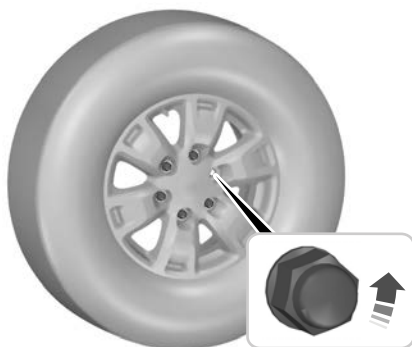


E79153

Ghi Chú: Cần lắp ba tay quay khi kích phần sau xe.

1. Lắp tay quay kích.
2. Nới lỏng các đai ốc bắt bánh xe.
3. Kích xe lên cho đến khi lốp nhấc khỏi mặt đất.

Bánh xe và lốp xe



E134693

4. Vặn và tháo các đai ốc bánh xe và nhấc bánh xe ra.

Lắp bánh xe

CÁC CẢNH BÁO

 Chỉ sử dụng cỡ lốp và bánh xe đã được phê duyệt. Sử dụng các kích cỡ khác có thể làm hỏng chiếc xe và sẽ làm mất quyền bảo hành. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 166).

 Không lắp các loại lốp bị xì hơi trên xe, nếu nguyên bản trên xe không lắp các lốp đó. Hãy liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

 Đảm bảo không có chất bôi trơn (mỡ hay dầu) trên ren hoặc mặt tiếp xúc giữa bu lông cây và đai ốc.

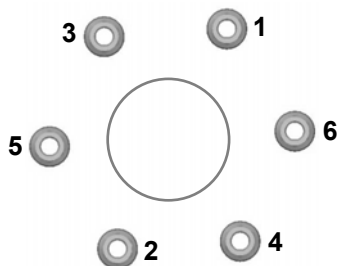
 Kiểm tra lực siết của các đai ốc và áp suất lốp càng sớm càng tốt.

CHÚ Ý

 Không lắp bánh vành đúc sử dụng đai ốc dùng cho bánh vành thép.

Ghi Chú: Các đai ốc sử dụng cho bánh vành đúc hoặc vành thép nan hoa cũng có thể được sử dụng được cho bánh dự phòng bằng thép trong khoảng thời gian ngắn (tối đa 2 tuần).

1. Lắp bánh xe.
2. Vặn các đai ốc chặt bằng tay.
3. Lắp đai ốc khóa bánh.



E79156

4. Siết chặt các đai ốc từng phần theo thứ tự trong hình minh họa.
5. Hạ xe và tháo kích.
6. Siết chặt hoàn toàn các đai ốc theo thứ tự trong hình minh họa. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 166).
7. Chắc chắn rằng phần lõi của nắp đậy được đặt đúng vị trí với phần lõi của máy d.

CẢNH BÁO

 Kiểm tra lại độ chặt của các đai ốc, cũng như áp suất lốp càng sớm càng tốt.

Ghi Chú: Nếu bánh xe dự phòng có kích cỡ và cấu trúc khác với bánh xe đang chạy, thay thế càng sớm càng tốt.

Bánh xe và lốp xe

Xếp gọn bánh xe

CHÚ Ý

 Không nâng giá đỡ bánh xe dự phòng mà chưa có bánh xe. Hư hỏng có thể xảy ra cho cơ cấu tời nếu hạ xuống mà không có bánh xe.

1. Đặt bánh xe phẳng trên mặt đất, mặt ngoài của bánh xe hướng xuống dưới. Nghiêng giá treo và luồn nó và dây cáp qua lỗ ở giữa bánh xe.
2. Đưa hoàn toàn đầu phẳng của tay vặn vào lỗ dẫn hướng và xoay theo chiều kim đồng hồ.
3. Xếp gọn tay bắt đai ốc bánh xe, kích, và tay quay kích.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Lực siết đai ốc bánh xe

Loại bánh xe	Nm (lb-ft)
Tất cả các phiên bản xe	103 (76,5)

Áp suất lốp (lốp nguội)

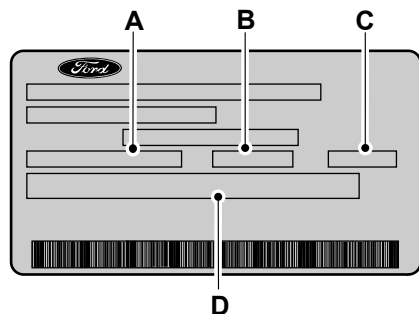
Phiên bản	Cỡ lốp	Tải bình thường		Kính tế		Đẩy tải	
		Trước	Sau	Trước	Sau	Trước	Sau
		bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)
4x2	215/70 R 16*	2,4 (35)	2,4 (35)	2,6 (38)	2,6 (38)	2,6 (38)	3,8 (54)
Tất cả các phiên bản xe	255/70 R 16*	2,4 (35)	2,4 (35)	2,6 (38)	2,6 (38)	2,6 (38)	3,0 (44)
Tất cả các phiên bản xe	265/65 R 17*	2,4 (35)	2,4 (35)	2,6 (38)	2,6 (38)	2,6 (38)	3,0 (44)
Tất cả các phiên bản xe	265/60 R 18*	2,4 (35)	2,4 (35)	2,6 (38)	2,6 (38)	2,6 (38)	3,0 (44)

*Chỉ lắp xích chạy tuyết trên các lốp được phép.

Nhận dạng xe

TẦM GHI THÔNG TIN XE

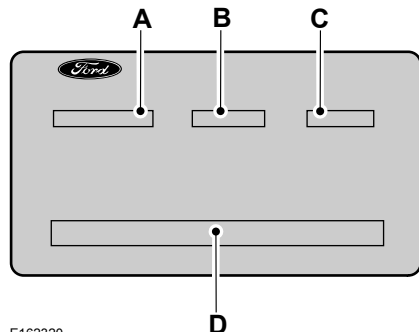
Nhãn hợp chuẩn



E162319

- A Trọng lượng toàn tải
- B Số chỗ ngồi
- C Ngày sản xuất
- D Số khung (VIN)

Tầm đập số khung (VIN)



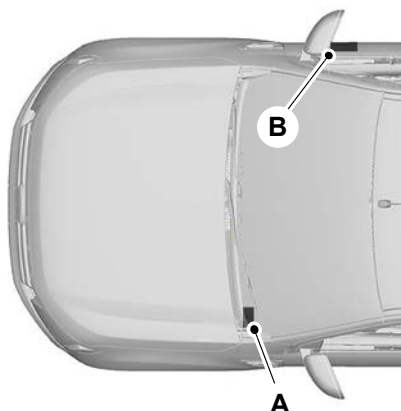
E162320

- A Phiên bản xe
- B Mã màu

- C Ngày sản xuất
- D Số khung (VIN)

SỐ KHUNG

Tùy thuộc vào nơi sản xuất xe, số khung (VIN) được đập có thể được tìm thấy ở các vị trí sau đây.



E133363

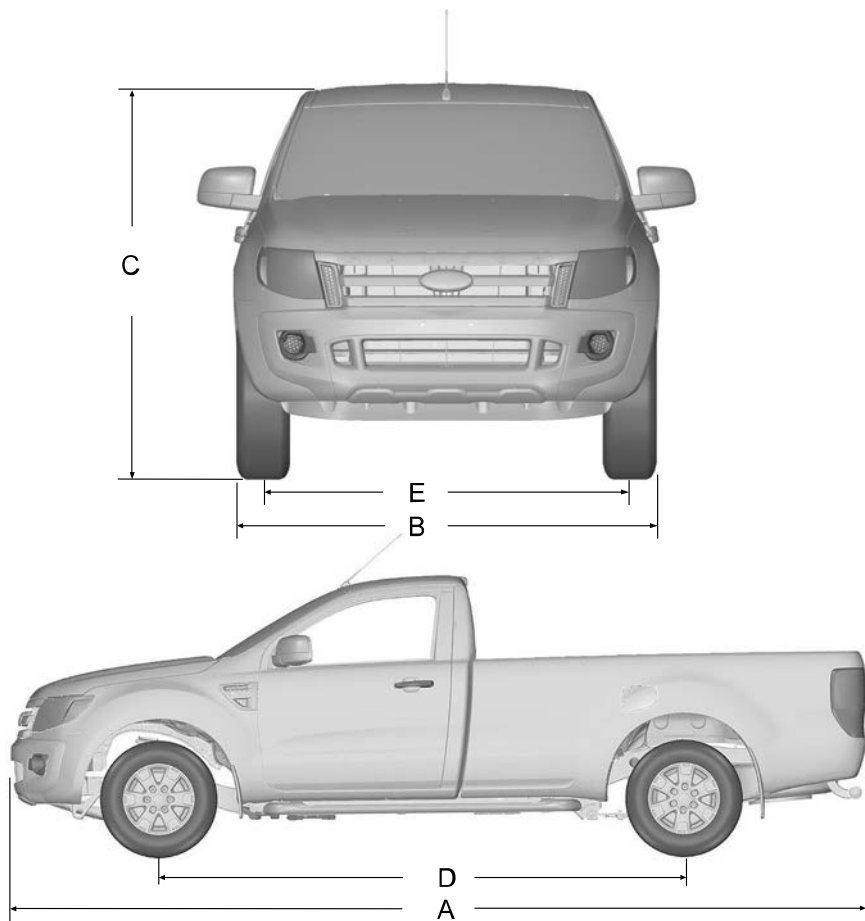
- A Bên cạnh trái của bảng đồng hồ tấp lô (góc dưới bên trái kính chắn gió).
- B Trên khung xe phía dưới cửa trước bên phải.

Các thông số kỹ thuật

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước xe

Ca bin đơn



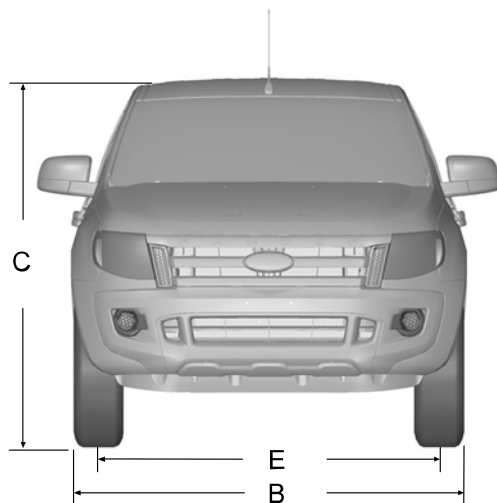
E131995

Các thông số kỹ thuật

Chi tiết	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
A	Chiều dài cực đại	5359 (211,0)
B	Chiều rộng toàn bộ - không bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài	1850 (72,8)
C	Chiều cao toàn bộ (4x2)	1703 (67,0)
C	Chiều cao toàn bộ (4x2* hoặc 4x4)	1800-1806 (70,9-71,1)
D	Khoảng cách giữa hai trục	3220 (126,8)
E	Vệt bánh xe - trước và sau (4x2)	1590 (62,6)
E	Vệt bánh xe - trước và sau (4x2* hoặc 4x4)	1560 (61,4)

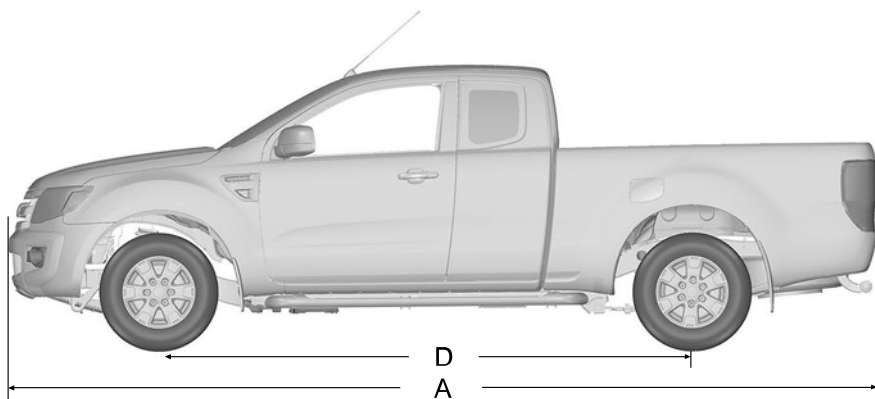
*Với xe gầm cao

Ca bin dài 4 cửa



E131994

Các thông số kỹ thuật

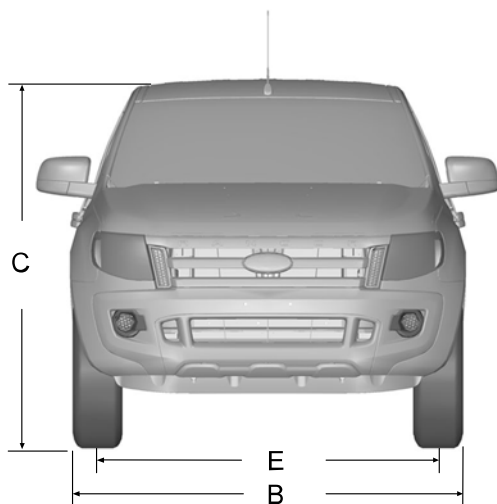


E131996

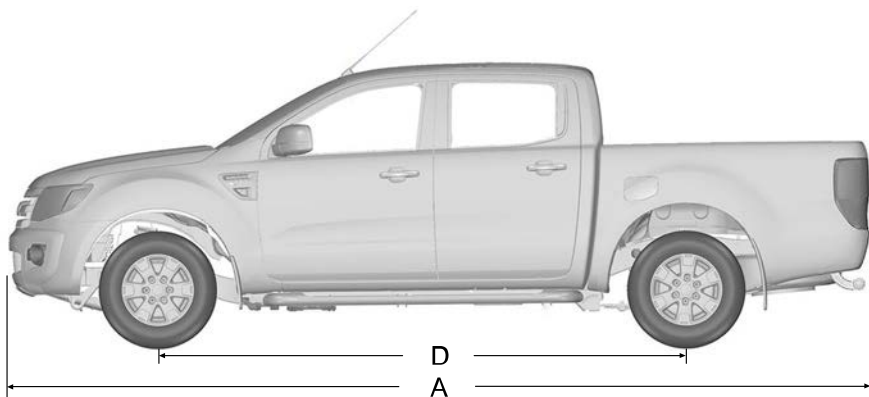
Chi tiết	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
A	Chiều dài cực đại	5359 (211,0)
B	Chiều rộng toàn bộ - không bao gồm cả gương chiếu hậu ngoài	1850 (72,8)
C	Chiều cao toàn thể (4x2)	1706 (67,2)
C	Chiều cao toàn thể (4x2* hoặc 4x4)	1804-1810 (71.0-71.2) ¹
D	Khoảng cách giữa hai trục	3220 (126,8)
E	Vệt bánh xe - trước và sau (4x2)	1590 (62,6)
E	Vệt bánh xe - trước và sau (4x2* hoặc 4x4)	1560 (61,4)
¹ Phụ thuộc vào cỡ lốp		
* Với xe gầm cao		

Các thông số kỹ thuật

Ca bin đôi



E131994



E131997

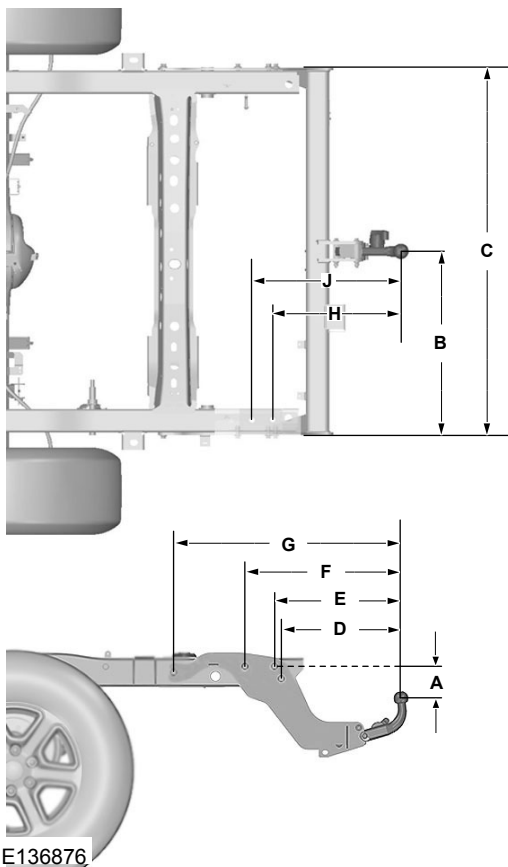
Các thông số kỹ thuật

Chi tiết	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
A	Chiều dài cực đại	5359 (211,0)
B	Chiều rộng toàn bộ - không bao gồm cả gương chiếu hậu ngoài	1850 (72,8)
C	Chiều cao toàn thể (4x2)	1716 (67,5)
C	Chiều cao toàn thể (4x2* hoặc 4x4)	1815-1848 (71,4-72,8) ¹
D	Khoảng cách giữa hai trục	3220 (126,8)
E	Vết bánh xe - trước và sau (4x2)	1590 (62,6)
E	Vết bánh xe - trước và sau (4x2* hoặc 4x4)	1560 (61,4)
¹ Tùy thuộc vào cỡ lốp *Với xe gầm cao		

Các thông số kỹ thuật

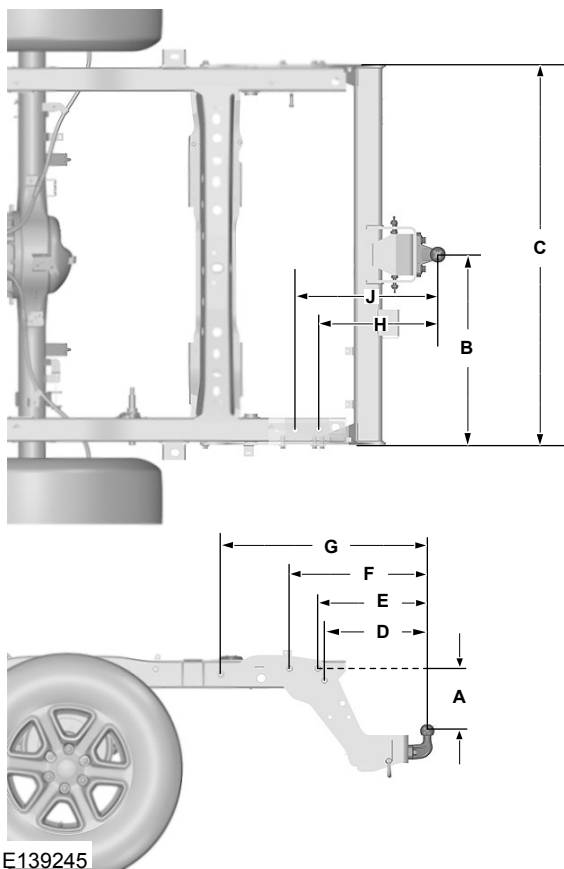
Kích thước thiết bị kéo

4x2



Các thông số kỹ thuật

4x2 (với xe gầm cao) và 4x4



Chi tiết	Mô tả kích thước	kích thước tính bằng mm (inch)
A	Điểm gắn - tâm của móc kéo (4x2)	124 ± 5 (4.8 $\pm$ 0.2)
A	Điểm gắn - tâm của móc kéo (4x2 [*] hoặc 4x4)	221.5 ± 5 (8.7 $\pm$ 0.2)

Các thông số kỹ thuật

Chi tiết	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
B	Tâm của móc kéo - dầm bên	588 (23,1)
C	Phía ngoài của dầm bên	1176 (46,3)
D	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 1 (4x2)	419 ± 5 (16.5 ± 0.2)
D	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 1 (4x2* hoặc 4x4)	363 ± 5 (14.3 ± 0.2)
E	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 2 (4x2)	442 ± 5 (17.4 ± 0.2)
E	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 2 (4x2* hoặc 4x4)	386 ± 5 (15.2 ± 0.2)
F	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 3 (4x2)	542 ± 5 (21.3 ± 0.2)
F	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 3 (4x2* hoặc 4x4)	486 ± 5 (19.1 ± 0.2)
G	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 4 (4x2)	785 ± 5 (30.9 ± 0.2)
G	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 4 (4x2* hoặc 4x4)	728 ± 5 (28.7 ± 0.2)
H	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 5 (4x2)	429 ± 5 (16.8 ± 0.2)
H	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 5 (4x2* hoặc 4x4)	373 ± 5 (14.7 ± 0.2)
J	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 6 (4x2)	504 ± 5 (19.8 ± 0.2)
J	Tâm của móc kéo - tâm của điểm gắn thứ 6 (4x2* hoặc 4x4)	448 ± 5 (17.6 ± 0.2)
*Với xe gầm cao		

Giới thiệu hệ thống dẫn đường

THÔNG TIN CHUNG

Ấn vào nút tương ứng trên mặt trước của hệ thống dẫn đường để truy cập vào các chức năng của hệ thống. Điều này sẽ giúp bạn vào chế độ đã chọn.

Chế độ một giờ

Để bảo đảm điện năng của ắc quy, hệ thống sẽ được hoạt động ở chế độ một giờ. Nêu tắt khóa điện, ấn nút ON/OFF để bật hệ thống lên. Hệ thống sẽ tự động tắt sau một giờ.

Các chú ý về hệ thống

CÁC CẢNH BÁO



Tốc độ tối đa được thể hiện có thể không áp dụng đối với xe của bạn. Bạn luôn có trách nhiệm điều khiển xe, giám sát bất kỳ hệ thống nào trên xe cũng như tuân thủ giới hạn tốc độ.



Mặt kính phía trước màn hình tinh thể lỏng có thể vỡ nếu bị va bởi vật cứng. Nếu mặt kính bị vỡ, không được chạm vào vật liệu tinh thể lỏng. Trong trường hợp tiếp xúc với da, phải rửa ngay bằng nước và xà phòng.



Thiết bị là một sản phẩm laser cao cấp sử dụng tia laser không nhìn thấy được. Nếu thao tác không chính xác nó có thể phát ra các tia nguy hiểm. Không được cố nhìn xuyên qua bất kỳ khe hở nào trên bộ đài.

CÁC CHÚ Ý



Không nên sử dụng các đĩa CD có hình dạng khác thường hay dán phim chống xước hay dán nhãn tự dính. Các yêu cầu bảo hành, trong đó các loại đĩa nêu trên được tìm thấy trong ổ đĩa, sẽ bị từ chối.



Không được vệ sinh thiết bị bằng dung môi hoặc chất tẩy rửa dạng xịt. Chỉ được sử dụng khăn ẩm.

CÁC CHÚ Ý



Không được đưa vật thể lạ vào ổ đĩa hoặc khe cắm thẻ nhớ.



Không được đưa nhiều hơn một đĩa vào ổ đĩa.



Chỉ được sử dụng đĩa 12 cm (4,7 inches) hoặc 8 cm (3,1 inches) với bộ chuyển phù hợp.



Không được cố mở thiết bị ra. Tham khảo ý kiến của đại lý nếu có các lỗi chức năng của thiết bị.



Sử dụng sai phần điều chỉnh và kết nối, nằm ngoài các mục được giải thích trong sách này có thể dẫn đến hư hỏng thiết bị.



Không được xoay chìa khóa điện hoặc cố khởi động động cơ khi đang cập nhật phần mềm.

Hệ thống được khuyến cáo sử dụng khi khóa điện được xoay đến vị trí ACC (phụ tải) hoặc khi động cơ đang hoạt động. Nếu hệ thống được sử dụng lâu khi động cơ không hoạt động, cần phải cẩn thận để tránh hết ắc quy.

AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG

CÁC CẢNH BÁO



Hệ thống cung cấp thông tin giúp bạn tới điểm đến nhanh chóng và an toàn.



Vì lý do an toàn, lái xe chỉ nên cài đặt hệ thống khi xe dừng.



Hệ thống không hỗ trợ nhận dạng biển báo dừng, đèn giao thông, những khu vực đang xây dựng hoặc những thông tin an toàn quan trọng khác.



Không sử dụng hệ thống cho tới khi bạn quen thuộc với hoạt động của nó.

Giới thiệu hệ thống dẫn đường

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ nhìn màn hình hệ thống khi điều kiện lái xe cho phép.

Thông tin an toàn

Đọc kỹ và tuân theo tất cả các cảnh báo an toàn đã được nêu. Nếu không làm theo hướng dẫn sẽ làm tăng rủi ro va chạm và chấn thương về người. Công ty ô tô Ford sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất nào xảy ra do không tuân theo những hướng dẫn này.

Nếu cần thiết xem chi tiết hướng dẫn đường đi, hãy tập vào lề đường một cách an toàn và đỗ xe.

Không sử dụng hệ thống dẫn đường để định vị những dịch vụ khẩn cấp.

Để sử dụng hệ thống hiệu quả và an toàn nhất có thể, hãy luôn sử dụng thông tin hệ thống dẫn đường mới nhất. Đại lý của bạn sẽ trợ giúp bạn về vấn đề này.

Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường

Xe có hệ thống dẫn đường SD

Hệ thống này có một loạt các tính năng dễ hiểu và dễ sử dụng. Chỉ dẫn lộ trình được hiển thị trên màn hình. Màn hình cung cấp đầy đủ các thông tin để vận hành hệ thống dẫn đường SD bằng cách sử dụng các phím có hình mũi tên lên, xuống, sang trái và sang phải để cuộn các danh mục (menu) và ấn phím **OK** để kích hoạt chế độ cài đặt mong muốn.

Thao tác cơ bản

1. Ấn nút **NAV** hoặc **MENU** để nhập cấu trúc thực đơn.
2. Sử dụng các nút có hình mũi tên lên, xuống, sang trái và sang phải để cuộn qua các danh sách lựa chọn khác nhau.
3. Ấn nút **OK** để kích hoạt lựa chọn của bạn.

Danh sách lựa chọn

Có nhiều màn hình khác nhau hiển thị danh sách các tùy chọn sẵn có.

1. Chọn tùy chọn theo yêu cầu, hoặc trường hợp tùy chọn không được hiển thị trên màn hình thì sử dụng các nút có hình mũi tên lên và xuống để xem phần còn lại của danh sách lựa chọn.
2. Ấn nút **OK** để xác nhận lựa chọn của bạn.

Nhập phím chữ và số

Khi cần nhập địa chỉ, bàn phím sẽ hiện ra nhắc bạn nhập mã bưu điện quốc gia, tên thành phố hay tên phố.

1. Sử dụng các phím có hình mũi tên lên, xuống, sang trái và sang phải để chọn chữ hay số mong muốn.

Ghi Chú: Khi nhập vào chữ và số, kết quả sẽ được hiển thị trên màn hình.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ giới hạn cho các ký tự được nhập vào hợp lệ.

2. Ấn nút **OK** để kích hoạt lựa chọn của bạn.

Ví dụ về thiết lập lộ trình

Màn hình chính cho việc dẫn đường

- Để lựa chọn hệ thống dẫn đường, ấn nút **NAV**. Cảnh báo an toàn đường bộ sẽ được hiển thị trên màn hình. Để sử dụng hệ thống dẫn đường, đọc cảnh báo an toàn đường bộ và ấn nút **OK**.

Màn hình nhập dữ liệu điểm đến

- Dùng các phím có hình mũi tên lên, xuống và cuộn tới **vùng nhập dữ liệu điểm đến**.
- Ấn nút **OK** để kích hoạt lựa chọn của bạn.

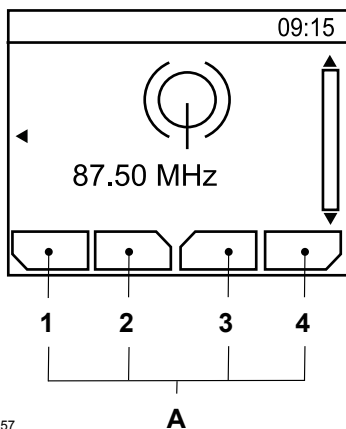
Ghi Chú: Một danh sách các tùy chọn sẽ được hiển thị.

- Bắt đầu từ trên xuống, lựa chọn tên quốc gia, sau đó là mã bưu điện, nếu có, hoặc tên thành phố và tên phố.
- Sử dụng vùng phím chữ số và các danh sách lựa chọn để lựa chọn các thông chi tiết về địa chỉ của bạn.
- Khi đã nhập vào thông tin đầy đủ, cuộn tới **phần hướng dẫn khởi động** và ấn nút **OK** để kích hoạt lựa chọn của bạn.

Ghi Chú: Nếu bạn chỉ cần chỉ dẫn tới, chẳng hạn như, trung tâm thành phố thì không cần nhập thông tin đầy đủ về địa chỉ.

- Lộ trình sẽ được tính toán và màn hình sẽ chuyển sang chế độ hiển thị dẫn đường kèm theo các chỉ dẫn cách đi.
- Thực hiện theo các thông tin trên màn hình và lời chỉ dẫn để đến được địa điểm mong muốn.

Tổng quan về bộ dẫn đường



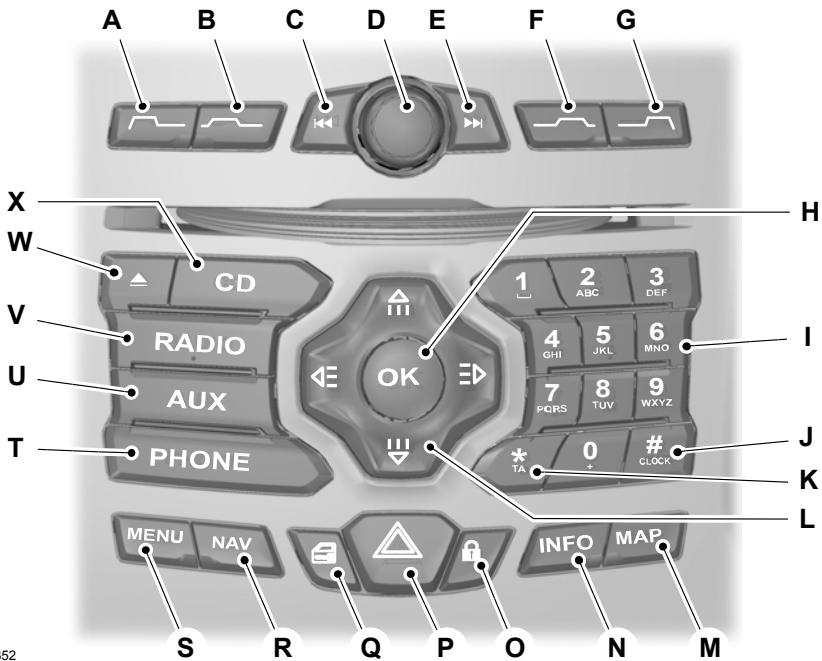
E104157

A Mô tả các phím chức năng từ 1-4

Các nút chức năng từ 1 đến 4 có chức năng thay đổi phụ thuộc vào chế độ hiện tại của bộ đài. Phần mô tả chức năng được thể hiện ở phía dưới màn hình.

Tổng quan về bộ dẫn đường

Xe có trang bị hệ thống dẫn đường SD



E135352

- A Chức năng 1.
- B Chức năng 2.
- C Tìm kiếm xuống. Chọn bài trên CD. Tham khảo **Điều khiển rà dài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- D Bật/tắt và điều chỉnh âm lượng.
- E Tìm kiếm lên. Chọn bài trên CD. Tham khảo **Điều khiển rà dài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- F Chức năng 3.
- G Chức năng 4.

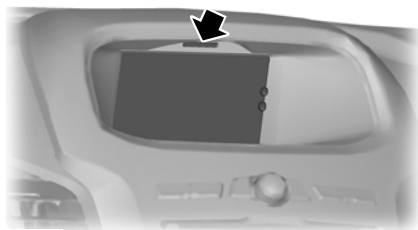
- H OK.
- I Bàn phím điện thoại, các đài phát được lưu và bàn phím bộ dẫn đường. Tham khảo **Sử dụng điện thoại** (trang 215). Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202). Tham khảo **Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường** (trang 178).
- J Đồng hồ.
- K Thông báo giao thông. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 202).
- L Các mũi tên chỉ đường.

Tổng quan về bộ dẫn đường

- M Bản đồ.
- N Thông tin.
- O Chỉ thị khóa cửa.
- P Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 44).
- Q Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khoá** (trang 30).
- R Dẫn đường.
- S Chọn menu.
- T Menu điện thoại. Tham khảo **Điện thoại** (trang 213).
- U Chọn Auxiliary, USB và iPod. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210). Tham khảo **Kết nối** (trang 235).
- V Chọn Radio và băng tần. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201).
- W Ra đĩa. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- X Chọn CD. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).

NẠP DỮ LIỆU CỦA HỆ THỐNG DẪN ĐƯỜNG

Tải dữ liệu chỉ dẫn đường



E136622

1. Đặt thẻ chỉ dẫn đường SD vào trong khe cắm.
2. Ấn nút NAV. Cảnh báo an toàn đường bộ sẽ được hiển thị trên màn hình.
3. Dùng nút có hình mũi tên lên và xuống để chọn tính năng theo yêu cầu.
4. Ấn phím OK để xác nhận lựa chọn của bạn.

Để cập nhật bản đồ và nâng cấp hệ thống chỉ dẫn đường, vui lòng liên hệ với đại lý của bạn.

Cài đặt hệ thống

Phần lớn các chế độ cài đặt quan trọng cho bộ dẫn đường của bạn có thể tiếp cận được bằng **phím MENU** hoặc **NAV**. Phần dưới đây mô tả những tùy chọn khác nhau và cách sử dụng chúng.

Đối với các cấu trúc thực đơn: Tham khảo **Hiện thị thông tin** (trang 62).

Cấu trúc thực đơn - Màn hình hiển thị thông tin và giải trí - Xe có hệ thống dẫn đường

Lộ trình

Tính năng này cho phép bạn tùy biên lộ trình theo yêu cầu đối với chuyến đi cụ thể của bạn (chẳng hạn như: tiếp tục dẫn đường, chặn các phần lộ trình cụ thể của bạn hay lựa chọn các phần lộ trình cụ thể).

Nhập điểm đến

Tính năng này cho phép bạn nhập các thông tin chi tiết về điểm đến (chẳng hạn như: nhập tên thành phố, nhập tên đường phố hay chọn một địa điểm trên bản đồ).

Giao thông

Tính năng này cho phép bạn tùy biên cách thức nhận thông tin về giao thông (chẳng hạn như: xem xét và lựa chọn các thông báo về giao thông, xem xét lộ trình hay chặn các phần lộ trình của bạn).

Địa chỉ nhà

Tính năng này cho phép bạn thực hiện việc dẫn đường đến địa chỉ nhà của bạn hay thay đổi các thông tin chi tiết về địa chỉ nhà của bạn.

Các điểm đến cuối cùng

Tính năng này cho phép tiếp cận nhanh bản ghi các điểm đến trước đó mà đã được nhập vào hệ thống. Một màn hình hiển thị chi tiết sẽ thể hiện các thông tin lưu trữ đầy đủ bao gồm bản đồ tổng quan. Lựa chọn điểm đến lặp lại như mong muốn từ danh sách.

Thông tin ưa thích

Tính năng này cho phép bạn tùy biên danh bạ điểm đến cá nhân và gán tên mà người sử dụng định rõ cho địa chỉ và địa điểm. Một màn hình hiển thị chi tiết sẽ thể hiện các thông tin lưu trữ đầy đủ bao gồm bản đồ tổng quan. Lựa chọn điểm đến lặp lại như mong muốn từ danh sách.

Các địa điểm ưa thích

Tính năng này cho phép bạn tùy biên lộ trình theo yêu cầu đối với chuyến đi cụ thể của bạn (chẳng hạn như: lựa chọn một viện bảo tàng trên đường đi hay một địa điểm ưa thích gần điểm đến của bạn).

Kế hoạch chuyến đi

Tính năng này cho phép bạn nhập một số điểm đến khác nhau và lựa chọn thứ tự của các địa điểm bạn muốn thăm quan. Bạn cũng có thể thay đổi chuyến thăm quan hiện có hay phục hồi lại chuyến thăm quan trước đây. Hệ thống sẽ tự động tính toán và hiển thị chuyến đi mà bạn đã lựa chọn.

Vị trí lưu giữ

Tính năng này cho phép bạn lưu giữ và định rõ vị trí hiện tại của bạn.

Cài đặt hệ thống

Các tùy chọn lộ trình

Tính năng này cho phép bạn tùy biến lộ trình theo yêu cầu đối với chuyến đi cụ thể của bạn (chẳng hạn như: lựa chọn lộ trình nhanh nhất hay tiết kiệm chi phí nhất hay lựa chọn lộ trình có thể tránh được các đường hầm, đường mở theo mùa và đường thu phí).

Các chức năng đặc biệt

Tính năng này cho phép bạn lựa chọn Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS) và thông tin về hệ thống hay biểu hiện chức năng của hệ thống.

Màn hình hiển thị bản đồ

Tính năng này cho phép bạn thay đổi cách thức hiển thị màn hình bản đồ (chẳng hạn như: hình ảnh 2D và 3D) và tùy biến các thông tin hiển thị cho chuyến đi của bạn (chẳng hạn như: thời gian đến và việc dẫn đường).

Các tùy chọn hỗ trợ

Tính năng này cho phép bạn tùy biến các thông tin hiển thị cho chuyến đi của bạn (chẳng hạn như: biển báo, làn đường và giới hạn tốc độ).

Các dữ liệu cá nhân

Tính năng này cho phép bạn biên tập và xóa bỏ các dữ liệu cá nhân.

Thiết lập lại tất cả các cài đặt

Tính năng này cho phép bạn thiết lập lại các cài đặt dẫn đường.

Cấu trúc thực đơn - Màn hình hiển thị thông tin và giải trí - Tất cả các xe

Cài đặt âm thanh

Âm lượng thích ứng

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh âm lượng để điều hòa tiếng ồn của động cơ và do tốc độ xe đường trường. Bạn có thể tắt và mở tính năng này. Tham khảo **Điều khiển âm lượng tự động** (trang 204).

Âm thanh

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh các cài đặt âm thanh (chẳng hạn như: âm trầm và âm cao).

Trộn âm dẫn đường

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh việc trộn âm giữa âm thanh dẫn đường xuất ra và nguồn âm thanh.

Cài đặt Bộ xử lý Tín hiệu Số (DSP)

Tính năng này cho phép bạn tùy biến đầu ra của loa tương ứng với các vị trí ghế ngồi. Tham khảo **Xử lý tín hiệu số (DSP)** (trang 204).

Bộ cân bằng DSP

Tính năng này cho phép bạn lựa chọn loại nhạc phù hợp nhất với sở thích nghe nhạc của bạn. Đầu ra âm thanh sẽ thay đổi để tăng cường loại nhạc riêng biệt được lựa chọn. Tham khảo **Xử lý tín hiệu số (DSP)** (trang 204).

Cài đặt hệ thống

Tin tức

Tính năng này cho phép bạn nhận các bản tin từ các đài phát thanh trên băng tần FM và hệ thống dữ liệu radio (RDS) và các đài phát thanh kết nối mạng lưới truyền thanh khác được tăng cường (EON), theo cách giống với cách thức mà thông tin về giao thông được cung cấp. Bạn có thể bật và tắt tính năng này. Tham khảo **Tin tức phát thanh** (trang 204).

Các tần số thay thế

Tính năng này sẽ dò tìm và chuyển đến tín hiệu đài phát thanh mạnh nhất khi di chuyển từ khu vực truyền tín hiệu này đến khu vực truyền tín hiệu khác. Tham khảo **Các tần số lựa chọn khác** (trang 204).

Hệ thống dữ liệu radio (RDS) theo vùng

Tính năng này kiểm soát chế độ chuyển tần số thay thế (AF) giữa các mạng lưới phát thanh có liên quan trong khu vực của một đài phát thanh. Tham khảo **Chế độ khu vực (REG)** (trang 205).

Bluetooth

Tính năng này cho phép bạn bật hoặc tắt Bluetooth.

Cài đặt đồng hồ

Cài đặt thời gian

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh thời gian bằng tay.

Cài đặt ngày tháng

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh ngày, tháng và năm bằng tay.

Thời gian theo Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS)

Tính năng này cho phép bạn, nếu ở vùng phủ sóng thích hợp, tự động điều chỉnh ngày tháng và thời gian bằng Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS).

Cài đặt múi giờ

Tính năng này cho phép bạn lựa chọn một múi giờ cụ thể.

Giờ mùa hè

Tính năng này cho phép bạn cài đặt hệ thống để điều chỉnh chênh lệch về thời gian theo mùa.

Ghi Chú: Thời gian theo Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS) phải được lựa chọn.

Chế độ 24 giờ

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh hệ thống giữa chế độ 12 và 24 giờ.

Hệ thống dẫn đường

MENU LỰA CHỌN ĐƯỜNG ĐI

Bạn có thể chọn một số lựa chọn làm thay đổi cách lập kế hoạch lộ trình.

Sử dụng các nút mũi tên lên, xuống, sang trái, sang phải, bạn có thể chọn các tính năng của đường để tránh hoặc để đưa vào lộ trình bằng cách bật hoặc tắt tính năng đó.

Lộ trình

Kinh tế

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình tiết kiệm nhất để tới điểm cần đến.

Nhanh

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình nhanh nhất để tới điểm cần đến.

Ngắn

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình ngắn nhất để tới điểm cần đến.

Luôn hỏi lại

Sử dụng tính năng này để đảm bảo bạn luôn được hỏi để lựa chọn về lộ trình cho chuyên đi.

Lái xe

Thông thả

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình lái thông thả tới điểm cần đến.

Bình thường

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình lái bình thường tới điểm cần đến.

Nhanh

Lựa chọn này sẽ ưu tiên lộ trình nhanh nhất để tới điểm cần đến.

Các điều chỉnh kinh tế

Rơ moóc

Sử dụng tính năng này để thay đổi các lựa chọn điều chỉnh tính kinh tế của chuyên đi tùy thuộc bạn có kéo rơ moóc hay không và nếu có thì tùy thuộc vào kích thước của rơ moóc.

Hộp đồ nóc xe

Sử dụng tính năng này để thay đổi các lựa chọn kinh tế của chuyên đi liên quan đến việc sử dụng hộp đựng đồ nóc xe.

Động học

Khi được bật, và nếu đài nhận được một tín hiệu của kênh thông báo giao thông (TMC), lộ trình sẽ được cập nhật tự động để đưa vào thời gian thực của sự cô hoặc tắc đường.

Ghi Chú: *Tính năng này có thể hữu ích để tránh trễ hoặc trì hoãn chuyên đi.*

Đường cao tốc

Khi bật chế độ này, hệ thống sẽ tìm các đường cao tốc trên lộ trình của bạn và sẽ tự động cập nhật quãng đường và thời gian của lộ trình.

Ghi Chú: *Tính năng này có thể hữu ích để tránh trễ hoặc trì hoãn chuyên đi.*

Bên phà/xe chạy trên ray

Khi bật chế độ này, hệ thống sẽ tìm các điểm giao với bên phà và xe chạy trên ray trên lộ trình của bạn và sẽ tự động cập nhật quãng đường và thời gian của lộ trình.

Phí cầu đường

Khi bật chế độ này, hệ thống sẽ tìm các đường tính phí trên lộ trình của bạn và sẽ tự động cập nhật quãng đường và thời gian của lộ trình.

Hệ thống dẫn đường

Các đường thay đổi theo mùa

Khi bật chế độ này, hệ thống sẽ tìm các đường thay đổi theo mùa trên lộ trình của bạn và sẽ tự động cập nhật quãng đường và thời gian của lộ trình.

Ghi Chú: *Tính năng này có thể hữu ích để tránh trễ hoặc trì hoãn chuyến đi.*

Trạm thu phí cầu đường

Khi bật chế độ này, hệ thống sẽ tự động chọn các đường tính phí và sẽ tự động cập nhật quãng đường và thời gian của lộ trình.

HIỂN THỊ ĐƯỜNG ĐI

Màn hình bản đồ

Ấn nút **MAP** để xem bản đồ.

Màn hình sẽ chỉ ra vị trí hiện tại của bạn mà chiếc xe là tâm của mũi tên được bao quanh bởi một vòng tròn. Mũi tên sẽ chỉ hướng di chuyển của xe.

Thông tin ở dòng trên cùng sẽ cung cấp tên đường hiện tại, hoặc đường kế tiếp sẽ gặp nếu rẽ.

Bạn có thể thay đổi cách thức hiển thị bản đồ bằng cách thay đổi các điều chỉnh về phóng to/thu nhỏ và các định hướng. Ấn các nút chức năng liên quan để thay đổi tỷ lệ của bản đồ và sử dụng mũi tên sang trái và sang phải để phóng to hoặc thu nhỏ. Tỷ lệ bản đồ hiện tại được thể hiện trên màn hình.

Thiết lập tỷ lệ bản đồ có thể được chọn từ 50m đến 500km hoặc 0,05 dặm đến 500 dặm, thiết lập tự động ở phía ngoài cùng bên trái. Chế độ thiết lập tự động sẽ liên tục thay đổi tỷ lệ bản đồ tùy theo loại đường mà xe chạy qua.

Chức năng phóng to/ thu nhỏ

Tính năng này sẽ tự động tăng độ phóng to trên màn hình bản đồ tại những thời điểm bạn có những yêu cầu chuyển hướng, hoặc thực hiện những thao tác phức tạp hơn. Ngay sau đó, tỷ lệ phóng to sẽ được trả về mức trước.

Chọn **AUTO** để kích hoạt chức năng phóng to/ thu nhỏ.

Màn hình mô tả sự dịch chuyển

Sau khi khởi hành theo lộ trình đặt, màn hình mặc định sẽ là màn hình chỉ hướng dịch chuyển chính:

Khi kích hoạt chế độ đi theo lộ trình, các chỉ dẫn sẽ được đưa ra dưới dạng thông tin trên màn hình và chỉ dẫn bằng giọng nói. Cho dù bạn chọn cách chỉ dẫn nào cho lộ trình, thông tin về các lần rẽ và quãng đường sẽ vẫn được thể hiện trên màn hình dưới dạng biểu đồ. Bạn không cần thể hiện toàn bộ lộ trình trên màn hình khi đang đi theo lộ trình đã thiết lập. Thông tin cụ thể hơn về lộ trình của bạn sẽ được thể hiện trên màn hình nếu bạn yêu cầu.

CẢNH BÁO



Không được chỉ tin tưởng vào chỉ dẫn trên màn hình khi di chuyển. Luôn lắng nghe chỉ dẫn bằng giọng nói và luôn cẩn thận để không bị mất tập trung đối với đoạn đường phía trước.

Kênh thông báo tình trạng giao thông

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Các đài phát thanh kênh thông tin giao thông (TMC) được truyền trên băng tần FM. TMC là kênh tiếp nhận các cảnh báo giao thông giúp cho việc lên phương án chọn các đường thay thế và tránh đường tắc.

SỬ DỤNG KÊNH THÔNG BÁO TÌNH TRẠNG GIAO THÔNG (TMC)

Ấn nút **TA** hoặc **TRAFFIC** để hiển thị trang menu giao thông.

Thông báo giao thông

Thông báo giao thông (TA) có thể được bật hoặc tắt thông qua menu này. Nếu được bật, đèn báo **TA** sẽ hiển thị trên phần viền của thanh trạng thái.

Các đài phát trên kênh sóng FM và chứa các thông tin chương trình giao thông (TP) được xác định bởi chữ **TP** hiển thị trên màn hình. Khi bật công tắc TA, đài sẽ phản hồi lại các thông báo và ngắt bản nhạc đang phát. Sau khi thông báo kết thúc, nhạc sẽ được bật trở lại.

Kết thúc các thông báo giao thông

Đài sẽ trở về hoạt động bình thường sau khi kết thúc thông báo giao thông. Để kết thúc thông báo sớm hơn, ấn nút **TA**, **TRAFFIC**, **RADIO** hoặc **CD** trong lúc thông báo.

Sử dụng các tin nhắn TMC

Chọn mục yêu cầu để hiển thị danh sách các tin nhắn TMC. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 62). Đây chỉ là màn hình chung cung cấp các thông tin cơ bản. Chọn tin nhắn mà bạn yêu cầu thêm thông tin và một màn hình khác sẽ được hiển thị các chi tiết của thông báo một cách đầy đủ về vị trí có sự cố...vv.

Bạn cũng có thể chọn cảnh chỉ hiển thị tin nhắn liên quan đến lộ trình của bạn, hoặc cảnh mà chỉ thể hiện các tin nhắn nhận được. Ấn vào nút chức năng 1 để thay đổi cách hiển thị.

Cảnh báo nguy hiểm tại chỗ (tùy thuộc vào quốc gia)

Ghi Chú: Khả năng cung cấp tính năng này sẽ thay đổi từ nước này sang nước khác.

Hệ thống này hỗ trợ tính năng cảnh báo nguy hiểm tại chỗ nhằm thông báo cho bạn có thể nhìn thấy và nghe được thông tin phản hồi về các khu vực giao thông nguy hiểm. Chế độ mặc định của hệ thống là "tắt". Bạn có thể dùng thông tin hiển thị để bật ON và OFF. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 62).

Cập nhật bản đồ

Mạng lưới đường bộ đang thay đổi liên tục do có các con đường mới, do thay đổi phân loại đường...vv. Do đó, bản đồ trong hệ thống không thể đúng một cách chính xác so với mạng lưới đường bộ hiện tại.

Thông tin bản đồ được cập nhật thường xuyên, nhưng tất cả khu vực sẽ không được cập nhật chi tiết như nhau. Một vài đường, đặc biệt những đường riêng, có thể không có trong nguồn dữ liệu. Để có độ chính xác cao, luôn sử dụng địa phiên bản mới nhất. Đại lý có thể cung cấp đĩa này.

Giới thiệu hệ thống âm thanh

THÔNG TIN HỆ THỐNG ÂM THANH QUAN TRỌNG

CÁC CẢNH BÁO



Các đĩa CD-R và đĩa CD-RW có thể hoạt động không đúng do không tương thích về mặt kỹ thuật.



Bộ đài trên xe đọc được đĩa compact tương thích với tiêu chuẩn âm thanh International Red Book. Một số đĩa CD có bản quyền của một số nhà sản xuất có thể không tương thích với tiêu chuẩn này và do đó bộ đài trên xe có thể không đọc được.



Các đĩa hai định dạng hay ghi trên cả hai mặt (DVD Plus, định dạng CD-DVD), được sử dụng trong ngành công nghiệp âm nhạc, thường dày hơn đĩa CD thông thường và dẫn đến bộ đài trên xe không đọc được và bị kẹt đĩa. Không nên sử dụng các đĩa CD có hình dạng khác thường hay dán phim chống xước hay dán nhãn tự dính. Các yêu cầu bảo hành, trong đó các loại đĩa nêu trên được tìm thấy trong ổ đĩa, sẽ bị từ chối.



Tất cả bộ đài chỉ được thiết kế để đọc đĩa compact âm thanh 12cm.



Bộ đài có thể bị hỏng nếu các chi tiết không phù hợp như thế tín dụng, tiền xu được nhét vào cửa đĩa CD.

Nhãn đĩa

CD âm thanh



MP3



Các nhãn dán trên bộ đài

CLASS 1
LASER PRODUCT

CAUTION—INVISIBLE LASER RADIATION WHEN OPEN
DO NOT STARE INTO BEAM OR
VIEW DIRECTLY WITH OPTICAL INSTRUMENTS

Tổng quan về dàn âm thanh

Ghi Chú: Bộ đài được trang bị màn hình đa chức năng nằm phía trên cửa đĩa CD. Màn hình sẽ hiển thị các thông tin quan trọng liên quan đến việc điều khiển bộ đài. Ngoài ra, có các biểu tượng khác nhau đặt xung quanh màn hình hiển thị mà nó sẽ sáng lên khi chức năng của nó được kích hoạt (ví dụ như đĩa CD, Radio hay Aux.)

Các loại đài và màn hình đa chức năng tương ứng:

Loại 0: Đài cơ sở không có CD

Loại 1: Đài cơ sở có CD

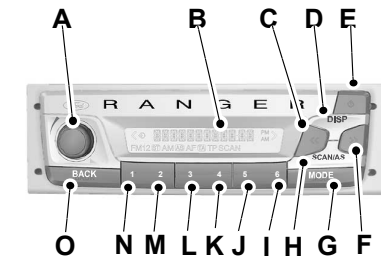
Loại 2: Màn hình cơ bản

Loại 3: Màn hình rộng

Loại 4: Màn hình màu 4.2 inch

Loại 5: Màn hình màu NAV 5 inch

Loại 0



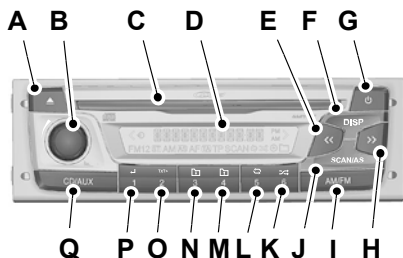
E160471

- A Điều chỉnh âm lượng/menu.
- B Màn hình LCD.
- C Tìm kiếm xuống (ấn dài). Điều chỉnh xuống bằng tay (ấn ngắn). Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201).
- D Hiển thị giờ/ngày và thông tin RDS.
- E Bật/tắt (ấn dài) và tắt tiếng (ấn ngắn).

- F Tìm kiếm lên (ấn dài). Điều chỉnh lên bằng tay (ấn ngắn). Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201).
- G Chọn chế độ âm thanh. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210).
- H Quét và tự động lưu trữ.
- I Nhớ đài phát 6. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- J Nhớ đài phát 5. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- K Nhớ đài phát 4. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- L Nhớ đài phát 3. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- M Nhớ đài phát 2. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- N Nhớ đài phát 1. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- O Quay về trình đơn.

Tổng quan về dàn âm thanh

Loại 1



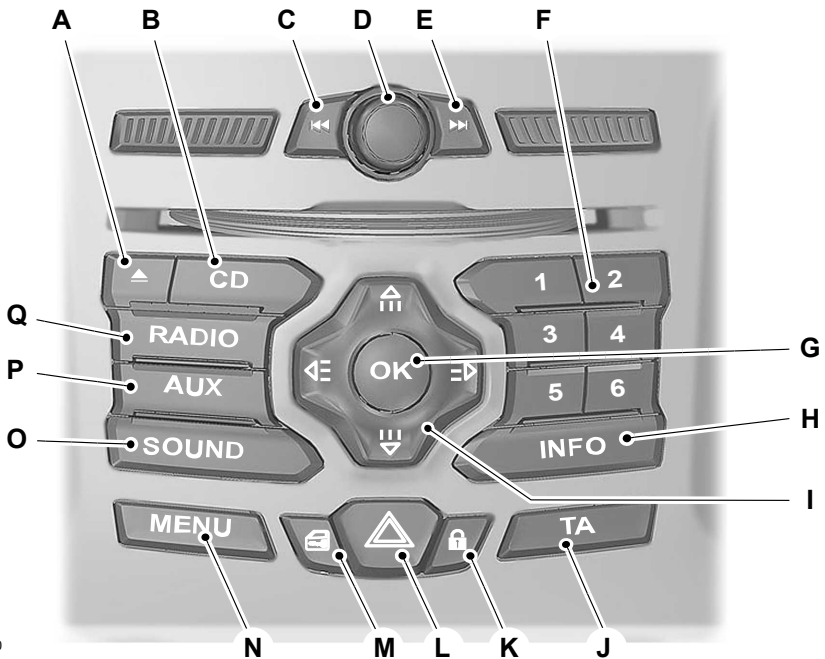
E136953

- A Ra đĩa. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- B Điều chỉnh âm lượng/menu.
- C Cửa đĩa CD.
- D Màn hình LCD.
- E Tìm kiếm xuống. Chọn bài trên đĩa CD/Tua nhanh. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- F Hiển thị giờ/ngày và thông tin RDS.
- G Bật/tắt (ẩn đài) và tắt tiếng (ẩn).
- H Tìm kiếm lên. Chọn bài trên CD/Tua nhanh. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).

- I Chọn radio và băng tần. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201).
- J Quét và tự động lưu trữ.
- K Nhớ đài phát 6. Trộn bài. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- L Nhớ đài phát 5. Lặp lại. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- M Nhớ đài phát 4. Thư mục kế tiếp. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- N Nhớ đài phát 3. Thư mục trước đó. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- O Nhớ đài phát 2. Màn hình cuộn. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- P Nhớ đài phát 1. Quay về trình đơn. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- Q Chọn CD/Phụ. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210).

Tổng quan về dàn âm thanh

Loại 2



E135350

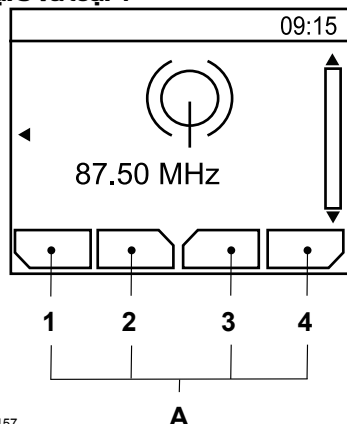
- A Ra đĩa. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- B Chọn CD. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- C Tìm kiếm xuống. Chọn bài trên CD. Tham khảo **Điều khiển rà dài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- D Bật/tắt và điều chỉnh âm lượng.
- E Tìm kiếm lên. Chọn bài trên CD. Tham khảo **Điều khiển rà dài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).

- F Nhớ đài phát. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 202).
- G Chọn menu.
- H Thông tin.
- I Các mũi tên điều khiển dẫn đường.
- J Thông báo giao thông. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 202).
- K Chỉ báo khóa cửa.

Tổng quan về dàn âm thanh

- L Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 44).
- M Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 30).
- N Nhập/thoát khỏi Menu.
- O Nút âm thanh. Tham khảo **Nút điều chỉnh âm thanh** (trang 201).
- P Chọn chế độ phụ. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210).
- Q Chọn Radio và băng tần. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201).

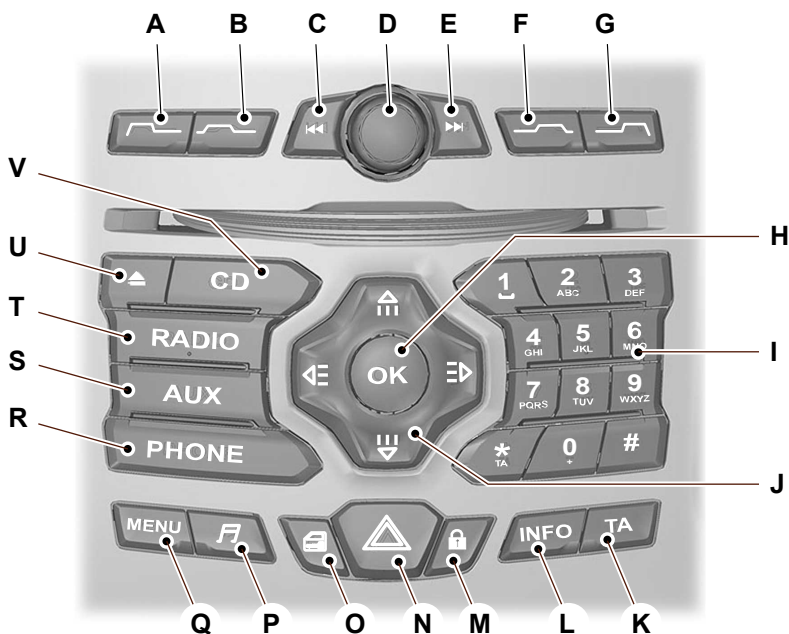
Loại 3 và loại 4



E104157

- A Mô tả các phím chức năng từ 1-4

Tổng quan về dàn âm thanh



E135351

- A Chức năng 1.
- B Chức năng 2.
- C Tìm kiếm xuống. Chọn bài trên CD Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- D Bật/tắt và điều chỉnh âm lượng.
- E Tìm kiếm lên. Chọn bài trên CD Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- F Chức năng 3.
- G Chức năng 4.
- H Chọn menu.

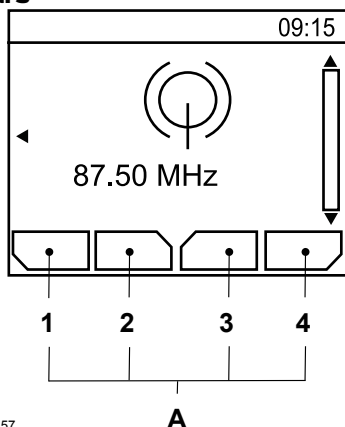
- I Bàn phím điện thoại và nhớ đài phát. Tham khảo **Sử dụng điện thoại** (trang 215). Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202).
- J Các mũi tên điều khiển dẫn đường.
- K Thông báo giao thông. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 202).
- L Thông tin.
- M Chỉ báo khóa cửa.
- N Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 44).

Tổng quan về dàn âm thanh

- O Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 30).
- P Nút âm thanh. Tham khảo **Nút điều chỉnh âm thanh** (trang 201).
- Q Nhập/thoát khỏi menu.
- R Menu điện thoại. Tham khảo **Điện thoại** (trang 213).
- S Chọn Auxiliary, USB và iPod. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210). Tham khảo **Kết nối** (trang 235).
- T Chọn Radio và băng tần. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201).
- U Ra đĩa. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- V Chọn CD. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).

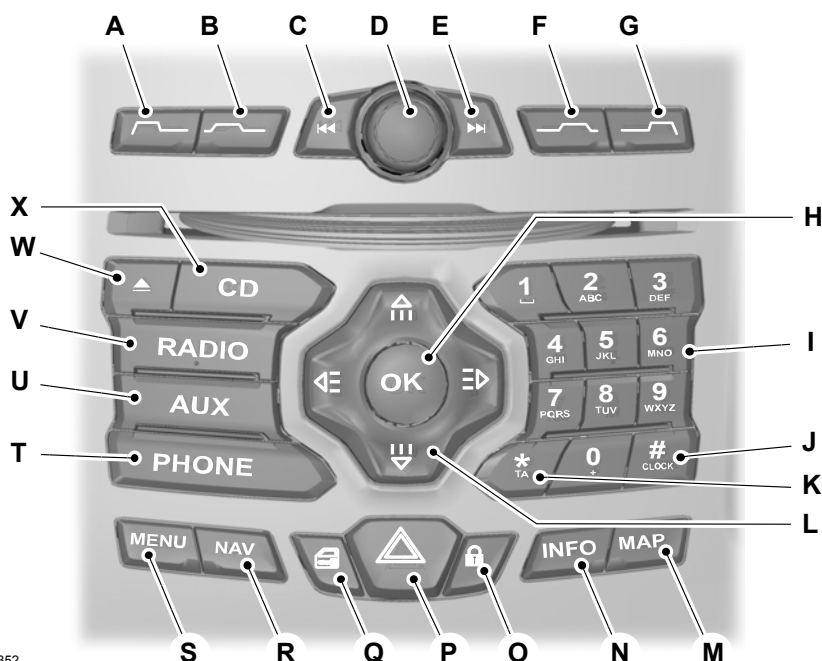
Các nút chức năng từ 1 đến 4 có thuộc tính phụ thuộc và thay đổi tùy theo chế độ hiện tại. Phần mô tả chức năng được thể hiện ở phía dưới màn hình.

Loại 5



A Mô tả các phím chức năng từ 1-4

Tổng quan về dàn âm thanh



E135352

- A Chức năng 1.
- B Chức năng 2.
- C Tìm kiếm xuống. Chọn bài trên CD Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- D Bật/tắt và điều chỉnh âm lượng.
- E Tìm kiếm lên. Chọn bài trên CD Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 201). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 206).
- F Chức năng 3.
- G Chức năng 4.
- H Chọn menu.

- I Phím điện thoại, nhớ đài phát và phím dẫn đường. Tham khảo **Sử dụng điện thoại** (trang 215). Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 202). Tham khảo **Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường** (trang 178).
- J Đồng hồ.
- K Thông báo giao thông. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 202).
- L Các mũi tên điều khiển.
- M Bản đồ.
- N Thông tin.
- O Chỉ báo khóa cửa.

Tổng quan về dàn âm thanh

- P Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 44).
- Q Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khoá** (trang 30).
- R Dẫn đường.
- S Nhập/thoát khỏi menu.
- T Menu điện thoại. Tham khảo **Điện thoại** (trang 213).
- U Chọn Auxiliary, USB và iPod. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 210). Tham khảo **Kết nối** (trang 235).
- V Chọn Radio và băng tần. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 201).
- W Ra đĩa. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).
- X Chọn CD. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 206).

Các nút chức năng từ 1 đến 4 có thuộc tính phụ thuộc và thay đổi tùy theo chế độ hiện tại. Phần mô tả chức năng được thể hiện ở phía dưới màn hình.

MÃ BẢO MẬT

Mỗi bộ đài có một mã số duy nhất được sử dụng để kích hoạt hệ thống âm thanh khi bình ắc quy được ngắt và kết nối trở lại. Mã đài có 4 số được cung cấp trong gói thông tin chủ xe.

Nếu không tìm thấy mã đài, hãy liên hệ đại lý của bạn.

Nhập mã đài

Nhập 'CODE ----', 'CODE 0000' hoặc 'Enter Keycode' xuất hiện trên màn hình khi bạn bật hệ thống đài, bạn phải nhập Mã bằng các phím bấm của bộ đài.

Loại 0, 1 và 2

1. Ấn nút 1 liên tục cho tới khi chữ số đầu tiên của Mã hiện lên trên màn hình.
2. Ấn nút 2, 3 và 4 tương tự để nhập 3 chữ số còn lại.
3. Đảm bảo là Mã của bạn đúng trước khi ấn nút số 5 để khẳng định ngoại trừ mẫu 1500RDS thì ấn nút AM/FM.

Loại 3, 4 và 5

1. Ấn nút số tương ứng với chữ số đầu tiên của Mã của bạn.
2. Ấn nút số tương ứng với chữ số thứ hai của Mã của bạn. Lặp lại tương tự với chữ số thứ 3 và 4.
3. Nếu bạn nhập sai mã, bạn có thể nhập lại chữ số bằng cách tiếp tục chọn nút 0-9. Màn hình sẽ tiếp tục tăng chữ số từ vị trí 1 đến 4 và sau đó quay lại.
4. Đảm bảo rằng Mã của bạn đúng trước khi ấn nút * hoặc nút giữa của các nút mũi tên để khẳng định mã.

Hiển thị ngày và đồng hồ trên dàn âm thanh

CÀI ĐẶT GIỜ Ở DÀN ÂM THANH

Thay đổi thời gian

Đồng hồ có thể được đặt tại bất kỳ lúc nào khi hệ thống được đặt ở chế độ một giờ hoặc bật khóa điện ở nấc ACC hoặc ON.

Ghi Chú: Loại 2 và 3: Thời gian có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng nút giờ và phút trên màn hình.

Để chuyển giờ, nhấn nút HOUR SET. Để chuyển phút, nhấn nút MINUTE SET trong khi màn hình thời gian đang nhấp nháy.

Ghi Chú: Loại 5: Thời gian có thể được điều chỉnh bằng các nút đồng hồ trên bảng điều khiển đài. Tham khảo **Tổng quan về dàn âm thanh** (trang 190).

Ghi Chú: Thời gian có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng các nút mũi tên dẫn đường trên bảng điều khiển.

Loại 0 và 1

- Nhấn phím MENU.
- Xoay MENU CONTROL để chọn ngày/thời gian.
- Nhấn MENU để nhập ngày/ thời gian..
- Xoay MENU CONTROL để chọn giờ và nhấn enter.
- Xoay MENU CONTROL để điều chỉnh giờ
- Nhấn nút BACK để trở về màn hình trước.
- Xoay MENU CONTROL để chọn phút và nhấn enter.
- Xoay MENU CONTROL để điều chỉnh thời gian.
- Nhấn nút MENU để lưu lại sự cài đặt mới.

Loại 2, 4 và 5

- Nhấn phím MENU.
- Sử dụng mũi tên LÊN và XUỐNG để chọn cài đặt đồng hồ.

- Nhấn nút mũi tên OK hoặc PHẢI để nhập cài đặt đồng hồ.
- Sử dụng nút mũi tên LÊN và XUỐNG để chọn thời gian cần đặt.
- Sử dụng nút mũi tên LÊN và XUỐNG để điều chỉnh giờ.
- Sử dụng nút mũi tên PHẢI và TRÁI để xoay tới phút.
- Sử dụng nút mũi tên LÊN và XUỐNG để điều chỉnh phút.
- Nhấn nút OK để lưu lại cài đặt mới

Loại 3

- Nhấn phím MENU.
- Sử dụng mũi tên LÊN và XUỐNG để chọn đồng hồ.
- Nhấn nút mũi tên OK hoặc PHẢI để nhập menu đồng hồ.
- Sử dụng mũi tên LÊN và XUỐNG để chọn thời gian cần đặt.
- Sử dụng mũi tên LÊN và XUỐNG để điều chỉnh thời gian.
- Sử dụng nút mũi tên PHẢI và TRÁI để xoay tới phút.
- Sử dụng mũi tên LÊN và XUỐNG để điều chỉnh phút.
- Nhấn nút OK để lưu lại cài đặt mới

Điều chỉnh giờ chính xác

Bạn có thể đặt thời gian bắt đầu một giờ bằng chức năng này.

- Nhấn nút CLOCK khoảng hai giây cho đến khi nghe thấy tiếng bip. Thời gian hiện tại trên đồng hồ sẽ nhấp nháy.
- Nhấn nút đồng hồ lần nữa và thời gian sẽ được điều chỉnh như sau:

Ví dụ

Hiển thị ngày và đồng hồ trên dàn âm thanh

- Thời gian hiện tại nằm giữa 12:01 và 12:29 sẽ thay đổi tới đúng 12:00
- Thời gian đặt hiện tại nằm giữa 12:30 và 12:59 sẽ thay đổi tới đúng 1:00.

Ghi Chú: Nếu nguồn điện cung cấp bị gián đoạn (Nếu cầu chì bị đứt hoặc ắc quy bị ngắt kết nối), đồng hồ cần được cài đặt lại.

Hoạt động của dàn âm thanh

ĐIỀU KHIỂN TẮT/MỞ

Nhấn nút bật/tắt nguồn. Đài có thể hoạt động tiếp trong vòng một giờ sau khi tắt chìa khóa điện.

Đài sẽ tự động tắt sau một giờ.

NÚT ĐIỀU CHỈNH ÂM THANH

Hệ thống này cho phép điều chỉnh âm thanh (ví dụ âm trầm và âm cao).

1. Ấn nút âm thanh.
2. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để chọn các thông số mong muốn.
3. Sử dụng các phím mũi tên sang trái và sang phải để thực hiện điều chỉnh cần thiết. Màn hình sẽ thể hiện mức được chọn.
4. Ấn nút **OK** để xác nhận trạng thái điều chỉnh mới.

NÚT BĂNG TẦN

Nhấn phím RADIO để chọn các băng tần sẵn có.

Phím này cũng có thể được sử dụng để chuyển sang chế độ radio khi bạn đang nghe nhạc từ nguồn khác.

Ngoài ra cũng có thể nhấn phím mũi tên sang trái để hiển thị các băng tần sẵn có. Cuộn đến băng tần mong muốn và nhấn phím OK.

ĐIỀU KHIỂN RÀ ĐÀI

Dò sóng

Chọn băng tần và ấn một trong các nút dò tìm. Đài sẽ dừng dò sóng khi dò được đài phát đầu tiên theo hướng bạn đã chọn.

Dò sóng bằng tay

Loại 0 và 1

1. Hãy đảm bảo kích hoạt chế độ FM/AM và sau đó là MANUAL TUNE.
2. Sử dụng nút tìm kiếm để điều chỉnh lên hoặc xuống băng tần với mức nhỏ hoặc ấn và giữ để điều chỉnh nhanh hơn, cho tới khi bạn tìm thấy đài cần nghe.

Loại 2

1. Ấn nút MENU.
2. Chọn chế độ RADIO và sau đó chọn MANUAL TUNE.
3. Sử dụng các nút có hình mũi tên sang trái và phải để dò các dải băng tần ở dưới hay ở trên bằng các mức điều chỉnh nhỏ đều đặn hoặc ấn và giữ để dò nhanh, cho đến khi bạn dò được đài phát mong muốn.
4. Ấn OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Loại 3, 4 và 5

1. Ấn nút chức năng 2.
2. Sử dụng các nút có hình mũi tên sang trái và phải để dò các dải băng tần ở dưới hay ở trên bằng các mức điều chỉnh nhỏ đều đặn hoặc ấn và giữ để dò nhanh, cho đến khi bạn dò được đài phát mong muốn.
3. Ấn OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Dò sóng kiểu quét

Chức năng dò cho phép bạn nghe trong vòng 8 giây với mỗi đài phát dò được.

Loại 0 và 1

1. Ấn nút lựa chọn đài FM/AM.
2. Ấn nút SCAN/AS, đài sẽ tự động quét băng tần đã lựa chọn.
3. Ấn nút SCAN/AS lần nữa để nghe tiếp đài phát dò được.

Hoạt động của dàn âm thanh

Loại 2

1. Ấn nút MENU.
2. Chọn chế độ RADIO và sau đó chọn SCAN.
3. Sử dụng các nút dò tìm để quét lên hoặc xuống băng tần đã lựa chọn.
4. Ấn nút OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Loại 3, 4 và 5

1. Ấn nút chức năng 3.
2. Sử dụng các nút dò tìm để quét lên hoặc xuống băng tần đã lựa chọn.
3. Ấn nút chức năng 3 một lần nữa hoặc nút OK để nghe tiếp đài phát dò được.

NÚT NHỚ BĂNG TẦN ĐÃ CHỌN

Tính năng này cho phép bạn lưu các đài yêu thích và có thể mở lại bằng cách chọn đúng băng tần và ấn một trong các nút nhớ đài tự động.

Loại 0 và 1

1. Chọn băng tần.
2. Dò đài phát thanh mong muốn.
3. Ấn và giữ một trong các nút thiết lập sẵn cho tới khi bạn nghe tiếp bíp. Khi đài đã lưu, nút thiết lập sẵn cùng với tên đài hoặc tần số sẽ hiển thị để xác nhận.

Loại 2, 3, 4 và 5

1. Chọn băng tần.
2. Dò đài phát thanh mong muốn.

3. Ấn và giữ một trong các nút nhớ đài tự động. Một thanh hiển thị quá trình và một nội dung thông báo sẽ xuất hiện. Khi thanh hiển thị quá trình kết thúc thì đài phát dò đã được lưu. Bộ âm tần sẽ tắt tiếng trong chốc lát để xác nhận.

Điều này có thể được lặp lại trên mỗi băng tần và mỗi nút nhớ đài tự động.

Ghi Chú: Khi bạn lái xe đến một khu vực khác trong nước, các đài FM mà phát trên các tần số thay thế và được lưu trên các nút nhớ đài tự động có thể được cập nhật với tần số và tên đài chính xác cho khu vực đó.

ĐIỀU KHIỂN LƯU TỰ ĐỘNG

Ghi Chú: Chức năng này sẽ lưu các tín hiệu rõ nhất, cả ở băng tần AM và FM, và ghi đè lên các đài phát đã được lưu trước đó. Nó có thể được sử dụng để lưu các đài phát một cách thủ công theo cách tương tự như với các băng tần khác.

Loại 0 và 1

1. Trong chế độ RADIO, giữ nút SCAN/AS trong một lúc lâu.
2. Khi việc tìm kiếm kết thúc, âm thanh được lưu và 6 đài phát khỏe nhất được lưu trên các nút nhớ tự động Autostore.

Loại 2, 3, 4 và 5

1. Nhấn và giữ nút chức năng 1 hoặc nút RADIO.
2. Khi việc tìm kiếm kết thúc, âm thanh được lưu và 10 đài phát khỏe nhất được lưu trên các nút nhớ tự động Autostore.

ĐIỀU KHIỂN THÔNG TIN VỀ GIAO THÔNG

Nhiều đài phát trên băng tần số FM có mã TP cho biết chúng có mang chương trình thông tin giao thông.

Hoạt động của dàn âm thanh

Kích hoạt các thông báo giao thông

Trước khi có thể nhận các thông báo giao thông, bạn cần nhấn nút TA hoặc TRAFFIC. Chữ "TA" xuất hiện trên màn hình để thể hiện chức năng này đã được chọn.

Nếu bạn đã dò được kênh phát thông tin giao thông, chữ "TP" cũng sẽ hiển thị. Nếu không bộ đài sẽ dò tìm chương trình giao thông.

Khi thông tin giao thông được phát, nó sẽ tự động ngắt chương trình radio hay CD đang phát và chữ 'Traffic announcement (TA)' sẽ xuất hiện trên màn hình.

Nếu một đài không phát chương trình giao thông được chọn hoặc nhớ lại nhờ nút preset (ghi nhớ kênh), đài sẽ tiếp tục được phát đài phát đó trừ khi tắt chức năng TA hoặc TRAFFIC, sau đó bật lên một lần nữa.

Ghi Chú: Nếu TA bật và bạn chọn một đài phát đã lưu hoặc dò bằng tay đến đài không có chương trình TA, sẽ không có thông báo giao thông được phát.

Ghi Chú: Khi bạn đang nghe đài phát thanh không có thông tin giao thông sau đó tắt và bật lại TA, việc dò tìm TP sẽ thực hiện.

Âm lượng thông báo giao thông

Thông báo giao thông sẽ làm tắt các kênh phát thông thường và phát ở một mức âm lượng tối thiểu định trước và thường lớn hơn âm lượng thường nghe.

Để điều chỉnh âm lượng định trước:

- Sử dụng nút chỉnh âm lượng để thực hiện điều chỉnh cần thiết trong khi bắt sóng TA. Màn hình sẽ hiển thị mức âm lượng được chọn.

Kết thúc các thông báo giao thông

Bộ đài sẽ trở về hoạt động bình thường sau khi kết thúc thông báo giao thông. Để kết thúc thông báo sớm, nhấn nút TA hoặc TRAFFIC trong khi đang thông báo giao thông.

Ghi Chú: Nếu bạn nhấn TA hoặc TRAFFIC vào bất kỳ thời điểm nào khác, nó sẽ tắt tất cả thông báo.

Menu của dàn âm thanh

ĐIỀU KHIỂN ÂM LƯỢNG TỰ ĐỘNG

Khi được chọn, chế độ điều khiển âm lượng tự động (AVC) sẽ điều chỉnh mức âm lượng để bù tiếng ồn do động cơ và từ mặt đường.

1. Nhấn phím MENU và chọn AUDIO.
2. Chọn AVC LEVEL hoặc ADAPTIVE VOL.
3. Sử dụng phím mũi tên sang trái hoặc sang phải để thực hiện các điều chỉnh.
4. Nhấn phím OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
5. Nhấn phím MENU để quay lại.

XỬ LÝ TÍN HIỆU SỒ (DSP)

Chức năng DSP

Chức năng này tính đến sự khác nhau về khoảng cách giữa các loa trên xe đến mỗi ghế ngồi. Chọn vị trí ngồi để có âm thanh tốt nhất.

Điều chỉnh cân bằng DSP

Chọn loại nhạc phù hợp nhất với sở thích của bạn. Công suất âm thanh sẽ thay đổi để tăng cường loại nhạc được chọn.

Thay đổi các chế độ DSP

1. Nhấn nút MENU.
2. Lựa chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến chức năng DSP mong muốn.
4. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để chọn các thông số mong muốn.
5. Nhấn nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
6. Nhấn nút MENU để quay lại.

TIN TỨC PHÁT THANH

Một số bộ đài sẽ dừng việc bắt sóng thông thường để phát các chuyên mục tin tức từ các đài phát trên băng tần FM hoặc hệ thống dữ liệu radio (RDS) và các đài phát kết nối mạng tăng cường khác (EON), tương tự như trường hợp thông tin giao thông ở phần trên.

Trọng khi phát sóng tin tức, màn hình sẽ thể hiện đang có một thông báo đèn. Các đoạn ngắt tin tức được phát với mức âm lượng định trước tương tự như các thông báo giao thông.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến NEWS và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để quay lại.

CÁC TẦN SỒ LỰA CHỌN KHÁC

Nhiều chương trình phát trên sóng FM có mã nhận dạng chương trình (PI) có thể được lưu bởi bộ đài.

Nếu radio của bạn có tần số thay thế (AF) được bật và bạn chuyển từ một khu vực truyền dẫn đến khu vực khác, đài sẽ dò tìm và chuyển sang tín hiệu của đài phát sóng mạnh hơn, nếu tìm thấy.

Tuy nhiên, trong một số điều kiện, việc dò AF có thể làm dừng tạm thời việc bắt sóng thông thường.

Khi được lựa chọn, bộ đài sẽ đánh giá liên tục độ mạnh của tín hiệu và nếu có tín hiệu tốt hơn, bộ đài sẽ chuyển sang tín hiệu đó. Tiếng sẽ bị tắt khi đài kiểm tra các tần số thay thế và, nếu cần thiết, nó sẽ dò tìm trong băng tần đã được lựa chọn cho tần số thay thế chính.

Đài sẽ tiếp tục việc bắt sóng radio khi tìm được sóng, hoặc nếu không tìm được sóng, đài sẽ trở về tần số được lưu ban đầu.

Menu của dàn âm thanh

Khi được chọn, 'AF' sẽ được hiển thị trên màn hình.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO MENU.
3. Cuộn đến ALTERNAT FREQ. hoặc ALTERNATIVE FREQ. và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để trở về.

CHẾ ĐỘ KHU VỰC (REG)

Chế độ khu vực (REG) điều khiển tính chất chuyển khu vực AF giữa các mạng lưới liên hệ theo khu vực của đài phát. Một đài phát thanh có thể chạy một mạng lưới lớn trên một khu vực rộng lớn của đất nước. Vào nhiều thời điểm trong ngày, mạng lưới này có thể tách ra thành các mạng lưới khu vực nhỏ hơn, điển hình tập trung vào các thị xã, thành phố lớn. Khi mạng lưới không được tách ra thành các mạng khu vực, cả mạng lưới sẽ truyền tải cùng một chương trình giống nhau.

Chế độ khu vực bật (ON): Sẽ ngăn việc AF chuyển khu vực một cách ngẫu nhiên khi các mạng lưới khu vực lân cận không truyền tải cùng một chương trình

Chế độ khu vực tắt (OFF): Sẽ cho phép khu vực phủ sóng rộng hơn nếu các mạng lưới khu vực lân cận đang truyền tải cùng một chương trình, nhưng có thể gây ra việc chuyển AF ngẫu nhiên nếu các mạng lưới không truyền tải cùng một chương trình.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến RDS REGIONAL và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để trở về.

Đầu đĩa CD

PHÁT LẠI ĐĨA CD

Ghi Chú: Trong quá trình đọc đĩa, màn hình sẽ thể hiện đĩa, bài hát hay thời gian đã trôi kể từ khi bắt đầu bài hát.

Trong khi đang bật radio, nhấn phím CD một lần để chuyển sang nghe nhạc từ đĩa CD.

Việc đọc đĩa sẽ bắt đầu ngay lập tức sau khi cho đĩa vào ổ đĩa.

CHỌN BÀI HÁT

- Nhấn nút tìm lên một lần để chuyển sang bài hát tiếp theo hoặc nhấn liên tiếp để chuyển sang các bài khác tiếp sau đó.
- Nhấn nút tìm xuống một lần để chạy lại bài hát đang nghe. Nếu nhấn trong vòng 2 giây ở phần đầu của bài hát, bài hát trước đó sẽ được chọn.
- Nhấn nút tìm xuống nhiều lần để chuyển về các bài hát trước đó.

Loại 2, 3, 4 và 5

- Nhấn các nút mũi tên lên hoặc xuống, và sử dụng nút OK, chọn bài hát mong muốn.

Loại 3, 4 và 5

Số bài hát mong muốn có thể được nhập vào bằng bàn phím số. Quay số bài hát mong muốn cho đến khi kết thúc (chẳng hạn bấm 1 sau đó bấm 2 để chọn bài số 12) hoặc quay số và nhấn trực tiếp nút OK.

CHẠY (TUA) NHANH VỀ PHÍA TRƯỚC/PHÍA SAU

Nhấn và giữ phím tìm kiếm lên hoặc xuống để tìm kiếm về phía trước hay về phía sau trong các bài hát trên đĩa.

CHỨC NĂNG CHỌN BÀI HÁT NGẪU NHIÊN

Đọc đĩa ngẫu nhiên (chế độ shuffle) sẽ đọc đĩa với trình tự ngẫu nhiên.

Loại 1

1. Nhấn nút SHUFFLE trong chế độ CD.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SHUFFLE trên toàn bộ đĩa, hoặc đọc tất cả bài hát trong thư mục với trình tự ngẫu nhiên.

Loại 2

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn SHUFFLE, sẽ bật hoặc tắt chức năng chạy đĩa ngẫu nhiên.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SHUFFLE trên toàn bộ đĩa, hoặc đọc tất cả bài hát trong thư mục với trình tự ngẫu nhiên.

Loại 3, 4 và 5

Nhấn nút chức năng 2.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SHUFFLE trên toàn bộ đĩa, hoặc đọc tất cả bài hát trong thư mục với trình tự ngẫu nhiên. Nhấn lặp lại nút chức năng 2 sẽ chuyển qua lại giữa các tùy chọn này.

Sử dụng nút tìm kiếm lên hoặc xuống để chọn bài hát tiếp theo có thể đọc ngẫu nhiên nếu được yêu cầu.

PHÁT LẠI BÀI VỪA NGHE

Loại 1

1. Nhấn nút REPEAT trong chế độ CD.

Khi đọc đĩa MP3 CD, các tùy chọn bao gồm REPEAT (lặp lại) bài hát đó, hoặc lặp lại toàn bộ bài hát trong thư mục.

Đầu đĩa CD

Loại 2

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn REPEAT, chức năng này sẽ được bật hoặc tắt. Bài hát sẽ được phát lại sau khi kết thúc.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm REPEAT (lặp lại) bài hát đó, hoặc lặp lại toàn bộ bài hát trong thư mục.

Loại 3, 4 và 5

Nhấn nút chức năng 1.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm REPEAT (lặp lại) bài hát đó, hoặc lặp lại toàn bộ bài hát trong thư mục. Nhấn nút chức năng 1 lần nữa để chuyển chế độ giữa các chức năng tùy chọn này.

QUÉT BÀI ĐĨA CD

Chức năng SCAN (quét) cho phép bạn nghe thử mỗi bài hát trong vòng 8 giây.

Loại 1

1. Nhấn nút CD/AUX để chọn CD MODE.
2. Nhấn nút SCAN/AS trong khoảng thời gian ngắn để kích hoạt việc quét đĩa CD.
3. Nhấn nút SCAN/AS trong khoảng thời gian ngắn lần nữa để tiếp tục nghe bài hát này.

Loại 2

Có nhiều chế độ quét khác nhau tùy thuộc vào loại đĩa CD đang đọc.

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn nút SCAN để bật hoặc tắt chức năng này.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SCAN toàn bộ đĩa, hay chỉ các bài hát trong thư mục.

3. Nhấn nút OK để dừng chế độ quét.

Loại 3, 4 và 5

1. Nhấn nút chức năng 3.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SCAN toàn bộ đĩa, hay chỉ các bài hát trong thư mục. Nhấn lặp lại lần nữa nút chức năng 3 để chuyển chế độ giữa các chức năng tùy chọn này.

2. Nhấn nút chức năng 3 một lần nữa để dừng chế độ quét.

PHÁT LẠI ĐỊNH DẠNG MP3

MP3 (MPEG 1 Audio Layer-3) là công nghệ và định dạng tiêu chuẩn cho dữ liệu âm thanh nén. Điều này cho phép sử dụng phương tiện hiệu quả hơn.

Bạn có thể mở các tệp MP3 ghi trên các đĩa CD-ROM, CD-R, và CD-RW. Đĩa phải có định dạng theo ISO 9660 mức 1 hoặc mức 2, hoặc định dạng mở rộng Joliet hoặc Romeo. Bạn có thể sử dụng đĩa được ghi bởi chế độ Multi Session.

Định dạng ISO 9660

Đây là tiêu chuẩn quốc tế thông dụng nhất cho định dạng tệp và thư mục logic trên đĩa CD-ROM.

Có một số mức tiêu chuẩn khác nhau. Ở mức 1, tên tệp phải có định dạng 8.3 (tên tệp không quá 8 ký tự, phân mở rộng không quá 3 ký tự "MP3") và bằng chữ hoa.

Tên thư mục không quá 8 ký tự. Không có quá 8 mức thư mục (cây thư mục). Tiêu chuẩn mức 2 cho phép tên tệp lên đến 31 ký tự.

Mỗi thư mục có đến 8 cây thư mục.

Với định dạng mở rộng Joliet hoặc Romeo, hãy cân nhắc các hạn chế này khi đặt cấu hình phần mềm ghi đĩa CD.

Đầu đĩa CD

Ghi nhiều ngăn

Đây là phương pháp ghi cho phép bổ sung dữ liệu bằng phương pháp "mỗi bài hát một lần ghi".

Các đĩa CD thông thường bắt đầu bằng khu vực điều khiển CD được gọi là đầu vào và kết thúc tại khu vực gọi là đầu ra. Đĩa CD Multi Session là loại đĩa có nhiều ngăn, mỗi phân khúc từ đầu vào đến đầu ra được gọi là một ngăn.

- CD-Extra: Định dạng ghi âm (dữ liệu CD tiếng) dưới dạng các tệp trên ngăn 1, và ghi dữ liệu dưới dạng các tệp trên ngăn 2.
- Mixed CD: Với định dạng này, dữ liệu được ghi ở tệp 1, và âm thanh (dữ liệu CD âm thanh) được ghi thành tệp 2.

Các định dạng tệp

- Với các định dạng khác ISO 9660 mức 1 và mức 2, tên thư mục và tên tệp có thể hiển thị không đúng.
- Khi đặt tên, cần chắc chắn thêm phần mở rộng ".MP3" vào tên tệp.
- Nếu bạn nhập phần mở rộng ".MP3" vào tệp không phải là MP3, đầu đĩa có thể không đọc được đĩa và tạo ra các âm ngẫu nhiên dẫn đến làm hỏng loa.
- Các đĩa sau đây sẽ cần nhiều thời gian hơn để đọc đĩa.
 - Đĩa được ghi với cây thư mục phức tạp.
 - Đĩa được ghi dạng nhiều ngăn.
 - Đĩa chưa hoàn thành (non-finalised) (nhờ đó có thể copy thêm dữ liệu những lần sau).

Đọc đĩa nhiều ngăn

Khi tệp đầu tiên của ngăn đầu tiên là dữ liệu CD âm thanh.

Chỉ dữ liệu CD âm thanh của ngăn đầu tiên là được đọc. Thông tin các dữ liệu CD không phải là dạng âm thanh (sổ tệp, thời gian...) sẽ được hiển thị mà không phát ra tiếng.

Khi tệp đầu tiên của ngăn đầu tiên không phải là dữ liệu CD âm thanh.

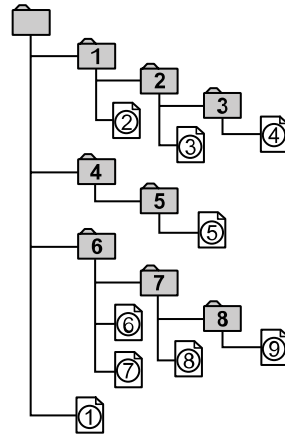
- Nếu có tệp MP3 trong đĩa, chỉ có tệp MP3 được đọc và các tệp khác sẽ bị bỏ qua. (Không đọc được dữ liệu từ đĩa CD)
- Nếu không có tệp MP3 nào trong đĩa thì sẽ không tệp nào được đọc. (Dữ liệu CD âm thanh không được đọc)

Thứ tự đọc các tệp MP3

Thứ tự đọc các thư mục và tệp như được thể hiện sau đây.

Ghi Chú: *Thư mục không chứa tệp MP3 sẽ bị bỏ qua.*

Lời khuyên về đọc đĩa: Để xác định thứ tự đọc đĩa mong muốn, hãy nhập các số trước tên tệp hoặc tên thư mục sau đó ghi nội dung lên đĩa. (Thứ tự đọc sẽ khác nhau tùy thuộc vào phần mềm ghi đĩa.)



Thẻ ID3 Tag Phiên bản 2

Những hiện tượng sau đây sẽ xảy ra khi đọc tệp MP3 chứa thẻ ID3 phiên bản 2:

- Khi bỏ qua một phần của thẻ ID3 phiên bản 2 (phần đầu của tệp) sẽ không có âm thanh phát ra. Thời gian bỏ qua sẽ thay đổi tùy thuộc vào khả năng của thẻ ID3 phiên bản 2. Chẳng hạn: Ở 64 kbytes, thời gian bỏ qua sẽ khoảng 2 giây (với RealJukebox).
- Thời gian đã đọc đĩa được thể hiện khi bỏ qua một phần thẻ ID3 phiên bản 2 là không chính xác. Với các tệp MP3 có tốc độ bit khác 128 kbps, thời gian sẽ không đúng khi đọc đĩa.
- Khi tệp MP3 được tạo ra bằng phần mềm chuyển đổi MP3 (chẳng hạn RealJukebox - nhãn hiệu đã đăng ký của RealNetworks Inc), ID3 phiên bản 2 sẽ được ghi tự động.

Dò tìm MP3

Các tệp MP3 có thể được ghi trên đĩa CD bằng nhiều cách. Chúng có thể lưu trên thư mục gốc như đĩa CD âm thanh thông thường, hoặc chúng có thể được lưu trong các thư mục đại diện tên album, tên nghệ sĩ, tên thể loại.

Trình tự đọc đĩa CD có nhiều thư mục là đọc các tệp ở thư mục gốc trước tiên, sau đó là các tệp trong thư mục nằm trong thư mục gốc, sau đó chuyển sang thư mục thứ hai...

- Nhấn phím mũi tên lên hoặc xuống để vào danh sách tệp.
- Dò tìm trong cây thư mục sử dụng các phím mũi tên để chọn thư mục hay tệp khác.
- Nhấn OK để chọn tệp đã được tô đậm.

TÙY CHỌN HIỂN THỊ MP3

Ghi Chú: Với loại đầu đĩa loại 1, cần phải nhấn phím INFO nhiều lần để hiển thị tất cả thông tin về bài hát.

Khi đang mở đĩa MP3, một số thông tin được mã hóa trong mỗi bài hát có thể được hiển thị. Thông tin này thường bao gồm:

- Tên tệp
- Tên thư mục
- Thông tin ID3 (thường là thông tin về album hoặc tên nghệ sĩ)

Thường thì bộ đài sẽ hiển thị tên tệp đang được đọc. Để chọn hiển thị các thông tin khác:

- Nhấn phím INFO.

Các tùy chọn về hiển thị chữ trên bộ đài

Khi một đĩa tiếng với chữ CD đang được đọc, thông tin giới hạn được mã hóa trong mỗi bài hát sẽ được hiển thị. Thông tin này thường bao gồm:

- Tên đĩa
- Tên nghệ sĩ
- Tên bài hát

Các tùy chọn hiển thị này cũng được lựa chọn như với các màn hình MP3.

KẾT THÚC PHÁT LẠI

Để chuyển sang chế độ nghe radio:

- Nhấn phím RADIO.

Ghi Chú: Việc này sẽ không làm cho đĩa CD chạy ra, mà chỉ là tạm dừng đọc đĩa tại thời điểm bắt đầu chuyển sang nghe radio.

Để chuyển về nghe CD, nhấn phím CD một lần nữa.

Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)

Ghi Chú: Để có sự vận hành tối ưu khi sử dụng thiết bị nối qua cổng phụ AUX, bật âm lượng trên thiết bị ở mức lớn nhất. Qua đó sẽ giảm được sự nhiễu radio khi sạc thiết bị qua ổ cắm nguồn trên xe.

Việc nối qua cổng phụ (AUX IN) cho phép thiết bị nối ngoài, chẳng hạn máy nghe nhạc MP3, được kết nối với hệ thống âm thanh trên xe. Tín hiệu ra sẽ được phát trên các loa trên xe.

Để nối một thiết bị qua cổng phụ, cắm giắc âm thanh 3,5mm vào ổ AUX IN.

Chọn tín hiệu phụ bằng nút AUX hoặc MENU và âm thanh sẽ được phát ra trên loa xe. Từ LINE IN hoặc LINE IN ACTIVE sẽ xuất hiện trên màn hình của bộ đài. Có thể điều chỉnh âm lượng, âm cao (treble) và âm trầm (bass) trên bộ đài trên xe..

Các phím bấm trên bộ đài trên xe có thể được sử dụng để điều chỉnh bộ đài trong khi thiết bị nối qua ổ phụ vẫn được nối.

Chăm sóc hệ thống âm thanh

ĂNG TEN

Ăng ten radio được gắn trên nóc xe ở phía trên gương chiếu hậu bên trong. Nó được gắn cố định và không thể nâng lên hoặc hạ xuống, tuy nhiên bộ phận đó có thể tháo từ cụm cơ sở.

CHÚ Ý



Để ngăn ngừa hư hỏng, tháo nó trước khi rửa xe hoặc đi qua dưới độ cao thấp hơn độ cao của nó.

Sửa chữa hệ thống âm thanh

Màn hình của bộ đài	Tìm nguyên nhân
PLEASE CHECK CD	Báo lỗi CD chẳng hạn không đọc được đĩa hay sai loại đĩa. Đảm bảo đưa đĩa vào đúng mặt. Vệ sinh đĩa và thử lại, hoặc thay bằng đĩa nhạc thường vẫn nghe. Nếu lỗi vẫn còn hãy liên lạc với đại lý.
CD DRIVE MALFUNCTION	Báo lỗi CD chẳng hạn như lỗi do phần cơ khí.
CD DRIVE HIGH TEMP	Nếu nhiệt độ bên ngoài quá cao thì đầu đĩa có thể ngừng hoạt động cho đến khi nhiệt độ giảm xuống.
IPOD ERROR READING DEVICE	Báo lỗi với máy nghe nhạc iPod chẳng hạn không thể đọc dữ liệu. Chắc chắn là máy iPod đã được cắm đúng. Nếu lỗi vẫn còn, hãy liên lạc với đại lý.

Điện thoại

THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý

 Sử dụng hệ thống này trên xe khi tắt máy sẽ làm hết điện ắc quy.

Phần này sẽ mô tả các chức năng và đặc tính của hệ thống điện thoại di động Bluetooth rảnh tay.

Chức năng Bluetooth của hệ thống sẽ hỗ trợ sự tương tác giữa hệ thống âm thanh hoặc dẫn đường và điện thoại di động của bạn. Nó cho phép bạn sử dụng hệ thống âm thanh hoặc dẫn đường trên xe để gọi và nhận cuộc gọi mà không cần cầm điện thoại di động.

Sự tương thích của điện thoại

CHÚ Ý

 Vì chưa có thỏa thuận chung, nên các nhà sản xuất điện thoại có thể thực hiện nhiều thiết lập thiết bị Bluetooth khác nhau. Vì vậy có thể xảy ra sự không tương thích giữa điện thoại và hệ thống rảnh tay, và trong một số trường hợp có thể dẫn đến làm giảm chất lượng của hệ thống. Để tránh tình huống này, chỉ sử dụng các loại điện thoại được khuyến nghị.

Hãy vào trang web **www.ford-mobile-connectivity.com** để biết thêm chi tiết.

CÀI ĐẶT ĐIỆN THOẠI

Danh bạ

Sau khi khởi động, việc truy cập vào danh bạ sẽ bị chậm khoảng vài phút, tùy thuộc vào kích thước danh bạ.

Phân nhóm danh bạ

Phụ thuộc vào việc nhập danh bạ, các nhóm khác nhau sẽ được hiển thị trên bộ đài.

Ví dụ:

M	Di động
O	Cơ quan
H	Nhà
F	Fax

Ghi Chú: Các số điện thoại có thể được hiển thị mà không có thông tin phân nhóm.

Nhóm có thể được hiển thị với biểu tượng:



Điện thoại



Di động



Nhà



Cơ quan



Fax

Chuyển điện thoại thành điện thoại hoạt động

Khi sử dụng hệ thống lần đầu tiên, chưa có điện thoại nào được kết nối với hệ thống.

Điện thoại Bluetooth

Sau khi kết nối điện thoại Bluetooth với hệ thống, điện thoại này sẽ trở thành điện thoại hoạt động. Tham khảo menu điện thoại để biết thêm chi tiết.

Điện thoại

Lựa chọn điện thoại từ menu điện thoại hoạt động.

Bật chia khóa điện và bộ đài hoặc bộ dẫn đường một lần nữa, điện thoại hoạt động cuối cùng sẽ được chọn bởi hệ thống.

Ghi Chú: Trong một số trường hợp, kết nối Bluetooth cũng phải xác nhận trên điện thoại.

Kết nối điện thoại Bluetooth khác

Kết nối điện thoại Bluetooth mới theo các yêu cầu kết nối Bluetooth.

Các điện thoại được lưu trong hệ thống đều có thể truy cập được bằng cách sử dụng danh sách điện thoại trên bộ đài.

Ghi Chú: Có thể kết nối tối đa 6 thiết bị. Nếu đã có 6 thiết bị được kết nối, nếu muốn kết nối thiết bị mới thì cần phải ngắt kết nối một trong 6 thiết bị cũ.

CÀI ĐẶT BLUETOOTH

Trước khi có thể sử dụng điện thoại kết nối trên xe, điện thoại cần được kết nối với hệ thống điện thoại trên xe.

Cách sử dụng điện thoại

Có thể kết nối lên đến 6 thiết bị Bluetooth với hệ thống trên xe.

Ghi Chú: Nếu kết nối điện thoại đang có cuộc gọi dưới dạng điện thoại hoạt động, cuộc gọi sẽ được truyền lên hệ thống âm thanh của xe.

Ghi Chú: Kể cả khi đã được kết nối với hệ thống trên xe, điện thoại vẫn có thể được sử dụng theo cách thông thường.

Các yêu cầu về kết nối Bluetooth

Cần thực hiện các yêu cầu sau trước khi kết nối Bluetooth.

1. Chức năng Bluetooth trên điện thoại và trên bộ đài đều phải được bật lên. Đảm bảo tùy chọn Bluetooth trên bộ đài được đặt ở **ON**. Để cài đặt trên điện thoại xin tham khảo thêm hướng dẫn sử dụng điện thoại của bạn.
2. Trên menu Bluetooth trên điện thoại, tìm và chọn **Ford Audio**.
3. Nhập mã số ghi trên màn hình của xe bằng bàn phím điện thoại. Nếu mã số không xuất hiện trên màn hình, nhập số PIN Bluetooth 0000 bằng bàn phím điện thoại. Bây giờ hãy nhập số PIN Bluetooth có trên màn hình của xe.
4. Nếu điện thoại yêu cầu bạn cho kết nối tự động, chọn **YES**.

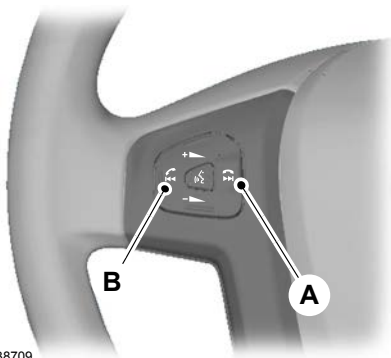
Ghi Chú: Cuộc gọi điện thoại sẽ bị ngắt nếu tắt bộ đài. Nếu vặn chìa khóa điện về vị trí OFF thì cuộc gọi điện thoại vẫn có thể tiếp tục.

Điện thoại

ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN THOẠI

Điều khiển từ xa

Phím nhận hoặc từ chối cuộc gọi



E138709

- A Từ chối cuộc gọi
- B Nhận cuộc gọi

Cuộc gọi đến có thể được chấp nhận bằng cách nhấn một lần nút trả lời cuộc gọi. Nhấn nút từ chối cuộc gọi để kết thúc cuộc gọi hoặc để từ chối cuộc gọi đến.

SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI

Ghi Chú: Bạn có thể thoát ra khỏi menu điện thoại bằng cách ấn bất kỳ phím nào trong số **CD**, **RADIO** hoặc **AUX**.

Ghi Chú: Khi được đề cập, việc sử dụng các phím tìm kiếm lên trên hoặc xuống dưới có thể được sử dụng cả trên vô lăng và trên bộ đài.

Chương này sẽ giới thiệu các chức năng điện thoại của bộ đài.

Cần có một điện thoại đang hoạt động được.

Điện thoại phải hoạt động được bình thường kể cả khi kết nối với bộ đài.

Thực hiện cuộc gọi

Quay số bằng điều khiển giọng nói

Các số điện thoại đều có thể được quay số thông qua điều khiển bằng giọng nói. Tham khảo **Các lệnh của điện thoại** (trang 227).

Quay số có trong danh bạ

Bạn có thể truy cập danh bạ điện thoại của bạn qua Bluetooth. Các mục để chọn sẽ xuất hiện trên màn hình của bộ đài.

1. Nhấn phím **PHONE**.
2. Nhấn các phím mũi tên lên/xuống cho đến khi **PHONEBOOK** hiện ra.
3. Nhấn phím **OK**.

Ghi Chú: Bạn cũng có thể sử dụng bàn phím điện thoại để chọn chữ cái đầu của mục mà bạn đang tìm kiếm. Bấm phím có chữ cái cần chọn, bấm lặp lại nhiều lần phím này cho đến khi chữ cái yêu cầu được hiển thị.

4. Nhấn các phím mũi tên lên/xuống để chọn số điện thoại mong muốn.

Ghi Chú: Nhấn và giữ các phím mũi tên lên/xuống để tìm kiếm số phía trước hoặc phía sau trong danh bạ điện thoại.

5. Nhấn phím **OK** để quay số được chọn.

Quay số sử dụng bàn phím điện thoại.

Nếu bộ đài của bạn có bàn phím điện thoại (phím 0-9, * và #).

1. Nhấn phím **PHONE**.
2. Nhấn phím mũi tên lên/xuống cho đến khi chữ **DIAL NUMBER** xuất hiện.
3. Nhấn phím **OK**.
4. Quay số bằng cách sử dụng bàn phím trên bộ đài.
5. Nhấn phím **OK**.

Điện thoại

Ghi Chú: Khi nhập số điện thoại nếu bạn nhập một ký tự sai, nhấn phím chức năng 3 để xóa ký tự đó. Nếu nhấn phím OK lâu, toàn bộ số đang nhập sẽ bị xóa.

Nhấn và giữ 0 để nhập ký tự +.

Kết thúc cuộc gọi

Các cuộc gọi có thể bị kết thúc bởi:

- Nhấn phím "reject call".
- Nhấn phím **OK**.
- Nhấn phím chức năng 4.

Quay lại một số

1. Nhấn phím **PHONE** hoặc phím trả lời cuộc gọi.
2. Nhấn các phím mũi tên lên/xuống cho đến khi **CALL LISTS** được hiển thị.
3. Nhấn phím **OK**.

Ghi Chú: Nếu điện thoại không có danh sách cuộc gọi đi, số vừa gọi trước đó sẽ được quay lại.

4. Nhấn các phím lên/xuống để chọn danh sách cuộc gọi mong muốn.
5. Nhấn phím **OK**.
6. Nhấn phím lên/xuống để chọn số điện thoại mong muốn.
7. Nhấn phím **OK**.

Gọi lại số đã gọi trước đó.

1. Nhấn phím **PHONE** hoặc phím trả lời cuộc gọi.
2. Nhấn các phím mũi tên lên/xuống cho đến khi **REDIAL** được hiển thị.
3. Nhấn phím **OK**.

Nhận cuộc gọi đến.

Chấp nhận cuộc gọi đến

Các cuộc gọi đến có thể được chấp nhận bằng cách nhấn phím trả lời cuộc gọi, hoặc bằng cách nhấn phím **OK**.

Từ chối cuộc gọi đến.

Từ chối cuộc gọi đến bằng cách sau:

- Nhấn phím từ chối cuộc gọi, hoặc
- Nhấn phím mũi tên xuống để chọn **REJECT** và sau đó nhấn phím **OK**.

Nhận cuộc gọi đến thứ hai

Ghi Chú: Chức năng cuộc gọi đến thứ hai trên máy điện thoại cần được bật.

Nếu có một cuộc gọi đến trong khi đang thực hiện cuộc gọi khác, sẽ xuất hiện tiếng bíp và bạn có thể chọn kết thúc cuộc gọi đang thực hiện và chấp nhận cuộc gọi đến.

Chấp nhận cuộc gọi đến thứ hai

Ghi Chú: Cuộc gọi đến thứ nhất sẽ bị ngắt và thay thế bằng cuộc gọi đến thứ hai..

Chấp nhận cuộc gọi đến thứ hai bằng cách nhấn phím trả lời cuộc gọi trên bánh lái, phím **PHONE**, hoặc nhấn phím **OK** trên bộ đài.

Từ chối cuộc gọi đến thứ hai.

Từ chối nhận cuộc gọi đến thứ hai bằng cách:

- Nhấn phím "reject call".
- Nhấn phím mũi tên xuống để chọn **REJECT** và sau đó nhấn phím **OK**.
- Nhấn phím chức năng 4.

Tắt tiếng micro

Ghi Chú: Có thể tắt tiếng micro trong khi đang thực hiện cuộc gọi. Khi bị tắt tiếng, dòng chữ xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình..

Nhấn phím chức năng 1. Nhấn phím này một lần nữa để tắt chức năng này.

Thay đổi điện thoại

Ghi Chú: Điện thoại cần được kết nối với hệ thống để có thể hoạt động được trên hệ thống.

Điện thoại

Ghi Chú: Sau khi kết nối với hệ thống, điện thoại có thể sử dụng được với hệ thống trên xe.

1. Nhấn phím **PHONE**.
2. Nhấn các phím lên/xuống cho đến khi chữ **SELECT PHONE** xuất hiện trên màn hình.
3. Nhấn phím **OK**.
4. Di chuyển giữa các điện thoại đã lưu bằng cách sử dụng các phím lên/xuống để hiển thị các điện thoại đã được kết nối.
5. Nhấn phím **OK** để chọn điện thoại hiện đang kết nối.

Ngắt kết nối với điện thoại

Điện thoại đã được kết nối có thể bị xóa khỏi hệ thống bất kỳ lúc nào, trừ khi đang thực hiện cuộc gọi.

1. Nhấn phím **PHONE**.
2. Nhấn các phím lên/xuống cho đến khi chữ **SELECT PHONE** xuất hiện trên màn hình.
3. Nhấn phím **OK**.
4. Nhấn các phím lên/xuống để đánh dấu làm sáng điện thoại được yêu cầu.
5. Nhấn phím chức năng 1.

Điều khiển bằng giọng nói

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CHÚ Ý



Sử dụng hệ thống này trên xe khi động cơ tắt sẽ dẫn đến hết điện ắc quy.

Nhận diện bằng giọng nói cho phép vận hành xe mà không gây ra sự mất tập trung khi thực hiện các điều chỉnh hay nhận các phản hồi từ hệ thống.

Bất kỳ khi nào bạn đưa ra một lệnh mà đã được định nghĩa bởi hệ thống đang hoạt động, hệ thống nhận biết giọng nói sẽ chuyển lệnh của bạn thành tín hiệu điều khiển đến hệ thống. Thông tin bạn đưa vào dưới dạng hội thoại hoặc lệnh. Bạn sẽ được hướng dẫn thực hiện các hội thoại này bằng các thông báo hoặc câu hỏi.

Hãy làm quen với các chức năng của hệ thống trước khi sử dụng nhận dạng bằng giọng nói.

Các lệnh được hỗ trợ

Hệ thống điều khiển bằng giọng nói cho phép bạn điều khiển các chức năng sau của xe:

- điện thoại Bluetooth
- radio
- đầu đĩa CD
- thiết bị nối ngoài (USB)
- thiết bị nối ngoài (iPod)
- thiết bị nối ngoài (Line in)
- thiết bị nối ngoài (Bluetooth)
- điều khiển điều hòa tự động

Phản hồi hệ thống

Khi bạn thực hiện việc giao tiếp điều khiển bằng giọng nói, hệ thống sẽ nhắc bạn bằng tiếng bíp mỗi lần hệ thống sẵn sàng tiến hành.

Không nên đưa ra lệnh khi chưa nghe tiếng bíp. Hệ thống điều khiển bằng giọng nói sẽ nhắc lại các lệnh đã được đưa ra.

Nếu bạn không biết chắc chắn tiếp tục như thế nào, hãy nói "HELP" để được giúp đỡ hay nói "CANCEL" nếu bạn không muốn tiếp tục.

Chức năng "HELP" chỉ cung cấp một vài lệnh bằng giọng nói sẵn có. Giải thích chi tiết các lệnh bằng giọng nói có ở phần sau.

Các lệnh bằng giọng nói

Tất cả các lệnh bằng giọng nói cần được thực hiện bằng giọng tự nhiên, như thể bạn đang nói với khách trên xe hay nói chuyện điện thoại. Âm lượng giọng nói của bạn phải tùy thuộc vào tiếng ồn trong hoặc ngoài xe, nhưng bạn không cần hét lên.

SỬ DỤNG CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Vận hành hệ thống

Thứ tự và nội dung của việc điều khiển bằng giọng nói được đưa ra trong danh sách sau. Các bảng sau thể hiện trình tự thực hiện các lệnh bằng giọng nói được đưa ra bởi người sử dụng và phản hồi tương ứng của hệ thống cho mỗi chức năng.

<> chỉ ra số hoặc thẻ tên đã được lưu để được đưa vào bởi người dùng.

Các đường dẫn tắt

Có một số lệnh bằng giọng nói tắt cho phép bạn điều khiển một số chức năng mà không phải thực hiện theo menu lệnh đầy đủ. Đó là:

- điện thoại: "MOBILE NAME", "DIAL NUMBER", "DIAL NAME", và "REDIAL"
- đầu đĩa CD/bộ chuyển đổi CD: "DISC" và "TRACK"

Điều khiển bằng giọng nói

- điều khiển điều hòa tự động: "TEMPERATURE", "AUTO MODE", "DEFROSTING/DEMISTING ON" và "DEFROSTING/DEMISTING OFF"
- radio: "TUNE NAME"
- thiết bị nối ngoài (USB): "TRACK"
- thiết bị nối ngoài (iPod): "TRACK"

Bắt đầu giao tiếp với hệ thống

Trước khi bạn bắt đầu nói với hệ thống, bạn cần nhấn phím **VOICE** cho mỗi hoạt động và chờ đến khi hệ thống trả lời bằng tiếng bíp. Tham khảo **Điều khiển bằng giọng nói** (trang 37).

Nhấn phím này một lần nữa để hủy bỏ chế độ điều khiển bằng giọng nói.

Thẻ tên

Chức năng thẻ tên có thể hỗ trợ các chức năng điện thoại, âm thanh và dẫn đường bằng cách sử dụng chức năng "STORE NAME". Bạn có thể gán thẻ tên cho các đối tượng như đài phát thanh yêu thích hay các số liên lạc thường dùng. Tham khảo **Các lệnh điều khiển dàn âm thanh** (trang 219). Tham khảo **Các lệnh của điện thoại** (trang 227).

- Có thể lưu đến 20 thẻ tên cho mỗi chức năng.
- Thời gian ghi âm mỗi thẻ tên khoảng 2-3 giây.

CÁC LỆNH ĐIỀU KHIỂN DÀN ÂM THANH

đầu đĩa CD

Bạn có thể điều khiển việc đọc đĩa trực tiếp bằng giọng nói.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung dưới đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp menu lệnh đầy đủ dưới dạng các ví dụ minh họa.

"CD PLAYER"
"HELP"
"PLAY"
"TRACK"
"SHUFFLE ALL"
"SHUFFLE FOLDER"***
"SHUFFLE OFF"
"REPEAT FOLDER"***

Điều khiển bằng giọng nói

"CD PLAYER"
"REPEAT TRACK"
"REPEAT OFF"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

** Chỉ chạy được các đĩa CD chứa các nhạc có định dạng MP3 hoặc WMA.

Bài hát

Bạn có thể lựa chọn trực tiếp bài hát trên đĩa CD của bạn.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CD PLAYER"	"CD PLAYER"
2	"TRACK"	"TRACK NUMBER PLEASE"
3	"<a number between 1 and 99>"**	"TRACK <number>"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

** Ngoài ra, các số có thể chứa dấu chấm thập phân (chẳng hạn "2", "4", "5" cho bài hát số 245)

Xáo tắt cả các bài hát

Cài chế độ phát lại ngẫu nhiên.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CD PLAYER"	"CD PLAYER"
2	"SHUFFLE ALL"	

Radio

Các lệnh điều khiển radio bằng giọng nói hỗ trợ hoạt động của radio và cho phép bạn dò đài phát bằng giọng nói.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung dưới đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp thông tin đầy đủ về menu lệnh.

Điều khiển bằng giọng nói

"RADIO"
"HELP"
"AM"
"FM"
"TUNE NAME"*
"DELETE NAME"
"DELETE DIRECTORY"
"PLAY DIRECTORY"
"STORE NAME"
"PLAY"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Dò tần số

Chức năng này cho phép bạn dò các kênh đài bằng giọng nói.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"AM"	"AM FREQUENCY PLEASE"
	"FM"	"FM FREQUENCY PLEASE"
3	"<frequency>"*	"TUNE <frequency>"

* Có thể nhập tần số bằng nhiều cách. Phần dưới đây là các ví dụ minh họa.

Băng tần FM: trong khoảng 87.5 - 108.0 với bước nhảy là 0.1

- "Eighty nine point nine" (89.9)
- "Ninety" (90.0)
- "One hundred point five" (100.5)
- "One zero one point one" (101.1)
- "One zero eight" (108.0)

Băng tần AM/MW: trong dải 531 - 1602 với bước nhảy là 9

Băng tần AM/LW: trong khoảng 153 - 281 với bước nhảy là 1

- "Five thirty one" (531)
- "Nine hundred" (900)
- "Fourteen forty" (1440)

Điều khiển bằng giọng nói

- "Fifteen zero three" (1503)
- "Ten eighty" (1080)

Lưu tên

Nếu bạn đã dò được một kênh đài, bạn có thể lưu nó với một tên trong thư mục.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"STORE NAME"	"STORE NAME" "NAME PLEASE"
3	"<name>"	"REPEAT NAME PLEASE"
4	"<name>"	"STORING NAME" "<name> STORED"

Dò tên

Chức năng này cho phép bạn gọi ra một kênh đài phát thanh đã được lưu.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"TUNE NAME"*	"NAME PLEASE"
3	"<name>"	"TUNE <name>"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Xóa tên

Chức năng này cho phép bạn xóa kênh đài phát thanh đã được lưu.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"DELETE NAME"	"NAME PLEASE"
3	"<name>"	"DELETE <name>" "CONFIRM YES OR NO"
4	"YES"	"DELETED"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

Điều khiển bằng giọng nói

Phát toàn bộ thư mục

Chức năng này cho phép bạn yêu cầu hệ

thông đọc ra toàn bộ các kênh đài phát đã được lưu.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"PLAY DIRECTORY"	"PLAY <DIRECTORY>"

Xóa thư mục

Chức năng này cho bạn xóa toàn bộ các kênh đài phát đã được lưu cùng một lúc.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"DELETE DIRECTORY"	"DELETE DIRECTORY" "CONFIRM YES OR NO"
3	"YES"	"RADIO DIRECTORY DELETED"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

Bật đài

Chức năng này chuyển nguồn âm thanh sang chế độ radio.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"RADIO"	"RADIO"
2	"PLAY"	

Đầu vào AUX

Chức năng này cho phép bạn chuyển nguồn âm thanh sang thiết bị nối qua jack AUX.

Điều khiển bằng giọng nói

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"EXTERNAL DEVICE"	"EXTERNAL DEVICE"
2	"LINE IN"	"LINE IN"

Thiết bị nối ngoài - qua cổng USB

Các lệnh bằng giọng nói này hỗ trợ hoạt động của thiết bị nối ngoài qua cổng USB kết nối với bộ đài.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung dưới đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp menu lệnh đầy đủ dưới dạng các ví dụ minh họa.

"EXTERNAL DEVICE", "USB"
"HELP"
"PLAY"
"TRACK"*
"PLAYLIST"***
"FOLDER"***
"SHUFFLE ALL"
"SHUFFLE FOLDER"
"SHUFFLE PLAYLIST"
"SHUFFLE OFF"
"REPEAT TRACK"
"REPEAT FOLDER"
"REPEAT OFF"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

** Các danh sách nhạc và thư mục được kích hoạt bằng việc điều khiển bằng giọng nói đều phải được gán các tên tệp đặc biệt.

Độc ổ USB

Chức năng này cho phép bạn chuyển nguồn âm thanh sang thiết bị USB đã được cắm.

Điều khiển bằng giọng nói

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"EXTERNAL DEVICE"	"EXTERNAL DEVICE"
2	"USB"	"USB"
3	"PLAY"	

Bài hát trên USB

Bạn có thể trực tiếp chọn một bài hát từ thiết bị USB.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"EXTERNAL DEVICE"	"EXTERNAL DEVICE"
2	"USB"	"USB"
3	"TRACK"	"TRACK NUMBER PLEASE"
4	"<a number between 1 and 99>"**	"TRACK <number>"

* Ngoài ra, các số có thể chứa đến bốn ký tự (chẳng hạn "2", "4", "5" để chọn bài hát 245)

Thiết bị nối ngoài - iPod

Các lệnh bằng giọng nói này hỗ trợ hoạt động của máy nghe nhạc iPod được nối với bộ đài.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung dưới đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp menu lệnh đầy đủ dưới dạng các ví dụ minh họa.

"EXTERNAL DEVICE", "IPOD"
"HELP"
"PLAY"
"TRACK"
"PLAYLIST"**
"SHUFFLE ALL"
"SHUFFLE PLAYLIST"
"SHUFFLE OFF"

Điều khiển bằng giọng nói

"EXTERNAL DEVICE", "IPOD"
"REPEAT TRACK"
"REPEAT OFF"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

** Các danh sách nhạc đã được kích hoạt thông qua việc điều khiển bằng giọng nói phải được gán các tên tệp đặc biệt.

Bài hát trên iPod

Bạn có thể chọn trực tiếp một bài hát từ danh sách các tiêu đề trên iPod.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"EXTERNAL DEVICE"	"EXTERNAL DEVICE"
2	"IPOD"	"IPOD"
3	"TRACK"	"TRACK NUMBER PLEASE"
4	"<a number between 1 and 99>"	"TRACK <number>"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

** Ngoài ra, các số có thể chứa đến năm ký tự (chẳng hạn "5", "2", "4", "5", "3" để chọn bài hát số 52453), và giới hạn lớn nhất 65535.

Danh sách nhạc iPod

Bạn có thể trực tiếp chọn danh sách nhạc từ máy nghe nhạc iPod.

Điều khiển bằng giọng nói

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"EXTERNAL DEVICE"	"EXTERNAL DEVICE"
2	"IPOD"	"IPOD"
3	"PLAYLIST"*	"PLAYLIST NUMBER PLEASE"
4	"<a number between 1 and 10>"	"PLAYLIST <number>"

* Các danh sách nhạc đã được kích hoạt bằng việc điều khiển giọng nói phải được gán tên tệp đặc biệt.

Thiết bị nối ngoài - Bluetooth

Các lệnh bằng giọng nói này hỗ trợ chức năng Bluetooth® được kết nối với bộ đài.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung dưới đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp menu lệnh đầy đủ dưới dạng các ví dụ minh họa.

"EXTERNAL DEVICE", "BLUETOOTH"
"HELP"
"PLAY"
"SHUFFLE ALL"
"SHUFFLE OFF"
"REPEAT TRACK"
"REPEAT OFF"

CÁC LỆNH CỦA ĐIỆN THOẠI

Điện thoại

Hệ thống điện thoại trên xe cho phép bạn tạo một danh bạ điện thoại mới. Có thể quay số đến các số trong danh bạ này thông qua điều khiển bằng giọng nói. Các số điện thoại được lưu thông qua điều khiển bằng giọng nói sẽ được lưu vào hệ thống trên xe mà không lưu vào điện thoại.

Giới thiệu chung

Phần giới thiệu chung dưới đây thể hiện các lệnh điều khiển bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây thể hiện thêm thông tin về menu lệnh hoàn chỉnh dưới dạng một ví dụ.

Điều khiển bằng giọng nói

"PHONE"
"HELP"
"MOBILE NAME"*
"DIAL NUMBER"*
"DIAL NAME"*
"DELETE NAME"
"DELETE DIRECTORY"
"PLAY DIRECTORY"
"STORE NAME"
"REDIAL"
"ACCEPT CALLS"
"REJECT CALLS"

* Có thể sử dụng như một đường dẫn tắt.

Các chức năng điện thoại

Quay số

Có thể quay số sau khi đưa ra lệnh bằng giọng nói dưới dạng thẻ tên.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"DIAL NUMBER"*	"NUMBER PLEASE"
3	"<phone number>"	"<phone number> CONTINUE?"
4	"DIAL"	"DIALLING"
	"CORRECTION"	"<repeat last part of number> CONTINUE?"

* Có thể sử dụng như một đường dẫn tắt.

Điều khiển bằng giọng nói

Quay số

Có thể quay số sau khi đưa ra lệnh bằng giọng nói dạng thẻ tên.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"DIAL NAME"*	"NAME PLEASE"
3	"<name>"	"DIAL <name>" "CONFIRM YES OR NO"
4	"YES"	"DIALLING"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

* Có thể sử dụng dưới dạng đường dẫn tắt.

Quay số lặp lại

Chức năng này cho phép bạn quay lại số đã gọi ngay trước đó.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"REDIAL"	"REDIAL" "CONFIRM YES OR NO"
3	"YES"	"DIALLING"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

* Có thể sử dụng như một đường dẫn tắt.

Tên điện thoại di động

Chức năng này cho phép bạn truy nhập số điện thoại đã lưu cùng với thẻ tên trong điện thoại.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"MOBILE NAME"*	"MOBILE NAME" "<phone dependent dialogue>"

* Có thể sử dụng như một đường dẫn tắt.

Điều khiển bằng giọng nói

DTMF (Quay số âm thanh)

Chức năng này cho phép chuyển các số được đọc thành các âm DTMF. Chẳng hạn để điều khiển từ xa máy trả lời tự động ở nhà bạn hoặc để nhập mã PIN...

Ghi Chú: DTMF chỉ có thể được sử dụng khi đang có cuộc gọi. Nhấn nút VOICE và đợi hệ thống trả lời.

Chỉ thực hiện được tính năng trên khi xe có nút bấm VOICE riêng.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1		"NUMBER PLEASE"
2	"<numbers 1 to 9, zero, hash, star>"	

Tạo danh bạ

Lưu tên

Các tên mới có thể được lưu bằng cách sử dụng lệnh "STORE NAME". Chức năng này có thể được sử dụng để quay số bằng cách gọi ra tên thay cho việc nhập số điện thoại đầy đủ.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"STORE NAME"	"STORE NAME" "NAME PLEASE"
3	"<name>"	"REPEAT NAME PLEASE"
4	"<name>"	"STORING NAME" "<name> STORED" "NUMBER PLEASE"
5	"<phone number>"	"<phone number>"
6	"STORE"	"STORING NUMBER" "<phone number>" "NUMBER STORED"

Xóa tên

Có thể xóa các tên đã được lưu trong danh bạ.

Điều khiển bằng giọng nói

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"DELETE NAME"	"NAME PLEASE"
3	"<name>"	"DELETE <name>" "CONFIRM YES OR NO"
4	"YES"	"<name> DELETED"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

Đọc danh bạ

Sử dụng chức năng này cho phép hệ thống đọc ra tất cả tên đã được lưu.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"PLAY DIRECTORY"	"PLAY DIRECTORY"

Xóa danh bạ

Chức năng này cho phép bạn xóa toàn bộ tên trong một lần.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"DELETE DIRECTORY"	"DELETE DIRECTORY" "CONFIRM YES OR NO"
3	"YES"	"DIRECTORY DELETED"
	"NO"	"COMMAND CANCELLED"

Thiết lập chính

Từ chối cuộc gọi

Các cuộc gọi có thể được từ chối một cách tự động bằng cách sử dụng điều khiển bằng giọng nói.

Điều khiển bằng giọng nói

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"PHONE"	"PHONE"
2	"REJECT CALLS"	"REJECT CALLS"
	"ACCEPT CALLS"*	"ACCEPT CALLS"

* sử dụng lệnh này để tắt chế độ chờ cuộc gọi

LỆNH ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Điều hòa không khí

Các lệnh bằng giọng nói điều hòa không khí hỗ trợ các chức năng như thay đổi tốc độ quạt gió, nhiệt độ và cài đặt các chế độ khác nhau. Không phải xe nào cũng có đầy đủ các chức năng này.

Tổng quan chung

Phần tổng quan chung sau đây giới thiệu các lệnh bằng giọng nói sẵn có. Danh sách sau đây sẽ cung cấp thêm thông tin về danh mục lệnh đầy đủ dưới dạng các ví dụ minh họa.

"CLIMATE"
"HELP"
"FAN"*
"DEFROSTING/DEMISTING ON"*
"DEFROSTING/DEMISTING OFF"*
"TEMPERATURE"
"AUTO MODE"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Quạt gió

Chức năng này cho phép bạn điều chỉnh tốc độ quạt gió.

ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CLIMATE"	"CLIMATE"
2	"FAN"	"FAN SPEED PLEASE"
3	"MINIMUM"	"FAN MINIMUM"
	"<a number between 1 and 7>"	"FAN <number>"
	"MAXIMUM"	"FAN MAXIMUM"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Chồng động sương

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CLIMATE"	"CLIMATE"
2	"DEFROSTING ON/DEMISTING ON"	"DEFROSTING ON/DEMISTING ON"
	"DEFROSTING OFF/DEMISTING OFF"	"DEFROSTING OFF/DEMISTING OFF"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Nhiệt độ

Chức năng này cho phép bạn điều chỉnh nhiệt độ.

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CLIMATE"	"CLIMATE"
2	"TEMPERATURE"	"TEMPERATURE PLEASE"
3	"MINIMUM"	"TEMPERATURE MINIMUM"
	"<a number between 15 and 29 °C with 0.5 increments>" or "<a number between 59 and 84 °F>"	"TEMPERATURE <number>"
	"MAXIMUM"	"TEMPERATURE MAXIMUM"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt.

Điều khiển bằng giọng nói

Chế độ tự động

Các bước	Người dùng nói	Hệ thống trả lời
1	"CLIMATE"	"CLIMATE"
2	"AUTO MODE"	"AUTO MODE"

* Có thể sử dụng dưới dạng một đường dẫn tắt. Có thể tắt chế độ tự động bằng cách chọn nhiệt độ hoặc tốc độ quạt gió khác nhau.

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CHÚ Ý

-  Cần cẩn thận khi sử dụng các thiết bị nối ngoài có giắc nguồn lộ ra ngoài (chẳng hạn giắc cắm USB). Cần thường xuyên thay thế nắp/tấm bảo vệ khi có thể. Vì có nguy cơ phóng tĩnh điện gây hư hỏng thiết bị.
-  Không chạm hay thao tác ổ cắm USB trên xe. Đẩy ổ cắm USB khi không sử dụng.
-  Chỉ sử dụng các thiết bị tương thích với thiết bị lưu trữ USB.
-  Cần phải chuyển bộ đài sang chế độ khác (chẳng hạn chế độ radio) trước khi tháo thiết bị USB.
-  Không lắp đầu chia USB.

Ghi Chú: Hệ thống chỉ được thiết kế để nhận biết và đọc các tệp âm thanh thích hợp từ thiết bị USB tương thích thiết bị lưu trữ USB hay từ máy iPod. Không phải tất cả thiết bị USB đều đảm bảo tương thích với hệ thống trên xe.

Ghi Chú: Có thể nối thiết bị tương thích qua giắc cắm USB nối dài hoặc cắm trực tiếp (chẳng hạn thẻ nhớ hay ổ đĩa dạng bút).

Ghi Chú: Một số thiết bị USB với suất tiêu thụ điện lớn hơn có thể không tương thích sử dụng trên xe (chẳng hạn ổ đĩa cứng).

Ghi Chú: Thời gian truy cập để đọc các tệp từ thiết bị nối ngoài có thể khác nhau tùy thuộc định dạng, kích thước tệp và dung lượng thiết bị nhớ.

Hệ thống hỗ trợ nhiều thiết bị nối ngoài để tích hợp hoàn toàn với bộ đài qua cổng USB và cổng Auxiliary. Khi đã được kết nối, việc điều khiển thiết bị nối ngoài có thể được thực hiện thông qua bộ đài.

Danh sách các thiết bị tương thích thông dụng được thể hiện dưới đây:

- USB
- Ổ cứng nối qua cổng USB
- Máy nghe nhạc MP3 nối qua cổng USB
- Máy nghe nhạc iPod (tham khảo **www.ford-mobile-connectivity.com** để có thông tin về tương thích).

Hệ thống tương thích tốc độ cao với chuẩn USB 2.0, tương thích chuẩn USB 1.1 và hỗ trợ hệ thống tệp FAT 16/32.

Thông tin về định dạng tệp âm thanh cho các thiết bị nối ngoài

USB

Chỉ tạo ra một ngăn chứa trong thiết bị USB.

Chúng tôi khuyên bạn nên để file MP3 vào một thư mục.

Nếu một danh sách chương trình được tạo ra, chúng phải chứa đường dẫn đúng đến thiết bị USB. Chúng tôi khuyên nghị việc tạo danh sách chương trình sau khi các tệp âm thanh đã được chuyển đến thiết bị USB.

Danh sách chương trình phải được tạo ra với định dạng .m3u.

Các tệp âm thanh phải có định dạng là .mp3.

Không được vượt quá các giới hạn sau đây:

- 1000 tệp, thư mục con, hoặc danh sách chương trình chứa trong một thư mục
- 5000 thư mục trong một thiết bị USB (bao gồm cả danh sách chương trình)
- 8 mức thư mục con.

Kết nối

Để có thể điều khiển bằng giọng nói với các danh sách chương trình và thư mục, thực hiện theo quy trình sau đây:

- Tạo các thư mục với tên có cấu trúc **"Ford<*>"** trong đó <*> là các số từ 1-10. Chẳng hạn **"Ford3"** mà không cần đuôi định dạng tệp.
- Tạo các danh sách chương trình với tên có cấu trúc **"Ford<*>.m3u"** trong đó <*> là các số từ 1-10. Chẳng hạn **"Ford5.m3u"** và không có khoảng cách giữa chữ **"Ford"** và chữ số

Từ lúc này, các thư mục và danh sách, chương trình của người dùng sẽ có thể được chọn bằng điều khiển bằng giọng nói. Tham khảo **Các lệnh điều khiển dàn âm thanh** (trang 219).

iPod

Để có thể điều khiển danh sách chương trình của người dùng bằng giọng nói, tạo danh sách chương trình với cấu trúc **"Ford<*>"** trong đó <*> là các số từ 1-10. Chẳng hạn **"Ford7"** và không có khoảng cách giữa chữ **"Ford"** và chữ số.

Từ lúc này, có thể chọn các danh sách chương trình bằng giọng nói. Tham khảo **Các lệnh điều khiển dàn âm thanh** (trang 219).

NỘI THIẾT BỊ NGOẠI VI

CẢNH BÁO



Cần chắc chắn thiết bị nối ngoài được lắp chắc chắn trên xe, và các dây nối ngoài không được làm ảnh hưởng đến thao tác lái xe.

Các thiết bị nối ngoài có thể kết nối thông qua cổng Auxiliary và cổng USB. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 83). Tham khảo **Cổng USB** (trang 83).

Kết nối

Cắm thiết bị vào, và nếu cần thiết phải bắt chặt thiết bị để tránh bị xô dịch khi xe chạy.

Kết nối máy iPod

Nối dây nối USB từ iPod đến cổng USB trên xe.

NỘI THIẾT BỊ NGOẠI VI

Kết nối thiết bị âm thanh Bluetooth

CHÚ Ý



Vì tồn tại nhiều tiêu chuẩn khác nhau, các nhà sản xuất có thể triển khai một loạt các cấu hình trong các thiết bị Bluetooth của mình. Do đó, sự không tương thích có thể xảy ra giữa thiết bị Bluetooth và hệ thống, mà trong một số trường hợp, có thể giới hạn các chức năng hệ thống. Để tránh tình trạng này, chỉ nên sử dụng những thiết bị được khuyến nghị sử dụng.

Truy cập trang web **www.ford-mobile-connectivity.com** để biết thêm chi tiết.

Liên kết thiết bị

Ghi Chú: Một số bộ đài và thiết bị định hướng có menu âm thanh Bluetooth riêng biệt. *Sử dụng thư mục này để truy cập vào mục cài đặt và điều khiển.*

Để kết nối thiết bị với hệ thống, làm theo quy trình giống như các điện thoại rảnh tay Bluetooth. Tham khảo **Cài đặt Bluetooth** (trang 214).

Kích hoạt thiết bị

Lựa chọn nguồn âm thanh qua Bluetooth là nguồn hoạt động.

Các bản nhạc có thể được truy cập bằng cách chuyển đèn phía trước hoặc phía sau bằng cách sử dụng bảng điều khiển trên vô lăng, hoặc trực tiếp từ bảng điều khiển trên đài.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Các biểu tượng khác nhau được sử dụng để nhận biết loại tệp, thư mục âm thanh...



Thiết bị USB là nguồn hoạt động



Thư mục



Danh sách nhạc



Album



Nghệ sỹ



Tên tệp



Tên bài hát



Không có thông tin

USB

Hoạt động

Chọn thiết bị USB là nguồn âm thanh bằng cách ấn liên tục **CD/AUX** nút cho đến khi USB xuất hiện trên màn hình hiển thị. Sau lần kết nối thứ nhất với thiết bị USB, bài hát đầu tiên trong thư mục đầu tiên sẽ bắt đầu chạy một cách tự động. Sau đó, sau khi chuyển nguồn âm thanh, vị trí phát lại trên thiết bị USB sẽ được ghi nhớ.

Để tìm kiếm các nội dung của thiết bị, ấn phím mũi tên lên/xuống hoặc ấn nút OK một lần.

Màn hình sẽ hiển thị thông tin về bài hát cùng với các thông tin quan trọng khác dưới đây:

- Một thanh cuộn thẳng đứng bên phải màn hình thể hiện vị trí hiện tại của hình thư mục.
- Dấu ">" đứng sau một mục nhập thể hiện rằng có thể đọc được mức thấp hơn (chẳng hạn như một thư mục được đặt tên theo album với các bài hát của album nằm trong thư mục đó).
- Dấu "<" đứng phía trước danh sách thể hiện rằng có thể đọc lên mức cao hơn.
- Các biểu tượng bên trái tên bài hát/thư mục thể hiện loại tệp/thư mục. Tham khảo danh mục giải thích các biểu tượng này.

Để tìm kiếm nội dung thiết bị USB, sử dụng các phím mũi tên lên/xuống để cuộn qua các danh sách, và sử dụng các phím mũi tên trái/phải để di chuyển lên hay xuống theo trật tự thư mục. Khi bài hát, danh sách nhạc hoặc thư mục bạn muốn được làm nổi bật, ấn nút OK để phát.

Ghi Chú: Nếu bạn muốn chuyển lên mức cao nhất trong các nội dung của thiết bị USB, ấn và giữ phím mũi tên sang trái.

Điều chỉnh âm thanh

Ấn các phím mũi trên sang trái và phải để chuyển sang các bài hát phía sau và phía trước.

Ấn và giữ các phím mũi trên sang trái/phải để có thể tua nhanh lại/tua nhanh đi nội dung bài hát.

Ấn các phím mũi trên lên/xuống hoặc nút OK để tìm kiếm các nội dung của thiết bị.

Ấn phím MENU để nhập thư mục USB. Có thể thực hiện chức năng trộn và lặp lại bài hát ở đây đối với các thư mục và các danh sách bài hát.

Ấn nút SCAN để quét toàn bộ thiết bị, thư mục hiện tại hay một danh sách bài hát nếu nó đang hoạt động.

Ấn nút **INFO** để hiển thị những nội dung sau:

- tên tệp
- tiêu đề
- nghệ sỹ
- album
- số thự tự bài hát và thời gian phát bài hát.

Tiếp tục ấn nút sẽ cuộn qua các nội dung hiển thị này.

Các bộ phận điều hướng SD

Hoạt động

Chọn thiết bị USB là nguồn âm thanh bằng cách ấn nút **CD/AUX** cho đến khi nút USB xuất hiện phía bên trái của màn hình hiển thị. Chọn USB từ danh mục thiết bị sẵn có.

Ghi Chú: Một số thiết bị có thể được thể hiện nhưng không thể được lựa chọn, tùy thuộc vào việc liệu thiết bị có được kết nối hay không.

Sau lần kết nối đầu tiên với thiết bị USB, bài hát đầu tiên trong thư mục đầu tiên sẽ bắt đầu được phát một cách tự động. Sau đó, sau khi chuyển nguồn âm thanh, vị trí phát lại trên thiết bị USB sẽ được ghi nhớ.

Để tìm kiếm các nội dung của thiết bị, ấn nút cuộn lên hoặc xuống.

Màn hình sẽ thể hiện thông tin về bài hát cùng với các thông tin quan trọng khác sau đây:

- Một thanh cuộn thẳng đứng bên phải màn hình thể hiện vị trí hiện thời của hình thư mục.
- Cột ">" đứng sau mục nhập thể hiện rằng có thể đọc được mức thấp hơn nữa (chẳng hạn như một thư mục được đặt tên theo một album với các bài hát của album nằm trong thư mục đó).
- Cột "<" ở bên trái của màn hình thể hiện rằng có thể đọc được mức cao hơn nữa.
- Các biểu tượng bên trái tên bài hát/thư mục thể hiện loại tệp/thư mục. Tham khảo danh mục giải thích các biểu tượng này.

Để tìm kiếm các nội dung của thiết bị USB, sử dụng các nút cuộn để tìm kiếm thông qua các danh sách. Đây nút để mở rộng các nội dung trong danh sách bài hát hay thư mục được làm nổi bật, hoặc để bắt đầu phát một bài hát cụ thể nào đó. Ấn phím mũi trên sang trái để tiến lên một mức.

Điều chỉnh âm thanh

Ấn các phím **SEEK** lên và xuống để chuyển sang các bài hát phía sau và phía trước.

Ấn và giữ các phím **SEEK** để có thể tua lại nhanh/tua đi nhanh qua nội dung bài hát.

Ấn phím mũi trên thanh cuộn để tìm các nội dung của thiết bị.

Ấn các nút SHUFFLE hoặc REPEAT để có thể thực hiện chức năng trộn và lặp bài đối với các thư mục và danh sách bài hát.

Ấn nút **SCAN** để quét danh sách bài hát hiện tại nếu nó đang hoạt động, hoặc toàn bộ thiết bị USB hoặc thư mục.

Ấn nút **INFO** để thể hiện nội dung sau đây:

- tên tệp
- tiêu đề
- nghệ sỹ
- album
- số thứ tự của bài hát và thời gian chạy bài hát.

SỬ DỤNG IPOD

Các biểu tượng khác nhau được sử dụng để nhận biết loại tệp, thư mục âm thanh.



iPod là nguồn hoạt động



Danh sách nhạc iPod



Nghệ sỹ trên iPod



Album iPod



Thẻ loại nhạc trên iPod



Bài hát trên iPod



Phân loại chung nhạc trên iPod



Tệp đa phương tiện trên iPod

Radio

Hoạt động

Kết nối iPod. Tham khảo **Nội thiết bị ngoại vi** (trang 236).

Chọn iPod là nguồn âm thanh bằng cách nhấn lặp lại nhiều lần **CD/AUX** nút này cho đến khi iPod xuất hiện trên màn hình.

Danh sách menu iPod để chọn bài hát sẽ xuất hiện trên màn hình của bộ đài. Việc chuyển và lựa chọn nội dung cũng tương tự như sử dụng iPod (chẳng hạn tìm kiếm theo nghệ sỹ, tiêu đề...). Để tìm các nội dung trên máy iPod, nhấn nút mũi tên lên/xuống hoặc nút OK một lần.

Màn hình sẽ thể hiện thông tin về phần ghi trên đĩa cũng như các thông tin quan trọng sau đây:

- Thanh cuộn thẳng đứng bên phải màn hình thể hiện vị trí hiện thời trong danh sách nhạc.
- Dấu ">" nằm sau một mục có nghĩa là có thể đọc tiếp mức thấp hơn (chẳng hạn tất cả album của một nghệ sỹ).
- Dấu "<" phía trước danh sách có nghĩa là có thể đọc lên mức cao hơn.
- Một biểu tượng bên trái thể hiện loại danh sách đang được hiển thị (chẳng hạn danh sách các album). Tham khảo danh sách để biết ý nghĩa các biểu tượng này.

Để chuyển giữa các nội dung iPod, sử dụng nút mũi tên lên/xuống để cuộn giữa các danh sách, và nút trái/phải để chuyển lên hoặc chuyển xuống trong cùng một danh mục. Khi bài hát, danh sách nhạc, album, hay thể loại nhạc bạn mong muốn đã được chọn, nhấn nút OK để chơi nhạc.

Ghi Chú: Nếu bạn muốn chuyển lên thư mục cao hơn, nhấn và giữ nút mũi tên sang trái.

Điều chỉnh âm thanh

Nhấn vào các nút mũi tên bên trái hoặc phải để chuyển về bài hát trước đó hoặc bài hát tiếp theo.

Nhấn và giữ các nút mũi tên trái/phải cho phép tua lùi/nhanh nội dung của bài hát.

Nhấn các nút mũi tên lên/xuống hoặc phím OK để tìm kiếm các nội dung có trên iPod.

Nhấn **MENU** để vào thư mục của iPod. Có thể kích hoạt các chức năng phát ngẫu nhiên và lặp lại ở đây. Cũng có thể kích hoạt cho iPod chế độ tùy chọn "các bài hát phát ngẫu nhiên" trực tiếp từ thư mục cao hơn.

Nhấn **SCAN** nút để duyệt lướt qua các bài hát hiện đang được chọn.

Nhấn **INFO** nút để hiển thị các mục sau:

- tiêu đề
- nghệ sĩ
- số bài hát và thời gian chơi nhạc .

Việc nhấn nút lặp lại sẽ làm hiện lên thanh cuộn thông qua các màn hình này.

Các nhóm danh mục SD

Hoạt động

Kết nối iPod. Tham khảo **Nội thiết bị ngoại vi** (trang 236).

Chọn iPod là nguồn âm thanh bằng cách nhấn **CD/AUX** nút cho đến khi nút iPod xuất hiện phía bên trái của màn hình. Chọn iPod từ danh mục các thiết bị sẵn có.

Ghi Chú: Một số thiết bị có thể được hiển thị nhưng không thể lựa chọn, phụ thuộc vào thiết bị này có được kết nối hay không.

Danh sách menu iPod để chọn các nội dung trình duyệt sẽ được hiển thị trên màn hình. Việc chuyển và lựa chọn nội dung cũng tương tự như sử dụng iPod (chẳng hạn tìm kiếm nghệ sĩ, tiêu đề...). Để trình duyệt các nội dung của iPod, nhấn nút mũi tên cuộn lên hoặc cuộn xuống.

Màn hình sẽ thể hiện thông tin của bài hát cũng như các thông tin quan trọng khác sau đây:

- Thanh cuộn thẳng đứng bên phải màn hình thể hiện vị trí hiện thời trong danh sách nhạc.
- Dấu ">" nằm sau một mục có nghĩa là có thể đọc tiếp mức thấp hơn (chẳng hạn tất cả album của một nghệ sĩ).
- Dấu "<" phía trước danh sách có nghĩa là có thể đọc lên mức cao hơn.
- Biểu tượng bên trái thể hiện loại danh sách đang được hiển thị (chẳng hạn danh sách các album). Tham khảo danh mục các biểu tượng để biết ý nghĩa các biểu tượng này.

Để chuyển sang các nội dung khác nhau của iPod, sử dụng các nút cuộn để trình duyệt các danh sách. Nhấn nút để mở rộng các nội dung bên trong danh mục các bài hát, album, tên nghệ sĩ, thể loại được đánh dấu hoặc để thực hiện bắt đầu việc phát lại của một bài hát cụ thể. Nhấn nút mũi tên bên trái để chuyển lên mức cao hơn.

Điều chỉnh âm thanh

Nhấn **SEEK** các nút mũi tên lên hoặc xuống để bỏ qua các bài hát trước đó hoặc sau đó trong danh sách các bài hát.

Nhấn và giữ **SEEK** các nút này để tua lùi/nhanh về phía trước hay phía sau nội dung bài hát.

Nhấn các nút mũi tên trên thanh cuộn để trình duyệt các nội dung của iPod.

Nhấn nút MENU để vào thư mục iPod. Có thể kích hoạt các chức năng phát ngẫu nhiên và lặp lại ở đây. Cũng có thể kích hoạt cho iPod chế độ tùy chọn "các bài hát được phát ngẫu nhiên" trực tiếp từ thư mục cao hơn.

Nhấn nút SCAN để duyệt lướt qua các bài hát hiện đang được chọn.

Nhấn **INFO** nút này để hiển thị các thông tin sau:

- tiêu đề
- nghệ sỹ
- số bài hát và thời gian chơi nhạc.

Kiểu phê duyệt

FCC/INDUSTRY CANADA NOTICE

Thiết bị này đáp ứng quy định trong phần 15 của FCC. Việc vận hành cần đáp ứng hai điều kiện sau: (1) thiết bị không gây nhiễu có hại, (2) thiết bị phải chấp nhận nhiễu thu được kể cả nhiễu gây ra hoạt động không mong muốn.

FCC ID: WJLRX-42

IC: 7847A-RX42

Các thay đổi hoặc hoán cải trên thiết bị của bạn mà không được phê duyệt bởi cơ quan hữu quan có thể dẫn đến bị cấm sử dụng thiết bị.

RX-42 - Công bố hợp chuẩn

Chúng tôi, cơ quan có thẩm quyền về hợp chuẩn, công bố với toàn bộ trách nhiệm của chúng tôi rằng sản phẩm tích hợp cầm tay RX-42 đáp ứng các quy định trong hướng dẫn 1999/5/EC. Có thể truy cập bản sao Công bố hợp chuẩn tại:

www.novero.com/declaration_of_conformity

Nhãn mác và logo Bluetooth thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và việc sử dụng các nhãn mác này bởi Ford Motor Company đều đã được xin phép. Các nhãn hiệu và tên thương hiệu khác đều thuộc sở hữu tổ chức tương ứng có tên.

Kiểu phê duyệt

Ipod là tên nhãn hiệu của hãng Apple.

Kiểu phê duyệt



Lô gô SD là tên nhãn hiệu.

TÍNH TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ

CÁC CẢNH BÁO



Xe của bạn đã được kiểm định và chứng nhận đáp ứng các quy định về tương thích điện tử 72/245/EEC, UN ECE Regulation 10 hoặc các quy định của nước sở tại. Việc bảo đảm các thiết bị bạn lắp thêm đáp ứng các quy định tại nước sở tại là trách nhiệm của bạn. Các thiết bị lắp thêm cần được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



Thiết bị phát sóng radio (chẳng hạn như điện thoại di động, đài phát thanh nghiệp dư...) chỉ có thể lắp đặt trên xe nếu chúng tương thích với các thông số trong bảng dưới đây. Không có các quy định hay điều kiện đặc biệt trong việc lắp đặt hoặc sử dụng.



Không lắp bất kỳ thiết bị phát sóng, micrô, loa, hay các vật nào khác trong khu vực hoạt động của hệ thống túi khí.

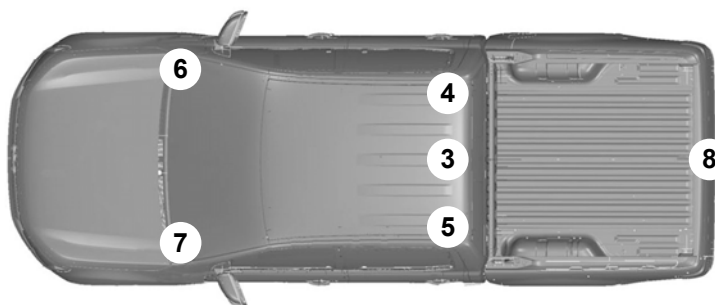


Không bắt dây ăng-ten lên dây điện, ống nhiên liệu, đường ống dầu và đường dẫn phanh trên xe.



Giữ ăng-ten và dây cáp điện cách bất kỳ phần điện tử nào và túi khí một khoảng ít nhất là 10 cm (4 inch).

Phụ lục



E139668

Băng tần MHz	Công suất cực đại W (RMS cao nhất)	Các vị trí ăng-ten
1 - 30	100 W	8
50 - 54	100 W	3. 4. 5
68 – 87,5	50 W	3. 4. 5
142 – 176	50 W	3. 4. 5
220 - 225	50 W	3. 4. 5
380 – 512	50 W	3. 4. 5
806 – 870	10 W	3, 4, 5, 6*, 7*
870 - 940	10 W	3, 4, 5, 6*, 7*
1200 – 1400	10 W	3. 4. 5
1710 – 1885	10 W	3, 4, 5, 6*, 7*
1885 – 2025	10 W	3, 4, 5, 6*, 7*

*Chỉ dành cho các điện thoại di động GSM/3G, với ăng-ten kết nối cài đặt bên trong của kính chắn gió phía trước.

Ghi Chú: Vị trí 6 & 7 là các ăng-ten kết nối, 8 là thanh sắt.

Ghi Chú: Sau khi lắp đặt thiết bị phát sóng radio, kiểm tra nhiều tác động đến hay gây ra bởi các thiết bị điện trên xe ở cả chế độ chờ và chế độ truyền.

Kiểm tra tất cả các thiết bị điện:

- với chìa khóa điện ở vị trí **ON**
- khi động cơ hoạt động
- trong suốt quá trình chạy thử ngoài đường với các tốc độ khác nhau.

Kiểm tra trường điện từ tạo ra trong khoang lái được lắp đặt thiết bị phát sóng không vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

4

4WD	
Xem: Dẫn động bốn bánh.....	96

A

A/C	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	66
ABS	
Xem: Phanh.....	98
An toàn trên đường.....	176
Thông tin an toàn.....	177

Ă

Ắc quy xe.....	157
----------------	-----

Â

Âng ten.....	211
--------------	-----

B

Bảng thông số bóng đèn.....	52
Bảng thông số của cầu chì.....	131
Hộp cầu chì trong khoang động cơ.....	131
Hộp cầu chì trong khoang hành khách.....	136
Bánh xe và lốp xe.....	159
Thông số kỹ thuật.....	166
Thông tin chung.....	159
Bảo dưỡng.....	140
Thông số kỹ thuật.....	151
Thông tin chung.....	140
Bảo mật hệ thống âm thanh.....	198
Bảo trộm.....	34
Nguyên lý hoạt động.....	34
Bảo vệ hành khách.....	23
Nguyên lý hoạt động.....	23
Bầu lọc khí xả.....	88
Xe có bộ trung hòa khí thải.....	89
Bộ dụng cụ cấp cứu.....	127
Bộ điều chỉnh cường độ sáng bảng điều khiển tap-lô.....	80

C

Các biện pháp an toàn.....	88
Các biện pháp phòng ngừa khi thời tiết lạnh.....	125
Các đai ốc bánh xe	
Xem: Thay bánh xe.....	160
Các điểm vận hành chung.....	125
Xe sử dụng động cơ diesel.....	125
Các đồng hồ đo.....	57
Đồng hồ nhiên liệu.....	57
Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát.....	57
Các gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS	
Xem: Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	98
Các lệnh của điện thoại.....	227
Các chức năng điện thoại.....	228
Điện thoại.....	227
Tạo danh bạ.....	230
Thiết lập chính.....	231
Các lệnh điều khiển dàn âm thanh.....	219
Đầu đĩa CD.....	219
Đầu vào AUX.....	223
Radio.....	220
Thiết bị nối ngoài - Bluetooth.....	227
Thiết bị nối ngoài - iPod.....	225
Thiết bị nối ngoài - qua cổng USB.....	224
Các ốc giữ bánh xe	
Xem: Thay bánh xe.....	160
Các tần số lựa chọn khác.....	204
Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp.....	127
Các thông số kỹ thuật.....	168
Thông số kỹ thuật.....	168
Các tính năng tiện nghi.....	80
Cài đặt Bluetooth.....	214
Cách sử dụng điện thoại.....	214
Các yêu cầu về kết nối Bluetooth.....	214
Cài đặt cá nhân.....	65
Chọn ngôn ngữ.....	65
Đơn vị đo.....	65
Cài đặt chế độ chống trộm bằng chìa mã hoá.....	33

Phụ Lục

Cài đặt điện thoại.....	213	Chạy rà.....	125
Chuyển điện thoại thành điện thoại hoạt động.....	213	Động cơ.....	125
Danh bạ.....	213	Lốp xe.....	125
Kết nối điện thoại Bluetooth khác.....	214	Phanh và ly hợp.....	125
Phân nhóm danh bạ.....	213	Chạy rà	
Cài đặt giờ ở dàn âm thanh.....	199	Xem: Chạy rà.....	125
.....	200	Chăm sóc hệ thống âm thanh.....	211
Điều chỉnh giờ chính xác.....	199	Chăm sóc lốp xe.....	159
Thay đổi thời gian.....	199	Cầu có trang bị hệ thống hạn chế trượt.....	159
Cài đặt hệ thống.....	182	Chăm sóc xe.....	155
Cài đặt âm thanh.....	183	Chất lượng nhiên liệu - Dầu.....	88
Cài đặt đồng hồ.....	184	Lưu giữ xe dài hạn.....	88
Cấu trúc thực đơn - Màn hình hiển thị thông tin và giải trí - Tất cả các xe.....	183	Chất lượng nhiên liệu - Xăng.....	88
Cấu trúc thực đơn - Màn hình hiển thị thông tin và giải trí - Xe có hệ thống dẫn đường.....	182	Chế độ khu vực (REG).....	205
Camera phía sau.....	108	Chìa khoá mã hoá.....	33
Kích hoạt camera lùi.....	108	Chìa khoá và điều khiển từ xa.....	28
Sử dụng màn hình.....	108	Chiều sáng.....	41
Tắt camera quan sát sau xe.....	109	Chọn bài hát.....	206
Camera quan sát phía sau.....	108	Loại 2, 3, 4 và 5.....	206
Nguyên lý hoạt động.....	108	Loại 3, 4 và 5.....	206
Cảnh báo bằng tín hiệu âm thanh và các chỉ báo.....	60	Chồng trộm bằng chìa mã hoá	
Bộ nhắc thắt đai an toàn.....	61	Xem: Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá.....	33
Cảnh báo chìa khoá điện đang ở trong ổ khoá.....	61	Chức năng chọn bài hát ngẫu nhiên.....	206
Cảnh báo chuông báo.....	61	Loại 1.....	206
Cảnh báo cửa mở.....	60	Loại 2.....	206
Cảnh báo dự phòng hệ thống an toàn.....	61	Loại 3, 4 và 5.....	206
Cảnh báo đèn báo rẽ.....	61	Công tắc khởi động	
Cảnh báo đèn sáng.....	60	Xem: Công tắc máy.....	85
Cảnh báo không ở số đỗ.....	60	Cộng tắc máy.....	85
Cảnh báo mức nhiên liệu thấp.....	61	Cổng USB.....	83
Cảnh báo mức nước rửa kính.....	61	Cụm đồng hồ.....	57
Cảnh báo phanh tay.....	60	Cửa gió điều hoà.....	66
Cảnh báo quên khoá.....	61	Cửa Hậu.....	119
Cảnh báo vượt quá tốc độ.....	61		
Đèn báo rẽ.....	61		
Đèn dừng một bên.....	61		
Vào nhà an toàn.....	61		
Cập nhật bản đồ.....	188		
Cầu chì.....	129		
Chạy (tua) nhanh về phía trước/phía sau.....	206		

Cửa sổ điều khiển bằng điện.....	53
Các công tắc trên cửa hành khách trước và sau.....	53
Các công tắc trên cửa lái (Ca bin đơn và ca bin dài).....	53
Các công tắc trên cửa lái (Ca bin kép).....	53
Chèn lắp an toàn.....	54
Chức năng chống kẹt (với xe có chức năng GO/GC).....	54
Chức năng mở và đóng toàn bộ (GO/GC) (Nền trang bị).....	54
Công tắc an toàn cho các cửa kính phía sau.....	54
Mở và đóng cửa kính tự động.....	53
Thiết lập lại bộ nhớ cửa kính điện.....	54
Cửa sổ trượt.....	56
Cửa sổ và gương chiếu hậu.....	53
Cửa hộ xe trên đường.....	139

D

Dẫn động bốn bánh.....	96
Bộ dẫn động bốn bánh, biên độ truyền cao (4H).....	96
Bộ dẫn động bốn bánh, biên độ truyền thấp (4L).....	96
Bộ dẫn động hai bánh, biên độ truyền cao (2H).....	96
Chuyển đổi giữa 2H và 4H.....	96
Chuyển đổi giữa 2H và 4L.....	96
Chuyển đổi giữa 4H và 4L.....	97
Dây cáp hỗ trợ khởi động	
Xem: Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe.....	157
Dây xích bọc lốp xe	
Xem: Sử dụng xích bọc lốp.....	159
DPF	
Xem: Lọc khí xả động cơ dầu.....	86

Đ

Đầu đĩa CD.....	206
Đầu khớp nối móc kéo rời-móc có thể tháo rời.....	123
4x2.....	123
4x2 (xe gầm cao) và 4x4.....	124
Bảo dưỡng.....	124
Lái xe khi không có rơ moóc.....	124
Đèn báo nguy hiểm.....	44

Đèn báo rẽ.....	45
Đèn bên trong xe.....	45
Đèn đọc sách.....	45
Đèn trần xe.....	45
Đèn cảnh báo và chỉ báo.....	57
DPF (Bộ lọc bụi khí xả diesel).....	59
Đèn báo bu gi sấy - Đồi với xe có động cơ diesel.....	60
Đèn báo chuyển số (Chỉ với số sàn).....	60
Đèn báo dẫn động bốn bánh.....	59
Đèn báo dẫn động bốn bánh thấp (4L).....	59
Đèn báo dây đai.....	60
Đèn báo đèn pha.....	60
Đèn báo đèn sương mù phía sau.....	60
Đèn báo đèn sương mù phía trước.....	60
Đèn báo hệ thống chống trộm của xe.....	58
Đèn báo kiểm soát cân bằng (ESP).....	58
Đèn báo mở đèn chiếu xa.....	60
Đèn báo nước rửa kính.....	59
Đèn báo rẽ.....	60
Đèn cảnh báo ABS.....	57
Đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn.....	58
Đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu (chỉ có ở động cơ Diesel).....	59
Đèn cảnh báo cửa mở.....	60
Đèn cảnh báo động cơ.....	58
Đèn cảnh báo hệ thống phanh.....	58
Đèn cảnh báo khóa vi sai bằng điện (ELD).....	59
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp.....	58
Đèn cảnh báo nạp ắc quy.....	58
Đèn cảnh báo nhắc nhở thay dầu bôi trơn (chỉ có ở động cơ Diesel).....	58
Đèn cảnh báo sương mù/băng.....	59
Đèn cảnh báo túi khí.....	58
Điều khiển ga tự động.....	60
Đèn sương mù phía sau.....	43
Đèn sương mù phía trước.....	42
Cần điều khiển đèn.....	42
Điều chỉnh.....	42
Đèn sương mù phía trước	
Xem: Đèn sương mù phía trước.....	42
Đèn sương mù sau	
Xem: Đèn sương mù phía sau.....	43
Đèn tự động.....	42

Phụ Lục

Đệm ghế trẻ em.....	21	Điều khiển đèn.....	41
Đệm ghế (Nhóm 3).....	21	Các vị trí điều khiển chiếu sáng.....	41
Ghế phụ (Nhóm 2).....	21	Chiếu sáng an toàn vào nhà.....	41
Điểm cấp điện phụ.....	81	Đèn dừng khẩn cấp.....	42
Điểm kéo xe.....	139	Đèn đỗ xe.....	41
.....	139	Đèn lên xuống xe.....	42
Điểm neo ISOFIX.....	20	Đèn pha và đèn còt.....	41
Lắp ghế trẻ em bằng dây buộc từ phía		Nháy đèn pha.....	41
trên.....	20	Điều khiển điện thoại.....	215
Điểm nối ắc quy.....	158	Điều khiển từ xa.....	215
Điện thoại.....	213	Điều khiển điều hòa.....	66
Thông tin chung.....	213	Nguyên lý hoạt động.....	66
Điều chỉnh độ cao của dây đai.....	25	Điều khiển ga tự động.....	110
Điều chỉnh độ cao góc chiếu đèn		Nguyên lý hoạt động.....	110
đầu.....	44	Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC).....	99
Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em.....	17	Nguyên lý hoạt động.....	99
Điều chỉnh tay lái.....	36	Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC)	
Điều hòa không khí điều khiển bằng		Xem: Sử dụng HDC.....	99
tay.....	67	Điều khiển lưu tự động.....	202
Chế độ gió trong.....	67	Loại 0 và 1.....	202
Điều khiển nhiệt độ.....	67	Loại 2, 3, 4 và 5.....	202
Điều khiển phân phối gió.....	67	Điều khiển ổn định xe.....	101
Quạt gió.....	67	Nguyên lý hoạt động.....	101
Thiết lập hệ thống.....	68	Điều khiển rà dài.....	201
Điều hòa không khí tự động.....	69	Dò sóng.....	201
Bật và tắt điều hòa nhiệt độ.....	71	Dò sóng bằng tay.....	201
Chế độ gió trong.....	70	Dò sóng kiểu quét.....	201
Điều khiển nhiệt độ.....	70	Điều khiển tắt/mở.....	201
Điều khiển phân phối gió.....	69	Điều khiển thông tin về giao thông.....	202
Làm lạnh nhanh trong xe.....	71	Âm lượng thông báo giao thông.....	203
Làm tan băng và tan sương kính chắn		Kết thúc các thông báo giao thông.....	203
gió.....	71	Kích hoạt các thông báo giao thông.....	203
Quạt gió.....	70	Điều khiển tốc độ	
Tắt chế độ điều khiển khí hậu tự động.....	71	Xem: Điều khiển ga tự động.....	110
Điều hòa nhiệt độ		Xem: Sử dụng điều khiển ga tự động.....	110
Xem: Điều khiển điều hòa.....	66	Đồng hồ.....	80
Điều khiển âm thanh tự động.....	204		
Điều khiển âm thanh.....	36	G	
Chế độ.....	36	Gạt mưa & rửa kính.....	38
Dò tìm.....	36	Gạt mưa kính.....	38
Điều khiển bằng giọng nói.....	37	Gạt ngắt quãng.....	38
Nguyên lý hoạt động.....	218	Gạt mưa tự động.....	38
		Gạt tàn thuốc.....	80
		Ghế an toàn dành cho trẻ em.....	16
		Lựa chọn ghế trẻ em theo trọng lượng.....	16
		Ghế.....	73

Phụ Lục

Ghế sau.....	78
Gập đệm ghế ngồi phía sau.....	78
Gập tựa lưng phía sau - Cabin đôi.....	78
Tỳ tay của ghế ngồi phía sau.....	79
Ghế trước.....	73
Di chuyển ghế ngồi lên phía trước và lùi lại phía sau (Ghế điều chỉnh bằng tay).....	74
Di chuyển ghế ngồi tiến lên phía trước và lùi lại phía sau (Ghế điều chỉnh điện).....	76
Điều chỉnh đệm đỡ lưng.....	73
Điều chỉnh độ cao của ghế người lái (Ghế ngồi điều chỉnh bằng tay).....	74
Điều chỉnh độ cao ghế người lái (Ghế điều chỉnh điện).....	76
Điều chỉnh góc của tựa lưng (Ghế điều chỉnh điện).....	76
Điều chỉnh góc của tựa lưng (Ghế ngồi điều chỉnh bằng tay).....	75
Độ nghiêng của ghế (Ghế điều chỉnh điện).....	77
Gập ghế tựa (Ghế dài - Cabin đơn).....	75
Giá để ly.....	81
Khay đựng cốc phía sau.....	82
Khay đựng cốc phía trước.....	81
Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN).....	210
Giắc cắm ngõ vào âm thanh.....	83
Giới thiệu.....	7
Giới thiệu hệ thống âm thanh.....	189
Giới thiệu hệ thống dẫn đường.....	176
Thông tin chung.....	176
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	144
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.5L Duratec-HE (122kW/165PS) - M14.....	142
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 3.2L Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	146
Giới thiệu về sổ tay này.....	7
Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển điện.....	55
Gương gập bằng điện.....	56
Gương chiếu hậu bên ngoài.....	55
Gương gập bằng tay.....	55
Gương chiếu hậu	
Xem: Cửa sổ và gương chiếu hậu.....	53
Xem: Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu.....	71

H

HDC

Xem: Điều khiển hỗ trợ xuống dốc (HDC).....	99
Xem: Sử dụng HDC.....	99
Hệ thống chống trượt bằng chia mã hoá.....	33
Nguyên lý hoạt động.....	33
Hệ thống dẫn đường.....	185
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe.....	105
Hiện thị đường đi.....	186
Chức năng phóng to/ thu nhỏ.....	186
Màn hình bản đồ.....	186
Màn hình mô tả sự dịch chuyển.....	186
Hiện thị ngày và đồng hồ trên dàn âm thanh.....	199
Hiện thị thông tin.....	62
Thông tin chung.....	62
Hiệu suất động cơ bị giảm.....	125
HLA	
Xem: Hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	103
Xem: Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	103
Hoạt động của dàn âm thanh.....	201
Hộp đề kính đeo mắt.....	82
Hộp làm lạnh.....	84
Hộp số.....	93
Hộp số	
Xem: Hộp số.....	93
Hộp số thường.....	93
Cài số lùi.....	93
Hộp số tự động.....	93
Các chế độ số tiền.....	95
Các lời khuyên khi lái xe sử dụng hộp số tự động.....	95
Các vị trí cần số.....	93
Nút nhả vị trí đỗ khẩn cấp.....	95
Hỗ trợ khởi động	
Xem: Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe.....	157
Hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	103
Nguyên lý hoạt động.....	103
Hỗ trợ lên dốc (HLA)	
Xem: Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	103
Hủy cài đặt chế độ chống trượt.....	33
Hủy kích hoạt báo trượt (còi).....	35

Phụ Lục

I		
iPod		
Xem: Sử dụng iPod.....	239	
K		
Kéo rời-móc.....	120	
Các độ dốc cao.....	120	
Mô đun kéo rơ moóc.....	120	
Thông số kỹ thuật.....	121	
Kéo xe.....	120	
Kéo xe với 4 bánh lăn trên đường.....	139	
Tất cả các loại xe.....	139	
Xe có sử dụng hộp số tự động.....	139	
Kênh thông báo tình trạng giao thông.....	187	
Nguyên lý hoạt động.....	187	
Kết nối.....	235	
Thông tin chung.....	235	
Kết thúc phát lại.....	209	
Khóa cửa an toàn dành cho trẻ em.....	22	
Cửa bên phải.....	22	
Cửa bên trái.....	22	
Khóa cửa điện		
Xem: Khóa và mở khoá.....	30	
Khóa.....	30	
Khóa nắp khoang động cơ		
Xem: Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	140	
Xem: Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	140	
Khoang chứa hàng.....	82	
Khóa tay lái.....	85	
Khóa và mở khoá.....	30	
Chê độ cầu hình người lái.....	31	
Chức năng ngăn trẻ em nghịch điều khiển từ xa.....	31	
Khóa riêng từng cửa bằng chìa khóa.....	32	
Khóa và mở các khóa cửa bằng điều khiển từ xa.....	30	
Khóa và mở khóa cửa bằng chìa khóa.....	30	
Khóa và mở khóa cửa từ phía trong.....	31	
Khóa vi sai bằng điện.....	97	
Khởi động động cơ dầu.....	86	
Động cơ nóng hoặc nguội.....	86	
Khởi động động cơ xăng.....	85	
Động cơ bị sắc nhiên liệu.....	86	
Động cơ nóng hoặc nguội.....	85	
Số vòng tua không tải sau khi khởi động.....	86	
Khởi động nhanh hệ thống dẫn đường.....	178	
Xe có hệ thống dẫn đường SD.....	178	
Khởi động nhanh.....	9	
Đèn báo rẽ.....	13	
Điều chỉnh vô lăng.....	12	
Điều khiển điều hòa bằng tay.....	12	
Điều khiển điều hòa tự động.....	13	
Đồ nhiên liệu.....	14	
Hộp số sàn.....	14	
Khóa và mở khóa.....	11	
Tổng quan về bảng táp lô - Xe tay lái nghịch.....	9	
Tổng quan về bảng táp lô - Xe tay lái thuận.....	10	
Túi khí.....	14	
Khởi động và tắt động cơ.....	85	
Thông tin chung.....	85	
Khung chắt hàng trên mũ.....	115	
Giá nóc.....	115	
Khuyến nghị về các bộ phận thay thế.....	8	
Kích hoạt báo trộm (còi).....	35	
Kiểm tra cao su gạt mưa.....	39	
Kiểm tra dầu động cơ.....	148	
Đổ thêm dầu.....	149	
Kiểm tra mức dầu bôi trơn.....	148	
Kiểm tra dầu		
Xem: Kiểm tra dầu động cơ.....	148	
Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh.....	150	
Kiểm tra dầu trợ lực lái.....	150	
Đổ thêm dầu trợ lực lái.....	150	
Kiểm tra mức nước rửa kính.....	151	
Kiểm tra nước giải nhiệt, nước làm mát		
Xem: Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	149	
Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	149	
Đổ thêm nước làm mát.....	149	
Kiểm tra mức nước làm mát.....	149	
Kiểu phê duyệt.....	242	
FCC/INDUSTRY CANADA NOTICE.....	242	
RX-42 - Công bố hợp chuẩn.....	242	
Ký hiệu chú ý đặc quy.....	158	
Nhãn đặc quy.....	158	

L

Lái xe qua khu vực ngập nước.....	125
Lái xe qua đoạn nước sâu.....	125
Lập trình điều khiển từ xa.....	28
Lập trình điều khiển từ xa mới.....	28
Lập trình lại chức năng mở khóa.....	28
Lập trình thêm khóa.....	28
Lệnh điều khiển điều hòa.....	232
Điều hòa không khí.....	232
Lọc khí xả động cơ dầu.....	86
Tái tạo.....	87
Lỗ gió điều hoà	
Xem: Cửa gió điều hoà.....	66
Lốp mùa đông	
Xem: Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Lốp xe	
Xem: Bánh xe và lốp xe.....	159

M

Mã bảo mật.....	198
Nhập mã dài.....	198
Máy tính hành trình.....	62
Các bộ phận điều khiển.....	62
Menu của dàn âm thanh.....	204
Menu lựa chọn đường đi.....	185
Bền phà/xe chạy trên ray.....	185
Các điều chỉnh kinh tế.....	185
Các đường thay đổi theo mùa.....	186
Động học.....	185
Đường cao tốc.....	185
Lái xe.....	185
Lộ trình.....	185
Phí cầu đường.....	185
Trạm thu phí cầu đường.....	186
Móc cột hàng.....	116
Các điểm buộc.....	117
Các móc buộc dây.....	116
Giá đỡ tải trọng.....	118
Môi thuốc lá.....	80
Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	140
Đóng nắp ca bô.....	141
Mở nắp ca bô.....	140
Mức tiêu hao nhiên liệu.....	91
Mức tiêu hao nhiên liệu	
Xem: Thông số kỹ thuật.....	91

N

Nạp dữ liệu của hệ thống dẫn đường.....	181
Tải dữ liệu chỉ dẫn đường.....	181
Nạp nhiên liệu.....	91
Nắp đầy chỗ châm nhiên liệu.....	89
Các xe có lỗ đổ nhiên liệu dùng nắp đầy.....	89
Các xe với lỗ đổ nhiên liệu không cần nắp đầy.....	90
Đổ đầy.....	90
Nắp khoang hành lý.....	113
Khóa và mở khóa ở các vị trí khóa.....	113
Vận hành.....	113
Ngồi đúng vị trí.....	73
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn.....	25
Tắt chế độ nhắc nhở thắt đai an toàn.....	26
Nhận dạng xe.....	167
Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu.....	88
Thông số kỹ thuật.....	91
Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	98
Những gợi ý lái xe.....	125
Nồi thiết bị ngoại vi.....	236
Kết nối.....	236
Kết nối thiết bị âm thanh Bluetooth.....	236
Nút bấm tần.....	201
Nút điều chỉnh âm thanh.....	201
Nút nhớ bấm tần đã chọn.....	202
Loại 0 và 1.....	202
Loại 2, 3, 4 và 5.....	202

P

Phanh.....	98
Nguyên lý hoạt động.....	98
Phanh tay.....	98
Phanh tay	
Xem: Phanh tay.....	98
Phát lại bài vừa nghe.....	206
Loại 1.....	206
Loại 2.....	207
Loại 3, 4 và 5.....	207
Phát lại đĩa CD.....	206

Phụ Lục

Phát lại định dạng MP3.....	207
Các định dạng tệp.....	208
Dò tìm MP3.....	209
Định dạng ISO 9660.....	207
Đọc đĩa nhiều ngăn.....	208
Ghi nhiều ngăn.....	208
Thẻ ID3 Tag Phiên bản 2.....	209
Thư tự đọc các tệp MP3.....	208
Phụ kiện	
Xem: Khuyến nghị về các bộ phận thay	
thê.....	8
Phụ lục.....	242
Phun nước rửa kính trước.....	39

Q

Quét bài đĩa CD.....	207
Loại 1.....	207
Loại 2.....	207
Loại 3, 4 và 5.....	207
Que thăm dầu động cơ - 2.2L	
Duratorq-TDCi (Puma) Dầu/3.2L	
Duratorq-TDCi (Puma) Dầu.....	148
Que thăm dầu động cơ - 2.5L	
Duratec-HE (122kW/165PS) -	
MI4.....	148

R

Rửa	
Xem: Vệ sinh bên ngoài.....	155
Rửa xe	
Xem: Vệ sinh bên ngoài.....	155

S

Sô khung.....	167
Sửa chữa hệ thống âm thanh.....	212
Sửa chữa lỗi sơn nhỏ.....	156
Sử dụng cáp hỗ trợ khởi động xe.....	157
Hướng dẫn nối cáp hỗ trợ khởi động.....	157
Khởi động động cơ.....	157
Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên	
đốc.....	103
Kích hoạt hệ thống.....	103
Tắt hệ thống.....	104

Sử dụng chức năng điều khiển bằng	
giọng nói.....	218
Thẻ tên.....	219
Vận hành hệ thống.....	218
Sử dụng dây đai an toàn trong khi mang	
thai.....	26
Sử dụng điện thoại.....	215
Ngắt kết nối với điện thoại.....	217
Nhận cuộc gọi đến.....	216
Nhận cuộc gọi đến thứ hai.....	216
Tắt tiếng micro.....	216
Thay đổi điện thoại.....	216
Thực hiện cuộc gọi.....	215
Sử dụng điều khiển ga tự động.....	110
Bật chế độ điều khiển ga tự động.....	110
Chọn tốc độ.....	110
Hủy tốc độ đã được chọn.....	111
Tắt chế độ điều khiển ga tự động.....	111
Thay đổi tốc độ đã chọn.....	110
Trở về tốc độ đã chọn.....	111
Sử dụng điều khiển ổn định.....	102
Xe dẫn động 2 bánh.....	102
Xe dẫn động 4 bánh.....	102
Sử dụng HDC.....	99
Lựa chọn HDC.....	99
Sự hoạt động HDC.....	99
Sử dụng iPod.....	239
Các nhóm danh mục SD.....	240
Radio.....	239
Sử dụng kênh thông báo tình trạng giao	
thông (TMC).....	187
Cảnh báo nguy hiểm tại chỗ (tùy thuộc vào	
quốc gia).....	187
Kết thúc các thông báo giao thông.....	187
Sử dụng các tin nhắn TMC.....	187
Thông báo giao thông.....	187
Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Sử dụng thiết bị USB.....	237
Các bộ phận điều hướng SD.....	238
USB.....	237
Sử dụng xích bọc lốp.....	159
Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu.....	71
Kính chiếu hậu ngoài có xông.....	72
Kính có xông.....	71
Sưởi	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	66
Sưởi ghế.....	79

T

Tam giác phản quang cảnh báo nguy hiểm.....	127
Ca bin đơn.....	127
Ca bin kéo dài.....	127
Ca bin kép.....	128
Tay lái.....	36
Tắt động cơ.....	87
Xe có trang bị bộ tăng nạp.....	87
Tâm ghi thông tin xe.....	167
Nhãn hợp chuẩn.....	167
Tâm dập số khung (VIN).....	167
Thảm lót sàn.....	84
Thay bánh xe.....	160
Bánh xe dự phòng.....	162
Các đai ốc khóa bánh xe.....	160
Điểm kích và nâng.....	163
Kích xe.....	160
Lắp bánh xe.....	165
Tháo bánh xe.....	164
Xếp gọn bánh xe.....	166
Thay bóng đèn.....	
Xem: Thay đổi bóng đèn.....	45
Thay cao su gạt mưa.....	39
Cao su gạt mưa kính chắn gió.....	39
Vị trí sửa chữa.....	39
Thay cầu chì.....	138
Thay đổi bóng đèn.....	45
Chê độ pha và cốt của đèn pha.....	46
Đèn báo rẽ sườn xe.....	47
Đèn bên cạnh và đèn báo rẽ phía trước.....	46
Đèn dừng (phanh) lắp ở giữa trên cao.....	50
Đèn đọc sách trước.....	49
Đèn hậu.....	47
Đèn nội thất.....	49
Đèn soi biển số.....	48
Đèn sương mù phía trước.....	47
Đèn trên gương chiếu hậu bên ngoài.....	47
Thay pin điều khiển từ xa.....	25
Thắt dây đai an toàn.....	25
Thông gió.....	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	66
Thông tin chung trên tần số radio.....	28

Thông tin hệ thống âm thanh quan trọng.....	189
Các nhãn dán trên bộ đài.....	189
Nhãn đĩa.....	189
Thuật ngữ các biểu tượng.....	7
Các biểu tượng trên xe.....	7
Các biểu tượng trong sổ tay này.....	7
Tiêu chuẩn kỹ thuật.....	
Xem: Các thông số kỹ thuật.....	168
Tính tương thích điện từ.....	242
Tụn tức phát thanh.....	204
Tổng quan về bộ dẫn đường.....	179
Xe có trang bị hệ thống dẫn đường SD.....	180
Tổng quan về dàn âm thanh.....	190
Trọng tải.....	113
Thông tin chung.....	113
Trợ giúp đỗ xe.....	105
Nguyên lý hoạt động.....	105
Trung tâm thông tin.....	
Xem: Hiện thị thông tin.....	62
Tùy chọn hiển thị MP3.....	209
Các tùy chọn về hiển thị chữ trên bộ đài.....	209
Tựa đầu.....	77
Điều chỉnh gờ tựa đầu.....	77
Tháo gờ tựa đầu.....	77

U

USB.....	
Xem: Sử dụng thiết bị USB.....	237

V

Vệ sinh bên ngoài.....	155
Bảo quản lớp sơn thân xe.....	156
Vệ sinh các chi tiết mạ crôm.....	155
Vệ sinh các mâm bánh xe bằng hợp kim nhôm.....	155
Vệ sinh đèn pha.....	29
Vệ sinh kính hậu.....	155
Vệ sinh bên trong.....	156
Đai an toàn.....	156
Kính hậu.....	156
Màn hình đồng hồ tấp lô, màn hình LCD và màn hình radio.....	156

VIN	
Xem: Sô khung.....	167
Vị trí hộp cầu chì.....	129
Hộp cầu chì trong khoang động cơ.....	130
Hộp cầu chì trong khoang hành khách.....	129
Vòng đệm	
Xem: Gạt mưa & rửa kính.....	38
Vô hiệu hóa túi khí phía hành khách.....	26
Chuyển sang chế độ túi khí hành khách hoạt động.....	27
Lắp công tắc ngắt túi khí ghế hành khách.....	26
Ngắt hoạt động túi khí hành khách.....	27

X

Xả nước trong lọc nhiên liệu.....	150
Xếp hàng lên xe	
Xem: Khung chắt hàng trên mui.....	115
Xử lý tín hiệu số (DSP).....	204
Chức năng DSP.....	204
Điều chỉnh cân bằng DSP.....	204
Thay đổi các chế độ DSP.....	204

